

TRẦN THU HẰNG

895.922 803

ĐC

CH 527 CH

Chuyện chưa kể ở núi Chùa Chan



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Trần Thu Hằng

**CHUYỆN CHƯA KỂ Ở
NÚI CHỨA CHAN**

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

NHÂN VẬT

- Lê Thị Thuỳ Mai (tức Mai - Thuỳ Dobré) – sinh năm 1927.
- Trần Hồng Dương – sinh năm 1920.
- Pierre Fournier – sinh năm 1916.
- Phillipe Leroy – sinh năm 1945.

CHƯƠNG I: HẦM HÌNH

1.

Ngày 15/1/1988 - buổi trưa.

Buổi trưa hôm ấy, Phillipe Leroy đã tìm thấy bà Mai - Thuỳ Dobré ở một vạt rừng cao su, vốn được trồng bạt ngàn hai bên quốc lộ I - cửa ngõ đi về Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sài Gòn). Bà khóc.

- Leroy! Tôi không thể tiếp tục được nữa. Hãy cho tôi ở lại đây, một mình...

Leroy im lặng, vì bối rối. Năm ấy anh 43 tuổi, là cây bút có chút tiếng tăm trong làng báo ở Paris. Trước kỳ nghỉ đông năm 1988, anh được bà chủ bút cử tới Việt Nam theo đoàn tham tán thương mại Pháp, và thật đáng ngạc nhiên là trong đoàn lại có mặt cô giáo cũ của anh, bà Mai - Thuỳ Dobré. Gần hết thời gian của chuyến bay, anh đã không có ấn tượng gì về cái tên nữ hành khách ngồi bên cạnh mình, cho đến lúc anh phát hiện ra cô giáo cũ, là một người gốc Việt, đã từng dạy anh môn địa lý học. Cô giáo cũng không nhớ anh, cho đến lúc anh kể lại câu chuyện anh đã từng làm một bài thơ tặng bà; và bà cười chỉ ra cho anh những

chỗ anh viết sai chính tả. Một niềm vui khó tả xen vào lòng Leroy, và từ lúc xuống sân bay Nội Bài trở đi, anh chủ động đi theo bà, làm thành một "đội" riêng. Các thành viên của đoàn công tác tỏ ra không thích cả hai người, nhưng Leroy phớt lờ, vì anh chỉ cần hoàn thành nhiệm vụ được toà báo giao. Lẽ ra đây là kỳ nghỉ đông, nhưng anh đã nể tình bà chủ bút đi công tác xa, vì được bà cho biết có nhiều điều hấp dẫn ở đất nước mà anh cũng có một chút liên quan. Bởi 25% dòng máu trong anh là người Việt, kể thừa từ bà nội.

Bà Mai - Thuỳ cho Leroy biết bà được mời theo đoàn để tham gia viết một vài chương trong cuốn sách bà được mời cộng tác. Vì bà là người Việt và đã từng sống ở xứ Nam kỳ, nên bà sẽ viết về lịch sử của sự hợp tác giữa Pháp và Việt Nam từ năm 1858 đến nay. Song bà có kế hoạch riêng trong chuyến đi này, nên sẽ ở lại ít ngày. Sau hơn mười ngày làm việc tại Hà Nội, Hạ Long, Điện Biên, Đà Lạt, đoàn đã đến những nông trường cao su lớn nhất xứ Đông Dương trước kia, theo lời của vị tham tán thương mại thì những nông trường cao su này (trước đây người ta gọi là đồn điền cao su) đã được trồng dọc theo quốc lộ I dẫn đến cửa ngõ Thành phố Hồ Chí Minh hơn 100 năm nay. Trong khi mọi người thưởng thức món thịt rừng thơm ngon nơi nhà khách gió mát lồng lộng thì bà Mai - Thuỳ Dobré biến mất.

Dưới màu xanh của rừng cao su, bà đã nhìn anh, cái nhìn đầy nước mắt, và đột nhiên anh cảm nhận thấy bà trẻ

lại. Leroy không biết chính xác năm ấy bà đã bao nhiêu tuổi, nhưng cái dáng vóc nhỏ nhắn ấy, gương mặt thanh tú trắng ngần ấy, và cả đôi mắt sung đỏ bất thường của bà làm anh tự nhiên thấy đau thắt ngực trong một lúc. Chắc hẳn trước khi rời bỏ mảnh đất này sang Pháp, bà mới chỉ là một cô thiếu nữ - một thiếu nữ xinh đẹp và ngây thơ, mới chỉ biết đến nước Pháp qua những vần thơ lãng mạn của Rimbeau và Verlaine, hay cùng lắm là biết đến những vết chiến thương trên cơ thể chàng thi sĩ Guillaume Apollinaire... Đó là những người bà đã kể đến trong lớp học, năm anh 13 tuổi. Anh đã nổi hứng làm thơ tặng cô giáo dạy địa lý vì nghe cô kể chuyện về các vùng đất quá hấp dẫn. Và nơi hai người đang đứng đây, có lẽ chính là nơi ghi dấu những kỷ niệm lớn của riêng bà.

- Leroy, đừng đến gần tôi - bà nói trong hơi thở đứt quãng. Hãy cứ để tôi ở lại đây một mình.

- Tôi sẽ ở lại đây cùng bà, cho đến lúc bà có thể trở về cùng với mọi người.

Leroy đã hào hiệp nói với bà ngay khi vừa nhận ra cô giáo cũ: -Tôi là bạn đồng hành tốt của bà, và nếu cần, bà cứ chia sẻ với tôi những khó khăn của riêng bà. Nhưng bà Dobré đã rất lịch sự từ chối. Đi cùng với bà suốt 10 ngày qua - theo lời bà là một lần trở về "cổ hương" – anh thấy sâu thẳm trong lòng một sự lo lắng, sợ hãi. Bà sẽ có lúc yếu lòng, như lúc này anh đang chứng kiến. Và có thể đây là một lần trở về để giã từ cuộc đời - anh đọc thấy người Á Đông hay làm như thế vào tuổi xế chiều. Leroy sợ chạm

vào những nỗi đau sâu thẳm trong lòng bà, sợ chạm vào những kỷ niệm của riêng một con người. Nhưng rồi lòng anh vẫn thèm muốn và mong mỗi một điều kỳ lạ. Từ khi ngồi cùng bà trên máy bay và suốt nhiều ngày đồng hành với bà theo chiều dọc đất nước Việt Nam, anh đã tìm cách tự lý giải tâm thế này là một dạng "bệnh nghề nghiệp", rằng tò mò và chờ đợi được giải toả nỗi tò mò là không có gì xấu, đối với một nhà báo như anh. Bà Dobré đương nhiên hiểu điều đó, và đã đến lúc bà phải tự bộc lộ bản thân mình.

Phải làm gì trước thần thái một người phụ nữ đang trẻ lại từng giây, từng khoảnh khắc trước mắt mình? Dưới những tán cao su xanh non, râm mát, gương mặt bà Mai - Thuý Dobré như hiện lên trên một bức tranh thuần khiết của thiên nhiên. Bà làm cho Leroy quên mất khung cửa sổ của toà báo nhìn ra đại lộ trên đường phố Paris, cũng quên mất những điều được bà chủ bút lưu ý trước chuyến đi này. Sẵn chiếc máy chụp ảnh trong tay, anh giơ cao nó lên, đưa lên tầm ngắm.

Leroy đã nghĩ ra chủ đề của bức ảnh mà anh sắp chụp được trong một phần nghìn giây nữa...

- Đừng làm thế, Leroy! Phiền anh về báo với mọi người là tôi xin tách đoàn từ lúc này. Trong khoảng một tuần nữa, tôi sẽ về Pháp...

Leroy hạ máy ảnh xuống.

- Bà Dobré, theo tôi nghĩ thì bà không thể làm thế được. Hộ chiếu của bà...

Bà Dobré dựa hẳn người vào một gốc cây cao su non, hai tay buông thõng xuống theo nếp váy.

- Lúc ở Hà Nội, tôi đã có cuộc nói chuyện riêng với ngài Đại sứ. Ngài đã đồng ý giúp đỡ tôi...

Leroy nhíu mày, nhưng không lấy làm ngạc nhiên. Trong buổi tối đầu tiên đoàn tới Hà Nội, đại sứ quán Pháp đã mở tiệc chiêu đãi đoàn; và Leroy đã chứng kiến bà khiêu vũ với vị đại sứ người Pháp một cách vui vẻ. Giờ anh mới hiểu nụ cười của ngài Đại sứ dành cho bà lúc đó; không chỉ vì bà nhỏ bé, xinh đẹp, trang nhã và bí ẩn, mà còn ẩn trong nụ cười một sự chia sẻ nào đó.

- Nhưng thưa bà, bà có nghĩ làm như vậy là hơi thất lễ với mọi người trong đoàn không?

Bà Dobré quắc mắt nhìn anh. Nhưng bà dịu lại rất nhanh, và lời giải thích của bà đã khiến Leroy nhanh chóng đưa ra quyết định.

- Leroy, tôi xin lỗi nếu làm cho anh và mọi người cảm thấy thế. Nhưng lúc này tôi muốn sống cho chính cuộc đời mình, bởi tôi nghĩ mình chẳng còn nhiều cơ hội như thế này trong đời. Anh cứ nói với mọi người rằng tôi đã gặp được người thân, hoặc bạn bè, nên quyết định như thế...

Leroy ái ngại nhìn bà. Cái vầng trán cao trắng ngần, và đôi mắt nhỏ và dài kia có vẻ như không biết nói dối. Anh nắm lấy một bàn tay đang buông thõng của bà.

- Quả tình, tôi hỏi thật: Bà có thể tìm thấy một người thân, hoặc một người bạn ở đây không?

- Tôi không biết, Leroy ạ!

Bà lắc đầu, đôi mắt cũng dăm dăm nhìn anh. Leroy hôn nhẹ lên bàn tay nhỏ nhắn, thơm tho của bà rồi gật đầu nói với bà:

- Thôi được, tạm biệt bà.

Một tay cầm máy ảnh, như thói quen; một tay anh vuốt lại mái tóc bung xoà ra vì gió. Đi được một quãng, anh lên quay đầu và nhìn thấy bà đang quay lưng lại, vòng tay ôm lấy cây cao su non khoảng hai năm tuổi, váy áo của bà quần quýt quanh thân cây. Lá khô dưới mặt đất đang lật nhẹ mình lên, như đang bị cuốn vào chân bà. Và anh đã chụp được tấm ảnh đã phác trong tâm trí, chỉ khác là gương mặt của nhân vật không lộ diện.

2.

Chiều 15/1/1988

Bà Mai - Thuỳ Dobré quay trở lại nhà khách vào lúc ba giờ chiều. Ngồi trên một chiếc ghế đẩu kê ở cuối hành lang dài và tối, Leroy nhìn thấy bà bước đi lặng lẽ, nhưng nét mặt bình thản. Bà bước đi qua chỗ anh ngồi như không hề nhận biết về sự có mặt của bất cứ ai, trở về phòng nghỉ dành cho mình, bà im lặng đẩy cửa bước vào. Leroy biết rõ rằng căn phòng đã trống trơn, nhân viên đã dọn hết đồ đạc

của bà ra ngoài, và giờ này họ đã rời nhà khách. Ở đây chỉ còn hai người thôi.

Leroy châm một điếu thuốc lá. Thời gian trôi qua khá lâu mà vẫn chưa thấy bà quay ra, mọi thứ vẫn im lặng. Tiếng côn trùng bắt đầu dậy lên trong lòng đất, mặc dù trời vẫn còn nắng to. Mảnh đất này thật là kỳ lạ, dưới những vạt nắng vàng và bầu trời xanh trong, mặt đất lại như thể có một lý lẽ riêng, một ngôn ngữ riêng. Từ chỗ nhà khách nằm hơi khuất một góc nông trường - nơi Leroy đang ngồi - cho đến khung cảnh trải rộng của khu rừng cao su, tất cả đều râm mát, hiền hoà. Đó cũng là cảm giác của anh khi đi trên những con đường nơi đây, để thăm những nông trường trước đây là những đồn điền cao su danh tiếng của người Pháp. Chuyển đi đã gần hoàn tất, nhưng đúng là từ đáy lòng, anh vẫn thích nán lại đây ít lâu nữa.

Một hồi âm thanh bất ngờ vang lên, từ phía ngôi nhà lớn của nông trường. Anh giật mình đứng dậy. Vài ngày sau anh mới biết đó chính là tiếng keng báo hết giờ làm việc, cái keng ấy là một bộ phận của xe tăng bỏ lại từ thời chiến tranh, được đánh lên bằng một cây gậy sắt. Công nhân từ đâu xuất hiện rất đông, họ tháo khăn, cởi áo, nói chuyện rất vui vẻ; vài người nhảy lên xe đạp chạy đi đâu đó...

Từ khung cửa gỗ của nhà khách, Leroy nhìn những người công nhân cao su ấy một hồi lâu rồi quyết định bước nhanh vào phòng bà Dobré. Anh muốn bà được thấy cảnh tượng này, dù anh không rõ nó có gần với một chút quá khứ nào của bà hay không.

Bà Dobré đang nằm im trên giường nệm, gần như úp sấp xuống, tay và chân hơi co lại, mắt nhắm nghiền như đang ngủ. Gương mặt bà nhìn nghiêng trông như một cô bé gái, bộ váy màu lam thanh lịch trên người bà đã nát nhàu.

Leroy nhặt chiếc xác tay rơi dưới đất, rồi đến gần khẽ gọi tên bà. "Bà Dobré! Bà Dobré!" Thấy bà bất động, anh sợ hãi nắm chặt lấy tay bà. Bà giật mình bật dậy, mắt mở lớn nhìn anh. Leroy nhận ra chính anh là nguyên nhân khiến cho bà ngạc nhiên tột độ.

- Leroy, anh vẫn còn ở đây sao?

- Bà Dobré, bà không sao chứ?

Bà khẽ cup mắt xuống, môi nở một nụ cười rất lạ. Chưa bao giờ anh thấy bà cười dịu dàng đến thế này.

- Tôi không sao, anh đừng nghĩ rằng tôi sẽ tìm cách tự sát. Cuộc đời tôi đã nhiều khi sống không bằng chết, nhưng sống là lý lẽ duy nhất tôi có thể làm được cho đến lúc này.

Leroy hoàn toàn không hiểu điều bà nói, song lòng cảm thấy phần khích vô cùng. Anh nắm tay kéo bà rời khỏi chiếc giường gỗ đơn sơ mà có lẽ hàng năm trời chẳng có ai nằm.

- Bà hãy ra mà xem.

Hai người nhìn ra từ khung cửa sổ. Phía bên ngoài, công nhân tụ tập rất đông, họ í ới cười đùa, trò chuyện. Một số tản ra, có lẽ là về nhà, một số bao quanh mấy chiếc xe đạp và những cái bao tải tròn căng. Một số nữ công

nhân đang chia nhau trái cây, khăn mặt, mấy thứ đồ dùng lặt vặt mà do đứng xa quá, anh không biết đó là cái gì. Rõ là một cảnh mua bán nho nhỏ đang diễn ra sau giờ làm việc của nông trường. Có một anh chàng công nhân ưỡn ngực, giơ chiếc kèn đồ chơi bằng nhựa lên thổi toe toe, khiến cho mọi người xung quanh cười to lên.

Hai người cùng bật cười. Rồi lại bỗng hết sức bất ngờ, bà Dobré cúi mặt vào hai bàn tay mình và khóc. Leroy do dự một chút, rồi xòe bàn tay to rộng lên tấm lưng nhỏ của bà, ôm bà vào ngực vỗ về.

- Bà Dobré! Hãy nhớ mục đích chính của mình khi bà đặt chân đến đây. Thời gian vốn là thứ không thuộc về bất cứ ai...

- Đúng vậy. - Bà Dobré ngẹn ngào, rồi mở mắt ra nhìn anh. - Chúng ta nên đi khỏi đây, tôi đã hỏi được đường để đi ra nơi ấy...

- *C'est formidable!* - anh dùng một câu khích lệ mà người Pháp hay nói với những đứa bé, chứ không phải dành cho cô giáo cũ của mình - *On y va!*¹...

Leroy đi về phía phòng tiếp tân, bà bước gấp theo anh, chân bà dường như không chạm vào mặt đất. Nhưng chỉ được một đoạn, chợt bà lại khựng lại, nhìn anh bằng ánh mắt lo âu:

¹ *Tuyệt lắm!... Chúng ta đi thôi!... (Tiếng Pháp)*

- Nhưng mà Leroy, tại sao anh lại đi cùng với tôi? Mọi người đã về Thành phố Hồ Chí Minh hết cả rồi mà...

- Thưa bà, tôi thấy mình có trách nhiệm làm người đồng hành với bà, chứ không phải với đoàn tham tán thương mại. Tôi nói với họ là tôi và bà có nhiệm vụ mới, cần phải tách đoàn. Thế là tôi được tự do.

- Nhưng tôi chưa bao giờ coi anh là người bạn đồng hành. Và tôi cũng không thể có người đồng hành. Nói ra điều này có thể làm méch lòng anh, nhưng quả tình tôi không muốn anh, hay bất cứ ai can thiệp vào việc riêng của tôi.

Bà nói với giọng cứng cỏi, dữ dội, nhưng toàn thân bà run rẩy, ánh mắt nhìn Leroy với một thông điệp hoàn toàn trái ngược, rằng bà đang rất đơn độc, rất chơi vơi giữa không gian này - cái không gian thuộc về quá khứ, thuộc về những giấc mơ. Leroy cố gắng đáp trả cái nhìn ấy đủ lâu, đủ điềm tĩnh để bà có thể an lòng, rồi không nói gì thêm, anh nắm tay bà tiếp tục bước đi. Nhưng bà, một lần nữa, cao giọng một cách nghiêm khắc:

- Tôi là một giáo viên đã nghỉ hưu, không còn liên quan gì đến công việc nữa. Nhưng anh thì khác, tốt nhất là anh cứ về Thành phố Hồ Chí Minh gặp mọi người, càng sớm càng tốt.

Leroy mỉm cười, nụ cười rất gượng gạo vì không biết tỏ vẻ gì trên gương mặt của mình.

-Thưa bà, không ai có thể gây khó khăn cho tôi, ngoại trừ chính lương tâm của tôi. Tôi cũng không biết trước mình có thể giúp được gì cho bà, nhưng đây là một lần tôi được sống với chính mình, cũng giống như bà, chúng ta không có nhiều cơ hội để sống như thế. Tôi hứa sẽ tôn trọng mọi lợi ích của bà, xin bà cứ yên tâm.

Bà cúi đầu, vừa tiếp tục bước đi vừa lẩm bẩm một cách buồn bã:

- Đất nước này không có chỗ dành cho anh... Mà từ lâu cũng không còn chỗ dành cho tôi...

Đồ dùng của Leroy và bà Dobré để sẵn ở phòng tiếp tân, nơi chỉ có một quầy bar trống rỗng không có bất cứ một thứ gì. Cũng chẳng có ai ở đó. Anh lấy chân máy ảnh, túi đựng dụng cụ và chiếc va ly của mình. Bà Dobré tự xách lấy hành lý, vốn rất linh kinh, nên hồi lâu cả hai mới rời khỏi cổng nông trường và ra đến đường.

- Có thể tìm được một chiếc taxi không nhỉ? Mới hơn ba giờ chiều mà ở đây vắng vẻ quá.

Bà Dobré lo lắng nói với Leroy. Anh lại hỏi bà:

- Vậy thưa bà, giờ chúng ta sẽ đi đâu? Bà nói là đã hỏi được đường để tới một địa điểm nào đó...

Bà Mai - Thuỳ Dobré mỉm cười. Nụ cười hiếm hoi kể từ lúc đặt chân đến đây. Bà nói:

- Tôi quên nói với anh về kế hoạch của tôi. Giờ chúng ta sẽ đến mật khu Hàm Ninh, ở gần chân núi này - bà chỉ

về ngọn núi Chúa Chan sừng sững phía trước chúng tôi. Đêm nay, tôi và anh sẽ ở lại dưới chân núi và sáng sớm ngày mai sẽ hành hương lên núi. Chiều mai, nếu thời tiết cho phép, chúng ta sẽ theo đường sông đi sâu vào rừng... Tôi muốn đến những nơi đó trước khi quay trở về Sài Gòn thăm lại nơi sinh sống của gia đình tôi...

- Ô, có thể mà bà cũng muốn giữ bí mật với tôi...

Leroy cố đùa vui, nhưng nhìn nét mặt của bà Dobré thì thấy không đơn giản chút nào. Suốt hơn mười ngày qua, bà đã nén lòng để làm việc chung với đoàn, vốn là những người rất khô cứng, xa cách, vẻ bề ngoài đầy nguyên tắc. Bà đã không một lời nào nhắc về gia đình, quê hương và cả người thân. Giờ là lúc trái tim sắt thép của bà tan chảy.

- Tôi không nghĩ đó là bí mật, mà đơn giản chỉ là chuyện riêng của tôi. Tôi không bao giờ cho là anh có thể hiểu...

Leroy nhún vai, nhận lấy câu nói đó để tránh một cuộc tranh cãi. Từ một con đường đất đỏ và dưới những tán cây loà xoà là một cỗ xe bò đang lộc cộc hướng đến gần hai người. Leroy kinh ngạc thấy bà vẫy tay vui mừng và người đàn ông đội cái nón rách nát trên xe cũng vẫy tay chào lại. Con bò là kẻ duy nhất không hề biểu lộ một chút cảm xúc nào, nó cứ thong dong bước tới giữa nhịp roi hối thúc của chủ nhân. Bà Dobré đã không chờ đến lúc chiếc xe bò đến nơi, mà hồi hả kéo tay anh bước tới gần. Bà cười thật tươi, vui mừng như một đứa trẻ:

- Ông ấy hứa sẽ đến và đã đến thật. Tuyệt quá, chúng ta thật là gặp may.

Người nông dân - chủ nhân của chiếc xe bò - đã ngăn người kinh ngạc khi thấy bà nói tiếng Pháp với Leroy. Và đặc biệt là sự xuất hiện của anh, một anh chàng ngoại quốc, giữa không gian đồng quê của ông chiều hôm ấy. Gần như bị lôi lên chiếc xe có hai cái bánh bằng gỗ thật to, Leroy thắc mắc hỏi bà:

- Bà Dobré, sao không đi một chiếc xe nào khác, mà lại chọn phương tiện này?

- Đây là phương tiện duy nhất có thể đưa chúng ta vào được chân núi, nhưng anh vẫn nên chuẩn bị đôi chân cho thật khoẻ để lát nữa lội bộ đấy nhé.

3.

Đường đi đến chân núi khá xa, con bò dút khoát không chịu tăng tốc mặc dù nó bị ông chủ ra roi thúc như điên, còn bầu trời thì cứ dần tối sẫm. Xe bò dừng lại nơi một bãi đá khổng lồ. Ông chủ chiếc xe bò quăng mẩu thuốc lá quần bằng tay xuống đất, rồi tiện tay ông đỡ bà Dobré bước xuống. Leroy loay hoay với mở hành lý và cái chân máy ảnh thì thấy ông già xua tay. Bà Dobré bảo:

- Anh ở lại đây chờ tôi, tôi chỉ vào bãi đá kia một lát thôi.

Leroy không tranh cãi với bà, nhưng trong lòng không chút yên tâm. Bà Dobré nói gì đó với ông chủ chiếc xe bò,

và ông cúi xuống, lật một tấm bạt cũ mềm lên để lấy cho bà một gói lá, trong đó có hoa và một bó cây nhỏ, về sau anh mới biết đó là nhang thơm, người Á Đông dùng để tưởng nhớ hương hồn người đã mất. Trong trí nhớ của anh, ông già không nói gì cả, chỉ lăm li hút loại thuốc quăn bằng tay thật to. Nhưng khi đưa hoa cho bà, ông ta bắt đầu chỉ tay về phía bãi đá và nói rất nhiều với bà điều gì đó. Bà cúi đầu để cảm tạ người đánh xe bò, rồi im lặng bước đi. Trước khi ông chủ chiếc xe bò chuyển ánh mắt lạ lùng sang nhìn Leroy, anh đã chủ động bắt tay ông một cách thân ái, mặc dù ông ta phản ứng lại rất chậm. Rồi anh xách mấy ảnh sai bước theo bà Mai - Thuỳ Dobré.

- Leroy! Anh đi cẩn thận đấy!

Anh mỉm cười. Con đường đúng là khó đi, bởi nó lầy lội, gai góc, và hầu như chẳng phải là một con đường đúng nghĩa. Nắng đã lui dần ra phía cánh đồng dưới chân núi, ngày đã sắp tàn. Leroy chăm chú bước đi theo bà Dobré, lòng băn khoăn không biết vì sao mà bà đi nhanh như thế, những bước chân cứ như được sinh ra để bước đi trên vùng đất này, không hề vấp vấp. Vòng tay bà ôm chặt hoa và nhang thơm, nét mặt dịu hiền tươi sáng khiến anh nhớ đến một bức hoạ nổi tiếng của hoạ sĩ Jean François Millet - bức hoạ "Tiếng chuông chiều". Làm sao có thể chụp một pose hình cho bà lúc này? Hai người đang ở giữa bãi đá thiên tạo nằm quanh chân núi, gió lạnh đang tràn tới, và cảm giác đang phiêu lưu bên một người phụ nữ lớn hơn mình nhiều tuổi khiến anh rùng mình.

Cho đến khi vóc dáng bé nhỏ của bà len vào giữa những khối đá lớn, Leroy cảm thấy thật sự sợ hãi. Khác hẳn với anh bà không hề sợ hãi, thậm chí không lạ lẫm gì cả, vì thế mà bà bỏ anh lại sau một quãng, rồi như biến mất vào trong đá.

- Bà Dobré!

Leroy kêu to lên. Tiếng đá rền nhỏ mà vang khủng khiếp. Bãi đá rộng lớn như một rừng nấm khổng lồ nhú những búp đá nhọn đã được mài mòn trông xinh đẹp mà đầy vẻ nguy hiểm. Anh đoán rằng phần thân của đá nằm yên trong lòng đất, ăn sâu vào ngọn núi nổi tiếng này, mới chính là nơi ẩn chứa những bí mật của bà Dobré. Nhưng không thể để cho bà đi vào trong đó một mình, không thể...

- Bà Dobré!

Anh lại gọi. Tiếng bà trả lời vang lên ngược gió, nghe yếu ớt.

- Leroy! Tôi đây, lại đây giúp tôi!

Thì ra bà ở cách chỗ anh đứng không xa, chỉ là khuất sau một vòm đá lớn, trông giống như nơi bắt đầu một đường hầm đi sâu xuống đất. Bà đang đặt hoa và nhang thơm xuống một bề mặt bằng phẳng của đá, chiếc váy và tay áo loà xoà làm cho chúng bung ra, rơi xuống đất. Leroy chạy đến gần, nhặt giúp bà chiếc bật lửa. Trong lúc anh giúp bà châm lửa vào những cây nhang mỏng manh với gió mạnh luồn qua đá, rít trên đầu, anh chợt nhận ra tay chân

bà đang run rẩy. Đến độ bà tự buông rơi những nén nhang làm thành những đốm đỏ loé lên rồi vụt tắt.

- Bà Dobré!

Leroy vội dìu bà ngồi xuống một chỗ bằng phẳng gần đó. Bà với tay về phía những nén nhang cháy đỏ, như thể đó không phải là vật vô tri mà là những con người.

- Không có rượu, không có rượu... Tôi muốn lấy một ít nước suối dưới kia... cho anh ấy...

Bà lăm bắm một mình. Mặt bà tái xanh, cái cổ nhỏ nhần rung lên, thân hình như có chiếc lò xo bật dậy khỏi tay anh. Leroy hỏi:

- Có suối ở đây sao? Để tôi đưa bà đi lấy...

Đôi mắt bà khô khốc, nhìn Leroy rồi lại nhìn ra bãi đá. Hình như những tảng đá đã hút hết sinh khí trong đôi mắt bà. Bà lặng lẽ nhìn quanh thật lâu, rồi chợt lắc đầu:

- Thôi, đừng ra đây vào giờ này. Rồi tôi sẽ trở lại...

Leroy xếp lại những nhành hoa cúc màu vàng rơi dưới đất, rồi thắp lại mấy nén nhang đặt vào tay bà. Anh biết nghi lễ này của người Á Đông, biết cả cách dùng rượu tưới lên mộ phần người đã chết. Nửa ngồi nửa quỳ xuống đất, bên cạnh chỗ bà ngồi, mắt Leroy nhìn theo hút những tàn lửa đỏ. Và anh nghe ngực áo mình rung bần bật vì gió, đủ mạnh để liên tưởng đến điều tương tự đã diễn ra cách đây nhiều thập kỷ: người phụ nữ này đã ngồi ở đây cùng với một người, không phải là anh! Chờ một hồi lâu, khi trời đã

tôi sấm và đoán rằng nỗi xúc động trong lòng bà Dobré đã vơi đi, Leroy quay lại nhìn bà và nói:

- Thưa bà, chúng ta nên quay lại thị trấn thôi. Trời tối rồi, nên nghỉ ngơi để sáng mai có thể lên núi sớm.

Bà Dobré thoáng mỉm cười, nụ cười khô héo, buồn thảm. Hồi lâu bà miễn cưỡng đáp lời anh:

- Leroy, anh quyết định thế nào trong trường hợp nơi đi và nơi đến đều ở cách xa chúng ta? Và anh muốn thế nào khi mà kẻ hành hương đã đặt nửa bàn chân lên đất thánh?

Leroy chợt hiểu điều mong muốn ẩn chứa sau ánh mắt khô khốc của bà, trong chòm đám trời chiều. Lặng đi mấy giây đồng hồ, anh quyết định rất nhanh:

- Bà chờ tôi một lát, tôi quay ra lấy hành lý rồi chúng ta sẽ tiếp tục lên núi. Tôi nghe nói mấy ngôi chùa ở đây sẵn lòng cho khách phương xa tá túc qua đêm...

Nói xong, anh lao vọt đi, quay lại chỗ ông lão và chiếc xe bò đang kiên nhẫn chờ đợi. Xốc hành lý của cả hai người lên tay, Leroy không quên hậu hĩnh đưa cho ông sổ tiền đồng Việt Nam đổi được từ khi còn ở Hà Nội. Nhưng ông lão quấy quậy lắc đầu, xua tay ra hiệu nhắc anh quay lên núi cho nhanh. Ông giang hai cánh tay ra hiệu đường còn rất xa, dặn dò anh phải cẩn thận rồi nhanh nhẹn nhảy lên xe bò, không ngồi mà đứng dong tay thúc con bò quay đi, dáng điệu dứt khoát như một thanh niên. Leroy lấy hết sức lực của tuổi bốn mươi, cả sự tinh tường của đôi mắt mình để

quay lại khu vực núi đá thật nhanh. Bà Dobré đã lặng lẽ đứng chờ anh ở đầu đường, xung quanh bà bóng tối đã sập xuống hoàn toàn.

Lúc ấy hai người đi bên cạnh nhau, trong im lặng. Trong hành lý của Leroy luôn luôn có chiếc đèn pin nên không khó để tìm được lối mòn và tiếp tục đi lên núi. Lúc ấy anh đã không hề nghĩ ngợi gì, cũng không hề biết sợ. Nhưng nhiều năm sau, nhớ lại con đường buổi chiều hôm đó anh và bà Dobré đã đi, anh mới thực sự sợ hãi bởi hành động này quá liều lĩnh. Không lý giải được, nhưng có lẽ đó là sự giúp đỡ của đức Phật ở trên núi chăng? Bà Dobré có vẻ rất nhớ đường lên núi, bà không cần bất cứ sự trợ giúp nào của anh, cho đến lúc bà đuối sức. Thật may mắn là hai người đã gặp một nhóm người mặc áo nâu sồng đang mang gạo, muối lên núi. Họ đã vui vẻ dẫn đường và mang vác giúp mở hành lý công kèn, vừa đi vừa trò chuyện với bà Dobré rất vui. Bà Dobré cũng vượt qua chặng đường núi dài gần 600 mét một cách nhẹ nhàng để đến trước chùa Bửu Quang. Chỉ đến khi nhìn thấy bà nhẹ nhàng quỳ xuống trước tượng Phật tạ ơn, dưới ánh đèn nê-ông màu xanh yếu ớt, Leroy mới thở phào nhẹ nhõm.

Bà Mai - Thuỳ Dobré được dẫn vào một căn phòng nhỏ bài trí những đồ vật nhỏ, chỉ kê những chiếc ghế gỗ mà không có bàn thờ và khói nhang. Tất nhiên Leroy cũng bước theo bà, và nhận thấy có lẽ đây là phòng tiếp khách. Một ông sư mặc áo màu vàng bước vào, khiêm cung cúi chào cả hai. Về sau Leroy mới biết đó sư trụ trì của chùa, và

căn phòng này người Phật tử gọi là "phương trượng". Giọng nói của ông trầm ấm và chậm rãi, chính ông là người thỉnh chuông trên chánh điện khi bà Dobré dâng lễ vật và quỳ xuống làm lễ. Chỉ là một bó hoa ông lão đánh xe bò mang đến cho bà, và bà lại mang nó từ công viên đá tới đây - một ngôi chùa ẩn mình trong đá.

Giây phút bà chấp tay rón rén bước vào chánh điện, vẻ cứng cỏi thường ngày mà Leroy thấy đã vỡ tan dưới bàn chân trần trụi của bà. Gương mặt bà trở nên non dại, thuần khiết, và dáng người nhỏ bé của bà run rẩy thành kính lạ lùng. Chánh điện thì tối, chiếc áo thụng trùm hết dáng hình bà, chỉ có cái cổ trắng ngần vươn cao và đôi mắt ngược lên thỉnh cầu. Khi cái trán nhỏ của bà sụp xuống chạm mặt đất, nước mắt của Leroy nhoè đi. Tim anh run lên từng chập như bị nhập đồng theo bà, mà không kịp nhận ra đó là cái gì... "Cô giáo Dobré tội nghiệp của tôi!" Leroy thầm nói một mình, toàn thân muốn tan chảy ra bởi nỗi sợ hãi mơ hồ. Có khi nào đây là nghi lễ từ giã cuộc đời của một người phụ nữ đau khổ không? Có khi nào, lát nữa thôi, giữa đêm này... ở một hốc đá nhỏ, sâu hun hút...? Như một bản năng sẵn có, Leroy bấm máy ảnh lia lịa, mà quên rằng đây là chốn linh thiêng. Sư ông trụ trì có vẻ không hài lòng, nhưng đã không nói gì cả. Có lẽ qua câu chuyện dài bà đã nói với ông bằng tiếng mẹ đẻ, và qua phong thái riêng của bà, sư trụ trì đã có thái độ tha thứ và giải thoát cho bà. Còn Leroy, anh vừa muốn được hiểu cuộc nói chuyện đó, lại vừa sợ hãi chạm vào nó. Mặc dù chỉ có anh biết mình đã chủ động

nắm bắt lấy cơ hội này để được đi cùng bà và luôn quan sát không rời.

Hai người được mời đi rửa tay, rửa mặt. Và từ lúc đó, bà Dobré đột nhiên biến mất, còn Leroy bị tách ra, được nhà chùa mời nghỉ trong một căn phòng nhỏ lạnh lẽo với bữa tối dành cho nhà tu hành. Lúc đầu anh ngả người xuống tấm gỗ phẳng, lạnh toát để thư giãn, có ý chờ bà Mai - Thuý cùng ăn tối. Giấc ngủ ngắn nhưng nhẹ nhàng, êm ái đến với anh gần như ngay lập tức, song cũng nhanh chóng tan đi. Nhưng thời gian trôi đi, tám giờ, rồi chín giờ, mười giờ tối... anh cảm thấy đói cồn cào, mệt mỏi và lo sợ. Bà có thể biến đi đâu trong ngôi chùa nhỏ bé này? Trong khi đó Leroy không hề nhận thấy có chút động tĩnh nào, kể cả một tiếng ho. Chỉ có tiếng kinh Phật vang lên rất nhỏ từ một góc nào đó sâu thẳm, có lẽ là được phát ra từ máy cassette. Tiếng kinh cầu rất nhỏ, mỏng manh nhưng vô cùng nhấn nạy, như một sợi chỉ xuyên qua màn đêm, không sức mạnh nào làm cho đứt được. Bà Dobré biến đi đâu mà anh bạn đồng hành không thể nào hiểu nổi.

Leroy ngồi dậy, uống một ly nước trong, ăn chút cơm với rau bày sẵn trên chiếc mâm nhỏ. Khoảng 10 giờ tối, một người tu hành nhỏ tuổi (sau này anh được biết mọi người thường gọi là chú tiểu), nhẹ nhàng bước vào phòng thu dọn mâm thức ăn, kèm với một nụ cười rất đáng yêu. Leroy với tay theo, muốn hỏi về bà Dobré nhưng không biết diễn tả thế nào, vì anh không nói được tiếng Việt. Tự đáy lòng, anh hiểu rằng không cần phải lo lắng cho bà, vì nếu

bà có làm sao thì chắc hẳn ngôi chùa này sẽ chọn rộn, ồn ào chứ không thể yên ắng như thế này. Không thể nào có chuyện một con người có thể dễ dàng biến mất được, dù có ở một nơi mịt mù, xa thẳm nhất của thế giới này... Nghĩ vậy, nhưng Leroy vẫn không yên lòng. Nhìn theo bước chân của chú tiểu, anh phán đoán và nhanh chân bước theo chú.

Đúng như anh nghĩ, bà Dobré vẫn chưa ngủ. Thoạt đầu anh không thể nào nhận ra được bà đang quỳ ở một góc tối, nép mình trong hang đá nhỏ bày rất nhiều những bức tượng nhỏ, mang màu sắc thể tục hơn là tượng Phật. Về sau anh mới biết đó là bàn thờ dành cho những người chưa thành Phật, được dân gian cách điệu hoá để tưởng nhớ là chính. Leroy chưa bao giờ nhìn thấy dáng người ấy, màu áo ấy, cũng chưa bao giờ nhìn thấy vẻ mặt ấy... Và đó cũng là hình ảnh duy nhất anh không thể chụp lại được, đổi lại, anh đã giữ lấy nó trong tâm trí thật lâu, có lẽ đến tận cuối đời. Bà Dobré đang nửa ngồi nửa quỳ như để nguyện cầu điều gì đó nơi Phật đường trống trơn. Trên người bà là bộ áo màu lam nhạt, nhưng hoàn toàn khác với bộ trang phục bà đã mặc ban chiều, trông nó u buồn và thanh cao lạ lùng. Dưới ánh đèn màu xanh rất mờ và quện khói hương, bộ áo ấy có vẻ mỏng manh kỳ lạ. Lúc Leroy nhận ra bà đang ở đó, cũng là lúc anh cảm thấy cái nhìn của mình trở nên trong suốt, có thể nhìn thấu tận trái tim đau khổ và run rẩy của bà. Bà Dobré! Mai - Thuý Dobré, viên đá nhỏ màu lam! Anh muốn gọi bà thành tiếng: "Cô giáo của tôi!", nhưng miệng lưỡi cứng đờ; ngay cả hai mắt anh cũng bắt

động theo dáng người của bà. Anh đứng im, dõi theo bà rất lâu. Nhưng mà bà im lặng hoàn toàn, không một tiếng khóc, không một hơi thở. Làm sao mà bà có thể sống trong những giây phút im lặng như thế này? Phillipe Leroy đã thử cựa mình, phá vỡ bầu không khí dường như đang đóng băng này nhưng không thể. Phần việc của anh là hít vào đầy lồng ngực sự im lặng và cảm giác tê lạnh, rồi quay gót. Suốt đêm hôm đó, anh nằm im trên chiếc giường gỗ nhỏ ở nhà khách, tránh co tay lên ngực để khỏi phải nghe tiếng đập vang dội mà vô vọng của con tim.

4.

Bà Dobré dự lễ tụng kinh buổi sáng xong, sư ông dẫn bà đi thăm quanh chùa. Ngôi chùa vốn trông rất lạ như nằm giữa một lòng chảo bằng đá, đêm qua Leroy đã không nhận ra. Nhiều góc chùa dựa vào vách đá thiên tạo nhỏ hẹp, trông như hang động. Đang loay hoay chọn góc chụp về phía cánh đồng trải rộng dưới chân núi, Leroy vội thu chân máy để đi theo hai người. Bà Mai - Thuỳ tỏ ra không chú ý gì đến anh. Vừa đi, bà và sư ông vừa trao đổi với nhau bằng một ngôn ngữ mang âm điệu ngắn, nhỏ thoảng qua như gió. Đi theo họ, Leroy cảm nhận thấy cái nắng ửng ửng đang thấm vào thớ đá dày trên đầu mình; và ngay cả mùi hương trầm cũng phảng phất như thể đó là hơi thở của đá. Anh cảm thấy tiếc vì loạt phóng sự đã gửi về tòa soạn báo không có câu chuyện về ngọn núi này, và tự nhủ sẽ viết một cái gì đó về thế giới tâm linh huyền ảo này, bằng những trải nghiệm của riêng anh trong đêm qua.

Ở giữa sự vây bọc của đá, cũng vẫn bằng thứ ngôn ngữ thoàng nhẹ như là gió, bà Dobré trò chuyện với sư ông và được ông trả lời bằng một câu chuyện trầm buồn. Leroy tỏ ra chăm chú theo dõi câu chuyện ấy, nhưng thực tế là chỉ có thể theo dõi vẻ thay đổi trên gương mặt họ, và đoán vài chữ mà anh đã nghe bà Dobré nói nhiều lần bằng tiếng Việt: "Hầm Hình", "suối", "lúa", "chùa"... Anh không hiểu vì sao từ khi bà nội người Việt của mình mất đi, tiếng nói của bà hình như cũng mất theo. Cùng rất nhiều kỷ ức. Trong lúc ba người loanh quanh đi thăm mấy nơi thờ cúng và những nấm mộ, Leroy tự nhủ nếu cha anh sống lâu hơn bà nội thì có lẽ anh đã hiểu được phần lớn cuộc nói chuyện này rồi.

Bà Dobré đang rất hoạt bát và vui vẻ nói chuyện với sư phụ, thì tự nhiên im lặng, đi vòng ra xa để ngắm nhìn cảnh vật xung quanh núi, rồi bất ngờ khóc nức lên. Leroy và cả sư ông đều giật mình. Bà lặng lẽ ngồi bệt xuống bên một móm đá, đầu cúi xuống thấp hơn và tiếng khóc lại lớn hơn. Sư ông nhìn Leroy, ý muốn hỏi vì sao, khiến cho anh hết sức bối rối. Bước lại gần bà, anh khẽ chạm vào vai bà và hỏi bằng tiếng Pháp:

- *Comment allez-vous, madame Dobré?*¹

¹ - Bà Dobré! Bà không sao chứ?

Bà lắc đầu. Ngẩng nhìn lên, bà nói với sư ông trụ trì mấy câu bằng tiếng Việt, giọng kìm nén đau buồn, nhưng rõ là trông bà rất đáng thương. Sư ông không đáp lại, chỉ lặng lẽ chấp tay cáo từ.

Đôi vai bà Dobré run lên từng chập, nhưng tiếng khóc lịm dần. Leroy cầm lấy máy ảnh, lia vào những góc đá cháy xém để chụp vài tấm, rồi lặng lẽ ra ngoài tìm chỗ hút thuốc.

Một lát sau, bà Dobré bước ra tìm anh. Lạ thật, bà lấy lại vẻ tự chủ rất nhanh, gương mặt cũng đã được trang điểm lại, trông khá xinh đẹp. Leroy chìa ra hai cái mũ nan mới mua được của một người bán dạo, làm ra vẻ không quan tâm đến cơn xúc động ban nãy của bà.

Bà đến gần, không nhận lấy mũ mà rút điều thuốc ra khỏi miệng Leroy, đưa lên môi rít một hơi thật dài. Kết quả là bà ho sặc sụa, phải vứt điều thuốc đi. Nhưng bà lại cúi nhặt nó lên, dúi cho nó tắt hẳn.

- Bà Dobré, phụ nữ Á Đông không có thói quen hút thuốc. Bà cũng đâu biết hút...

Leroy nói trong lúc bà đỏ mặt vì ho. Bà nhìn anh, nói nhỏ:

- Anh có biết không, cách đây bốn mươi năm, ngôi chùa bên cạnh hang đá Hầm Hình chiều qua chúng ta ghé đến... đã bị lính Pháp đốt cháy suốt sáu ngày đêm...

À, anh đã hiểu.

- ... Và có lẽ chồng tôi, một người lính Việt Minh, cũng đã chết tại đây năm ấy...

Một cơn gió dường như đã lướt qua chiếc áo của bà lúc ấy. Phillipe Leroy thấy một nỗi đau đớn hằn sâu trong mắt bà. Anh nắm lấy cánh tay nhỏ nhắn của bà, xiết nó thật chặt:

- Tôi xin chia buồn với bà, bà Dobré. Tôi đã không biết một tí gì về điều này...

Bà đau khổ cất lời:

- Cảm ơn anh, Leroy! Tôi trở về đây là để xác nhận lại sự việc này. Tôi chỉ yêu cầu anh không tiết lộ cho ai biết bất cứ điều gì về câu chuyện này.

Leroy thở ra rất mạnh:

-Avez-vous confiance en moi¹?

Bà hất mặt lên, không rõ là gật hay lắc đầu, vẻ mặt rất khó coi như thể vừa ăn phải một món ăn rất tệ. Không hiểu sao nỗi lo sợ lại lớn vồn trong đầu anh. Anh nhìn bà, khe khẽ nói:

- Tôi van bà, đừng nghĩ đến ngày tận thế. Cuộc đời bà không thể chấm dứt tại đây được.

Đến lượt bà Dobré nhìn anh một cách ngờ ngàng. Leroy nắm cả hai bàn tay bà mà van vãn:

¹ Bà tin tôi chứ? (tiếng Pháp).

- Cô giáo! Tôi van xin bà, xin đừng...

- Không, không bao giờ tôi nghĩ đến cái chết, mặc dù đã bao nhiêu năm tôi sống không bằng chết. Tôi còn có nhiều việc phải làm. Cảm ơn anh đã khuyên tôi.

Leroy bủn rủn lấy tay che mặt mình lại, tự anh cảm thấy mình trông giống một đứa trẻ vào lúc này. Ôi không, đã có nhiều lần, vào lúc bước vào tuổi thiếu niên, anh đã phải nhắm nghiền mắt lại vì hình ảnh người cha lao mình qua những vách đá xuống biển. Mọi người nói với anh rằng vì cuộc sống thất bại, nên ông đã tự sát để giải thoát cho bản thân mình. Hình ảnh ấy cứ quay lại trong tâm trí anh, như một nỗi ám ảnh không nguôi. Đã có nhiều lúc Leroy muốn nghiêng đầu và đập vào hộp sọ cho phần não bộ đen tối ấy rơi xuống đất. Vào lúc này anh cũng rất muốn làm điều đó.

- Leroy! Có phải điều này vượt quá sức anh?

Bà Dobré dịu giọng hỏi, khiến cơ thể Leroy đang căng như một sợi dây đàn bỗng mềm mại trở lại, hết như cảm giác của một cậu thiếu niên đọc thuộc bài trước mặt giáo viên của mình. Chợt nhớ ra điều mình đã nghĩ khi mua hai cái mũ nan màu ngà này, anh liền hỏi bà:

- Kế hoạch hôm nay của bà là gì? Tôi thấy hình như bà chưa muốn xuống mặt đất?

Bà Dobré lặng lẽ nhìn lên cao, sương sớm chưa tan hết nơi chòm núi cao trước mắt.

- Đúng vậy, tôi muốn lên đỉnh núi, ở trên đó có rất nhiều kỷ niệm của đời tôi. Con suối gần đây cũng là một nơi như thế. Và cả vùng đất rộng lớn này đã giúp tôi chôn giấu tuổi trẻ của mình...

- Vậy chúng ta hãy đi lên đó - anh quyết định ngay, vì muốn tránh một cơn xúc động có thể ào qua, quật ngã cả hai - Hãy đi ngay để trở xuống trước khi nắng lên cao.

Bà Dobré ngược nhìn Leroy và mỉm cười:

- Anh có nhiều kinh nghiệm quá. Đi thôi.

Tuy nhiên, hai người không đi ngay được. Vì việc cần thiết phải làm trước khi tiếp tục lên đỉnh núi là tìm cho được một con dao để chặt cây làm gậy chống. Leroy soạn ra một ít đồ dùng mang theo, phòng khi một trong hai người có thể bị côn trùng cắn hoặc rắn độc tấn công. Đường lên đỉnh núi theo hướng chim bay chỉ khoảng hơn 200 mét, nhưng lại không có đường mòn; và đây là lúc những đợt mưa xuân bất thần ào xuống, làm mặt đất trơn trượt. Nhưng mưa đã làm cây cỏ xanh tươi, đẹp đẽ vô cùng, và những tảng đá rải rác khắp nơi có vẻ bớt trần trụi, cô đơn hơn... Leroy ngây ngất vì hương hoa toả xuống từ đỉnh núi và sự dịu mát của con suối chảy trong lòng núi, anh phải cố xách theo máy ảnh và cả chân máy dù chúng làm anh vướng víu, chậm chạp hơn bình thường. Hầu như anh đã quên mất những người Pháp và cả cái hẹn ngày về của cả đoàn. Suốt một đêm nằm trên giường gỗ cứng và lạnh đã không làm cho anh mệt mỏi, trái lại, cơ thể anh trở nên nhẹ nhõm lạ

thường. Hình như bà Dobré cũng thế, trong chiếc áo màu xanh thẫm và chiếc quần thụng màu trắng, bà đã trở lại là một người phụ nữ trẻ trung, duyên dáng. Sớm nay Leroy nhìn thấy bà giặt bộ áo màu lam bên một cái bể nước, và phơi nó lên ở khoảng sân sau chùa. Những nếp nhăn trên trán bà, và cả những giọt nước mắt... có lẽ cũng đã dần biến tan đi trong đêm.

Do không có người dẫn đường, hai người phải lần đi lên đỉnh núi vẫn còn đầy sương, dù đường lên núi chỉ khoảng 200 mét. Leroy nhận được từ bà Mai - Thuỳ Dobré cái nhìn biết ơn, trùu mến, nhưng không giống cái nhìn của cô giáo dành cho cậu học trò mới lớn nữa. Thật lạ, ở nơi đây có rất nhiều hoa đẹp, loại hoa nhiệt đới sặc sỡ, nổi bật trong làn sương mỏng. Qua một đêm, trái cây chín rụng rải rác khắp nơi. Trên đường đi, Leroy chụp được khá nhiều ảnh những sóc, khỉ và chim thần nhiên ăn trái chín.

Cả hai đi quanh quần một hồi mà bà Dobré vẫn bướng bỉnh không chịu giải thích gì hết. Cho đến lúc đi qua một gốc cây cổ thụ đang trổ rất nhiều lá non, bà bỗng nói với Leroy:

- Anh có nhớ tên vị vua cuối cùng của nước Việt Nam không? Đây là một trong những cây trà được trồng lên để pha nước dâng cho vua uống đấy. Và tôi nghe nói rằng nước ở con suối kia kết hợp với những búp trà này đã làm nên một thức uống độc nhất vô nhị...

Lúc ấy Leroy mới chú ý thấy có người đang hái trà gần đó. Chỗ anh và bà Mai -Thuỳ Dobré đặt chân đến khá là bằng phẳng, với nhiều mố bê tông và có cả một bệ đặt radar đã bị đập vỡ (nếu anh không lầm). Dù cây cỏ, lau sậy có mọc lên rồi chết đi, chồng chất bao nhiêu lớp trên đỉnh núi, Leroy vẫn nhận ra những dấu vết của một sân bay nhỏ, và có thể định vị đâu là cột cờ được dựng trước đây. Bà Dobré chăm chú và ngơ ngàng nhìn quanh, hết chú mục đến ngôi nhà nhỏ bằng đá được cắm một lá cờ đỏ, rồi nhìn xuống dưới mặt đất cũng đang đập dờn một màu xanh của lúa và cây cỏ. Leroy cảm thấy vô cùng khó hiểu, và mất hẳn kiên nhẫn, nên nói với bà:

- Bà Dobré, nếu tôi không lầm thì đây là một sân bay trực thăng dã chiến. Có thể nó đã được xây dựng từ thời Pháp, hoặc thời Mỹ, nhưng đã bị phá bỏ từ lâu lắm rồi.

Bà Dobré vẫn chăm chăm nhìn vào những chùm lá non trên cây trà cổ thụ, rồi nhìn mặt đất và những tảng đá, tảng bê tông rải rác quanh bà. Sau cùng bà mới nhìn anh, thảng thốt đặt một câu hỏi:

- Nhưng còn toà biệt thự của vua Bảo Đại. Không biết vì sao... nó biến mất rồi...?

- Toà biệt thự của cựu hoàng Bảo Đại? Khi bà đến đây, trông nó thế nào, và nó nằm ở đâu?

Bà Dobré đưa tay lên vuốt tóc, và bầu chặt lấy da đầu mình như để định thần. Trong khi bà phóng tầm mắt kiếm tìm một cách vô vọng giữa không gian cao rộng từ đỉnh núi

này, Leroy chỉ muốn kiếm một góc máy thật ổn để chụp một tấm ảnh toàn cảnh. Sau một đêm nằm trong sự vây bọc của đá, giờ đây anh cảm thấy mình được giải phóng hoàn toàn, bay bổng hoàn toàn...

- Tôi không thể nhớ được... hơn 40 năm trước, cả hai người đàn ông mà tôi từng hứa hôn đã đưa tôi đến đây...

CHƯƠNG II: NÚI CHỨA CHAN

1.

Sáng 16/1/1988

Bà Mai - Thuỳ Dobré nói:

- Lần đầu tiên đặt chân lên ngọn núi này, tôi được ngồi trên một chiếc kiệu đúng nghĩa, và có tới 6 người phu; cùng với rất nhiều lính Pháp và lính Việt. Pierre Fournier, chàng quan ba (*capitaine*) oai dũng mặc bộ lễ phục màu trắng đi hộ tống bên cạnh. Còn cha tôi, ông ký Thái, cũng được cáng đi theo sau. Ngoài ra còn có vài ký giả; và tôi nhớ rằng sau cái ngày diễn ra nhiều sự cố động trời ấy, câu chuyện của tôi và Pierre Fournier vẫn được họ tô vẽ như là một thiên sử tình yêu có một không hai của thời ấy...

- Bà Dobré, tôi có cảm giác đó là một mối tình tay ba...

- Không, hoàn toàn không phải như thế. Nhưng tôi nghĩ phải nói cho anh hiểu, tên khai sinh của tôi là Lê Thị Thuỳ Mai, không dính dáng gì đến một cái tên Tây Âu nào khác. Chồng chưa cưới của tôi là Trần Hồng Dương. Từ khi sang Pháp, tôi đã lấy thêm cái tên Dobré để tưởng nhớ đến

anh ấy. Trong tiếng của người Slav (sla - vơ) thì Dobré có nghĩa là tốt đẹp, nghe gần giống tên anh ấy...

Leroy lẩm nhẩm trong miệng: Hồng Dương - Dobré. Dobré - Hồng Dương... Tất nhiên, giọng của anh lơ lơ, ngọng nghịu, và anh cũng không thể hiểu sự liên kết nào giữa hai cái tên ấy. Bà Mai - Thuỳ Dobré nhắc lại:

- Leroy, anh nhớ nhé. Từ nay hãy gọi tôi là Thuỳ Mai.

- Vâng, tất nhiên, thưa bà... Thuỳ... Mai...

- Ha ha ha... - Chợt người đàn bà cười lớn làm anh giật mình - Anh có biết không, anh chàng Pierre ấy cũng lần đầu gọi tên tôi giống hệt như anh vậy. Tôi cũng đã cười mà không kiềm chế được. Tuy nhiên, ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên ấy, trong ánh mắt anh ấy đã có sự si tình rồi. Nó nồng nàn như nước trên mặt hồ thu lúc gió nhẹ thổi tới, khi bắt gặp ánh mắt ấy, tôi đã tưởng thi sĩ Alfred de Musset tái thể...

- Thật thế sao bà? Bà đã gặp ông ấy năm 16 tuổi?

- Đúng vậy. Đó là năm 1943, ở trường Gia Long - Sài Gòn. Hay còn gọi là trường nữ Gia Long, trường nữ sinh Áo tím.

Cuối cùng thì bà Dobré cũng chịu lên tiếng khi hai người chuẩn bị rời đỉnh núi. Theo lời bà, thì ở nơi đây, vào những năm 1943 có một toà biệt điện của cựu hoàng Bảo Đại (lúc ấy vẫn là hoàng đế), được làm bằng đá. Với danh nghĩa là vị hôn thê của chàng sĩ quan Pháp, bà đã đặt chân

lên ngôi chùa Bửu Quang mà hai người tá túc đêm qua, sau đó được cưỡi lên tận đỉnh núi để chiêm ngưỡng dinh thự của vua Bảo Đại như là một đặc ân mà không có người thứ hai nào được hưởng. Đơn giản là vì Pierre Fournier là người cai quản vùng núi này.

Leroy dòng hết tai lên để chuẩn bị nghe một thiên tình sử được kể trong một buổi bình minh mờ sương trên đỉnh núi. Nhưng bà Thuý Mai đã không kể tiếp, mà giục già người bạn đường cùng xuống núi. Bà muốn thăm lại con suối có dòng nước trong vắt ngọt ngào, dùng để nấu trà hái từ biệt điện của cựu hoàng Bảo Đại. Leroy hơi ngạc nhiên vì thấy bà đã không đếm xỉa gì đến khung cảnh tuyệt đẹp ở đây, và cả niềm yêu thích chụp ảnh của anh, mặc dù bà tuyên bố: "Tất cả hình ảnh trong chuyến đi này sẽ thuộc về quyền sở hữu của tôi!"

Sư ông tỏ ý muốn mời hai người ở lại dùng cơm trưa tại chùa, song bà Dobré đã mềm mỏng chối từ. Cả hai cùng quay trở xuống khu vườn đá khổng lồ chiều hôm trước, để bà đích thân lần bước vào một cửa hang, biến vào trong đó rồi quay trở lại với một nhúm rêu nhỏ trong tay. Bà gói nhúm rêu ấy vào khăn tay, rồi ngồi lặng hồi lâu trên một phiến đá, hai chân buông thõng xuống dòng suối nhỏ. Nước trong veo đến nỗi Leroy đã uống ừng ực mà chẳng ngại ngần gì, còn bà Dobré thì cứ ngồi lặng lẽ như thế, mắt đắm đắm nhìn dòng suối, rồi nhìn về phía những tảng đá lớn hình cây nấm, nơi chiều muộn hôm qua hai người đã ở đó. Những bông hoa và những nén hương vẫn rụng rơi trên

đất. Theo bà thì dưới lòng đất có hẳn một hệ thống hang động có thể di chuyển, hội họp, ẩn nấp. Bà đã có một thời gian dài sống ở đây, và đi khắp khu vực xung quanh ngọn núi nhiều huyền thoại này, cùng với ông Trần Hồng Dương... Trong mắt Leroy, vẻ mặt bà vẫn không ngừng trẻ lại, song anh không cách nào ghi lại điều đó dù bằng lời hay bằng chiếc máy ảnh trên tay.

Tuy vậy, không đợi Leroy phải lên tiếng hỏi, bà là người quyết định tiếp tục cuộc hành trình. Bà lấy trong hành lý ra một chiếc áo sơ mi trắng để khoác lên tránh nắng, rồi đeo lên mắt cặp kính to tướng. Bà luôn cổ đi trước anh với dáng người như muốn đổ về phía trước, dường như cổ tình không muốn ai nhìn mặt bà lúc đó. Để tự giải trí, Leroy vừa đi vừa tưởng tượng đến quang cảnh cái ngày bà ngồi trên chiếc kiệu đi lên đỉnh núi hơn 40 năm trước. Bà lúc ấy là người con gái xinh đẹp, kiêu hãnh, quyền uy, người đã hứa hôn với một chàng sĩ quan người Pháp, đi trong đám rước tiền hô hậu ủng. Gần một nửa thế kỷ đã qua, người con gái ấy đang đi như chạy trước mắt anh, để đi tìm hay là trốn chạy thứ gì trong quá khứ? Chính bà có lẽ cũng không lý giải được.

Xuống đến chân núi cũng gần một giờ trưa. Leroy thấy đói, mệt và chắc là bà Dobré cũng thế. Đứng phía sau lưng bà, anh cảm thấy vai bà đang run lên, những thớ thịt trên tay bà mềm nhũn. Và chắc là bà đã buông rơi chiếc xác tay vì mệt mỏi, nếu như không có người thứ hai ở bên cạnh. Thật là ái ngại, Leroy nói với bà là chúng ta cần phải

đi tìm cái ăn và một chỗ để nghỉ, ít ra là trong vài tiếng đồng hồ.

- Vâng, Leroy, có lẽ thế...

Bà nói khẽ, rồi ngay sau đó chợt reo lên như một đứa trẻ, hai tay bà giơ cao vẫy vẫy. Bên kia đường xuất hiện chiếc xe bò và ông lão có túm tóc trắng buộc trên đầu, ông lão chiều qua đã đưa cả hai tới đây. Leroy cũng ồ lên vì kinh ngạc, rồi theo chân bà Dobré chạy sang bên kia đường, không chờ cho chiếc xe bò đến gần.

Ông lão cười với bà Thuỳ Mai và Leroy, rồi vút điều thuốc quấn bằng lá cây đã ướt nhèm xuống đất. Ông xoè bàn tay to bè, thô kệch ra nắm chặt lấy bàn tay đang run rẩy của bà Dobré, một tay ghì lấy sợi dây cột ngang mũi con bò rồi bước xuống đất, bắt tay Leroy. Trông ông vui vẻ, cười mở hơn hôm qua rất nhiều. Ông cúi xuống giúp đặt hành lý lên chiếc xe bò, bên cạnh những bó nhỏ cành cây khô đã được bẻ ngắn. Bà Dobré hăm hở leo lên trên, ngồi vào cái bậc bằng gỗ, tay cũng cầm lấy sợi dây thùng dong trên cổ bò (thật giống những đứa trẻ ngồi xe bò, xe trâu Leroy được thấy vài lần sau đó). Anh níu tay bà lại, hỏi:

- Chúng ta đi đâu đây, bà Dobré?

- Đi theo ông ấy chứ còn đi đâu. Ông ấy sẽ đưa tôi đến gặp một người... Ông ấy hứa giúp tôi và ông ấy đã làm được...

Giữa buổi trưa nắng gắt, chúng tôi ngồi trên chiếc xe bò đi thật sâu vào một xóm làng vắng lặng. Bà Dobré nhận

từ tay ông lão gói thức ăn bọc bằng tấm lá to bản (bà nói đó là lá chuối), và một bình nước trà ủ trong một quả dừa khô. Hai người chia nhau những củ khoai còn ấm nóng, và chầm vào bọc muối rang để ăn trưa. Bà Dobré hồn nhiên dốc ngược bình nước trà lên để uống, mặt bà đỏ bừng, đôi mắt cũng thế. Leroy cũng không ngần ngại, đón lấy bình nước trà và để vị chát của nó đốt cháy cổ mình. Mây đen trên trời vẫn vũ, trông như một trận núi lửa màu xám đang ùn ùn nổi lên từ đỉnh núi Chúa Chan và che phủ cả một góc trời.

- *Il va pleuvoir, madame Dobré!*¹

Leroy nói nhỏ, ông lão cũng quay lại nói với bà Dobré câu gì đó. Mặt bà nở bừng một nụ cười, nhưng lúc đó Leroy đã không biết đó là dấu hiệu của một cơn sốt.

- Lạ nhỉ, Leroy! Cả hai người cùng nói với tôi về mưa đây.

Bước vào căn nhà bằng gỗ cũ kỹ ấy, bà Dobré đã bật khóc, để rồi cuối cùng, cả ba người - Leroy, bà và ông lão đánh xe bò - đành phải đi ra. Trong căn nhà ấy, ngoài người đàn bà khoảng ngoài ba mươi tuổi và một lũ trẻ con đang ngủ, là một tấm di ảnh ố vàng đặt trên một chiếc tủ gỗ cũng cũ kỹ không kém. Ông lão đánh xe bò là người đầu tiên tỏ ra kinh ngạc, ông lắc đầu nhìn bức ảnh người phụ nữ còn rất trẻ đó, vẻ mặt đầy sự hồ nghi. Bà Dobré ngơ ngàng một lúc rồi ôm lấy di ảnh mà khóc. Rồi bà ôm lấy người đàn

¹ *Sẽ có mưa đây, bà Dobré!*

bà, có lẽ là chủ nhà; nhưng bà Dobré hỏi câu gì cô ta cũng đều lắc đầu, mắt cũng ngân ngấn nước. Cuối cùng, bà Dobré đã giúi vào tay cô ta một ít tiền rồi tạm biệt. Ông lão rít một hơi điếu thuốc quấn bằng lá cây rồi vứt nó xuống đất, lạng lẹ quất roi giục con bò bước đi.

- Như thế này là sao, hờ bà Thuỳ Mai? - Leroy thắc mắc.

- Chị ấy là một người chị tinh thần của tôi và anh Trần Hồng Dương. Chị ấy mới qua đời vài tháng nay. Bác trai này vốn là người quen của gia đình này, nhưng bác ấy đã không biết vì chị ấy qua đời quá đột ngột.

Bà Dobré cố gắng gạt nước mắt để giải thích. Leroy gạt đầu tỏ vẻ đã hiểu, để bà không phải nói thêm điều gì nữa. Nhưng một lát sau, không kìm được, anh lại hỏi tiếp:

- Nhưng sao người đàn bà ấy trông trẻ thế, có vẻ còn trẻ hơn cả con gái bà ấy?

Bà Dobré mỉm cười:

- Anh thông minh lắm, Leroy ạ. Cô ấy đúng là con gái của chị tôi. Tôi cũng không hiểu vì sao di ảnh của chị ấy lại là tấm ảnh được chụp cách đây gần nửa thế kỷ rồi.

- Bà Thuỳ Mai! Vậy bây giờ chúng ta sẽ đi đâu?

- Chúng ta sẽ đi về phía sông. Tôi muốn từ đó đi vào rừng chiến khu năm xưa, tìm lại những người bạn có thể còn sống ở đó...

Bà nhìn Phillipe Leroy bằng sự lo lắng, van lơn, nhưng giọng nói thì lại rất quyết liệt. Anh nắm lấy tay bà, nói nhỏ:

- Chúng ta nên tìm một nơi để nghỉ lại, vì trời sẽ mưa rất lớn. Trong tình hình này, thật sự là chúng ta không thể đi vào rừng bằng đường sông, và cũng không về Thành phố Hồ Chí Minh ngay được.

Bà Mai - Thuỳ Dobré nhìn anh. Đôi mắt bà trong veo, gương mặt tươi hồng như một bông hoa tulip được viền quanh bằng những giọt nước mắt và những giọt mồ hôi, nói theo ngôn ngữ siêu thực thì đó là một đôi mắt chứa rất nhiều năng lượng của điện, của giông bão, của vũ trụ. Cần gì phải tránh cơn mưa đang vần vũ trên trời và ngày càng che phủ ngọn núi cùng những cánh đồng trái rộ ở đây nhỉ? (Vì đôi mắt ấy đã có tất cả). Bà gật đầu, chấp nhận ngay lời đề nghị của anh, và nói với giọng hối lỗi:

- Giờ này không biết mọi người đang làm gì nhỉ. Tôi quả là tồi tệ, vì đã bỏ rơi mọi người.

2.

Chiều 16/1/1988, thứ bảy

Trời thì mưa, còn bà Thuỳ Mai thì mê sảng. Không có thời gian lựa chọn, và cũng do thị trấn Gia Ray nơi họ đang đến quá nghèo nàn, nên hai người chỉ tìm được một khách sạn rẻ tiền, bề ngoài trông rất quê mùa, và thực tế cũng chẳng có khách. Leroy phải vượt qua rất nhiều trở ngại về tâm lý khi chủ khách sạn cứ nhìn anh chằm chằm, rồi lắc đầu mặc dù anh chủ động chìa hộ chiếu của mình ra. Cuối

cùng thì anh cũng nhận được phòng và đưa bà Dobré đi nghỉ. Khi quay sang phòng mình, Leroy nhận thấy có nhiều ánh mắt dò xét, gần có, xa có. Thêm một trở ngại nữa là anh không biết tiếng Việt, còn ở đó không ai biết tiếng Anh lẫn tiếng Pháp; căn phòng khách sạn lại quá thiếu tiện nghi và anh gần như không nuốt nổi bữa tối nhân viên khách sạn đã mang đến. Bỏ gối ngồi trên tấm nệm cũ nhìn ra trời mưa, anh nhớ đến đêm qua nằm một mình trong căn phòng lạnh lẽo, nhưng không gian phảng phất mùi hương. Leroy hồi tưởng đến dáng người nhỏ thó của bà Dobré đang quỳ mọp, trán áp xuống nền đá lạnh. Bây giờ thì vầng trán đầy nếp nhăn ấy đang hầm hập sốt. Chưa bao giờ anh rơi vào tình cảnh khó chịu như thế này, khi một nhà báo đầy bản lĩnh như anh lại không dám ra khỏi phòng để sang thăm một người đang ốm. Hoàn toàn là vấn đề tâm lý, vì anh không biết phải làm thế nào trong lúc này.

Leroy bước đến gần cửa sổ và hút thuốc. Ngọn núi Chứa Chan phía xa đang chìm trong mưa, nó như một khối xanh u buồn sau màn mưa trắng xoá. Xung quanh khách sạn có lác đác mấy nóc nhà và mấy ngọn cây ướt đẫm, mặt đất cũng bị phủ mờ dưới mưa. Anh nghe nói đây là một cơn mưa trái mùa, lẽ ra sẽ mau tan, nhưng không hiểu sao nó kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ rồi mà vẫn không có dấu hiệu chấm dứt.

Chiếc điện thoại màu đen bên giường reo lên. Leroy vút điếu thuốc qua cửa sổ rồi vội cầm lấy ống nghe. Giọng

nói của bà Dobré vang lên từ bên kia nghe như người đang khóc. Bà gọi anh.

- Leroy, anh sang phòng tôi đi!

Anh buông ống nghe, và đi thay một chiếc áo khác, mặc dù anh đã tắm và thay quần áo. Đơn giản vì chiếc áo anh đang mặc có vẻ trẻ quá. Phòng bà Dobré ở cuối dãy, ngay gần cầu thang. Leroy dè dặt gõ cửa vài lần và nhận ra cửa không chốt bên trong, có lẽ từ lúc anh rời phòng đến giờ.

Bà Dobré vẫn nằm trên giường, giữa một bóng tối đang lặng lẽ phủ xuống. Anh vội tìm công tắc và bật đèn lên. Gương mặt bà Dobré không có vẻ yếu ớt và u sầu như anh nghĩ, nhưng trong lúc mỉm cười và nhìn anh bằng đôi mắt sáng long lanh vì sốt, bà lại nói:

- Leroy, tôi xin lỗi đã để anh rơi vào hoàn cảnh này. Tôi giận mình quá...

Leroy chủ động nắm lấy tay bà, ngăn không để bà nói gì thêm, bàn tay kia đặt lên trán bà. Trong lòng anh cảm thấy bình tĩnh lạ thường, như thể anh hiểu rõ cơn sốt này và biết cả cách làm cho nó ngừng lại. Anh nói:

- Bà nên gọi bác sĩ tới khám bệnh ngay đi. Tôi rất muốn giúp bà việc đó nhưng tôi không nói được tiếng Việt với những người ở đây.

Bà Dobré không đáp, chỉ lắc đầu. Sau này Leroy mới biết ở đây không hề có bác sĩ gia đình như ở Pháp, muốn

khám bệnh phải tự mình đến bệnh viện, còn nếu bệnh nặng quá thì sẽ được đưa đi cấp cứu. Anh thành thực nói với bà:

- Tôi không biết giúp gì được cho bà lúc này, bà Dobré!

- Tôi không sao đâu, Leroy ạ. Lẽ ra tôi phải lo lắng mọi thứ cho anh mới đúng. Tiếc là tôi đã không làm được.

- Không hề gì, thưa bà. Bây giờ bà cần phải ăn tối, và uống thuốc, nhưng mà tôi nhận thấy ở cái khách sạn này...

- Tôi đã nhờ người mua giúp tôi rồi, nó ở kia kìa... Vì vậy tôi mới gọi điện mời anh sang đây.

Lúc đó Leroy nhận ra có mấy hộp thức ăn để trên chiếc bàn nhỏ đặt gần cửa ra vào. Anh chìa tay đỡ bà Dobré ngồi dậy, nhưng nhận thấy bà quá mệt, anh đã bế bổng bà lên, rồi đặt bà ngồi xuống ghế.

- Cảm ơn, Leroy!

Bà chỉnh lại quần áo, đầu tóc. Nhận thấy chiếc áo khoác màu trắng trên người bà ẩm ướt, anh giơ tay lên, định lau giúp bà những giọt mồ hôi đang tuôn ra từ chân tóc và làm ướt cả lòng bàn tay bà... Nhưng bà đã nhanh nhẹn dùng giấy thấm lau đi, sau đó bày thức ăn ra. Hai bàn tay bà sử dụng đôi đũa tre như múa, những mẩu thức ăn dưới tay bà tự nhiên trở nên ngon lành hẳn lên. Khi bà chìa cho cậu học trò cũ cái chén nhỏ bằng sứ và đôi đũa sạch, anh vui vẻ cầm lấy, trong lòng ấm áp lạ thường. Hai người đã ăn bữa tối dưới ánh đèn vàng vọt, trong lúc ngoài trời

mưa dai dẳng không dứt. Thực ra Leroy không nhớ lắm những món đã ăn hôm ấy, nhưng anh đã nhớ mãi câu nói của bà Dobré:

- Anh biết không? Tôi vốn sinh ra trong một gia đình giàu có nơi đô thành Sài Gòn, nên bữa cơm hàng ngày của tôi cùng với cha mẹ rất cầu kỳ. Nhưng khi tôi theo anh Trần Hồng Dương đến đây, thì tôi mới bắt đầu biết đến những món ăn của người nghèo. Lạ thật, những món ngon đã ăn suốt gần 20 năm tôi hầu như đã quên mất, nhưng những món ăn đạm bạc của núi rừng thì tôi vẫn còn nhớ mãi.

Leroy hiểu rằng đây là một dịp may hiếm có. Mặc dù không quen biết ai, nhà nghỉ khá bất tiện, nhưng bù lại, không gian lặng lẽ do cơn mưa trái mùa và ngọn núi Chứa Chan che phủ một góc trời đã khiến bà Dobré hồi tưởng lại chuyện cũ. Anh đang đóng vai một gã vệ sĩ, một anh chàng trợ lý không hơn không kém, nhưng anh đang có cơ hội độc quyền khai thác quá khứ của bà mà không bị ai cản trở. Vì thế, Leroy quyết định lái câu chuyện theo suy nghĩ của mình:

- Bà Dobré, thực tình tôi rất muốn biết thêm về ông Pierre Fournier, không chỉ vì ông ấy là một người đã từng hứa hôn với bà, mà theo tôi nghĩ... đó là một người rất quan trọng...

Bà Thuỳ Mai buông bát đĩa xuống bàn, vẻ mặt có vẻ trầm tư. Rồi bà nhìn Leroy, cái nhìn của người bị sốt cao như muốn xuyên thấu hộp sọ của anh.

- Đúng vậy, anh ta là người rất quan trọng ở khu vực này, vào thời gian đó. Tôi sẽ kể câu chuyện cuộc đời của tôi cho anh nghe, với điều kiện anh không kể lại với bất cứ ai trước khi tôi qua đời...

Leroy đáp trả cái nhìn của bà, anh quyết định nhìn thẳng vào đôi mắt nâu nhỏ nhắn ấy một cách không kiêng dè, e ngại nữa. Bà đã rất ngạc nhiên vì thái độ ấy, và cả câu nói của anh:

- Có cần thiết phải dặn dò như thế không, thưa cô giáo cũ, người phụ nữ Việt Nam của tôi? Một khi tôi đã có mặt cùng bà ở đây, và trên đỉnh núi Chứa Chan?

Bà Thuỳ Mai lặng lẽ quay đi, giơ hai tay lên che mặt để giấu đi cảm xúc riêng... Leroy nhận thấy trên bàn có một ít thuốc được cắt ra, liền cầm lên để xem. Tuy nhìn chúng rất khác với thuốc uống ở Pháp, song anh cũng đoán được dược tính của chúng, trong đó có cả thuốc hạ sốt và thuốc bổ. Không biết bà có định uống những viên vitamin vào lúc này không, nên anh phải cảnh báo:

- Bà Dobré, bà hãy để dành vitamin để uống vào sáng mai.. Những viên thuốc này có thể sẽ làm bà thêm mệt và mất ngủ đấy.

Bà Thuỳ Mai buông tay xuống, quệt nhanh đi giọt nước mắt đọng trên mắt. Anh giúp bà lấy nước để uống thuốc, rồi dọn luôn bát đĩa và những hộp thức ăn ở trên bàn. Sau cùng, để tỏ ra mình là người lịch sự và không hề nôn nóng giữa cuộc hành trình kỳ lạ này, Leroy nói nhỏ:

- Cảm ơn bà Dobré vì bữa tối nay. Tôi nghĩ bà nên nằm nghỉ. Lúc nào cần bà cứ gọi điện, tôi sẽ sang...

- Đúng vậy, Leroy! Tạm biệt anh, chúc anh ngủ ngon.

Bà chìa bàn tay nhỏ nhắn ra để chia tay anh, và anh phải buông nó ra sau vài giây nắm chặt. Trở về phòng, Leroy mở chai nước khoáng ra uống ừng ực, rồi tiếp tục đốt thuốc lá. Nước khoáng nhạt thêch, khác hẳn mùi vị của dòng suối chảy ra từ khe đá bên sườn núi Chứa Chan. Mưa đã tạnh, để lại một bầu không gian ướt sũng. Anh không biết làm gì ngoài việc nằm nhìn ra cửa sổ; tâm trí cứ mãi chìm trong mộng mị, anh có cảm giác mình đang lang thang trên núi trong đêm. Và tiếng chuông chùa cứ nhẹ nhàng lay động màn đêm, bên dưới chân núi có những ánh đèn le lói u buồn. Có lẽ là khi ở trên đỉnh núi, anh đã nhìn thấy chính mình ở đây, từ đêm hôm qua... Cơ thể Leroy mệt nhoài, hai vai rất mỏi. Thế mà mắt anh cứ chong chong mở ra, không sao ngủ được. Dường như tất cả những điều đó kéo đến bủa vây tâm trí anh kể từ khi anh gọi bà Thuỳ Mai là "người phụ nữ Việt Nam của tôi!" Phải chăng anh đang sai lầm?

3.

Tối 16/1/1988, thứ bảy

Trích nhật ký của Phillipe Leroy: "*Trần trọc không thể nào dễ được giấc ngủ ở một nơi xa lạ như thế này, lo lắng vì không biết người bạn đồng hành của tôi đang trong cơn sốt cao. Và trên tất cả là cảm giác cô độc mà*

tôi thâm cảm được đến từng chân tóc, từng tế bào khi nghĩ về bà... Nên tôi đã trở dậy. Căn phòng trở nên vô cùng chật chội, cánh cửa không đủ rộng, và cả ngọn núi kia cũng trở nên nhỏ bé khi cơ thể tôi, trái tim tôi rung lên vì xúc động. Lúc ấy, tôi cảm thấy nếu bờ biển tuổi thơ tôi hiện hữu trước mặt, thì tôi cũng xé nó ra, như xé toang một bức tranh quá khứ u buồn".

Nửa đêm, Leroy dè dặt gõ cửa phòng bà Thuỳ Mai. Hành lang khách sạn tối om, chỉ có một bóng đèn từ xa hắt lại, song cũng đủ cho anh ta nhìn thấy tấm bảng "*Do not disturb!*"¹ treo trên tay cầm ổ khoá... Hồi lâu sau, anh lặp lại động tác ấy, một lần, hai lần... Và cánh cửa mở ra. Bà Mai - Thuỳ Dobré đang đứng trước mặt anh, trên người mặc váy ngủ với một chiếc áo choàng đen khoác ngoài. Mái tóc bà xoã ra ngang vai, nửa đen nửa trắng.

Trong ánh mắt của Leroy nhìn bà có một nỗi u buồn đang cháy lên không ngừng. Sau hàng râu quai nón luôn được chăm chút hiện lún phún xanh, nổi rõ cái quai hàm thỉnh thoảng bạnh ra vì căng thẳng. Ánh mắt ấy chạm vào nỗi cô đơn tuyệt vọng của người đàn bà đang cạn kiệt sức lực từng phút một. Bởi thế mà giây phút e dè cứ kéo dài trước cửa phòng, và họ cứ gượng gượng đứng nhìn nhau. Thế rồi bà Dobré im lặng quay vào, để mặc cánh cửa bỏ ngỏ. Anh chàng Phillipe Leroy nhanh nhẹn bước theo sau, lấy giọng hết sức tự nhiên:

¹ Không làm phiền! (tiếng Anh).

- Tôi đoán bà không ngủ được nên sang trò chuyện với bà. Bà thấy trong người khá hơn chưa?

Bà Dobré buông người ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ, nơi hai người ngồi ăn cơm buổi tối. Leroy khép cánh cửa lại, rồi ngồi xuống phía đối diện. Bà Dobré nói nhỏ:

- Cảm ơn anh. Tôi vừa trải qua một cơn lạnh, chắc là phản ứng của cơn sốt vừa rồi... dù sao thì cũng đã qua...

- Sao bà không gọi tôi, hoặc báo cho người của khách sạn biết?! Cơn lạnh ấy rất nguy hiểm, bà có biết không?

- Vâng, tôi biết. Nhưng tôi không sao cả. Hồi trước, tôi và anh Trần Hồng Dương đã từng bị những cơn sốt khủng khiếp còn hơn thế này nữa. Có lẽ đây cũng là một cách anh ấy nhớ đến tôi...

Leroy cúi đầu, không biết nói gì. Bà Dobré nhìn anh bằng đôi mắt khô khốc, u buồn rồi cất tiếng:

- Nếu tôi nhớ không lầm thì trông anh khá giống bà nội của anh... Nhanh quá, thời gian phi nước đại. Mới đó mà đã hơn 30 năm rồi...

- Vâng, đúng vậy. Quả thực là tôi rất nhớ đến bà nội, và nhớ đến những năm tôi bước vào tuổi thiếu niên. Câu chuyện của bà càng làm cho tôi tò mò, muốn biết về đời sống của người Việt. Hình như quá lâu rồi, tôi đã lãng quên nó...

- Bà của anh có lẽ đã mất rồi? Vậy còn cha mẹ anh? Tôi chưa bao giờ gặp họ.

- Đúng vậy. Họ đã ra đi hết cả rồi, thưa bà. Từ lúc tôi 15 tuổi. Cha tôi gặp thất bại gì đó, ông đã tự sát ngoài biển. Mẹ tôi sống với gia đình mới và tôi đã tự xoay sở một mình từ lúc 15 tuổi...

- Anh cũng đã từ già tuổi thơ quá sớm... Tôi đã không hề biết điều đó, không hề nhớ gì đến anh... Lúc đó tôi cũng có nhiều vấn đề riêng đến nỗi không quan tâm đến học trò của mình. Tôi cảm thấy... thật có lỗi...

- Không, không, không ai có lỗi cả. Tôi cũng đâu phải một cậu bé đáng thương, hiền lành, mà trái lại, đã rất ngỗ ngược, phá phách. Hơn bốn mươi năm của cuộc đời mình, tôi chưa hẳn đã làm được một việc gì tốt, thật đấy!

Hai người lại ngồi đối diện, và nhìn nhau hồi lâu, cái nhìn không có chút cảm xúc và ẩn ý nào. Sau đó bà Thuỳ Mai lên tiếng trước:

- Thành thật chia buồn với anh. Nhưng câu chuyện của tôi không giúp được gì cho anh cả, trái lại, nó có thể làm cho anh thêm nặng lòng suy tư. Việc anh tình nguyện đồng hành với tôi, bỏ qua cơ hội đi thăm thú với đoàn tham tán, và sẵn sàng chịu sự khiển trách khi về Pháp... là minh chứng cho thấy anh là người rất đặc biệt. Tôi thực sự không muốn anh phải bận tâm nhiều như thế, hy sinh nhiều như thế... cho một câu chuyện thuộc về quá khứ...

Leroy mỉm cười, nụ cười buồn, mệt mỏi. Vì anh tự thấy mình quá già so với tuổi 43 của mình. Anh nói:

- Tôi quan tâm đến bà, vì bà là cô giáo cũ của tôi. Bà cũng đang gặp khó khăn, mặc dù (anh lại cười), có thêm tôi có lẽ còn nhiều khó khăn hơn. Song công việc của tôi là nhà báo, tôi có thể chịu đựng được những câu chuyện còn khủng khiếp gấp bội lần như thế này. Vì vậy, bà cứ yên tâm, tôi biết cách xử trí những vấn đề này mà không để nó ảnh hưởng tới mình.

- Anh có vẻ là một nhà báo rất giỏi. - Giọng nói của bà Thuỳ Mai trở nên vui vẻ hơn - Nhưng tôi phải nhắc lại với anh rằng tôi không muốn ai khác biết đến câu chuyện này. Quả thực tôi đã nhớ về nó hơn 40 năm nay, nhưng để diễn đạt lại thì vô cùng khó khăn, nên tôi không muốn bất cứ ai khác làm giúp tôi việc đó...

- Vâng, tôi hiểu, thưa bà Dobré! A, xin lỗi, là bà Thuỳ Mai, cô giáo Thuỳ Mai. Bà cứ chia sẻ những gì có thể, tôi xin lắng nghe, tôi muốn được lắng nghe hơn bao giờ hết...

- Tôi hiểu... - Bà Thuỳ Mai trầm ngâm một lát rồi nói: Ngày tôi được ngồi trên kiệu để lên núi Chứa Chan bái Phật, tôi đã không bao giờ nghĩ mình sẽ có một tương lai lạ lùng như thế. Để đỡ lộn xộn về mặt cảm xúc, tôi sẽ nói với anh về Pierre Fournier trước, mặc dù sau cái ngày hôm ấy, tôi đã không bao giờ muốn nhắc đến cái tên ấy...

Đó là năm 1943, tôi là một nữ sinh của trường nữ Gia Long - Sài Gòn. Đó là ngôi trường dành cho những thiếu nữ con nhà thuộc giới trung, thượng lưu, muốn được vào học phải qua một kỳ thi sát hạch khá gắt gao, và phải biết tiếng

Pháp. Các bậc phụ huynh đa phần là chuộng văn hoá Pháp. Và tất nhiên là họ luôn hy vọng con gái mình sẽ lấy một anh chàng Tây học, đã từng xuất dương sang Pháp thì càng tốt. Chúng tôi sống theo kiểu Pháp, đọc sách Pháp giữa thành phố Sài Gòn. Họ sống như thế nào chúng tôi hoàn toàn không biết, chỉ có vài lần được gặp gỡ những chàng sĩ quan ưu tú để "uỷ lạo tinh thần" binh sĩ, theo như những hội người thân Pháp có sáng kiến tổ chức. Chính vì thế mà chúng tôi đã say mê văn chương và những nhà thơ Pháp, và để trái tim mình rung động khi có người trao tặng những vần thơ ấy...

Tôi đã gặp Pierre ở một đêm khiêu vũ tại câu lạc bộ của trường. Thời đó, tuy thiếu nữ Việt được khuyến khích học về văn minh phương Tây, nhưng nếp sống vẫn hoàn toàn phải giữ gìn theo phương Đông. Phải hoàn toàn tránh xa cái tiếng quen trai Tây, lấy chồng Tây. Đó chỉ là quan niệm được che đậy rất khéo, còn bên trong vẫn có nhiều chương trình trá hình nhằm giới thiệu, mai mối. Trước tôi đã có vài cô bạn trở thành me Tây, thậm chí trở thành gái ăn sương dành cho khách làng chơi cao cấp. Những người đàn ông Pháp, vì một lẽ gì đó vượt biển sang đây đều ý thức rất rõ họ là những người thống trị trên một đất nước thuộc địa. Về sau tôi mới hiểu vì sao ở Đông Dương có nhiều người đảo Corse đến như vậy. Thật ra họ chỉ là những "công dân hạng hai" từ "mẫu quốc" sang đây tìm kiếm cuộc sống mới. Pierre là một người đến từ đảo Corse, nhưng lại rất điển trai, và luôn khao khát làm giàu.

Bà mừng tượng rất lâu để mô tả lại khuôn mặt của Pierre: Lần đầu tiên gặp mặt, không chỉ Thuỳ Mai mà hầu hết các bạn gái của bà thời đó đều thán gọi đó là một thiên thần! Anh ta dong dỏng cao, gương mặt hình trái xoan với làn da trắng hoàn hảo không có một chút tì vết. Đặc biệt, đôi mắt của Pierre màu xanh sáng ngời, ngửa dưới vầng trán cao rộng, cái mũi thanh tú và cái cằm cương nghị. Thậm chí cánh mũi chàng còn đẹp hơn cái mũi của đại thi hào Alfred de Musset - thần tượng thơ của những nữ sinh thời đó. Nhưng theo lời của Pierre - thì anh ta ngưỡng mộ Guillaume Apollinaire hơn tất cả, vì G.A là một nhà thơ đã từng ra trận, từng bị thương... Vào năm 16 tuổi, Thuỳ Mai đã tin vào từng lời, từng lời của chàng sĩ quan Pierre Fournier.

"Lần gặp gỡ đầu tiên vào đầu năm 1943, đẹp như một giấc mơ..." Bà Thuỳ Mai nhớ lại: Từ năm 1940, trường chúng tôi bị người Nhật, rồi người Anh chiếm đóng, nên cô giáo hiệu trưởng đã đưa chúng tôi về học ở Tân Định, ở trường Đỗ Chiểu vốn dành cho học sinh nam. Người ta ngăn đôi trường ra, và chúng tôi có lối đi riêng, nam sinh có lối đi riêng. Chúng tôi được dạy dỗ rằng nước Pháp rất vĩ đại. Và cha tôi cũng luôn luôn nói điều đó với tôi, mặc dù về sau này tôi mới hiểu là vầng hào quang của nước Pháp lúc đó đã dần dần lụi tắt ở Nam kỳ. Trước khi hội nghị Yalta¹

¹ Hội nghị quyết định cục diện thế giới khi đã rõ thực lực nước Đức sẽ thua tại chiến tranh thế giới thứ 2, bên cạnh các vấn đề hợp tác quân sự của phe Đồng minh và Liên bang Xô viết, có

diễn ra và tổ chức Liên hiệp quốc được thành lập vào năm 1945, thì nước Pháp đã rất kiệt quệ vì chiến tranh, tầm ảnh hưởng trên thế giới và ở Đông Dương đã giảm sút nghiêm trọng. Pierre thì hình như không hiểu biết nhiều lắm về tình hình thế giới. Anh ta là một sĩ quan và anh ta cuồng tín tin vào sức mạnh vũ lực, anh tin nhờ có súng đạn và tiền bạc, anh và những người như anh sẽ thống trị Đông Dương mãi mãi. Nhất là khi ấy, Nam kỳ hoàn toàn là xứ thuộc địa của Pháp...

Nhưng ban đầu khi mới gặp, Pierre đã nói rất nhiều về nước Pháp, và miêu tả vẻ đẹp của những nơi nổi tiếng cùng những vần thơ. Tuy học giỏi tiếng Pháp nhưng Thuỳ Mai không hiểu hết những lời Pierre nói, song chỉ cần nhìn cánh mũi và vành môi anh là cô gái đã cảm thấy mọi ngôn từ đều thật tuyệt vời. Anh nói rất nhiều về lý tưởng của mình, rằng anh có một tương lai cực kỳ xán lạn nếu ở lại nước Pháp, nhưng vì lời đã hứa với những người bạn thân muốn theo chân bác sĩ Yersin mà anh đến đây. Muốn sang Việt Nam, cách tốt nhất là gia nhập vào quân đội. Quân đội Pháp đã giúp đỡ cho hoàng đế Gia Long và những đời vua sau cai trị đất nước, đặc biệt là hoàng đế Bảo Đại đang tại vị. "Chúng tôi được dạy rằng Việt Nam lúc đó theo chế độ quân chủ do

điều khoản chia nước Đức ra làm 4 khu vực chiếm đóng, trong đó Pháp sẽ chiếm đóng một phần. Sau chiến tranh thế giới thứ 2, Anh, Pháp lấy lại vị thế và sự ảnh hưởng trước đây trên trường quốc tế, tuy nhiên, thực lực trong nước đã thực sự kiệt quệ.

cụu hoàng Bảo Đại đứng đầu. Nhưng thực ra, đất nước tôi đang ở trong cảnh thực dân và phong kiến, mảnh đất Sài Gòn tôi đang sống thực ra là một vùng thuộc địa" - bà nói. Và Pierre đêm ấy đã nói rằng tôi xinh đẹp, lộng lẫy, quyền uy "*comme une reine*"¹ khi cùng tôi khiêu vũ.

- Tôi có thể tưởng tượng ra khung cảnh ấy. Có lẽ bà đã nhảy điệu luân vũ với viên sĩ quan trẻ Fournier, sự dịu dàng, uyển chuyển của bà đã khiến ông ấy say đắm tột cùng; và sức mạnh và vòng tay của ông ta cũng đã làm cho người thiếu nữ 16 tuổi lúc ấy cảm thấy xiêu lòng...

Đôi mắt đang nhìn xuống của bà Thuý Mai đã mở to ra để nhìn thẳng vào Leroy, nhưng không để lộ một chút cảm xúc nào. Nhưng không sao, vì đó là bà của cuộc đời thường, anh đã kịp quen.

- Đúng vậy, tuy rằng điều anh nói đã thuộc về quá khứ. Chúng tôi đã có nửa năm vui chơi và hạnh phúc như thế, dưới sự giám sát rất rộng lượng của các cô giáo và của cha mẹ tôi. Cha tôi là ông ký Thái, nhưng không phải là ký lục mà thực chất là một nhân viên hành chánh của Hội đồng Thuộc địa, vốn là một cơ quan tư vấn của Thống đốc Nam kỳ. Vốn là người rất nghiêm khắc, ông thường dạy tôi về tam cương, ngũ thường và nhắc cho tôi biết phận làm người phụ nữ theo đúng sách thánh hiền. Tôi quên nói cho anh biết rằng tôi là đứa con duy nhất của cha mẹ mình; cha mẹ tôi có tôi khi tuổi đã khá lớn, khi đó cha tôi đã ngoài 40

¹ "*Như một nữ hoàng*" (tiếng Pháp)

tuổi, nên dù tôi là con gái, họ cũng không sinh nở gì thêm. Đó cũng là kết quả của một mối tình hơi ngoại chuẩn thời đó, khi mẹ tôi không hề có xuất thân tương xứng với chồng (người ta gọi là "môn đăng hộ đối"). Bà là một thợ may của một tiệm may nổi tiếng người Hoa, nhưng biết cách ăn mặc, phục sức và được khá nhiều đàn ông theo đuổi, nhưng bà đã chọn cha tôi - một "ấm tử" rời trường Nho học đi học Tây học. Ông đã học miệt mài đến nỗi hình như "quên" mất việc lập gia thất cho đến khi gần 40 tuổi.

Mẹ tôi kết hôn với cha tôi lúc gần 30 tuổi, đó là cái tuổi không thể tưởng tượng được đối với một người phụ nữ thời đó. Lý do vì sao mẹ tôi kết hôn muộn như vậy là vì bà rất nghèo, phải đi ở đợ cho tiệm may người Hoa ấy từ tấm bé. Bà lớn lên cùng với những người con gái của gia đình ấy, làm lưng, cung phụng tất cả năm người chị kết nghĩa ấy cho đến khi họ lần lượt đi lấy chồng hết. Bà đã ở đó đủ lâu để gia chủ coi bà như con gái, được hưởng những đặc ân khác với tất cả các gia nhân khác. Đến nỗi cha tôi lầm tưởng bà là con gái của gia đình ấy, và trong ngày cưới, ông bà chủ cũng đóng vai phụ mẫu của cô dâu, tổng hôn mẹ tôi đến nơi đến chốn. Họ đồng lòng đóng kịch đến phút cuối cùng, và kịch sĩ tài tình nhất chính là mẹ tôi. Bà đã thể hiện đủ nét đoan trang, xinh đẹp, giàu có, và phong thái đài các, phong lưu... học được từ năm bà chị hờ trong gia đình để đường hoàng bước vào dòng họ cao sang của cha tôi. Khởi phải nói là cha tôi đã bị bẽ mặt như thế nào, và ông bà nội của tôi đã tức giận như thế nào khi biết mẹ tôi chỉ là một

"con ở" không hơn không kém, ngoài những thứ mẹ tôi mang trên người khi bước vào khung cửa nhà chồng, bà hoàn toàn không có một chút của hồi môn nào hết. Chính vì vậy mà một thời gian sau, cha mẹ tôi đã bị "đuối khéo" ra một khu đất ở Chợ Cũ, chứ không được ở gần ông bà nội, vốn rất tự hào với truyền thống danh gia vọng tộc. Mẹ tôi quay lại nghề thợ may, rồi buôn bán vải và nhanh chóng giàu lên. Sau khi sinh tôi, bà quẳng tôi cho vú nuôi rồi lao ra mở một tiệm vải lớn. Chỉ trong vòng mười năm bà đã trở thành nàng dâu giàu có nhất của dòng họ, và mua được cho cha tôi chức ký lục ở khu hành chánh của Hội đồng thuộc địa. Phải nói là bà rất giỏi và thông minh, nhưng cái giỏi và thông minh ấy lại không được bất cứ ai nhìn nhận, nể phục, chỉ vì xuất thân quá bình dân của mình.

Tôi được thừa hưởng từ mẹ vẻ đẹp ngoại hình và cả cách ăn mặc, trang điểm. Khi tôi bắt đầu lớn lên, cha tôi đã nhanh chóng dồn tình yêu dành cho mẹ tôi sang thành sự yêu chiều dành cho tôi. Nhưng đó là một tình yêu nặng tính độc tài, gia trưởng mà mẹ tôi là người thấu hiểu nhất, tuân phục nhất. Bà cũng đồng lòng và cúc cung tận tụy để giúp ước mơ của cha tôi biến thành hiện thực: nuôi dạy đứa con gái duy nhất trở thành một mệnh phụ phu nhân đúng nghĩa...

Chúng tôi - tôi và Pierre - yêu nhau một cách lãng mạn qua những bài thơ và những lời tán dương. Nhưng tình yêu ấy chớm nở chưa lâu, khoảng một tháng thôi, thì một nhân viên của Hội đồng thuộc địa đã thông báo cho cha tôi

biết, cùng với một lời chúc phúc của đích thân ngài Thống đốc Nam kỳ thời đó là Ernest Thimothée Hoeffel. Hội đồng thuộc địa là một trong hai cơ quan giúp việc cho Thống đốc Nam kỳ thời đó, những người phụ nữ như tôi và mẹ tôi hoàn toàn không biết gì về nó. Chỉ đến khi cha tôi về nhà, vui mừng báo tin, còn nắm bàn tay tôi lên đặt một cái hôn kiểu Tây, tôi mới giật mình vì thấy mọi chuyện trở nên quá nghiêm trọng. Cha tôi nói rằng tôi sẽ trở thành một sĩ quan phu nhân, một người phụ nữ sẽ đứng vào hàng đầu xứ Xuân Lộc giàu có và màu mỡ (tất nhiên là vẫn đứng sau Pierre). Ông trịnh trọng nói với tôi và mẹ của tôi:

- Kể từ nay con không thuộc về chúng ta nữa, mà thuộc về chính phủ. Cha tự hào về con, cha ngưỡng vọng con...

Mẹ tôi nước mắt vòng quanh, khi nghe cha tôi kể về cuộc gặp gỡ được gửi kèm một chai rượu vang Pháp để "làm tin". Lúc đó tôi mới biết Pierre là một anh quan ba nổi tiếng ở Xuân Lộc, là một người rất có triển vọng không chỉ ở Nam kỳ mà còn khắp vùng Đông Dương. Sau đó, để kết lại những cảm xúc khôn tả của mình, mẹ tôi đã nói với cha tôi:

- Ông hãy xin ngài Thống đốc cấp cho chúng ta một ít đất cao su ở vùng đó, hoặc là cho mua rẻ cũng được. Hãy nói với ngài rằng Thuỳ Mai là con gái độc nhất của chúng ta, tôi và ông cần phải sống gần con gái trong những năm tháng cuối đời...

- Hẳn nhiên rồi! - Cha tôi nói mà không nhìn tôi - Cha đã có dự liệu, con cứ yên tâm hoàn thành việc học rồi lấy Pierre làm chồng và tận hưởng một cuộc sống giàu sang, vinh hiển. Nỗi vui mừng lớn nhất của cha trong sự việc này là con sẽ không hề phải làm con dâu trong một gia đình phong kiến hà khắc. Điều đó cho thấy con còn tốt phước hơn cả một hoàng hậu như đức bà Nam Phương, con hiểu không?

Những ngày tiếp theo đó, tôi và mẹ đã cùng sống trong một giấc mộng miên man về hạnh phúc. Mẹ tôi cũng biết chút ít chữ nghĩa, vốn rất mê đọc sách của ông Hồ Biểu Chánh nên bà đã dặt cho tôi biết bao điều mơ mộng về một tấm chồng tài đức vẹn toàn. Bà khích lệ tôi viết thư cho Pierre, trong đó luôn phải nhớ nhắc đến cha mẹ và những tháng ngày sắp tới ở một điền trang vùng Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ. Lúc ấy, những cái tên như đồn điền cao su Ông Quê, Hàng Gòn, Copral, Bình Ba... có một sức hấp dẫn vô cùng lớn. Mẹ tôi thèm muốn được sở hữu một mảnh đất có hàng ngàn cây cao su thay cho ngôi nhà nằm ở khu Chợ Vải. Leroy ạ, vài ngày nữa có thể tôi sẽ cùng anh tìm đến đó, anh sẽ hiểu được nỗi buồn tủi ngấm ngấm của song thân tôi lúc đó. Vì Chợ Vải trước đây rất sầm uất, mẹ tôi lập nghiệp ở đó, quen biết cha tôi cũng ở đó; một thời đó là nơi kinh thương lớn nhất Sài Gòn hồi đầu thế kỷ XX. Nhưng rồi Chợ Mới (còn gọi là chợ Bến Thành) được mọc lên ngay gần đó, vào năm 1914, khi tôi còn chưa ra đời, người Pháp đã xây dựng lên nó và được người Sài Gòn

gọi tên là Chợ Mới. Phố Tây mọc lên từ đây. Biết bao người từ vùng lục tỉnh đổ về, làm ăn phát đạt hẳn lên, lớp người như cha mẹ tôi trở thành dân cổ cựa, bị đẩy dạt về phía sau, việc sinh sống làm ăn khó bề thịnh đạt như trước. Và Chợ Vải đương nhiên được gọi là Chợ Cũ, dành cho những kẻ không còn thức thời nữa. Nó biến thành nơi bán thịt cá, nông sản ít có người quyền quý tìm đến; gần đó là một bến xe đi Nam kỳ lục tỉnh, toàn dân nghèo, lam lũ đến đó rồi đi trong những cuộc hành trình nhếch nhác, khổ sở.

Lúc đó, một cô gái 16 tuổi như tôi không hiểu hết những điều phức tạp như thế. Tôi chỉ biết tôi là đứa con gái duy nhất của một ông ký lục, vì gia đình có của ăn của để, có người hầu kẻ hạ nên tôi được hưởng vui sướng, an nhàn. Ngoài những giờ đi học, khi về nhà, tôi luôn ở trong khuê phòng, tránh tiếp xúc với nhiều người. Mẹ tôi là một người buôn bán sành sỏi, gia đình sống trong một môi trường khá huyền ảo vì gần chợ và bến xe; nhưng cha tôi lại nuôi dạy tôi theo khuôn mẫu của Nho gia ngày xưa. Cha tôi uốn nắn tôi thành một người phụ nữ trong mơ ước của ông, cái người giống như mẹ tôi những ngày ông theo đuổi và làm lẽ cưới; và hẳn nhiên cũng vì yêu thương mà ông không bỏ rơi bà, nhưng không bao giờ hài lòng cả. Cha tôi, thỉnh thoảng tôi vẫn học theo câu Kiều mà gọi ông là "nghiêm đường" chuyên chú dạy cho tôi chữ thánh hiền, bắt tôi phải học chữ nho, viết mực tàu, đọc sách thường thức khoa học bằng tiếng Pháp. Còn mẹ tôi thì lên cho tôi đọc những quyển tiểu thuyết lâm ly được phóng tác từ tiếng Pháp, hoặc những

truyện viết theo sách đỏ của ông Hồ Biểu Chánh. Các chị ở trường Gia Long thì dầm dúi cho tôi đọc mọi thứ liên quan đến các nhà thơ, các tài tử Pháp. Còn cảm nhận về người đàn ông tôi yêu mang dáng dấp của Alfred de Musset hay là G.A (Guillaume Apollinaire) thì lại hoàn toàn do tôi dẹt mộng. Tôi đã đọc rất nhanh tất cả những gì rơi vào tay mình, rồi cầm bút tập tành làm thơ (bằng tiếng Pháp), và đương nhiên là còn để viết thư cho Pierre về những mảnh đất màu mỡ nơi anh đang quản lý. Tôi không hề nghĩ gì về tương lai sau này của cả tôi và anh ấy, và cũng không nhận ra những tâm sự thâm kín của cha mẹ tôi, những người vốn đã rất giàu nhưng vẫn muốn giàu có thêm...

Tuy nhiên, tôi nghĩ phải nói thêm với anh rằng tôi không có ý niệm gì về sự giàu có của gia đình, cho đến ngày tôi từ bỏ nó. Sự giàu có của cha mẹ tôi đã làm cho tôi rơi nước mắt khi nhìn thấy những người nghèo khổ, nói chính xác hơn là những người nô lệ, của xã hội thời đó. Tôi đã phải nghẹn ngào ôm lấy anh Trần Hồng Dương mà khóc, mà lạc mất giọng nói khi hỏi anh ấy rằng: "Em phải làm gì để chuộc lại lỗi lầm của chính mình, và của cha mẹ em, vì đã từng có ý muốn làm giàu trên cuộc đời của họ?" Leroy, anh ấy đã trả lời tôi rằng: "Hãy yêu anh, vì anh là một phần của họ!"

Trong đầu Leroy hình thành rất nhanh mấy cái gạch đầu dòng sắc nét: - Thơ tình, bằng tiếng Pháp? - Những mảnh đất màu mỡ, tại sao không? - Những "tâm sự thâm kín"?... Tuy nhiên, những câu hỏi ấy tự xoá sạch rất nhanh

trong suy nghĩ của anh. Giọng nói của bà Thuỳ Mai cũng lạc hẳn đi. Anh chủ động nắm lấy tay bà, nhắc nhở:

- Thưa bà, chắc bà đã mệt rồi...

- Đừng để tôi một mình vào lúc này, hãy ngồi ở đây lắng nghe những điều tôi nói... Làm ơn đi, hãy vì hơn 40 năm...

- Vâng, vâng, tôi xin tuân lời bà... - Leroy đáp nhanh để bà Thuỳ Mai khỏi phải thở khó nhọc trong khi nói - Nếu bà không ngại, mời bà cứ nằm nghỉ; tôi nghĩ rằng tôi sẽ lấy ghế đến ngồi bên cạnh giường của bà, và xin phép được hút thuốc trong khi nghe bà kể chuyện.

Thuốc lá, vốn là "người tình" vẫn đồng hành với Phillipe Leroy qua nhiều đêm dài. Tất nhiên là bà đồng ý, một cách rộng lượng, tuy có hơi miễn cưỡng. Bà nửa nằm nửa ngồi trên giường, nên anh đã giúp bà kéo chiếc mền lên phủ ngang người cho bà rồi tiếp tục lắng nghe câu chuyện đang được kể ra bằng làn hơi nóng bỏng trong họng bà:

- Mỗi tình của tôi với Pierre Fournier kéo dài được khoảng nửa năm, và chỉ giới hạn trong các cuộc thăm viếng tại trường học của tôi và những lá thư. Mỗi lần Pierre đến thăm tôi, trường tôi thành lập cả một "hội đồng" để đón tiếp anh ta; và anh ta xuất hiện trước mặt tôi cũng như một pho tượng đồng, trong bộ quân phục nhà binh lúc nào cũng mới tinh, sáng loáng. Anh luôn giữ khoảng cách khi ngồi trước mặt tôi, vì trong phòng còn có cô hiệu trưởng,

giám thị và cả những người của dinh Thống đốc Nam kỳ thấp tùng. Chỉ có ánh mắt si tình anh nhìn tôi là thứ vượt qua được những lễ nghi, và tôi đã mong anh mãi ngồi ở đó, và nhìn tôi như thế cho đến ngày ngài Thống đốc sẽ làm chủ hôn cho tôi và anh như lời ông đã hứa. Phải nói là tôi (và cả mẹ tôi), đều thắm nức nở và cảm kích trước thái độ cẩn trọng, không dám "vượt vòng lễ giáo" của Pierre. Tóm lại là anh ta trong mắt tôi và mẹ tôi là một thần tượng hoàn hảo.

Có một điều làm tôi suy nghĩ mãi, cả về sau này khi đã quen biết với anh Trần Hồng Dương, đó là Pierre không bao giờ tặng cho tôi món quà đắt giá. Thứ mà anh hay gửi cho tôi là những lá thư thơm phức ghi trên đó một đoạn, hay một bài thơ nào đó. Những lá thư ấy đã được các chị em cùng học trường Gia Long của tôi chuyền tay nhau đọc, hít hà ao ước, ghen tị. Mẹ tôi không biết nhiều chữ Pháp, bà không thích những lá thư ấy. Điều bà ấy mong mỏi là một chiếc nhẫn kim cương trong lễ đính hôn (chí ít là vậy), và một diên trang cao su vài chục mẫu được chính quyền để rẻ cho vì có công sinh ra một sĩ quan phu nhân... Leroy! Mỗi tình đầu của tôi bắt đầu như vậy đó, câu chuyện có thể làm cho anh buồn cười, thậm chí giễu cợt nó...

Leroy cười nhẹ để làm dịu bớt sự căng thẳng trong giọng nói của người kể chuyện. Anh đáp:

- Bà Thuỳ Mai yêu quý! Làm sao mà tôi có thể làm điều đó được. Quá khứ là quá khứ...

Đôi mắt sưng phồng lên vì sốt của bà nhìn anh, vẻ nghi hoặc. Song bà vẫn kể tiếp:

- Rốt cuộc niềm mong ước của mẹ tôi đã thành sự thật khi Pierre Fuornier quỳ xuống giữa dạ tiệc giáng sinh năm 1943 để xin cầu hôn tôi. Đó là dạ tiệc chiêu đãi các sĩ quan Pháp từ khắp miền Nam tụ về để chúc mừng Thống đốc Nam kỳ Ernest Thimothée Hoeffel. Tôi đã đến đó với cha tôi, và đêm đó là lần đầu tiên Pierre tháp tùng tôi và cha - ông ký Thái về tận nhà. Khi rời nhà, chúng tôi đi bằng xe kéo, nhưng vào đầu giờ Hợi (nghĩa là khoảng 11 giờ khuya hôm đó), chúng tôi ngồi trong một chiếc xe Volkswagen về nhà. Điều đó đảo lộn tất cả đời sống của một phần Chợ Cũ nơi gia đình tôi sinh sống. Những người quen biết xung quanh công khai tẩy chay cha mẹ tôi khi biết tôi đã đính hôn với một anh quan ba người Pháp. Họ không qua lại buôn bán với mẹ tôi nữa, có dịp là họ mĩa mai về việc thiếu nữ An Nam đi lấy chồng Tây, bởi việc này chưa có nhiều tiền lệ ở Chợ Cũ. Nhưng vì một tương lai quá nhiều hứa hẹn, mẹ tôi sẵn sàng tuyên chiến với tất cả mọi người bằng một thái độ ngạo mạn, bất cần.

Cũng kể từ khi ấy, tôi bắt đầu lo sợ cho tương lai của mình. Bởi tôi đã thành vật sở hữu của một người đàn ông, và dù có vẻ ưu tú đến mấy, anh ta vẫn thuộc về giống "ngoại chủng". Tôi nghe xì xào biết bao điều tiếng về "me Tây" (những người Việt lấy chồng Pháp như tôi sắp làm). Chiếc nhẫn kim cương và những bài thơ tình viết bằng một tiếng Pháp trau chuốt nhưng đầy vẻ xa lạ hình như không

phải là niềm mơ ước, là lẽ sống của tôi. Đường như tôi chưa sẵn sàng yêu Pierre - lúc ấy tôi nghĩ thế. Tâm tư tôi lung lay, chao đảo vì những lời bóng gió, xiên xỏ và đe dọa. Nhưng mẹ tôi bảo rằng đó là tâm lý chung của những đứa con gái chuẩn bị lấy chồng. Kể từ đó, Pierre hiện hữu trong ngôi nhà của cha mẹ tôi như là một con người có thực, là người sẵn sàng kết hôn với tôi và mang đến cả một mỏ đất cho cha mẹ tôi.

- Leroy! - Đột nhiên bà nhìn vào đôi mắt người bạn đồng hành và gọi tên anh - Hơn 40 năm rồi tôi chưa quay trở về tìm lại ngôi nhà ấy. Chắc là bây giờ nó không còn... Tôi thì vừa muốn, lại vừa sợ tìm về nơi ấy...

- Thật thế sao, thưa bà Thuỳ Mai? Bà không hề quay trở về Việt Nam suốt hơn 40 năm qua sao?

- Đúng vậy. Chính xác hơn thì cuối năm 1973 tôi cũng đã về đến Hà Nội trong phái đoàn ngoại giao Pháp - Việt, nhưng tôi bị từ chối khi ngỏ lời muốn vào thăm miền Nam...

- Thế còn những năm trước đó, tôi không hiểu...

- Đó là cả một câu chuyện dài, Leroy ạ.

4.

(Lời kể của bà Thuỳ Mai).

Qua năm mới khoảng mười ngày thì tôi nghe tin Pierre gặp nạn. Tin báo về là anh bị thương, gãy tay trong lúc đang truy quét bọn thảo khấu ở Xuân Lộc, nơi anh ta

đang làm chức trách. Cha tôi (được sự thúc giục của mẹ tôi), liền tìm đến Hội đồng thuộc địa, rồi văn phòng của Thống đốc Nam kỳ để tìm hiểu sự việc. Anh có biết câu chuyện diễn biến tiếp theo như thế nào không, Leroy? Trở về nhà, cha tôi đổi thái độ từ lo lắng sang vui mừng hân hoan kỳ lạ, ông dắt ngay mẹ tôi vào buồng riêng của ông bà để nói chuyện, sau khi dành cho tôi cái nhìn vô cùng trù mến. Tôi đã lên nghe cha mẹ tôi chuyện trò trong bóng tối, nghe thấy hai người cười rộ lên vì khám phá ra sự thật về Pierre: Anh ta không chỉ là một sĩ quan, mà còn khá là giàu có, vì có phần hùn trong ít nhất ba đồn điền cao su ở Xuân Lộc. Pierre bị thương không phải vì truy quét thảo khấu ở địa phận mình phụ trách, mà là bị công nhân trong đồn điền phục kích. Tôi rùng mình nghe tiếng cười của cha tôi khi ông hé lộ sức mạnh của người vợ hôn phu ấy:

- Bà nó biết không? Cái tay gãy của "thượng nhân" Pierre phải trả bằng bốn, năm mạng người đây. Thượng nhân rất tài giỏi, đã bắn hạ ngay tại chỗ một tên, sau đó ra lệnh truy quét trên toàn địa bàn và bắt, xử tử thêm mấy tên nữa. Tất cả đều là công nhân đồn điền nhưng chúng là Việt Minh đây.

- Ôi chà... - giọng mẹ tôi hít hà, run rẩy - Thế sao hả ông chồng tôi? Như thế là thượng nhân Pierre cũng là địa chủ à? Ông ta trẻ mà giàu thế, vậy là con gái chúng ta sẽ giàu có lắm, sung sướng lắm...

- Khỏi phải nói... Bà cứ đi khen mèo dài đuôi...

Giọng của cha tôi có phần kích động, có lẽ chính ông vẫn chưa tin những điều ông vừa nói. Tôi đã bước ra khỏi cánh cửa buồng tôi, đến gần và thốt lên trong cơn xúc động:

- Cha, mẹ... Con không lấy Pierre nữa đâu, con sợ lắm...

Cha mẹ tôi quay phắt ra nhìn tôi. Mẹ tôi xua xua tay thật mạnh như để xua đuổi tà khí phát ra từ câu nói của tôi:

- Không, không, con trẻ người non dạ, đừng có nghĩ bậy bạ rồi nói vắn vơ nghe con. Con có phước, có phần làm bà lớn, không phải ai cũng được như con đâu nghe...

Riêng cha tôi thì giận run lên, mắt ông trợn lên, cổ áo, tay áo rung lên khi ông nhìn tôi và gằn giọng mà nói:

- Không lấy mà được à? Mà có biết thượng nhân Pierre là người như thế nào không? Một cánh tay gãy đổi bằng mấy mạng người đó, nghe không?!

Mẹ tôi liền sắm sửa lễ vật đi chùa cầu an cho Pierre, mặc dù mấy ngày đầu năm bà đã đi hết mấy ngôi chùa gần đó. Tôi cũng phải cấp giỗ cho bà, lên xe kéo và xì xụp khăn vái; và tôi có cảm giác rất kỳ lạ là mai sau, tôi sẽ tiếp tục khăn vái, cầu an cho Pierre như một người đã chết. Còn lại không hề có cảm giác thương nhớ, lo lắng cho hiện tại của anh ta. Ngày hôm sau, Hội đồng thuộc địa có giấy gọi cha tôi ra, chiều về ông cho biết đã trò chuyện qua dây nói với Pierre. Anh ta ngỏ lời muốn cha đưa tôi xuống thăm anh tại nơi đồn trú của anh; anh đã thỉnh cầu điều đó với Thống

đốc Nam kỳ, và đã được chuẩn y. Tôi không chỉ đến thăm anh như một hôn thê đã hứa hôn của anh, mà còn đại diện cho nữ sinh trường Gia Long đi "uý lạo" tinh thần binh sĩ. Nhưng tôi sẽ không phải đi một mình, mà sẽ được cha đưa đi, và có quân đội tháp tùng, bảo vệ. Để thêm phần long trọng, sẽ có thêm vài ký giả đi theo để viết bài (và tôi ngây thơ nghĩ rằng họ đi theo tôi, vì tôi là "nhân vật chính" của chuyến đi). Nhưng quả tình, trong lòng tôi hoang mang, lo sợ nhiều hơn là vui mừng, vì tôi mang sẵn nỗi sợ và cả ý muốn không lấy Pierre nữa. Thấy cha mẹ tôi hồ hởi sắp xếp mọi thứ cho chuyến đi của tôi, tôi đã ngập ngừng thưa với họ:

- Cha, mẹ, con không đi có được không? Để con viết thư cho Pierre...

- Không được! - Cha tôi nói như đinh đóng cột - Mọi thứ đã xếp đặt hết rồi, con đừng có làm cản trở đại cuộc...

- Nhưng con sợ lắm, cha ơi...

- Đừng có sợ... - cha tôi dỗ dành - thượng nhân Pierre là một anh hùng, một nhà quân sự, không có gì đáng lo cả. Tình hình ở đó đã được dẹp yên rồi, cũng là nhờ một tay Pierre đó. Hơn nữa, đường đi từ đây xuống đồn điền cao su của Pierre chỉ có khoảng 70 cây số thôi, nghĩa là ngồi xe khoảng ba tiếng đồng hồ. Chỉ ba tiếng đi và ba tiếng về, nhưng mai này con sẽ nổi tiếng toàn cõi Đông Dương, sẽ không làm hổ danh cha mẹ và cả trường nữ Gia Long nữa...

Với lại có cha luôn luôn ở bên cạnh con, con sợ gì nữa chứ...

Mặt tôi nhăn nhó, chắc rất khó coi vì không thể thoái thác nghĩa vụ ấy. Mẹ tôi đã trở mặt, nạt tôi:

- Coi cái mặt nó kìa! Đi thăm chồng mà nó làm như đi vào chỗ chết vậy. Không có được như vậy nữa nghe, tươi tỉnh, đàng hoàng lên. Con không phải là nữ sinh nữa đâu, mà là sĩ quan phu nhân rồi đó.

Cha tôi dỗ dành tôi, rằng khi đã cưới Pierre rồi thì tôi đã là người Pháp, được chính phủ Pháp bảo hộ. Không những thế, mà Pierre cũng sẽ dạy cho tôi bắn súng, cưỡi ngựa, sẽ lo cho tôi dinh thự đàng hoàng (nếu cần tôi sẽ sang Pháp sinh sống cùng với gia đình khi Pierre hết hạn công tác tại đây). Cái viễn cảnh ấy khiến tôi càng thêm lo lắng chứ không hề vui sướng chút nào, nhưng đó là tất cả những điều cha mẹ tôi tin tưởng và mong muốn. Với suy nghĩ của một cô gái mới 16 tuổi, vừa bước qua tuổi 17, là cái tuổi hầu hết các cô gái An Nam thời đó đã hoặc sắp bước vào hôn nhân, tôi tự nhủ rằng đành phải "nhắm mắt đưa chân". Làm một công dân Pháp quốc là một sự lựa chọn không hề tầm thường, nhưng tôi cảm thấy điều ấy thật xa vời, vì hàng ngày tôi vẫn sống ở một góc trời Sài Gòn, hít thở không khí quanh mình với người, xe, kênh rạch, với cha mẹ và góc chợ, con đường... Tôi quên nói với anh rằng tôi còn có vài người bạn gái rất thân, trong đó có chị Lương Thị Huệ, còn gọi là Hai Huệ, chính là người chúng ta đã thấy trên bức chân dung hôm trước. Anh có tưởng tượng ra được chị ấy

đã từng bị người Pháp bắt, tra tấn và hăm hiếp trong tù không? Chị ấy như là người mẹ thứ hai của tôi, mặc dù chị chỉ hơn tôi hai tuổi...

Khi nghe tôi kể về Pierre và chuyến đi "uý lạo" tinh thần vị hôn phu, chị đã nói với tôi:

- Một cánh tay của anh ta đổi bằng bốn, năm mạng người An Nam như chúng ta đây, em gái à. Là người Việt bị họ cai trị cả trăm năm rồi đây!

Trong đoàn đi về Xuân Lộc thăm hỏi Pierre năm ấy có chị Lương Thị Huệ và mấy người bạn gái cùng học trường Gia Long với tôi. Khởi phải nói là tôi cảm thấy tự hào, và cũng bồi hồi như thế nào khi có một đoàn tháp tùng rầm rộ như vậy (mà tôi cũng được biết rằng Pierre cũng chờ đón tôi y như thế!). Dẫu rằng trong bụng phân vân, sợ hãi về tương lai khi biết vị hôn phu là một kẻ tàn nhẫn như vậy, nhưng quả tình là tôi và cha mẹ rất hãnh diện, vì thân phận đặc biệt của mình. Tôi và cha được ngồi trên một chiếc xe Ford màu da bò chạy với vận tốc khoảng 30km/h, theo sau là mấy chiếc xe khác và được hộ tống bởi hai chiếc xe nhà binh. Lần đầu tiên trong đời tôi được đi qua cửa ngõ Sài Gòn và cảm thấy mình mất hút giữa những rừng cây cùng những con đường.

Tôi đã đi qua quốc lộ 1, con đường người Pháp mở ra để thông thương hàng hoá suốt từ Bắc tới Nam. Cách đây 45 năm, con đường gần như bị che phủ bởi những rừng cây, bụi rậm bên đường, lại ít người và xe qua lại. Xe bò, xe

ngựa nhiều lắm. Cứ khoảng bốn, năm cây số lại có một trạm gác, một bớt đồn nhưng vì đoàn xe chúng tôi có gần cò nên hầu như không phải dừng lại giữa đường. Chính điều đó khiến chúng tôi lầm tưởng là con đường này hết sức bình yên, an toàn. Thậm chí là, với sự cả tin ngây thơ của cô gái khuê các 17 tuổi, tôi không hề nghĩ rằng có điều gì bất trắc có thể xảy ra. Tất cả đều hoàn hảo cho một cuộc viếng thăm đình đám, và đám ký giả cũng thổi vào tai cha tôi rằng họ chưa bao giờ thấy một cuộc thăm hỏi, uỷ lạo tuyệt vời thế này.

Khi ngọn núi Chúa Chan xuất hiện thì chúng tôi được một toán lính Pháp và cả lính Việt chờ sẵn thông báo là vị hôn phu Pierre Fournier của tôi đã ra tận nơi đón tiếp. Chúng tôi không kịp chỉnh đốn tư thế và quàng ra mắt mang theo thì Pierre xuất hiện, trên lưng một con ngựa dứng mãnh nhìn như một thỏi sắt di động, hàm của nó bạnh ra đầy vẻ dữ tợn. Phía sau Pierre là một số binh nhất, binh nhì cũng cưỡi ngựa giống anh, nhưng tôi lấy làm lạ khi thấy rất nhiều người đàn ông mặc quần áo đen, dưới chân hầu như không có dép, đang lố nhố chạy theo họ. Tôi hỏi cha và được ông trả lời:

- Có lẽ họ là lính phu được tuyển từ các đồn điền cao su gần đây, nơi thượng nhân Pierre quản lý đó...

Pierre mừng rỡ chạy đến mở cửa xe cho cha con tôi xuống. Tôi nhận thấy tay trái của anh ta bị treo lên bằng một miếng vải trắng, ngoài ra không có vết thương nào khác. Mặc quân phục nhà binh và đeo súng, kiếm hai bên

hông, trông anh ta lúc đó đẹp đẽ, lãng mạn làm sao! Tôi dường như tạm quên đi những nỗi lo canh cánh trong lòng về chuyện hôn nhân và tương lai, vì những điều mẹ tôi dặn dò và thị phạm trước lúc lên đường. Tôi rụt rè đặt tay lên vai anh, lí nhí hỏi thăm anh, thậm chí mắt cũng không nhìn vào mắt Pierre... Anh ta đã không chờ cho tôi làm xong nghĩa vụ của một vị hôn thê, mà quàng cánh tay phải qua người tôi, gần như nhắc bóng tôi lên khỏi mặt đất và hôn vào môi tôi.

- Ôi, thượng nhân...

Tôi thoáng nghe cha tôi ấp úng ở sau lưng, những tiếng xì xào của các chị và tiếng máy ảnh quay lạch xạch. Cơ thể tôi lập tức bủn rủn, đầu óc choáng váng như bị say nắng. Tôi còn nhớ khung cảnh buổi sáng hôm đó nắng rất đẹp, nơi chúng tôi đứng dẫn vào một khu rừng, ngọn núi phía xa xanh rì và chìm trong không gian rộng lớn, còn bảng lảng sương khói. Khi Pierre buông tôi xuống, tôi gần như không đứng vững vì tất cả: cái màu nắng ngọt như mật đổ xuống núi rừng, nụ hôn của Pierre, và sự run rẩy sợ hãi. Tuy là một nữ sinh được học theo Tây học, biết khiêu vũ và đã nhiều lần tay trong tay cùng Pierre, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy như vậy. Về sau tôi tự hỏi vì sao những ngày đầu gặp gỡ, tôi đã không hề cảm thấy như thế trước Pierre? Có lẽ vì tôi chưa thực sự là tôi cho đến giây phút đó. Cánh tay anh ta mạnh mẽ như một cái gọng bằng sắt, nụ hôn của anh ta cũng thế; mặt anh chạm vào mặt tôi trong khoảnh khắc ngắn, nhưng tôi kịp nhận thấy một làn da nóng bừng

như cô hoá chất gì đó đang toát ra. Chỉ có đôi mắt màu xanh của anh là lạnh và bất động. Tôi run rẩy lên nhìn lên đôi môi dày vừa mới gắn vào môi mình và thấy nó vẽ lên một nụ cười kỳ lạ, chẳng ăn nhập gì đến xung quanh. Lúc đó, chị Hai Huệ và một cô giáo của tôi (người Pháp) đang đứng sau những người ký giả, gương mặt chị Hai Huệ sợ sệt không kém gì tôi và cha tôi. Đám người cười ngựa phía sau lưng Pierre thì hú lên vì kích động, nhưng những người phụ đồn điền thì lặng lẽ, thờ ơ như đang bị bệnh.

Sau khi bày tỏ tình cảm với tôi, Pierre quay sang bắt tay cha tôi và cô giáo cùng đi. Anh ta nói với cha tôi:

- Thưa ông, ông cứ coi đây là nhà của mình. Tôi xin hết lòng phục vụ cho ông và tiểu thư Thuỳ Mai...

Gương mặt cha tôi lúc đó mới giãn nở ra hết cỡ. Những người ký giả yêu cầu chúng tôi đứng sát vào nhau để chụp một tấm ảnh kỷ niệm. Ngay lập tức, với chỉ một cánh tay lành, Pierre bế bổng tôi lên lưng ngựa, đặt tôi ngồi phía trước anh.

- Em đẹp lắm, nữ thần phương Đông của anh!

Pierre nói vào tai tôi câu nói đó, hơi nóng từ da mặt, da cổ của anh phả vào mặt tôi. Tôi lúng túng, sợ hãi nhìn mọi người, nhất là mấy vị ký giả đang lằng xằng chỉnh đốn cho các nhân vật của bức ảnh. Pierre rút thanh gươm trần ra, chống thẳng lên đỉnh đầu con ngựa để tạo dáng cho thật oai vệ, hùng tráng...

Đang im lìm ngồi như một người mê ngủ, Leroy chợt bừng tỉnh. Bằng một phản ứng rất bản năng, anh nắm chặt lấy bàn tay bà Thuỳ Mai và reo lên:

- Vậy là tôi đã nhìn thấy bức ảnh ấy, thưa bà. Vừa mới đây thôi...

Bà Thuỳ Mai cũng ngồi thẳng dậy:

- Anh nói sao? Anh thấy nó ở đâu? Sao lại thấy được nó?

- Bà có nhớ câu nói của ngài Đại sứ không? Khi chúng ta dừng chân ở Hà Nội, điểm mở đầu cho chuyến công du của đoàn tham tán, ngài đã hôn tay bà và nói rằng trông bà rất quen... Trong phòng trưng bày của đại sứ quán Pháp, tôi nhớ có thấy tấm ảnh một sĩ quan Pháp ôm một thiếu nữ Việt, kiếm tuốt trần hương thẳng xuống giữa hai mắt con ngựa. Ở phía sau là một ngọn núi lớn... Tôi đã có cảm giác người thiếu nữ ấy là bà...

5.

Có lẽ đúng là tôi, Leroy! Chuyến đi ấy tạo dư luận lớn vô cùng, hầu như ai cũng biết "chuyện tình" của tôi và Pierre, chỉ có một mình tôi ngậm đắng nuốt cay với một sự thật đáng sợ một mình tôi biết. Nhưng thôi, tôi kể nốt cho anh nghe về những giây phút êm đềm, lãng mạn cuối cùng của chuyện tình này, như món quà cuối cùng của cuộc đời dành cho một người thiếu nữ - trót được (hay bị) sinh ra trong hoàn cảnh ấy như tôi.

Lúc ấy tiết trời đã chuyển sang mùa xuân. Nếu ở lại đây ít ngày nữa, thì có lẽ chúng ta sẽ được tận hưởng bầu khí xanh tươi của muôn loài cây đâm chồi nảy lộc như ngày đó. Pierre lệnh cho đoàn phu thợ cáng chúng tôi lên núi Chứa Chan để thăm chùa, bái Phật, chỉ vì tôi buột miệng nói rằng tôi muốn đến thăm một ngôi chùa. Đích thân anh ta dẫn đầu đoàn người, tuy chỉ đi bộ dưới đất nhưng trông anh ta oai phong lẫm liệt. Cha tôi vô cùng sung sướng nhìn con gái yêu trở thành bà hoàng của chuyến viếng thăm. Chúng tôi đã đến bái Phật đứng ở ngôi chùa Bửu Quang, nơi tôi và anh đã đến hôm qua. Chỉ có điều Pierre không vào, mà tay lăm lăm khẩu súng trường chìa vào những người phu đồn điền với vẻ dữ tợn. Những tên thuộc hạ của anh ta cũng thế. Tôi nắm tay chị Hai Huệ bước ra khỏi Phật đường, và chị đã nói nhỏ vào tai tôi:

- Thiệt là tội chết! Ai lại điều võ giương oai ở nơi Phật đường thế này. Sao em không báo cho Pierre biết mà cư xử cho đúng mực?

Tôi ấp úng nhìn chị, đến lúc ấy tôi mới ý thức được rằng mình không đúng. Nhưng đã muộn rồi. Pierre dương dương tự đắc dìu tôi lên cáng, xỏ ra một tràng tiếng Pháp bình luận về cái áo dài màu hồng lam tôi mặc hôm ấy thật hợp với cảnh chùa, rồi mời tôi lên đỉnh núi thăm vườn trà và tư dinh của vua Bảo Đại. Thế là một đoàn người tiên hô hậu ủng lại tiếp tục lên núi. Núi Chứa Chan vốn thoải thoải, không dốc lắm nên chúng tôi đi thêm khoảng hai mươi phút nữa thì lên tới nơi. Có những gốc trà hơn 40 năm đến hôm

qua vẫn thế, nhưng ngôi nhà bằng đá của vua Bảo Đại trên đỉnh núi thì đã biến mất. Lúc ấy đang mùa xuân, dinh thự ấy thực ra cửa đóng then cài, nhưng theo ý của Pierre, tôi và mọi người nên chiêm ngưỡng và "bái vọng" một cách thành kính như có sự hiện diện của đức vua ở đó. Năm đó ngài vẫn là vua của đất nước này, nhưng thực ra vai trò của ngài đã mờ nhạt lắm rồi. Nhưng khi thấy Pierre có tấm lòng như vậy, cha tôi lấy làm sung sướng lắm. Ông ca ngợi anh ta là một người hiểu biết, lịch duyệt và cao cả. Tôi cũng xúc động và cảm thấy bị chinh phục, sau khoảng thời gian ngồi ngất ngưỡng trên chiếc kiệu gỗ xinh đẹp được trang trí bằng các loại hoa rừng ở xứ này. Đó là khoảng thời gian ngắn ngủi mà cảm giác thần tiên đã chi phối hoàn toàn chúng tôi.

Khi xuống núi, đoàn người đi rất nhanh. Tôi lấy làm lạ vì sao đã trưa rồi mà Pierre không cho mọi người ghé vào chùa ăn bữa cơm chay. Trông anh ta căng thẳng, khẩn trương, tôi đã mong đoàn người mau xuống núi để được nghỉ ngơi. Không khí rạo rực của núi rừng khiến tôi ngây ngất. Tôi gần như choáng váng khi được đưa xuống núi, khi đoàn người ghé thăm đồn trú của Pierre, tôi nằm bẹp, không ăn uống được gì cả nên được đưa vào phòng của Pierre nghỉ tạm. Bốn năm sau, khi đã sống ở Hàm Ninh và nghe những người Việt Minh kể lại, tôi mới hiểu rằng tuy khoa trương như vậy, nhưng Pierre rất sợ bị phục kích. Nhất là sau giờ Ngọ, buổi trưa, khi lính của anh ta thăm mệt, còn Việt Minh hay chọn giờ đó để tấn công.

Tôi nằm đó, lẳng lẳng vì những điều đang diễn ra quanh mình, nhất là chuyến đi lên núi chớp nhoáng vừa xong. Khi Pierre bước vào, mặt đỏ bừng, tay cầm ly rượu đầy sòng sánh, tôi gượng cười đứng lên nhưng đầu đau như búa bổ. Anh ta đã đỡ lấy tôi bằng cánh tay đang bị treo trên vai, và cho biết cha tôi cùng mọi người đã quay trở về Sài Gòn rồi.

Tôi hoảng hốt, lập tức tỉnh cơn say nặng. Tôi hỏi vì sao mọi người đi mà không đưa tôi về cùng thì Pierre mỉm cười rất hiền, bảo rằng: "Ông Ký Thái đã giao cho anh nhiệm vụ phải chăm sóc cho em. Em đừng lo!" Rồi anh ta đặt ly rượu xuống và bắt đầu cởi khuy áo bộ quân phục trên người. Lúc ấy, tôi còn đứng quan sát anh như những lúc đứng nhìn cha bước vào nhà, treo cái ô lên cửa rồi thông thả cởi bớt áo dài trên người ra cho mát. Khi ngón tay anh chạm vào nút áo thứ ba hay thứ tư gì đó thì bên ngoài có tiếng gõ cửa gấp gáp. Anh liếc nhìn tôi rồi nhanh chóng đóng mấy cái khuy đó lại, mở cửa thò đầu ra ngoài. Rồi anh đóng sập cửa lại, kèm theo tiếng chửi thề khiến tôi phải đỏ cả mặt. Nhưng thấy tôi, cái màu đỏ gay trên mặt anh dịu lại, anh nhìn tôi một lát rồi nói:

- Em chờ anh ở đây nhé, anh sẽ quay lại ngay. Nhớ đừng đi đâu hết, ở đây rất nguy hiểm, là nơi rừng thiêng nước độc, rất nhiều thú rừng hung dữ ở quanh đây...

Tôi sợ, nên vội vàng lí nhí nói: "Vâng!", rồi ngoan ngoãn ngồi lên giường. Pierre giơ tay ra như muốn nắm lấy tay tôi để hôn theo kiểu Pháp, nhưng rồi lại thôi. Anh đi ra,

đóng sập cửa lại. Tôi vẫn còn nhớ tiếng cửa sắt ập vào chát chúa, nó vang lên giống như lần tôi bị đưa lên tàu biển, và cả những ngày sống ở trại tị nạn dành cho người Việt trên đất Pháp. Thật khủng khiếp. Tôi rùng mình vì sợ, liên tưởng tới bọn cạp beo, rắn rết có thể xuất hiện ngay dưới chân mình, vào lúc này... Nhưng rồi cửa lại được mở toang ra, Pierre xuất hiện cùng với một người hầu mặc áo choàng trắng, bưng trên tay một khay thức ăn và nước uống.

- Em đói rồi, dùng bữa rồi nghỉ trưa tại đây. Chỉ chừng một vài giờ anh sẽ về. Chào cưng!

Lần này thì anh gơ tay nệm cầm tôi trước khi đi ra. Tôi nhìn quanh, căn phòng xây như một cái lô cốt với bức tường dày, bề mặt vừa lạnh vừa ẩm thấp, mặt đất thì dơ bẩn. Tôi nhìn đồng hồ quả lắc treo trên tường, và thấy đã qua giờ Mùi. Nếu Pierre hẹn hai giờ nữa quay lại đây, thì làm sao tôi trở về Sài Gòn trong chiều nay được. Lúc ấy tôi làm sao mà biết được chính Pierre hay bất cứ ai đều không dám xuất hiện trên đường sau giờ Mùi; vì rằng người của Việt Minh đang ngày một nhiều và bắt những người Pháp có nợ máu phải trả giá ngay trên con đường người Pháp kiểm soát. Căn phòng tôi đang ngồi mang dáng dấp nơi ở dã chiến của nhà binh, và còn có những đồ vật rất kỳ lạ như cung tên, dây thừng, và còn có cả một bộ tóc dài nửa vắn lại, nửa xoã xuống... Tôi nghĩ: chắc đây chính là nơi Pierre sinh sống trong những tháng năm rời đất Pháp phồn hoa để tìm kiếm danh dự, vinh quang, và cả sự giàu có... (Hay

nói theo cách của anh: Giúp những người An Nam khai hoá, dạy cho bọn phu đồn điền sự kỷ luật và khuất phục!)

Tôi đứng lên. Bàn viết của anh đóng kín, có chút bụi bặm và cả mùi thuốc súng. Sau cả mười, mười lăm phút ngo ngẩn nhìn quanh căn phòng xa lạ, tôi bỗng cảm thấy lạnh người với suy nghĩ tôi sẽ phải qua đêm tại đây. Với Pierre sao? Và như thế nào, khi trên người tôi chỉ có một bộ áo dài màu hồng lam và một chiếc khăn choàng cổ? Tôi nhớ lại nụ cười của Pierre trong lúc giã từ, cả cử chỉ tháo khuy áo của anh. Và rồi tôi hốt hoảng kêu lên một mình:

- Trời ơi! Tay anh ấy không hề bị gãy...

Tôi chỉ thốt lên được có thế, rồi đứng một mình như trời trồng trong căn phòng vắng vẻ, lạnh toát. Tôi đã không kịp biết nơi đây là đâu, không thấy trong ngoài thế nào, đường lối ra sao. Để trở về Sài Gòn, tôi sẽ phải đi qua những quãng đường dài và hẹp, sâu hút trong rừng cây, qua những trạm gác, qua những đoạn đường hiểm trở mịt mùng tôi không thể nào biết được... Pierre! Anh đang ở đâu? Anh có ý đồ gì khi đưa tôi vào đây?

Trong giây phút ấy, tôi thoáng nhớ đến những chuyện chính Pierre kể: Rằng nước Pháp thời kỳ Phục hưng có hai nhà triết học lớn là Voltaire và Rousseau. Họ lui tới những lâu đài tráng lệ, gặp gỡ những bà mệnh phụ giàu có và đối đáp về luận lý học, triết học với nhà vua và những người nổi tiếng đương thời. Họ lịch lãm và tài giỏi, không hề chịu khuất phục trước bất cứ ai, dù đó là nhà vua hay Giáo hội...

Giờ đây, trong căn phòng bằng đá kiên cố như thế này, tôi vẫn không sao quên được lòng thán phục của mình dành cho Pierre, và từng nghĩ anh lịch lãm, tài giỏi, trí tuệ... như những nhà triết học ấy.

Pierre, cái tay anh không đau. Anh đã bế bổng được tôi lên lưng ngựa, lên kiệu hoa, và điểm tĩn cài lại từng nút áo bọc vải thơm phức trên bộ quân phục được hồ cứng của anh. Tôi cảm thấy mình rơi vào vực thẳm, khi nhớ lại nụ hôn và những đụng chạm da thịt của Pierre... Thế là tôi chạy ra phía cửa, thử mở nó ra nhưng không được. Về sau tôi nghe miêu tả lại, thì cánh cửa ấy dày và nặng không kém gì những cánh cửa chuồng cọp ở nhà tù Côn Đảo - nơi giam cầm chị Hai Huệ và những người tù chính trị của Việt Nam. Tôi vật lộn với cánh cửa ấy hồi lâu mà không sao mở được, cũng không có ai đáp lại tiếng gọi của tôi. Tôi lấy hết sức đá vào cánh cửa, nó vang lên những tiếng rầm rầm chói tai. Đến lúc kiệt sức thì tôi ngồi khóc.

Bỗng đâu một vật được vo tròn trong giấy học trò rơi thẳng xuống trước mặt tôi, lúc tôi ngồi im nhìn khay thức ăn nguội lạnh trên giường. Trong nước mắt, tôi tưởng mình mơ ngủ, nhưng khi nó rơi vào chéo áo dài của tôi và nằm gọn ở đó thì tôi mới tin là thật. Nhưng cũng phải trải qua một phút do dự, tôi mới mở mảnh giấy đó ra, và giật mình vì nhận ra đó là vật ai đó cố ý muốn tôi đọc nó. Tim tôi đập mạnh khi đọc những dòng chữ nói về Pierre:

"Hôm nay là ngày tử hình tên Pierre Fournier, hẳn phải đền tội vì đã gây quá nhiều nợ máu cho công nhân cao

su và người dân quanh đây. Xin quý cô nương hết sức bình tĩnh, cứ làm cho tên Pierre vui vẻ mất cảnh giác. Chúng tôi sẽ bảo vệ cô đến cùng. Hãy tin vào lực lượng Việt Minh và hãy giúp chúng tôi!"

Mảnh giấy viết ngắn gọn có thể, nhưng nét chữ thì sắc nét khiến cho tôi nghĩ người này có biết tiếng Pháp và đã có thời gian tập viết chữ kiểu gothic. Tôi xoè bàn tay kia ra và thấy đó là một cái hạt màu nâu đen, lớn bằng ngón tay cái của tôi. Lúc đó tôi hoảng sợ, không biết có phải đó là vũ khí hay hạt nổ gì không, mãi về sau tôi mới biết đó chính là hạt cây cao su, là loại hạt lép, teo tóp và cháy nắng. Nó có thể lọt qua chỗ nào được, khi mà căn phòng kiên cố như một cái lô cốt; và ai đã ném bức thư này vào? Hẳn là người đó biết có tôi ở đây? Tôi ngơ ngẩn nhìn mãi và nhận thấy một cái cửa sổ tò vò trên cao. Nắm trong tay hạt cây còn thơm và ấm mùi nắng, tôi đoán rằng ngày vẫn chưa tàn. Không thể biết được chừng nào Pierre mới quay trở lại...

"Hãy tin và hãy giúp...!" Mấy lời ấy làm tôi hoang mang vô cùng, nhưng đồng lúc cũng tin rằng còn có những người khác đang ở gần đây, và sẵn sàng bảo vệ cho tôi. Họ là ai? Vì sao họ muốn giết Pierre? Và... liệu họ có giết tôi không, khi họ biết tôi là vợ chưa cưới của anh ta? Cho đến lúc ấy, tôi chưa hề biết có những người được gọi là "Việt Minh", cũng không biết Xứ uỷ Nam kỳ là gì? Mà có lẽ cha mẹ tôi cũng thế. Tôi tuyệt vọng ngồi trong căn phòng lạnh lẽo, ngọt ngọt. Lần đầu tiên trong đời bước ra khỏi ngôi nhà

của cha mẹ, tôi đã lọt vào vòng tay thú dữ, mà tôi biết rằng cạp beo cũng không đáng sợ bằng...

Nhưng tôi không ngồi được lâu. Sự phẫn nộ, cơn giận dữ đã khiến tôi trở thành con người khác. Được rồi Pierre, không phải chỉ có một mình tôi muốn phản kháng anh. Tôi không ăn thức ăn của anh, không trao thân cho anh! Tôi thà chết, không để cho anh phá trình rồi biến tôi thành một con me Tây. Thế là tôi nhấc khay thức ăn lên, lấy hết sức giáng xuống đất, tiện thể lôi cả drap giường vứt xuống. Và tôi bắt đầu nhìn quanh căn phòng, có thứ gì trong tầm tay tôi đều lôi xuống, vứt hết. Chỉ duy nhất mớ tóc dài treo trên tường là tôi không dám đụng vào. Họng tôi gằn lên:

- Pierre! Anh là nguy quân tử! Thả tôi ra ngay đi!

Bóng tối bắt đầu ập xuống. Tôi run lên vì sợ và đói, người muốn lá đi mà không dám nằm xuống, vì tôi sợ rằng mình sẽ không tỉnh lại được. Đó là những giờ phút đáng sợ nhất cuộc đời tôi, và tôi thêm được nằm trong phòng riêng của mình, thêm nghe thấy tiếng nói quen thuộc của cha, của mẹ, thêm nghe mùi thức ăn, và cả mùi thuốc lá cha tôi hút mỗi tối trong thư phòng... Thậm chí tôi thêm quay trở lại những ngày mới quen biết Pierre. Sao mà những ngày ấy êm đềm, tươi đẹp đến thế, mà giờ đây... Không, tôi không được gục xuống vì Pierre giờ đây đã lộ nguyên hình là một kẻ phàm phu tục tử. Anh ta sẽ chiếm đoạt tôi, làm nhục tôi ở cái nơi anh ta đang là lãnh chúa... Vô tình, tay tôi vẫn nắm chặt cái hạt cây cao su, giờ đây nó thấm ướt vì mồ hôi và nỗi tuyệt vọng đến cùng cực của tôi. Ai đó ơi, hãy giúp

tôi! Tôi chỉ là một người con gái bé bỏng, đáng thương, tôi không biết cách nào thoát khỏi chốn này.

Không lâu sau đó, một toán người hầu của Pierre xuất hiện, có lẽ phải trên mười người. Trên tay họ là một chùm nến trông khá sang trọng, và gậy gộc, vũ khí. Tôi như con thú bị mắc bẫy, bám chặt vào thành giường nhìn họ. Nhưng một trong số người đó lễ phép mời tôi đi theo họ đến gặp Pierre. "Đức ông đang chờ cô nương! Xin cô nương dỗi gót theo chúng tôi". Tôi nhìn quanh hồi lâu mà không nhận ra một tín hiệu nào có thể trông cậy được, kể cả việc vô thức xoè bàn tay ra nhìn cái hạt cao su bé nhỏ. Mặt ai cũng lạnh lùng, đáng sợ, những gương mặt xa lạ, không có chút cảm xúc nào. Trong lòng tôi trào lên một sự hy vọng pha lẫn khiếp sợ. Biết đâu trên đường đi sẽ có người giải cứu cho tôi... Thôi đành, tôi lê gót theo họ, và được choàng lên người một chiếc áo choàng lông thú. Trời bên ngoài khá lạnh, và tôi nghe thấy những tiếng động liên tục dậy lên xung quanh mình (có lẽ vì tôi đang quá trông đợi và tưởng tượng). Nhưng đoàn người thì vẫn lạnh lùng, bình thản, tiếng là hộ tống, nhưng kỳ thực họ áp giải tôi tới một nơi nào đó.

Leroy nhìn bà Thuỳ Mai, lúc này nằm co mết mội như một con mèo ốm trên giường, cả đôi mắt cũng đờ đẫn với ánh nhìn khó xác định. Mấy lần anh định ngăn lời bà lại, vì chính anh đang cảm thấy sợ. Không biết bà có đủ sức để kể câu chuyện ấy không, và không biết mình có đủ sức nghe nó không. Giá như mình có thể bình thản như một vị luật sư

để bình tĩnh nghe những điều mà cõi lòng thổn thức kia đang cất lên. Leroy thậm nghĩ rồi lại độ lượng tặng cho mình một nụ cười rất gượng gạo.

- Có lẽ bà quá mệt rồi, bà Thuỳ Mai...

- Không, tôi ngã bệnh, nhưng không quá mệt. Mà nếu có kiệt sức đi nữa, cũng không đáng sợ như cái đêm hôm ấy, cách đây gần 45 năm ở một trong những ngôi nhà chúng ta đã đặt chân đến trong vài hôm trước. Tôi như con vật bị mang ra hiến tế, đi giữa hai hàng lính Pháp và xu, cai người Việt, mỗi bước chân tôi đều cảm thấy mặt đất chao đảo theo ánh nền đang chập chờn phía trước. Tôi cứ dáo dác nhìn quanh mong có một phép màu hiện ra, chẳng hạn như cha tôi và cô giáo tôi quay trở lại đón tôi; hay có một vị anh hùng nào đó như Từ Hải, như Lục Vân Tiên sẽ xuất hiện để cứu tôi. Nhưng tuyệt nhiên không, chỉ có tiếng chim kêu trong những rừng cây đen đặc bao quanh, và tiếng côn trùng đang buồn bã đào bới trong lòng đất. Cảm giác bóng của trái núi xanh rì buổi sáng đang chắn ngay sau lưng khiến tôi lạnh người, nhưng không thể không tiếp tục bước đi. Và đoàn người đã dẫn tôi tới một nơi có tháp canh được xây kiểu Pháp. Giữa phòng có một bàn tiệc cũng được bày biện theo kiểu Pháp, với lụa là, đèn nến và hương thơm, trong căn phòng có cả tượng Đức Bà Maria và Chúa hài đồng như một nhà nguyện nhỏ. Ở trên tường còn treo hai cây đèn măng sông đang cháy sáng. Đó là thứ ánh sáng giúp tôi nhìn thấy mọi thứ khi đèn nến trong phòng bị thổi tắt hết...

Trong lòng tôi đã dấy lên một hy vọng nho nhỏ khi thấy Pierre với một bên tay có vẻ như đang bị thương, đứng thành kính cầu nguyện trước đài tượng đó, rằng nếu anh là một người ngoan đạo, thì ít ra anh sẽ tôn trọng tôi. Ngoài ra, tự nhiên tôi cảm thấy rất thương anh; vì anh là vị hôn phu của tôi, và nếu đêm nay anh bị những người Việt Minh tử hình, thì tôi sẽ phải trở thành góa phụ... Trong lúc tôi ngơ ngác giữa căn phòng lạ lẫm ấy, Pierre đã nhanh chóng xua đám hầu cận, giúp việc đi rồi khoá trái cửa lại. Trước khi tôi kịp phản ứng, anh đã ôm chầm lấy tôi, và nói vào tai tôi như cách người ta mắng yêu một đứa con nít:

- Xem kìa, cô nàng hung dữ hơn tôi tưởng nhiều. Sao lại dám la hét và đá vào cửa sắt của anh như vậy hả em yêu?

Tôi đã giật mình, đẩy anh ta ra, nhưng không thể. Vô hình chung, giữa hai chúng tôi bắt đầu một cuộc vật lộn mà Pierre là kẻ săn mồi, còn tôi là con mồi ngon ngọt của anh. Tôi kêu lên nho nhỏ:

- Pierre, đừng làm như vậy, anh đang gặp nguy hiểm...

Anh ta càng ghì chặt lấy tôi, hôn tôi một cách thô bạo và giễu cợt hỏi tôi:

- Em đe dọa anh đấy à? Anh cược với em năm bảy cái đầu của bọn Việt Minh, rằng đêm nay sẽ là đêm hạnh phúc của em...

Nghe mấy chữ "bọn Việt Minh" bay ra từ miệng Pierre, mà không biết là vô tình hay cố ý, tôi run bắn mình vì sợ

hãi. Thực tâm, tôi cảm thấy vô cùng sợ cả hai: anh ta và những người Việt Minh (nếu có trên đời). Tôi chỉ muốn cho anh ta biết là tôi không bằng lòng để cho anh ta chiếm đoạt tôi, cũng không muốn có chuyện gở... và thực lòng muốn cho anh ta biết về những lời đe dọa của những người "Việt Minh". Nhưng vì quá sợ hãi, thẹn thùng, tôi không thể nói được gì, cũng không biết trốn đi đâu trong căn phòng đáng sợ này. Pierre thì như một gã thợ săn say mồi, đã giở hết tài tán tỉnh, sàm sỡ, đùa cợt... và tôi xin được bỏ qua không nói về những chi tiết đó. Chỉ biết rằng sau nhiều năm, khi tôi đã trở thành một người phụ nữ có chút ít kinh nghiệm sống, tôi luôn cảm thấy sợ hãi khi phải nhớ đến Pierre. Rằng khi Pierre cổ tình giật chiếc áo dài màu hồng lam ra khỏi người tôi, chiếc áo duyên dáng nhất mà tôi chọn mặc để đi thăm anh, thì tất cả cảm xúc và hy vọng trong tôi đã chết.

Có lẽ Pierre cũng không nghĩ tôi là một cô gái ngây thơ đến như thế, thậm chí khờ khạo đến như thế. Sau đêm hôm đó, khi tôi đã về được Sài Gòn, cha tôi lập tức bị gọi lên Hội đồng thuộc địa; khi trở về cha tôi nhìn tôi rồi dầm ngực nói với mẹ tôi: "Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi đã không nói cho nó biết Việt Minh là gì. Ước gì tôi có mặt ở đồn binh lúc đó, nhất định là tôi sẽ sửa được cái sai ấy..."

Tôi đã quy gối xuống đất mà khóc nức nở, vì sợ hãi và bất lực không thể cầu xin anh ta dừng tay. Pierre uống rượu ừng ực và dành cho tôi ánh mắt vui cười tội độ. Lúc ấy, ở bên ngoài có một tiếng động chát chúa, rồi cánh cửa rung

manh lên. Pierre giật mình đánh rơi chai rượu xuống đất, nhìn ra cửa. Tiếng động ấy lại vang lên, rồi vang lên lần nữa... Pierre giật dứt cái băng tay, thu người, sai mấy bước chân lùi về phía sau như một con mèo; anh ta lấy từ phía sau đài tượng ra khẩu súng và thanh gươm... vừa lúc cánh cửa bật mở.

Một toán người xuất hiện, tôi không nhớ là bốn hay năm người, trong số đó có một người cầm chiếc búa sắt lớn, số còn lại cầm gậy gộc với vẻ mặt đặng đặng sát khí. Họ ăn mặc rất buồn cười, chỉ có áo bà ba đen rách rưới và quần cộc ngang đầu gối, mặt mũi hốc hác, bẩn thiu. Tôi hoàn toàn chết lặng, mắt như bị hút vào lưỡi chiếc búa còn khét lẹt trên tay người có vẻ là thủ lĩnh của nhóm Việt Minh. Họ và Pierre có vẻ như đã biết nhau từ trước; người đàn ông cầm búa dong dạc nói:

- Pierre, nộp mạng đi. Những tên lâu la của mày đã bị trói ngoài kia hết rồi.

- *Merde*¹!...

- Cẩn thận, nó không bị thương đâu... - Một người la lên, cảnh báo. Lập tức toán người dạt ra hai bên, không ai dám đối đầu với Pierre nữa.

Pierre bật lên một tiếng chửi thề. Rồi thật bất ngờ, một tay anh bóp cò súng, một tay múa kiếm loạn xạ lên. Tôi rú lên khi lưỡi kiếm đi sát bên cạnh mình, chĩa vào

¹ (tiếng chửi thề)

những người lạ mặt. Họ áp vào tấn công Pierre, nhưng lúc đó người cầm búa đã nhanh chóng quay người che lưỡi kiếm cho tôi. Khoảnh khắc ấy diễn ra rất nhanh, nhưng suốt đời tôi không bao giờ quên được; vì hành động xoay người che kiếm rất nhẹ nhàng và điệu nghệ, như một thể võ cổ truyền. Đặc biệt là người đó lướt qua, áp sát vào tôi nhưng không hề chạm vào tôi. Thế nhưng, có lẽ là do bản năng, tôi đã sợ sệt tránh né người đó. Vừa lúc đó, tiếng súng của Pierre nổ lớn. Tôi nghe những tiếng kêu, tiếng thét rồi chòm nền trên bàn tiệc đổ ụp xuống đất. Bóng tôi bất ngờ trùm xuống căn phòng, rồi sau đó là sự im lặng.

- Nó chạy mất rồi, anh em ơi!

Một giọng nói buồn bã vang lên. Tôi cảm thấy có bàn tay chạm vào người tôi. Không còn biết gì nữa, tôi hét lên thất thanh, rồi chợt nhận ra bàn tay ấy đang choàng chiếc áo dài lên vai cho tôi. Tôi hoảng sợ giật lấy nó, vừa mặc vào người vừa tìm chỗ để trốn. Tuy chòm nền bị tắt, nhưng nhờ có hai cây đèn măng sông trên cao, tôi nhận thấy có một hai người trong số đó đang đỡ lấy một người đang lao đảo. Một người trong số đó kêu lên:

- Anh Ba Dương! Đi mau đi, nó sẽ quay lại ngay đó. Đừng để thiệt mạng vô ích.

Người được gọi là Ba Dương, chính là người cầm búa và đã che kiếm cho tôi cũng đang giữ lấy một vết thương ở bắp tay. Anh ta ái ngại nhìn tôi, rồi nhìn những người còn lại. Một người lại kêu rít lên trong cổ họng:

- Thằng Tám trúng đạn rồi, đưa nó đi mau, kéo nó chết...

Tôi sợ hãi nhìn bọn họ, những người lạ mặt. Pierre đã biến mất rồi, để lại một bãi chiến trường tan hoang, khiến tôi không biết phải làm gì nơi đây. Tôi muốn gọi, muốn cầu xin những người lạ mặt này nhưng không dám. Trong bóng tối nhập nhoà của căn phòng ấy, tôi còn nhận thấy ánh mắt tức giận của một người dành cho tôi, vì có lẽ anh Ba Dương đỡ đường kiếm cho tôi mà để cho đồng đội trúng đạn, còn Pierre chạy thoát. Vần tiếng nói gay gắt ấy vang lên, giục giã:

- Đập chết con đĩ cái ấy đi. Không thì bắt nó làm con tin, nhanh đi anh Ba!

Lời kêu gọi ấy hình như được hưởng ứng ngay. Một người nhảy đến gần tôi, cái búa dùng để phá cửa ban nãy vung lên. Tôi ôm lấy mặt, khóc oà lên:

- Cho tôi về với cha, với mẹ. Tôi sợ lắm...

Anh Ba Dương thét lên: "Dừng tay!" Tôi run rẩy bám vào đài tượng Đức Bà đang bằng Chứa hài đồng, nhưng rồi lại ngã quỵ một lần nữa. Ba Dương đỡ tôi dậy, quay lại ôn tồn nói với họ:

- Cô ấy không có tội gì cả. Chính cô ấy giúp chúng ta đó. Đừng làm cô ấy sợ...

Lúc ấy, tôi đã níu lấy tay Ba Dương và khóc như một đứa trẻ:

- Các ông cho tôi về với cha, với mẹ. Cha mẹ tôi đang ở Sài Gòn. Tôi sợ lắm, xin hãy cho tôi về Sài Gòn đi...

Có tiếng kêu trời, tỏ vẻ bức bối, khó chịu. Ba Dương ái ngại nhìn tôi, rồi lại nhìn đồng đội của mình. Họ đã hội ý với nhau bằng mắt. Lát sau, anh đưa ra quyết định sau cùng:

- Chúng tôi không thể ở đây lâu, giờ phải đi rồi, không thể đưa cô về Sài Gòn được. Tốt nhất cô hãy chờ Pierre trở lại và đưa cô về. Vạn bất đắc dĩ, gặp những điều nguy hiểm ở vùng này, hãy nói cô là người nhà của Trần Hồng Dương, cô sẽ được an toàn. Đây là thẻ công nhân của tôi, cô cứ cầm mà làm bằng chứng cho mọi người...

Cầm chiếc thẻ bài của Ba Dương, tôi vẫn khóc. Nhưng trong phút chốc, những người công nhân ấy đã biến mất khỏi căn phòng như có một trận gió cuốn họ đi, nhanh đến nỗi tôi không kịp nhìn thấy. Tôi bàng hoàng nhìn căn phòng tan hoang, đổ vỡ và loang vết máu. Và tôi đã ở đó rất lâu, nhìn ra ngoài trời đen tối mà không biết phải đi về đâu.

Trong cái đêm định mệnh ấy, trước khi gặp lại Pierre, tôi đã nhắm mắt để không phải nhìn thấy gì quanh mình. Trong bóng tối mù loà của nỗi khiếp sợ, tôi luôn miêng khấn danh đức Phật. Đó là thói quen bao năm đi chùa với mẹ. Rồi chợt nhớ ngay bên cạnh tôi có tượng Đức Bà và Chúa hài đồng, tôi cũng thành kính với cánh tay yếu đuối của mình lên để chạm vào bàn tay lạnh giá ấy. Tôi gọi tên

Đức Bà, van cầu bà chỉ cho tôi một con đường để sống. Giữa những giây phút ấy, tôi lại gọi cha tôi với một ảo tưởng điên dại rằng ông sẽ nghe, sẽ linh cảm thấy điều gì đó và trở lại tìm tôi. Chính điều đó làm tôi nhớ đến những lần ông khoe rằng ông vừa mới nói chuyện qua đường dây với Pierre, và tôi quyết định tìm cái điện thoại mà tôi tin rằng nó ở đâu đó gần đây...

Nhưng đó là thời đoạn ngọn đèn măng sông treo trên tường cũng sắp tắt, cơn hoảng loạn tăng cao và tay chân tôi cuống cuống run rẩy. Pierre trở lại, cùng với mấy chục tên lính khác, gồm cả người Pháp và người Việt, vũ khí đầy người. Tôi nghe tiếng ngựa hí bên ngoài mà gần như quy xuống, không kịp tỏ ra mừng rỡ khi nhìn thấy mặt Pierre thì anh ta đã rút kiếm ra, chĩa thẳng vào ngực tôi:

- Thuỳ Mai! Chính cô là người bán đứng tôi cho Việt Minh. Cô sẽ phải trả lời điều đó trước toà án của người Pháp.

Mũi kiếm làm tôi khựng lại, hai con ngươi màu xanh trong đôi mắt của Pierre như hai viên đạn xuyên thẳng vào lồng ngực tôi. Đôi mắt mà anh tự ví với G.A (Guillaume Apollinaire) và nguyện sẽ suốt đời đặt dưới gót sen của "người yêu dấu" (là tôi). Leroy, anh phải biết rằng tôi đã không thể nói một lời nào lúc đó...

Leroy dùng tay che mắt mình lại. Quảng sáng màu vàng từ bóng đèn đêm vẫn in hằn vào óc anh.

- Bà Thuỳ Mai, bà có thể tạm ngưng câu chuyện ở đây được không? Ngày mai tôi sẽ quay lại với bà lúc sáng sớm...

- Không! - Bà Thuỳ Mai nói một cách dứt khoát - Thời khắc ấy sắp qua rồi, thực ra nó đã kéo dài suốt hơn 40 năm qua. Nhưng tôi cảm thấy là nó sắp trôi đi vĩnh viễn. Tôi không thể khóc, hay nói được một lời nào, còn Pierre thì cứ trừng trừng nhìn tôi như thế. Phía sau lưng anh, mấy chục con người và những ngọn đuốc sáng rực cả trời đêm. Pierre gần từng tiếng một:

- Tôi có thể bắt cô tổng vào tù, dùng nhục hình tra tấn cô. Nhưng tôi không muốn làm như thế, vì cô đã từng là một vị hôn thê xinh đẹp của tôi. Hãy đi ngay khỏi địa hạt của tôi, từ nay coi như tôi không hề quen biết và nghe thấy tên cô...

Rồi anh ta tiến đến, chân dậm bước theo kiểu nhà binh. Đến trước mặt tôi, anh kéo ngược tay tôi lên, chỉ bằng hai ngón tay, anh rút mạnh chiếc nhẫn đính hôn anh đã tặng. Tôi kêu lên vì đau, nhưng anh bất chấp, cứ thế rút nhẫn ra rất mạnh. Tôi giữ lấy ngón tay đau điếng, kêu lên sợ hãi:

- Anh Pierre... làm sao em có thể... Em biết đi đâu bây giờ? Xin anh...

- Không, tôi chỉ có thể si tình chứ không bao giờ mù lòng vô ích. Cô hãy đi ngay, đừng để tôi nhìn thấy cô lâu hơn nữa, đi với bọn giặc cướp và những con thú hoang đang đợi cô ngoài bìa rừng kia. Chúc may mắn!

Giọng nói của Pierre lạnh lùng đến độ tôi cảm thấy đó là một con dao đang cứa ngang qua trái tim tôi. Tôi ngo ngác nhìn quanh, muốn cầu cứu mọi người nhưng tất nhiên là tôi chỉ nhận lại những ánh mắt lạnh lùng đáng sợ. Lờn cuối cùng, tôi van vãn anh ta:

- Pierre, anh hãy gọi dây nói cho cha em hay, để nếu em có chết, thì ông ấy còn biết mà tìm xác em...

Pierre hơi nhúm mày, nhìn tôi trân trối. Đó là cái nhìn rất kịch, dùng để giấu cợt hơn là thông cảm cho tôi. Rồi bất chợt anh ta cười phá lên:

- Ha ha ha... Gọi dây nói cho cha em à? Để tôi gọi dây nói cho ngài Thống chế, cho Hội đồng thuộc địa, và cho chính quyền Chợ Cũ. Rồi em sẽ thấy, cha em sẽ được đưa vào khám đường Chí Hoà ngay vào sáng sớm ngày mai... Nếu muốn, em cứ ở lại đây đợi tôi, truy quét xong bọn Việt Minh đã làm gián đoạn cuộc vui ban nãy, tôi sẽ quay lại đây với em...

- Không, không có lẽ nào... Pierre, xin hãy làm ơn!

Tôi kêu lên, giọng tôi lạc đi vì khiếp sợ. Nhưng Pierre không ngừng cười và quay người bỏ đi, dẫn theo đoàn người thấp tùng cùng với tiếng hô: "Đi truy tìm bọn Việt Minh ngay nào, a lê, a lê...!" Những tiếng cười khác rộ lên, họ quay đi và ném lại những cái nhìn đáng sợ. Chỉ còn tôi đứng giữa bóng tối, với chiếc thẻ bài và cái hạt cao su lẩn trong tà áo.

CHƯƠNG III: SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1.

Chủ nhật, ngày 17/1/1988, buổi sáng

Những người công nhân cao su khoác vai nhau để dìu Tám đi trong bóng tối. Họ phải di chuyển thật nhanh ra phía những lô cao su ngoài bìa rừng, để tìm cách đưa Tám sang bên kia lộ, đi về phía núi Chứa Chan, nơi có những người cán bộ Việt Minh đang ẩn nấp. Họ đi không tiếng động, không dấu vết, như bao lần họ dò dẫm đi trên mảnh đất này trốn tránh quân lính và bọn cai, xu. Tám trong tay họ cũng không rên một tiếng, mặc dù máu ộc ra từ vết thương nghe như tiếng bong bóng vỡ.

Thời gian trôi qua gấp rút, những bước chân như chạy, nhưng không chạy đua được với thần chết. Chân Tám đang lết dưới mặt đất dần trở nên cứng đờ, thân hình anh bỗng mềm oặt lại. Cả nhóm người đổ xuống đất. Ba Dương rít lên không thành tiếng:

- Cố lên đi em, sắp ra tới căn cứ của các anh ấy rồi...

- Không đâu, em sắp chết rồi. Các anh cứ để em nằm lại, mau rút đi thoát thân...

- Không được...

- Không được...

- Không sao đâu mà Tám...

Những cái lắc đầu đau đớn trong bóng tối. Ba Dương cởi áo cột chặt vết thương trên ngực Tám, nhưng hơi thở của Tám ngày một mỏng manh. "Cố lên đi em, không được đầu hàng..." Cái lắc đầu cuối cùng là của Tám. Cậu đề nghị để cậu nằm xuống.

- Tám, cho anh xin lỗi...

Tiếng Ba Dương khàn đặc. Nhưng Tám mỉm cười, chàng trai trẻ cảm thấy thân thể mình dần nhẹ nhõm, lâng lâng mặc dù lưng cậu đang nằm trên mặt đất ướt đẫm sương đêm. Tám nói:

- Em không trách anh đâu, anh đã làm đúng. Dẫu có chết, em cũng mãn nguyện vì đỡ cho anh được một viên đạn, giống như anh đã lấy thân mình che lưòi kiếm cho cô ấy...

- Việc làm của anh không thể so với hành động của em được, Tám. Em không thể chết được. Người đáng phải chết là anh...

Tám lại mỉm cười, những ngón tay yếu ớt của cậu vẽ lên không khí một cử chỉ lạ. Những người anh em vội bắt

lấy bàn tay ấy, hà hơi cho nó ấm lên. Tám thều thào nói những lời sau cùng:

- Cô ấy xinh đẹp quá, phải không mấy anh? Em chưa bao giờ được thấy một cô gái xinh đẹp đến như vậy. Ước gì không phải là thời súng đạn, không phải là thời thuộc địa... cô ấy sẽ được sung sướng... anh em chúng ta, ai cũng được sung sướng...

Nói đến đây, Tám tắt thở. Trong đáy mắt, trong đáy tim ngây thơ, trẻ trung của Tám, hình ảnh người con gái xinh đẹp, hiền dịu và lạ kỳ vẫn còn in dấu. Bàn tay Ba Dương vuốt ve khuôn mặt hốc hác, đen gầy của cậu ta, nước mắt anh rơi vì nhận thấy bàn tay, đôi mắt mình đang tỏ ra âu yếm lạ thường. "Em yêu! Lúc tay anh vuốt ve khuôn mặt, làn da của Tám, anh đã nhớ tới em. Kỳ lạ, một nỗi nhớ chưa từng có trong hiểu biết của anh, mặc dù lúc đó anh chưa hề biết em là ai..."

Nghe tiếng thì thầm của người yêu, Thuỳ Mai hơi mỉm cười nhưng không mở mắt ra. Hơi ấm nụ hôn ngây ngất, đôi bàn tay mơn trớn vỗ về; cả bầu trời ướt đầm sương và chan hoà ánh nắng. Thuỳ Mai nghe như có cơn gió bay nhẹ qua lưng chừng núi, ôm ấp lấy những phiến đá chưa kịp ấm lên dưới nắng, và ôm ấp lấy cả đôi tình nhân...

"- Em yêu của anh! Đúng là em xinh đẹp lạ thường. Tạ ơn trời đất đã cho hai chân em vững bước trong đêm hôm ấy..."

Bàn tay của Trần Hồng Dương dừng lại trên bờ vai Thuỳ Mai, ngập ngừng và run rẩy. Đôi môi cô cong lên vì chờ đợi, đôi mắt vẫn khép hờ, nửa thức, nửa ngủ. Trong khoảnh khắc, mái đầu khét nắng của anh gục xuống ngực cô. Anh thở một hơi dài như muốn hút trọn sức sống trên làn da cô. Những sợi tóc rẽ tre quét qua vùng cổ và ngực của Thuỳ Mai. Cô không nén thở được lâu hơn nữa, mà bật cười khanh khách, giơ tay quờ vào không khí như muốn túm lấy mở tóc rẽ tre ấy.

Thuỳ Mai bật mở mắt. Một chùm bông lau trắng muốt rơi lả tả xuống mặt, xuống người bà. Tấm giấy ảnh của Phillipe Leroy xổ bung ra, làm đổ hết những cành bông lau anh đã cố công gói chúng. Ánh nắng đã tràn vào khắp phòng, và kịp cả sưởi ấm những góc ngách xưa cũ nhất. Cửa ban công và những cánh cửa sổ trong phòng bà mở rộng, những tấm rèm được vén cao lên. Bà Thuỳ Mai còn nhận ra chiếc khăn tay vấy bẩn vì nước mắt nước mũi của bà đã được giặt sạch, và được ghim bằng một cái kẹp nhựa màu hồng nhạt phơi ngoài ban công.

- Leroy, anh đang ở đâu?

Bà Thuỳ Mai đứng dậy, cảm thấy đôi chân hơi hẫng đi khi tiếp đất. Không có Leroy, cũng không có ai cả. Bà chợt nhớ ra tối qua bà đã một mình chịu đựng cơn sốt lạnh; và gần trọn một đêm mộng mị thấy mình chạy, chạy, và chạy...

Có tiếng gõ cửa, rồi cửa ra vào mở ra. Phillipe Leroy với một chiếc áo sơ mi Hawaii tươi cười rạng rỡ bước vào, trên cổ là chiếc máy ảnh và những chiếc túi ni lông trên tay. Bà Thuỳ Mai tròn mắt nhìn anh trong dáng vẻ lạ lùng này, vì so với những ngày vừa qua, anh như lột xác thành một người khác, từ quần áo cho đến nụ cười. Thậm chí bà còn nhận thấy gương mặt anh ửng hồng vì nắng sớm, khi anh hôn hờ bước đến gần bà để kéo cái ghế anh đã ngồi gần suốt đêm qua và đẩy nó ra xa.

- Bà dậy tập đi à? Đừng cố quá nhé, cô giáo xinh đẹp và can trường của tôi. Trông mặt bà vẫn còn tái xanh kìa...

Câu nói của Leroy khiến bà Thuỳ Mai cảm thấy bất ngờ, vì không biết bề ngoài trông mình thế nào. Đồng thời bà cũng không hiểu vì sao anh lại tỏ ra vui vẻ, thoải mái đến như vậy. Nghe câu nói nửa đùa nửa thật ấy, bà gượng mỉm cười, trả lời anh:

- Tôi đâu có đến nỗi mắc bệnh trầm kha mà phải dậy tập đi. Anh làm tôi đâm lo, không biết bao giờ mới rời khỏi chỗ này được...

Leroy lại kéo cái ghế đến gần để ngồi xuống. Anh đặt những cái túi ni lông nhỏ xinh lên chiếc bàn nhỏ để khoe với bà:

- Bà đừng lo, tôi đã báo về Tổng lãnh sự quán là bà đang ốm. Họ hẹn sáng mai sẽ liên lạc lại, vì hôm nay là chủ nhật, đồng thời họ cũng đã hướng dẫn và dặn dò tôi những

điều cần thiết. Xem tôi đã mua được những gì ở ngoài cái chợ nhỏ bên đường đây, hy vọng là bà thích...

Bà Thuỳ Mai ngồi xuống cái ghế còn lại trong phòng, cũng do Leroy giúp bê nó tới gần giường. Bà dè dặt mở những cái gói ấy ra, và bất ngờ cười to lên khi nhận ra đó là món khoai nướng gói trong lá chuối y hệt như thứ họ đã ăn trên chiếc xe bò chiều hôm trước. Ngoài ra còn có xôi đậu đen, rồi một chùm me chín và những chiếc kẹo đường phủ một lớp bột mè đen. Lẫn trong đó là mấy điều thuốc lá đã gãy vụn và cả một con tem chỉ lớn hơn đầu ngón tay một chút.

- Ôi Leroy! Thật là buồn cười quá đi - bà Thuỳ Mai cười thành tiếng vui vẻ, giờ con tem đang dính lên ngón tay để ngấm - Sao anh lại có những thứ này, ở một cái chợ ven đường chứ?

- Tôi cũng không hiểu nữa - Leroy đỏ mặt, lúng túng giải thích: - Trong ví của tôi có một ít tiền Việt nhưng hình như là mệnh giá của nó khá lớn, nên khi người bán lấy tiền, họ trả lại cho tôi thứ này để bù đắp lại cho công bằng... Tôi thì không quan trọng đến vấn đề đó, nhưng tôi không biết nói sao cho họ hiểu... Thế đây!

Bà Thuỳ Mai bóc vỏ một củ khoai lang, ngồi ăn ngon lành, không quên ra hiệu mời người bạn đồng hành. Trong khi hai người cùng thưởng thức bữa ăn sáng đạm bạc ấy, bà Thuỳ Mai ngấm nhìn Leroy một lần nữa, rồi nhận xét:

- Hôm nay trông anh sắc sỡ như một con chim công vậy. Chiếc áo này...

- Tôi mang theo đây. Vì tôi nghe nói đất nước Việt Nam bây giờ đang đổi mới, mọi thứ đều mới nên tôi mang chiếc áo này theo, định mặc nó đi dạo ở một thành phố lớn... nhưng chưa có dịp. Nhưng hôm nay là một ngày tự do tuyệt đối, nên tôi quyết định sẽ mặc nó cả ngày...

Cả hai cùng bật cười. Nhưng rồi bà Thuỳ Mai lại tỏ ra lo lắng:

- Leroy, anh có thể bị bà chủ bút quở trách đây. Không biết bà ấy nghĩ như thế nào khi anh không trở về cùng với đoàn...

Leroy lắc đầu:

- Bà đang ốm, tôi không muốn nhắc tới tờ báo và công việc lúc này.

Hai người rơi vào trạng thái tư lự một lát. Rồi như chợt nhớ ra một điều quan trọng, bà Thuỳ Mai đứng dậy, với cái điện thoại để gần đầu giường. Bà nói là bà cần một bình trà nóng.

Mấy phút sau, một người phụ nữ khoảng trên 30 tuổi xuất hiện, trên người đeo một chiếc tạp dề ố vàng, xách theo chiếc bình thủy bằng kim loại đã bong gần hết lớp sơn bên ngoài. Trong lúc chị ta lúi húi xếp các vật dụng để pha trà lên chiếc bàn nhỏ, bà Thuỳ Mai đã đứng lên giúp chị bằng một vẻ thành thực, khéo léo hơn hẳn. Leroy kín đáo

nhìn hai bàn tay nhỏ nhắn của bà mở cái hộp trà thơm phức ra, rồi thả từng chút, từng chút những cọng trà một vào cái ấm có màu men xanh ngọc. Chiếc váy bà đang mặc cũng có màu xanh, với những lớp ren màu trắng khiến anh liên tưởng đến mây trời và cỏ lau giữa lưng chừng ngọn núi ngoài kia. Vầng trán bà giãn rộng ra, nụ cười hé mở làm cho làn da xanh xao ửng hồng. Người phụ nữ dọn phòng nhìn bà với vẻ kính trọng, và lùi hẳn ra đằng sau nhường chỗ cho bà. Bỗng nhớ ra trên cổ mình đeo máy ảnh, Leroy chụp vội mấy tấm ảnh, rồi vội vàng đề nghị:

-Thưa hai *madame* xinh đẹp, chờ tôi một chút nhé, tôi muốn ghi lại những hình ảnh này sao cho thật đẹp. Chờ tôi một chút, để tôi về phòng lấy chân máy...

Khi Leroy quay lại, bà Thuý Mai vẫn dịu dàng mỉm cười, tay bà mân mê bàn tay chai sần của người dọn phòng. Hai người phụ nữ đều có vẻ mong Phillipe Leroy trở lại. Đợi anh chọn góc máy và ra hiệu xong, bà Thuý Mai lại tiếp tục việc pha trà. Rồi anh tự đứng vào giữa hai người để chụp ảnh, bắt chập chiếc áo mình đang mặc chẳng ăn nhập gì với cảnh và người. Chiếc máy ghi lại được cả những tách trà bốc khói trên tay anh, và cả nụ cười của hai người phụ nữ bên cạnh. Những bọt nước vỡ ra reo vui trong tách trà, và trong lòng mọi người cũng reo vui...

- Bà đi dạo với tôi nhé, bên ngoài khí trời rất tốt, sẽ không làm cho bà mệt đâu.

- Được thôi, Leroy. Đợi một lát...

Bà Thuỳ Mai nhặt những bông cỏ lau rơi ở đầu giường, lấy tấm giấy ảnh của Leroy để cuộn chúng lại.

- Cảm ơn anh đã tìm chúng cho tôi - bà nói - Hoa lau rất đẹp, rất tinh khiết, dịu dàng. Anh Trần Hồng Dương đã từng nói như vậy. Anh ấy đã từng hứa với tôi rằng sẽ trang hoàng phòng cưới của chúng tôi bằng hoa rừng và lau trắng. Ở một trong những hang đá mà chúng ta đã đến gần rồi đó, Leroy ạ. Và tất nhiên là phải chờ anh ấy hoàn thành nhiệm vụ chúng tôi mới có thể cưới nhau...

Leroy cười buồn, không bình luận trước dòng hồi tưởng miên man ấy. Trong thâm tâm, anh mong bà cầm theo bó hoa ấy, nhưng bà ý nhị đặt nó lại trên bàn, bên cạnh bình trà còn bốc khói. Trông bà có vẻ đã hoàn toàn khoẻ mạnh, thậm chí ánh mắt bà lướt qua những vỉ thuốc như không nhìn thấy chúng.

Người phụ nữ đem bình thuỷ ban nãy chạy theo khi hai người ra đến cổng khách sạn, để đưa cho bà Thuỳ Mai một chiếc dù màu tím nhạt. Không thể nhận ra đây là người phụ nữ sầu thảm, nhuốm bệnh cách đây chưa đầy hai ngày. Bởi vì bà như đang được hồi sinh. Hồi sinh và trẻ lại, như cảm nhận của anh nơi rừng cao su hôm trước.

- Nay Leroy, chúng ta có thể đi đâu, khi mà cả anh và tôi đều không biết gì về nơi này?

Người đàn ông rộng miệng cười, giữa lúc ngực áo nhiều màu lòe loẹt của anh hình như cũng muốn ngoác ra cười theo.

- Chỉ là đi dạo thôi mà. Tôi cảm thấy nơi đây an toàn tuyệt đối, nên đã đi một mình rất lâu, và giờ muốn đi cùng với bà. Chắc bà cũng biết cách để cả hai sẽ không bị lạc vào chân núi Chứa Chan, tôi nghĩ thế...

Bà Thuỳ Mai gật gật đầu, rồi thu luôn chiếc dù lại, để đầu trần đi bên cạnh Leroy. Anh hít một hơi dài và nói:

- Bà có biết tôi thường uống cà phê như thế nào không? Tôi thường đến ngồi ở một ngõ phố nhỏ, một mình, vào lúc tối khuya trong khi chờ báo lên khuôn. Những lúc ấy tôi thường tự hỏi không biết các đồng nghiệp của mình, đang làm gì ở phòng làm việc, trong không khí náo động của tờ báo sắp lên khuôn và cả tiếng giày cao gót của bà chủ bút...

Cả hai cười thành tiếng. Bà Thuỳ Mai nhận xét:

- Có vẻ như bà chủ bút luôn dành cảm tình đặc biệt cho anh.

Đôi đồng tử màu nâu của Leroy giãn nhẹ, đó là dấu hiệu nụ cười của anh đã toả lên mặt với vẻ vui thích giống như trẻ con.

- Có lẽ là vậy. Bà chủ bút của tôi được mệnh danh là "siêu nhân mặc váy". Trong số hơn 30 phóng viên của tờ báo, hình như chỉ có một mình tôi dám đối đầu với bà ấy...

- Ha ha ha... - Bà Thuỳ Mai cười giòn tan - vậy anh là một siêu nhân, một "super man" đích thực...

- Chỉ là công việc thôi, bà Dobré ạ. À, thưa bà Thuỳ Mai, nếu nói về sự đổi đầu, hình như tôi đã đổi đầu với tất cả mọi người. Tôi đã bắt chấp nhiều thứ thuộc về số phận của mình, để sống theo ý mình, nên đến giờ tôi vẫn là một gã độc thân.

Đang vui vẻ, bà Thuỳ Mai chợt trở nên tư lự. Bà nói:

- Chúng ta sẽ đi tìm một quán cà phê. Tôi muốn cảm ơn anh vì những gì đã làm cho tôi trong hai ngày qua...

Leroy hơi ngớ người ra, vì không hiểu logic giữa hai câu nói của bà Thuỳ Mai. Nhưng đó đúng là điều anh mong muốn lúc này, vì anh đang thèm uống cà phê đến nỗi chẳng cần đến hương vị Pháp quen thuộc, chỉ cần có cà phê là được. Bà Thuỳ Mai bắt đầu hỏi thăm những người họ gặp trên con đường lạng lẽ, vắng vẻ đầy bóng cây. Cuối cùng họ cũng bước vào một quán nước được dựng lên giống như nhà sàn bằng những cây gỗ và lợp bằng những tấm bạt cũ kỹ, nằm ngay bên đường. Khách ngồi trên những chiếc ghế mây nhỏ xíu, đặt vòng quanh những chiếc bàn bằng gỗ mỏng manh. Quán nước làm thành một "tụ điểm" nho nhỏ với một chỗ bơm vá xe đạp, rồi chỗ bán trái cây, và cả bán rế cây rừng làm thuốc. Khi hai người bước vào, tất cả ánh mắt đều đổ dồn vào Leroy, cùng những tiếng xì xào to nhỏ.

- Thật là một ngày đẹp trời - Leroy nói khi ngồi xuống bộ bàn ghế trống duy nhất trong quán nước, nằm ngay rìa đường, chỗ nắng chiếu thẳng xuống - Tôi thèm cà phê đến nỗi toàn bộ cơ thể tan chảy thành nước rồi đây...

Ông chủ quán mặc bộ quân phục cũ, bạc thếp nhanh nhẩu chạy đến. Vừa vồn vã chào hỏi, ông vừa bung bàn ghế đặt ra phía gốc cây nằm sát đường, rồi cúi xuống lau chùi bàn ghế, cung kính mời khách an tọa. Bà Thuỳ Mai dăm dăm nhìn ông, rồi im lặng ngồi xuống, ánh mắt bắt đầu "trôi" vào một cõi vô định. Thấy vậy, Leroy dùng tay ra hiệu cho ông chủ quán tùy ý quyết định. Anh ngồi đó, hai mắt nhìn xuống chiếc mũi nhọn của mình cho đến lúc bà Thuỳ Mai lên tiếng:

- Anh biết không, anh Trần Hồng Dương đã từng kể rằng cả gia đình anh ấy không hề biết trên đời có thứ gọi là cà phê. Cuộc đời của người công nhân cao su là chỉ có nước giếng, cơm sống chan với mắm đắng, và ngủ trong những cái lán không có cửa...

Leroy gật gật đầu.

- Và đời tôi cũng phải ngủ trong căn nhà gần giống như thế, khi anh ấy đã chết, để lại tôi đơn độc chống chọi với những biến cố của cuộc đời...

- Tôi ước sẽ được pha cà phê mời bà, hoặc ngược lại - Leroy nói với vẻ tinh nghịch trầm lặng. - Ban này tôi đã được uống trà do bà pha, do vậy, tôi nợ bà...

Giọng nói của bà Thuỳ Mai u ám, tái tê:

- Điều đó có ý nghĩa gì đâu, Leroy. Tôi nhớ thương anh ấy đâu phải qua cốc cà phê hay chén trà... mà vì nơi này anh ấy đã từng sống, và đã chết; đối với tôi tất cả như

là một giấc mơ... Tôi không ngừng tìm kiếm nhưng chẳng thể nào thấy được anh ấy, ngay cả khi tôi đã quay về đây...

Leroy cúi đầu thấp hơn nữa. Qua lời bà Thuỳ Mai, anh chợt hiểu cái nhìn đắm đắm của bà lúc nãy. Người phụ nữ này đối với anh bỗng trở nên sâu thẳm.

- Bà Thuỳ Mai, cuộc sống là một sự lan toả. Tôi không chỉ nợ bà, mà còn nợ cả ông Trần Hồng Dương, nhưng món nợ "dây chuyền" này làm tôi vui vẻ bởi cuộc sống của tôi được thêm chút hương vị mới. Xin bà hãy cứ sống vui, vì tôi nghĩ ông ấy cũng không hề muốn thấy bà đau khổ...

Bà Thuỳ Mai không đáp, đầu hơi cúi xuống nhìn làn khói loăng dăn trên tách cà phê. Đến lúc dường như không chịu đựng được nữa, bà mới gật nhẹ đầu tỏ ý tán đồng với Leroy:

- Anh nói đúng, tôi biết vậy mà. Tôi cảm nhận được điều đó ngay từ lúc anh ấy dùng thể võ "lá che hoa" để tôi khỏi bị thương bởi chính mũi kiếm của Pierre. Tuy hành động ấy chỉ diễn ra trong một khoảnh khắc thôi, nhưng nó in vào đầu tôi suốt đêm hôm ấy, kể cả những lúc hoảng loạn, tuyệt vọng nhất. Tôi đã chạy thẳng vào đêm tối, không cần biết mình sẽ đi về đâu, và tự nhủ mình đang chuẩn bị nộp mạng cho thú dữ, cho những tên thợ săn hoặc chính những người Việt Minh đang trà trộn xung quanh đây. Hồi lâu sau, tôi mới tỉnh ra khi nhớ đến những bài học khoa học thường thức ở trường, tôi tránh đi về phía núi, và phân vân không biết có nên đi men theo đường quốc lộ hay

không. Vì tôi nghe nói trên đường quốc lộ có nhiều đồn bót của người Pháp nằm rải rác để kiểm soát an ninh, có thể tôi sẽ bị bắt vì sự xuất hiện bất minh lúc đó. Nhưng trên đường quốc lộ mới dễ tìm được người và xe, tôi mới có hy vọng sống được... Lúc đó ở khu vực này, rừng chồm sát ra tận đường, chẳng có một xóm làng nào cả; tôi nhớ lúc đi từ Sài Gòn ra, tôi chỉ nhìn thấy những tấm bảng dọc đường ghi tên những đồn điền cao su và những đồn canh, chẳng có quán xá gì cả. Tôi vừa đi vừa khóc, nhưng đã không dám khóc thành tiếng. Tôi oán hận Pierre, và oán hận luôn cả Ba Dương và nhóm người của anh. Trong những quyển tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh mà mẹ con tôi cùng đọc, chưa có một người con gái nào gặp cảnh ngộ ghê sợ như tôi...

Chỉ một lát sau, tôi nghe tiếng bước chân chạy tới, cùng với những tiếng kêu gào nhỏ: "Mau lên, mau lên! Có người bị bắn chết rồi!..." Một đám người cầm đuốc chạy băng qua rừng cao su, nơi tôi đang lần mò tìm lối ra đường quốc lộ. Ánh đuốc chớp chớp từ xa khiến tôi sợ hãi, lùi lại, nhưng không kịp. Có người kêu lên nhỏ:

- Có người kia! Có người lạ kia!

Đám người ấy ăn mặc và cầm gậy gộc, vũ khí rất giống với nhóm của Ba Dương. Tôi như con thú bị thương, bị dồn vào góc chết chỉ biết lùi lại, lùi cho đến khi lưng chạm vào gốc cao su, và bị một bàn tay thô bạo chụp lên vai. Tôi hét lên:

- Xin đừng giết tôi, tôi... tôi... là người nhà của anh Ba Dương...

- Ba Dương nào?

Họ ngạc nhiên nhìn tôi, điệu bộ rất khẩn trương. Tôi khấn khoản lần trong bầu áo chiếc thẻ mà anh ấy đã đưa cho tôi, lắp bắp nhắc đi nhắc lại:

- Dạ... là anh Trần Hồng Dương...

Một cánh tay vung lên, giật phắt lấy thẻ bài trong tay tôi:

- Đưa đây!

Tiền chân, người đó đá vào khuỷu chân khiến tôi ngã quỵ. Sấp mặt xuống lớp lá cao su ướt đầm sương đêm, tôi bất tỉnh.

Leroy nhắm mắt lại, đầu cúi xuống không dám nhìn thẳng vào bà Thuỳ Mai.

- Leroy, chính họ đã cứu tôi, khi nhìn thấy chiếc thẻ bài của anh Trần Hồng Dương. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn, họ không nhận là quen biết anh ấy, mà còn đánh cho tôi bất tỉnh, rồi lấy khăn rằn bịt mắt tôi lại. Cũng chẳng cần gì nhiều nhận, vì tôi vốn đã hoảng loạn tảm chín phần rồi. Chỉ cần một cú đánh thị uy là tôi ngất xỉu, không còn biết gì nữa.

Sau này gặp lại anh Trần Hồng Dương, tôi mới biết được diễn biến đêm hôm đó. Biết kế hoạch giết Pierre bất thành, cậu Tám bị thương nặng rồi chết, có nhiều người đòi

giết chết tôi, nhưng thẻ bài của anh Ba Dương đã ngăn họ lại. Anh Trần Hồng Dương tuy mới tham gia tổ chức Việt Minh, nhưng lại có uy tín lớn. Anh mật báo ra không được giết tôi, vì tôi không có tội gì. Hơn nữa, bảo toàn mạng sống cho tôi sẽ có lợi về sau, vì tôi là vợ chưa cưới của Pierre... Sau khi hội ý chớp nhoáng, mọi người đã thống nhất kế hoạch đưa tôi về Sài Gòn. Vì thế khi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm trên một cái ổ rơm đúng nghĩa.

Đó là một căn nhà của một người thợ săn bên rừng, nằm trong khu nhà của những người làm nghề tự do, không thuộc quyền quản lý của các đồn điền. Sáng sớm hôm sau, bà vợ của người thợ săn đã giúp tôi hoá trang thành chính bà, với cái bụng to sắp đến ngày sinh để ngồi lên chiếc xe bò, mang thú rừng ra ngoài lộ giao cho người mang về Sài Gòn. Bà dạy tôi cách đi đứng sao cho thật giống đàn bà sắp đẻ, và cảnh báo tôi rằng: Người đóng vai "chồng" tôi có cầm theo một trái nổ. Nếu tôi để chuyện này bại lộ thì không có cách nào khác là "chồng" tôi sẽ giật trái nổ để cả hai cùng chết. Khởi phải kể lại là tôi vì sợ chết mà ngoan ngoãn và can đảm đến thế nào để đi lọt qua sự kiểm soát dày đặc trên con đường quốc lộ. Theo đúng "kịch bản" chỉ sẵn, người thợ săn khẩn khoản xin đưa "vợ" (là tôi) đi về Sài Gòn thăm bà con, và đã đưa tôi về trót lọt trong buổi sáng hôm ấy. Người thợ săn đưa tôi về đến tiệm vải của mẹ tôi đúng giữa trưa, và biến mất trước khi tôi kịp lên tiếng gọi mẹ.

Lúc đó, cha mẹ tôi đều đang có mặt ở đó. Nhìn thấy tôi trong bộ quần áo bà ba đen, mẹ tôi lao ra, ôm chầm lấy tôi, còn cha tôi thì đứng bật dậy, quay lưng đi đâu đó. Hai mẹ con tôi ôm lấy nhau, cơ thể tôi rã rời, mềm nhũn nằm gọn trong vòng tay mẹ, tôi không còn hơi sức để nói hay để khóc nữa... Tôi nghe thấy tiếng tim bà đập thình thịch trong lồng ngực. Rồi bà đẩy tôi ra để nhìn cho rõ mặt mày, đầu cổ chân tay tôi. Bà xăm soi thật kỹ, mím môi lại một cách căng thẳng để ngấm nhìn mặt mũi, tay chân của tôi, mặc dù tôi muốn tiếp tục dụi đầu vào lòng bà để được ấm áp, an toàn. Sau cùng, bà hỏi tôi thật nhỏ:

- Con à, con không sao đó chứ?

Tôi nhìn mẹ, rồi lắc đầu dù chưa hiểu bà muốn hỏi gì. Bà nhìn quanh quất một hồi rồi lại hỏi:

- Vậy ai đưa con về đây? Lũ cô giáo mắc dịch của con đâu?...

Cha tôi quay trở lại, mặt biến sắc, môi ông run rẩy và hình như chân đi không vững. Ông nhìn cảnh hai mẹ con tôi hỏi han nhau với vẻ bức bối, rồi lắc đầu mạnh một cái, ông thở hắt ra:

- Con ơi là con, sao con lại để cho bọn Việt Minh lợi dụng, dắt mũi con như vậy? Mới rời nhà có một ngày thôi mà đã xảy ra chuyện lớn rồi. Làm sao mà cha ăn nói với người ta được đây...

Mẹ tôi ấn tôi ngồi xuống chiếc ghế đặt gần đó, rồi quay sang nhìn cha tôi một cách ngang nhiên, bất bình

(điều tôi chưa từng thấy ở một người phụ nữ nào cho tới thời điểm đó). Bà nói như gắt:

- Sao ông lại tin điều đó? Mà có như vậy đi nữa, ông cũng phải mừng vì bây giờ nó đã về được tới nhà, còn hơn là chết mất xác trong rừng vì lũ cọp beo rồi chứ...

Cha tôi ngồi xuống bên chiếc bàn làm việc của ông, lắc đầu buồn bã. Ông nhìn tôi như nhìn một vật thể xa lạ, dường như kể từ phút ấy tôi không còn là con gái của ông nữa. Mẹ tôi đi qua đi lại trước mặt hai cha con tôi, dáng điệu của bà như một người đàn ông đang suy tính điều gì đó. Cha tôi cứ thờ dài mãi rồi mới buông ra một câu nói chán chường:

- Không những ta không thể có một mẫu cao su nào ở đó, mà trái lại, có khi ta còn phải gán cái gia sản này để chuộc tội cho con gái đó, bà ơi. Từ sớm tới giờ tin dữ dồn dập ập tới làm tôi sợ quá. Cái con nhỏ này (ông rít lên và nhìn về phía tôi), nó bước về đây với bộ đồ này là tôi hiểu hết ngọn ngành rồi...

Mẹ tôi trợn mắt nhìn tôi, rồi lại nhìn cha tôi, hai tay buông thõng. Nghe đến chuyện phải gán đi gia sản này, bà không còn ngang nhiên như vài phút trước đó. Tôi sợ hãi gọi nhỏ trong nước mắt:

- Cha... Mẹ...

Mẹ tôi chợt la toáng lên, làm cho cả tôi lẫn cha tôi kinh ngạc vì bà chưa từng cả gan như thế:

- Vậy thì ông phải nghĩ cách gì đó đi chứ. Không lẽ ông cam tâm để cho cái nhà này tán gia bại sản hay sao?

2.

Trên đường về khách sạn, Phillipe Leroy đã cởi bỏ một nút áo trên ngực và giang rộng tay để che dù cho bà Thuỳ Mai. Hai người đi dưới cái nắng ban trưa vừa nồng vừa gắt, gương mặt cả hai đều đỏ lên.

- Bà Thuỳ Mai ạ - Leroy cố lấy vẻ mặt tươi tỉnh để chuyện trò với người bạn đồng hành - Tôi lấy làm lạ là vì sao mọi người lại dễ dàng tin chuyện ấy được nhỉ? Kể cả cha mẹ bà là những người rất từng trải và gần gũi với người Pháp. Khi tình trạng ấy diễn ra, cuộc sống của gia đình bà chắc là bị đảo lộn?

- Đúng rồi Leroy. Trong vài tuần tôi đã không dám quay trở lại trường Gia Long. Cha mẹ tôi giữ tôi trong nhà, tuyệt nhiên không cho thò mặt ra khỏi cửa, thậm chí còn giấu cả chuyện tôi đã về nhà một mình. Cha tôi cũng suốt ngày giam mình trong thư phòng. Đó là nơi ông làm việc, đọc sách, nhưng lúc đó ông tuyệt nhiên không làm được gì, không đọc một trang sách nào, mà lúc nào cũng run sợ, lo lắng và tính toán. Ông buộc mẹ tôi không được mở cửa hàng bán vải, vì sợ chính quyền để mắt tới gia cảnh nhà tôi. Cuộc sống gia đình tôi bị tê liệt. Những ngày đó mẹ tôi đi chùa, rồi lại về nhà tụng kinh gõ mõ. Và họ đã không hề để mắt đến tôi, đứa con gái tưởng như chết đi sống lại trong chính hang ổ của vị hôn phu tương lai người Pháp. Bản

thân tôi cũng không biết làm gì cả, bởi ký ức quá đáng sợ đêm ấy đeo đẳng tôi mãi, và tôi thật sự không biết mình có tội hay là không có tội. Trước nỗi lo sợ của cha mẹ, tôi không biết dựa vào ai nếu chẳng may bị bắt...

Gần giữa tháng ba theo Tây lịch thì chị Lương Thị Huệ đi xe lô đến nhà tôi. Ban đầu cha tôi không cho chị vào nhà, nhưng không biết chị nói gì mà cuối cùng ông xuôi tai, cho chị đi thẳng vào phòng riêng của tôi. Nhìn thấy chị, tôi reo lên một tiếng mừng rỡ, ôm chầm lấy chị và cảm thấy sức sống lại quay trở lại với mình. Vài tuần không gặp mà tôi ngỡ như lâu lắm, mà chị trông cũng khác đi nhiều, vẻ mặt già dặn hẳn. Chị nhìn tôi bằng ánh mắt u buồn, ôm tôi vỗ về như đối với một đứa bé. Tôi khóc ngay trên vai chị, nước mắt thấm xuống chiếc áo dài màu tím của chị, và tôi nghĩ ngay rằng chị từ trường học đi thẳng qua nhà tôi.

- Chị ơi...

Tôi nghen ngào một lát rồi im, vì thấy chị cũng ngập ngừng như đang sợ điều gì đó. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, vì dường như chị Hai Huệ vội phải làm gì đó. Chị hỏi tôi lý do vì sao nghỉ học suốt mấy tuần qua, và khi nghe tôi kể vắn tắt sự việc, chị cười buồn và khuyên tôi đi học lại. Thật là khó hiểu, vì ở trường không ai nghe động tĩnh gì về tôi và Pierre cả. Chị Hai Huệ kể là mọi người đều nghĩ rằng tôi và Pierre đã cưới nhau; nhưng theo cô hiệu giáo thì: "Điều đó là vô lý, vì tính Pierre thích phô trương như thế, lẽ nào lại cưới một mỹ nhân trong âm thầm lặng lẽ? Mà chẳng lẽ cha mẹ Thuỳ Mai cũng chịu để người ta lấy con gái mình trong

tình trạng không kèn không trống gì sao?" Tôi sụt sùi khóc với chị, nói rằng đời em vậy là đã bỏ đi, vì vướng vào chuyện tình ngay lý gian, còn làm phương hại đến cha mẹ mình nữa. Chị nói: "Em Mai à, dù có gặp chuyện kinh khủng hơn thế này nữa, em vẫn phải đi học. Vì không ai, kể cả song thân có thể lo lắng cho em đến già, đến chết được. Càng gặp chuyện xui rủi, mình càng phải cố gắng để làm chủ đời mình, vậy mới mong vượt qua nghịch cảnh được. Chị thì lúc nào cũng tin em, và em đừng lo, Pierre không thể can thiệp vào chuyện em đi học hoặc bất cứ chuyện gì khác, kể cả việc trả thù hai vị sinh thành ra em. Anh ta thực ra là một anh thực dân, một con buôn hơn là người của chính quyền, nếu anh ta vượt quá giới hạn dành cho mình, chị nghĩ rằng gia đình em phải biết cách tự bảo vệ. Nhất là cha em, thầy ký có thể lên tiếng tố cáo Pierre lợi dụng chức phận để bắt cóc con gái mình chứ em..."

Nói xong, chị dúi vào tay tôi mấy tờ báo cũ, rồi lật đật ra về. Tôi tiễn chị ra tới cửa phòng, và cả hai chúng tôi cùng giật mình khi thấy cha tôi đứng ở đó, có vẻ đang chăm chú lắng nghe cuộc nói chuyện của chúng tôi. Chị Hai Huệ sợ hãi nhìn cha tôi, rồi lễ phép chào ông để ra về. Cha tôi nhìn chị với vẻ dò xét, nhưng nhìn thoáng qua cũng biết gương mặt ông đã giảm bớt vẻ khó coi ông đeo đẳng suốt mấy tuần qua. Có lẽ ông vui mừng vì nghe rằng Pierre im hơi lặng tiếng, bỏ qua chuyện trả thù gia đình tôi? Khi mẹ tôi về nhà, cha mẹ tôi lại thì thầm trò chuyện với nhau.

Nhưng kể từ đó, tôi bắt đầu dễ thở hơn ngay trong ngôi nhà của mình.

Tôi cầm máy tờ báo cũ lên xem và thấy ngay tấm ảnh ký giả chụp tôi cùng với Pierre đang ngồi trên lưng ngựa, với thanh kiếm trông oai hùng và lãng mạn đến không thể tưởng tượng nổi... Báo viết tôi 3 kỳ về chuyến thăm đồn binh của tôi với tư cách vị hôn thê của Pierre, và thay lời tôi, kể lể y như thật về những ngày sống ở đây, được tiếp xúc với binh lính Pháp - Việt như thế nào, gặp công nhân cạo mủ cao su ra sao, đời sống người dân vui vẻ như thế nào v.v... Lần đầu tiên trong đời tôi chỉ biết lặng đi bên những lời lẽ tô vẽ ấy, trong đầu nghĩ đến chuyện làm sao để không bị ảnh hưởng bởi những lời bịa đặt ấy.

Vài ngày sau tôi trốn ra được khỏi nhà nhờ có sự giúp sức của chị Hai Huệ. Chị đưa tôi đến gặp cô giáo chủ nhiệm. Rồi cô giáo chủ nhiệm lại đưa tôi đến nói chuyện với cô hiệu trưởng người Pháp, cô F. Cô chủ nhiệm vừa nói chuyện với cô hiệu trưởng vừa khóc, còn cô hiệu trưởng vừa nghe vừa nhìn tôi bằng đôi mắt xanh mở to bình thản. Tôi vẫn còn nhớ đôi mắt trong veo ấy, tưởng rằng nó sẽ vô cảm cho đến phút cuối cùng, dẫn đường cho những lời nói lạnh lùng, chấm hết việc đi học để làm một cô giáo của tôi. Khác với những điều tôi nghĩ, cô đã ôm lấy tôi một cách thân ái và vuốt tóc tôi thật nhiều. Cô nói rằng hội đồng giáo viên của trường đều tỏ ra bất bình khi nghe kể lại chuyện Pierre giữ chân tôi ở lại Xuân Lộc hôm đó, điều đó trái với luật pháp, lẽ ra anh ta có chức trách thực thi và bảo vệ luật

pháp, nhưng thực tế đã làm ngược lại. Tuy nhiên, câu chuyện cô nghe được hôm nay "thật là đáng kinh ngạc. Nó mang đến một hình ảnh thật khôi hài về người Pháp!". Cô F. đã nói với tôi như thế, và cho tôi biết: ngay cả chuyện được viết trong mấy tờ báo kia, mọi người đều không lấy làm quan trọng. "Điều quan trọng nhất là, "tiểu thư" Thuý Mai, em cần phải tiếp tục đi học. Em có thể tránh xa những cuộc uly lạo, những buổi khiêu vũ ở câu lạc bộ... nhưng em không thể xa rời chúng tôi" - cô F. nói vậy. Tôi đã khóc trong vòng tay cô.

Tuy vậy, việc đi học trở lại của tôi lại vấp phải sự phản ứng của cha mẹ tôi, nhất là cha tôi, vì ông cứ nghe ngóng từ Hội đồng thuộc địa và những chức sắc Sài Gòn, và sợ Pierre trả thù, làm cho ông mất chức. Lúc đó ông định tìm cách gả chồng cho tôi, để tránh tai tiếng và cả sự thù hằn của cả người Pháp lẫn người Việt. Nhưng mẹ tôi to tiếng với ông, cho rằng tôi làm sao mà lấy chồng vào lúc này được, khi mà báo chí thì loan tin tôi đã đính hôn với Pierre Fuornier, còn sự thật thì tôi phải trốn chạy ê chề và cả nhà tôi phải sống nơm nớp trong sợ hãi. Làm như thế khác nào tự giết hết cả gia đình! Tôi đặt bàn tay của mình lên một cuốn sách đặt ở án thư của cha, để nói như đinh đóng cột:

- Thưa cha, con quyết đi học, xin cha đừng ngăn cản con. Nếu không, con xin phép vào học nội trú tại trường...

Nói thế, nghĩa là tôi đã dám bước qua rào cản lễ nghĩa của gia đình. Cha tôi vô đầu bứt tai vì tôi tỏ ra ương bướng đến thế, rồi ông buông ra một câu:

- Mày đã quyết định như vậy thì có gặp chuyện gì thì tự chịu. Tao và mẹ mày vô can...

Mẹ tôi thở dài đánh sượt, buông ra một câu không biết là buồn hay vui:

- Dù sao thì cũng đã không còn mấu cao su nào rồi, đàn bà con gái đi học hay không cũng thế thôi...

Còn tôi, từ sau cái đêm chạy như điên dại từ nhà nguyện của Pierre qua rừng cao su lạnh buốt sương đêm ấy, hình như tôi đã trở thành một người khác. Khi đã có quyết tâm, tôi tự sắp xếp lại việc học hành của mình, bắt đầu từ ngày hôm sau, ban ngày tôi tự đón xe kéo đi học, tối về miệt mài học bù lại những ngày không đến lớp. Bạn cùng lớp, cùng trường bàn tán, lườm nguýt, tôi phớt tỉnh coi như không có chuyện gì xảy ra cả. Họ đã từng tán tụng tôi và Pierre, không giấu diếm sự ngưỡng mộ và còn bày vẽ đủ trò cho tôi với Pierre. Vì vậy, tôi biết chắc họ không thể nào tin được, và chấp nhận bản chất của sự việc. Dù tôi có cố nói cho rõ cũng vậy thôi... Từ đó tôi chơi thân với chị Lương Thị Huệ như hình với bóng.

Tuy mất rất nhiều người bạn gái cùng học, nhưng tôi bắt đầu có nhiều người bạn khác. Ngoài chị Hai Huệ là con một ông giáo dạy chữ quốc ngữ, một số chị em khác chủ động làm thân với tôi, như chị Năm Quỳnh con nhà buôn cuốc xẻng, chị Ba Gái là con ông thầy thuốc ở dinh Toàn quyền, hay chị Lan Hương là con của ông chủ bút một tờ báo... Đây là số chị em có đầu óc rất tiên bộ, tính cách

manh mẽ giống nam nhi. Họ đã kết thân với nhau từ lâu, và họ bắt đầu chơi với tôi khi thấy tôi có cá tính gần giống họ. Nhưng phải rất lâu về sau tôi mới hiểu được điều đó, còn thời gian đầu đi học lại, tôi vẫn luôn sống trong nơm nớp lo sợ, dè dặt.

3.

Chiều hôm đó, đến lượt Phillipe Leroy gặp xui xẻo. Chính xác là anh không quen với thực phẩm, nguồn nước ở đây, nên đã bị rối loạn tiêu hoá. Không biết cầu cứu ai, anh đành gọi điện cho bà Thuỳ Mai cũng đang bị cơn sốt dai dẳng hành hạ; và bà quyết định về lại Thành phố Hồ Chí Minh ngay chiều hôm đó.

- Leroy! Cố lên nhé. Tôi xin lỗi đã đẩy anh vào những khó khăn này...

Ngồi trong chiếc xe chạy bằng than¹, bà nắm tay Leroy như để hồi lỗi. Họ không có một chút không gian nào, bởi người ngồi trên xe quá đông. Để bảo vệ cho chiếc máy ảnh và cả chân máy yêu quý của mình, Leroy chấp nhận ngồi ở góc trong cùng, hai chân dang ra rộng hết mức có thể trong tình trạng mọi người phải xếp sát nhau như cá mòi. Bà Thuỳ Mai ngồi bên cạnh, chiếc áo màu lam cũng

¹ Xe được treo một nồi than phía sau xe. Phụ xe ngồi phía sau phải thường xuyên dùng que sắt đảo mạnh nồi than để xe chạy bình thường. Đây là loại xe vốn chạy bằng dầu, nhưng do quá cũ và thiếu nguyên liệu nên đã được cải tiến như vậy, chỉ có ở Việt Nam trong thập niên 1980.

nhuộm bụi than. Ngồi sâu trong xe, song hai người luôn tìm cách nhìn ra cửa xe để xem cách anh chàng phụ xe (còn gọi là lơ xe) "vận hành" cái ống than to đùng, nóng bỏng bên hông xe. Anh ta liên tục đập đùng đùng vào xe để ra hiệu cho người tài xế ngồi trên ca bin, kèm theo những tiếng la hét, chửi thề mà chỉ có bà Thuỳ Mai hiểu được. Trong khi bà hồi lỗi và tìm cách xoa dịu tinh thần Leroy, thì anh lại muồn che chở cho bà theo cách của mình.

- Đất nước của bà đang thay đổi mà, chúng ta đang chứng kiến sự thay đổi đó. Bà hãy nhớ những người nông dân Việt Nam đã phải sống như thế nào trong những xưởng vũ khí, hay trên những cánh đồng muối ở nước Pháp như thế nào trong những năm Thế chiến thứ hai¹. Và ngay trên con đường này, giữa những rừng cao su bạt ngàn, họ từng là những người phu đồn điền đau khổ...

- Ôi Leroy, anh vĩ đại quá! - Nói xong, bà Thuỳ Mai đã im lặng hầu hết chặng đường còn lại. Leroy cũng vậy, anh tìm cách gặm nhấm cơn đau quặn lên từ trong ruột gan, và âm thầm tiêu hoá chúng cho đến khi về đến Thành phố Hồ

¹ Trong thế chiến thứ nhất đã có khoảng 100.000 người, và thế chiến thứ hai là 93.000 người Việt Nam được chính phủ Pháp đưa sang "mẫu quốc". Phần lớn họ là nông dân, bị đưa vào làm việc trong các nhà máy quốc phòng, trồng lúa, làm muối... như những nô lệ thực sự. Đến khoảng năm 1950 thì họ được về nước, nhưng không có một chế độ gì. Một số người đã chết, một số chọn ở lại Pháp. Họ được biết đến với tên gọi "những người lính thợ Đông Dương".

Chí Minh sau chuyến xe kéo dài gần 3 giờ đồng hồ. Lãnh sự quán đã làm thủ tục cho cả hai người nhập viện.

Tại bệnh viện Thống Nhất, hai người được đưa vào hai khoa khác nhau, song nhân viên lãnh sự quán được khuyến cáo là tình trạng của bà Thuỳ Mai khá nặng, cần phải được chăm sóc đặc biệt. Vì vậy, Leroy được thông báo là có thể anh sẽ về Pháp trước người bạn đồng hành của mình, lãnh sự quán sẽ lo mọi thủ tục cho anh, và anh không phải lo chuyện bị toà soạn quở trách vì sao về nước muộn hơn kế hoạch.

Giả vờ nằm ngoan ngoãn trên giường bệnh, Leroy chờ cho đến khi các y bác sĩ làm xong nhiệm vụ và ra khỏi phòng. Lúc này trời đã tối. Leroy bắt chước một số người bệnh khác, anh đứng lên, cầm theo chai dịch truyền rồi lẩn dò đi tìm bà Thuỳ Mai. Rất may cho anh là tại bệnh viện này có khá nhiều người biết tiếng Anh, và cả tiếng Pháp. Nghe anh hỏi thăm, mô tả, họ hướng dẫn cho anh đến Khoa cấp cứu, thậm chí chỉ số giường nằm của bà theo sơ đồ của Khoa. Thế nhưng anh đã không thể nào tìm ra bà Thuỳ Mai trong đêm hôm ấy.

Mờ sáng hôm sau, Leroy trở lại tìm bà Thuỳ Mai, nhưng giường của bà vẫn trống trơn, bộ đồng phục dành cho bệnh nhân vẫn còn đặt ở đầu giường. Anh đứng nhìn cái bảng tên viết tên bà bằng tiếng Việt một lát, rồi lặng lẽ quay ra, trên tay là chai dịch truyền thứ hai và vết tấy do kim y tế đâm vào. Một ý nghĩ chợt đến, Leroy quyết định

thẳng tiến ra gần cổng bệnh viện, nơi rất nhiều bệnh nhân đi dạo trong khi trời đang sáng dần lên.

Loanh quanh ở đó gần nửa giờ thì bà Thuỳ Mai xuất hiện, Leroy vui mừng nhận ra bà trông rất khoẻ mạnh, nhanh nhẹn bước vào cổng bệnh viện. Leroy không chút e ngại vội đến gần bà, đưa tay sờ trán bà thay vì phải lịch sự chào hỏi trước. Thật lạ là bà không còn biểu hiện sốt cao nữa, đôi mắt đen láy vui cười nhìn anh như muốn chế giễu sự lo lắng thái quá ấy.

Đã sang thứ hai (ngày 18/1/1988). Trong tập nập những người đến bệnh viện khám, chữa bệnh sáng hôm ấy, và giữa cả những nhân viên y tế đang tất bật lo công việc sáng thứ hai đầu tuần, hai người ngồi xuống ghế đá. Không đợi Leroy hỏi thăm, bà Thuỳ Mai mở túi xách ra, lấy mấy tấm ảnh chìa cho anh xem. Leroy đón lấy, nhíu mắt xem nhưng không hiểu. Vì đó là ảnh chụp một con đường trong đêm, với nhiều chi tiết rất bình thường như một quán nước bên lề đường trông còn nghèo nàn hơn quán cà phê bằng gỗ ở Xuân Lộc, một chiếc xe đẩy đi qua đường chật hẹp, người đi dạo trên cầu, những cửa hàng nhỏ và những tấm bảng hiệu được sơn bằng tay... Tất cả đều không có gì nổi bật, song tấm ảnh nào cũng có bà Thuỳ Mai trong vai một người khách bộ hành lang thang cô độc. Leroy lịch sự giữ những tấm ảnh trên tay và nhìn bà Thuỳ Mai, trong khi đôi mắt bà cứ mê mải nhìn vào những tấm ảnh. Vầng trán của bà nhíu lại, những nếp nhăn cắt ngang hết cả khuôn mặt trắng bệch, có vẻ mệt mỏi của bà.

- Thưa bà Thuỳ Mai, bà thức trắng đêm qua sao? Bà đã đến đây, để chụp những tấm ảnh này? Và bằng cách nào vậy?

Bà Thuỳ Mai trả lời mà không nhìn anh:

- Đêm qua không có anh, nhưng may mà tôi gặp được một nghệ sĩ nhiếp ảnh đi chụp dạo trong đêm, anh ta đã chụp cho tôi những tấm ảnh này. Và vì đợi anh ta rửa ảnh cho xong nên tôi đã trải qua vài giờ ở một quán nhỏ bên sông Sài Gòn. Tuy nhiên, tôi cảm thấy mình rất khoẻ, rất mãn nguyện Leroy ạ.

Leroy gật đầu, không nói gì thêm. Chỉ cần bà được toại nguyện, đối với anh thế là đủ.

- Tôi đi về tìm lại nhà cũ của cha mẹ mình trên đường Boulevard de la Somme. Bây giờ nó là đường Hàm Nghi. Gần chỗ nhà cũ thường được gọi là Chợ chó chợ chim, vị trí ở cuối con đường, chẳng có một chút giàu sang, hào nhoáng như phần phía trước. Tất cả đã thay đổi quá nhiều. Khu phố buôn bán vải vóc không còn nữa, vì khu này đã bị chính những gia đình như chúng tôi đốt phá tan tành, trước khi bỏ đi. Chỗ nhà tôi ở đã trở thành ngân hàng lớn, tôi không còn tìm được những người hàng xóm quen biết với gia đình tôi ngày trước... Phần cũng vì ngày ấy tôi chỉ là một tiểu thư được cha mẹ để mắt quá kỹ, quanh năm chỉ quanh quẩn trong nhà nên chạm mặt hàng xóm rất ít.

Leroy ngoẹo cổ giữ lấy chai nước truyền dịch, để rảnh tay xáo ảnh lên xem. Bà Thuỳ Mai vẫn trôi trong dòng hồi

tường của mình, trong một thoáng đôi mắt bà lại trở nên rực sáng.

- Nhưng mà anh biết không, - bà nói tiếp - cái cửa hàng ăn mà gia đình tôi hay lui tới trước kia vẫn còn bày bán, vẫn những món ăn cũ, dù mùi vị không còn giống như trước mấy. Cũng phải thôi, đã hơn 40 năm trôi qua rồi...

Leroy gạt gù cái đầu để đồng tình, làm chai nước rơi xuống, rất may là anh kịp đưa tay ra đỡ. Đến lúc này bà Thuỳ Mai mới để ý đến anh, bà phá ra cười vì thấy anh trong hoàn cảnh ngộ nghĩnh này.

- Leroy, trông anh kìa. Sao giống danh hài Charlie Chaplin quá vậy, ha ha ha...

Anh ngượng ngịu cười, trả lại bà xấp ảnh. Anh thông báo:

- Bà Thuỳ Mai, tôi có thể về nước trước bà. Còn bà, sau cuộc "đào tẩu" này có lẽ sẽ bị kiểm soát chặt chẽ hơn, với lại bà đang ốm nặng. Có thể trông bề ngoài thì thể thôi, chứ hiện giờ cơ thể của bà đã bị nhiễm độc, bà phải hết sức cẩn thận...

- Tôi... không sao cả. Anh phải tin vào những ngoại lệ chứ, tôi đã chờ hơn 40 năm để được đặt chân về quê hương mình, hít thở bầu không khí tuổi thơ của mình... Lẽ nào tôi lại không chịu nổi và bị bệnh trạng đánh gục? Thực tế là tôi đang rất khoẻ... Để tôi kể cho anh nghe, tôi và anh Trần Hồng Dương đã gặp lại nhau trên đại lộ Charner như thế

nào. Tôi tin là tôi đã đến ngôi đúng chỗ anh ấy đã ngồi trước đây, trong một tình huống vô cùng nguy hiểm, nhưng cũng hết sức tức cười trước đây...

- Bà phải về phòng nghỉ ngơi đi đã... (Leroy nhắc)

- Không, không cần đâu.

Nói xong, bà Thuỳ Mai ngồi chờ người ra, đôi mắt hướng ra cổng bệnh viện, nhưng hình như không nhìn thấy gì cả. Lát sau bà mới nói:

- Năm 1945, cũng vào dịp đầu năm Tây lịch như thế này, tôi đã vô tình gặp lại anh Trần Hồng Dương. Số là từ ngày trở lại trường Gia Long, tôi bị cha mẹ kiểm soát rất chặt. Cha tôi thuê hẳn một chiếc xe ngựa để đưa đón mẹ và tôi mỗi ngày, trước đó thì tôi đi một mình bằng xe kéo. Thỉnh thoảng ông lên xe đi cùng với mẹ con tôi rồi quay trở về nhiệm sở, đồng thời trông coi giờ giấc rất sát sao. Nhưng nơi mẹ tôi bán vải chỉ cách nhà có vài bước chân, đi thêm chừng mười phút nữa là tới nhiệm sở của cha tôi. Còn tôi được tự do suốt quãng đường còn lại. Vốn chỉ cần theo dọc con đường Paul Blanchy¹, nhưng tôi đã cho tiền phu xe để ông ta đưa tôi đi đường vòng, qua những con đường khá dài dọc theo bờ sông Sài Gòn như ra đại lộ Charner², có khi còn ra đến đường Quai le Myre de Vilers³ nơi có nhiều cảnh

¹ Đường Hai Bà Trưng ngày nay.

² Đường Nguyễn Huệ ngày nay.

³ Một đoạn trên đường Tôn Đức Thắng ngày nay.

đẹp được nhiều người Pháp và người Việt trong giới thượng lưu lui tới... rồi mới vòng đến trường.

Vào lúc đó, nhiều bạn học của tôi đã đến trường bằng xe ô tô. Tuy tôi đến trường bằng xe ngựa trông có kém sang trọng hơn, nhưng cũng vào loại hiếm. Thời gian đầu, ngồi trên xe tôi cũng lo cầm cúi học bài, để bù lại những kiến thức đã mất sau cái "scandale ái tình" ấy. Nhưng rồi sau đó, tôi vẫn bị cảnh vật và con người bên ngoài mời gọi, nên khi cha tôi vừa xuống xe xong là tôi vén rèm để quan sát mọi thứ. Phillipe Leroy thân mến! Ký ức trong lòng tôi luôn là những buổi sớm mai đẹp đẽ trên đường phố Sài Gòn đầu năm 1945, luôn luôn như thế, cho dù sau này tôi có phải đi sớm về khuya, phải cải trang như một kẻ bất hợp pháp... Những ngày ấy thật êm đềm, mà sao quá ngắn ngủi đối với một người thiếu nữ. Ngồi trên xe, tôi ngắm nhìn những rừng cây cao su, thời đó còn được trồng rất nhiều ở nội ô, ngắm nhìn người bộ hành - cả người Việt lẫn người Pháp, người Anh, Ấn... Tôi ngắm nhìn mọi vật lâu đến nỗi thuộc lòng cả tên những quán ăn, nhớ mặt những người bán hàng rong và những quầy hàng di động của họ.

Tôi còn nhớ mình luôn ao ước có một chiếc xe đạp để đi học, vì thỉnh thoảng bắt gặp những cô gái mặc áo dài rất đẹp ngồi trên những chiếc xe đạp nhỏ nhắn, trông như làm xiếc. Nhưng anh biết rồi đây, làm sao cha mẹ tôi đồng ý cho tôi đi xe đạp như thế được, khi mà quan niệm về người phụ nữ của họ vẫn hết sức lạc hậu, đồng thời hai người cũng rất dè chừng, sợ tôi chường mặt ra và vô tình Pierre

bắt gặp... Mặc dù bị cha mẹ đe nẹt đến thế nào, tôi vẫn cứ "vén rèm lên". Đó là câu khẩu hiệu tôi nghe được từ mấy chị Hai Huệ, chị Ba Gái, chị Lan Hương... Họ thường đùa với nhau câu ấy, và sau này khi chơi với họ, tôi mới hiểu đó còn là khẩu hiệu của nữ quyền, không chấp nhận ngồi sau bức màn bưng bít của chính quyền, thần quyền, gia quyền... Các chị bảo với tôi rằng: "Đã có hẳn một tờ báo dành cho nữ quyền, do một người phụ nữ làm chủ bút. Người đó không xa lạ, vì đó chính là con gái của người mang tên ngôi trường chúng ta đang học". Như tôi đã kể với anh, trường Gia Long bị quân đồng minh chiếm đóng, phá hoại, nên chúng tôi phải qua học ở trường Đồ Chiểu. Tờ *Nữ giới chung* của bà Sương Nguyệt Anh, con gái ông Đồ Chiểu đã có tiếng từ mấy chục năm trước. Lúc đó, có lẽ mẹ tôi vẫn còn cun cút bưng bô, bưng ống nhỏ cho năm bà chị trong gia đình người Hoa đã cưu mang, dạy dỗ bà. Còn cha tôi thì vẫn còn miệt mài với sách vở, bị đánh trượt mấy kỳ thi Nho học đành bỏ ngang để đi học trường Pháp. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng mình sẽ học xong vào cuối năm 1945, và sẽ đi làm cô giáo. Tôi rất giỏi Pháp văn, nhưng sau cú sốc ở chân núi Chứa Chan, sự thần tượng dành cho người Pháp tôi thừa hưởng ở cha tôi không còn nữa. Và đó cũng là lý do mà sau này tôi dạy môn địa lý, Leroy ạ, vì đó là những kiến thức trung thực, không thể tô vẽ hay làm gì khác được. Nhưng mà câu chuyện còn dài lắm...

- Bà nên vào kiểm tra sức khoẻ trước, thưa bà...

Leroy lại nhắc. Bà Thuỳ Mai mỉm cười, giơ tay để vén lại món tóc bạc đang xoà qua mắt. Nhìn bà lúc này không khác gì một bà giáo già cận thị, đuôi mắt cứng đờ, mệt mỏi. Chỉ qua một đêm, bà lại trở về đúng với tuổi tác của mình, sau hơn 48 giờ như bị thôi miên thành một người phụ nữ trẻ trung kỳ lạ. Nhưng Leroy vẫn nhận thấy bà rất đẹp, cái đẹp của một mỹ nhân người Á Đông nhỏ nhắn và sắc sảo, thông minh, có vẻ như chưa bao giờ chịu lùi bước trước khó khăn, nghịch cảnh. Gần 30 năm trước, khi được bà dạy học, cậu trai Phillipe Leroy đã cảm nhận được điều đó, nhưng tất nhiên là anh đã không định nghĩa được đến nơi đến chốn như khi anh bước vào độ tuổi này.

- Không sao đâu, Leroy! Những cảm xúc trong lòng tôi vẫn còn nóng bỏng, tôi nghĩ nếu tôi nói với anh lúc này, chúng ta sẽ cùng vui. Nhưng nếu tôi giữ lại trong lòng, một mình tôi sẽ buồn cho đến chết...

Leroy không trả lời, nhưng ánh mắt anh đượm lên nét reo vui, nhờ có ánh mặt trời bắt đầu rọi đến nơi hai người đang ngồi. Trong lòng anh cảm thấy ấm áp vì sự nồng nhiệt đối với cuộc sống của bà Thuỳ Mai đã không hề mất đi, mặc dù khi bà quay trở lại đây thì mọi thứ đã đổi thay. Người tình đã chết, bạn thân đã chết, ngôi nhà cũ cũng không còn. Anh nhận thấy bà cũng có một phần sự nồng nhiệt trong cách sống của người Pháp, mặc dù có thể bà không yêu nước Pháp. Bản thân Leroy cảm thấy mình cũng đang chơi vơi trong tình yêu ấy, vì anh được sinh ra và lớn lên ở nước Pháp, nhưng trong cơ thể của anh có một phần

dòng máu người Việt. Nhưng đó là cả một bi kịch lớn trong đời anh, khiến anh luôn cảm thấy mình khác biệt với mọi người.

Bà Thuỳ Mai kể tiếp:

- Một ngày, khá gần dịp tết Nguyên đán của người Việt, tôi bất ngờ nhìn thấy anh Trần Hồng Dương giữa đường phố Sài Gòn. Lúc đó, xe ngựa dừng cho cha tôi xuống, và tôi tranh thủ vén rèm lên để ngó xung quanh. Tự nhiên tôi cảm thấy một điều gì đó rất lạ lùng đang hướng về phía mình, từ bên kia con đường dẫn ra bến chợ trên bờ kênh lấp. Hướng đó dẫn ra bờ kênh đã bị lấp, bày đầy nông sản, vịt gà cả trên đường lẫn trên những con "thuyền chợ". Nhưng khúc đường bộ rẽ sang toà thị sảnh của Dinh Toàn quyền thì ít có người lai vãng, có chăng chỉ có những cái xe bán bánh rán, cá nướng, khoai nướng... đi vội qua đường để đến với những người khách hàng bình dân mà thôi. Suốt mấy ngày liền tôi có cảm giác ai đó đang theo dõi mình, nên phóng tầm mắt nhìn thật xa, và chăm chú nhìn vào những người đang đi lại trên đường. Quả là có một người đang nhìn tôi. Người ấy đi xe đạp, mặc quần áo cộc và đội nón lệch như một nam sinh viên. Anh ta đạp xe đạp rất chậm, cốt để lẩn vào những người khác đang qua lại. Song con đường tuy lớn mà lại khá vắng vẻ, nên mắt tôi đã chạm ánh mắt anh, lúc anh lén nhìn lên. Ánh mắt này đã nhìn tôi một lần, với dấu ấn sâu đậm không thể nào quên được; nhưng trong một khoảnh khắc tôi không thể nào nhớ ra, và gọi tên được. Đến khi môi tôi bàng hoàng mấp máy không

thành tiếng một cái tên, thì anh ta đã đi biến vào một khu nhà phố có nhiều tiệm bán hàng, chẳng mấy chốc thì mất dạng.

Anh ấy là Ba Dương, Trần Hồng Dương!

Tôi cố ngoái lại nhìn con đường rộng thênh thang, và nhìn từng người đang hiển hiện trên con đường ấy, nhưng không còn thấy anh ta nữa. Leroy, không cần kể thì anh cũng biết ngày hôm ấy, trái tim người thiếu nữ mới lớn lúc ấy bất an đến thế nào khi thoáng nhận ra người ấy. Thoáng nhận ra rồi mắt hút, thế mới đau lòng. Mấy đêm liền tôi nằm ôn lại câu chuyện đã diễn ra trong đồn dinh ở núi Chúa Chan, giữa Pierre, tôi và anh Trần Hồng Dương. Tôi nhớ mãi dáng người mềm dẻo mà chắc nịch của anh, lúc anh vươn người ra che cho tôi và lãnh trọn một mũi kiếm của Pierre xia vào vai. Tôi nhớ gương mặt anh, đôi mắt anh, và cả ngọn đuốc cháy trong đêm ấy... Để rồi đau đáu nhớ đến ánh mắt nhìn theo tôi giữa con đường đông đúc.

Nhiều ngày qua đi. Cái Tết càng đến gần. Bất ngờ tôi lại nhìn thấy anh Trần Hồng Dương trên đường phố, nhưng trong hình hài một anh phu xe với chiếc xe kéo sau lưng. Anh kéo xe chạy phía sau xe ngựa của tôi, đi được một đoạn rồi cũng mất hút, đứng ở chỗ tôi mất dấu anh lần thứ nhất. Leroy! Anh có biết là trái tim đã thúc đẩy tôi làm việc điên rồ như thế nào không? Chiều hôm ấy, lúc học xong và trên đường trở về nhà, tôi đã cho xe dừng lại đúng chỗ tôi nhìn thấy anh Dương lúc sáng. Tôi đưa cho người chạy xe ngựa một ít tiền, bảo ông ấy ghé một quán ăn có tiếng để

ăn chiều, và chờ tôi ở đó. Anh biết rằng cha mẹ tôi rất khắt khe trong việc kiểm soát tôi, nên người chạy xe trung thành phải biết đưa đón tôi đúng giờ, bất kể trời mưa hay trời nắng. Ông ta ngó ngang nhìn tôi, rồi ngay lập tức trả tiền lại: "Tiểu thư, tôi không dám đưa tiểu thư về trễ giờ đâu..." Ông ta nói thế, nhưng tôi đã tụt xuống đất mà không chờ ông ta kê ghế dưới chân, rồi nói: "Tôi ghé thăm một chị bạn, bác đừng lo, cứ chờ tôi ở đó đi nhé!" Tôi dứt khoát băng qua bên kia đường, bước vào một tiệm bán hàng mà lúc sáng tôi nhìn thấy anh Dương rẽ vào. Người đánh xe ngựa đứng đó một lát, có lẽ không lay chuyển được tôi nên ông ta dong ngựa bỏ đi.

Lần đầu tiên trong đời tôi lom khom bước vào một tiệm bán thuốc Nam nhỏ xiu, thấp tè và tối om như thế này. Nhưng tôi không hề sợ sệt, bởi tôi tin chắc sẽ tìm thấy anh Trần Hồng Dương. Ông thầy lang bước ra từ sau cái tủ thuốc bằng gỗ có rất nhiều ngăn, dò xét nhìn tôi rồi hỏi:

- Quý cô cần gì? Bốc thuốc hay tìm người?

Tôi rất ngạc nhiên khi nghe câu hỏi đó. Nhìn ông thầy lang mặc chiếc áo cộc màu nâu, đeo cặp kính dày cộp trên mắt, tôi cảm thấy ông ta hơi đặc biệt, khác người. Có vẻ như ông ta đã biết tôi là ai, và tôi trả lời một cách ngây thơ, thật thà:

- Thưa ông, tôi tìm một người tên là Ba Dương.

Nghe nhắc tới Ba Dương, ông ta nhíu mày và nhìn tôi thật kỹ, không chút khách sáo. Tôi nhìn lại ông, sợ sệt vì có cảm giác mình nói sai điều gì đó. Ông ta hỏi tiếp:

- Vì sao cô biết Ba Dương?

Cái cách ông hắt hàm hỏi tôi, trong khi mắt kính trễ xuống dưới mũi làm cho tôi đỏ mặt. Hơi khựng lại một chút, rồi tôi trả lời theo trực giác:

- Anh ấy đã từng cứu mạng tôi ở Xuân Lộc.

Trên khuôn mặt lạnh lùng ấy thoáng nở một nụ cười. Ông ta nói:

- Ba Dương đi chợ hàng chưa về. Phiên cô vào trong nhà đợi anh ấy một lát, được không cô?

- Dạ được - tôi trả lời không chút đắn đo. Nhưng thưa ông, tôi không có nhiều thời gian...

- Được mà - ông ta cắt lời tôi - Cô cứ ngồi đợi, nếu cần sẽ có người đưa cô về...

Tôi vào ngồi trong phòng khách chật chội, tối om của căn nhà đó, đợi một lát thì có một người phụ nữ trung niên đến gần, bảo tôi đi theo bà. Tôi lập tức đi ngay, không chút đắn đo. Bà ta dắt tôi đi ra cửa sau, đi vòng vèo qua con hẻm nhỏ, đi qua một cái sân đình bỏ hoang để vào một căn nhà khác, cũng bằng cửa hậu. Anh Trần Hồng Dương đã ở đó, trong một căn phòng trông như nơi ở trọ, quần áo khá chỉnh tề đợi tôi.

Nhìn thấy anh, tôi ngỡ ngàng quá đỗi. Trên tay anh là một quyển sách bằng tiếng Pháp, cuốn *Les armes et les produits chimiques*¹, phía trên cái bàn duy nhất trong phòng cũng là một kệ sách. Ngoài ra, trong phòng chỉ có một chiếc giường nhỏ và một tủ đồ nhỏ xíu. Anh tươi cười cất cuốn sách lên kệ, rồi mời tôi ngồi.

Phải nói là anh rất gầy, cái cằm mới cạo râu còn để lại một vết xước rướm máu. Anh mặc bộ quần áo sinh viên tôi đã thấy từ lần trước, với cổ áo đã sờn rách, và những cạnh trên nút áo cũng đã bong ra. Nước da anh đặc biệt là rất xấu, nó vừa tái vừa bột bột như thể anh đang bị bệnh. Chỉ có đôi mắt của anh rất sáng, lấp lánh nụ cười và niềm vui. Anh nhìn tôi như nhìn người quen thân của mình, không có chút gì xa lạ. Tôi bước đến đối diện anh, nhưng không ngồi xuống, mà nói nhỏ:

- Anh Trần Hồng Dương, em hẹn bác đánh xe chờ em ở tiệm ăn Mai Ký ở trên đường Charner, gần sở làm của cha em. Quả tình là em không có thời gian trò chuyện với anh...

Trần Hồng Dương bật cười. Tiếng cười của anh nghe cũng lạ lắm, mạnh bạo và khoẻ khoắn. Anh nói, giọng nói cũng vạm vỡ hơn người, mang chút âm sắc của người miền xa, tôi nghe thấy rất lạ tai:

¹ Vũ khí và hoá chất (tiếng Pháp)

- Thuỳ Mai, anh thật là mừng khi thấy em vui, khoẻ như vậy. Em cũng không quên anh, quả tình anh không biết nói gì hơn là biết ơn em nhiều lắm. Nếu em không có thời gian thì để anh đưa em về chỗ tiệm ăn Mai Ký, vừa đi vừa tranh thủ nói chuyện luôn nghe!

Tôi mỉm cười với anh, đó là nụ cười làm duyên và mãn nguyện, vì lời đề nghị đó rất hợp với ý muốn của tôi. Song tôi thắc mắc là tôi với anh phải "vừa đi vừa nói chuyện" bằng cách nào đây? Anh cùng tôi ra ngoài đường theo hẻm tắt, ở đó có một chiếc xe ngựa đang chờ sẵn. Anh đỡ tôi lên xe, rồi ngồi bên cạnh tôi. Cách ngồi của anh thật nhẹ nhàng, và ngay lúc đó tôi cảm nhận được cơ thể sạch sẽ của anh qua làn nước mát của một cái giếng nước thật sâu của nội ô Sài Gòn, như thể cái giếng ấy thông mạch nước với con sông Sài Gòn rộng lớn ngoài kia. Ngay lập tức tôi cảm nhận được điều đó, không cần có một hiểu biết hay kinh nghiệm nào cả. Trái tim tôi đập mạnh, như muốn làm rách toang lồng ngực. Anh ngồi im, nhìn thẳng về phía đầu con ngựa, hai bàn tay chấp hờ trên đầu gối cũng run run...

Chiếc xe ngựa đi chậm rãi trong lúc bóng hoàng hôn đang đổ xuống con đường. Mùa xuân là mùa của những cơn gió, đưa hơi nước mát từ mặt sông lên rải khắp thành phố; và cũng thổi bụi đường tổi lên, làm những tà áo dài bay lên, làm những tàn cây cũng phải lay động... Chúng tôi cứ ngồi bên cạnh nhau, nhưng ở khoảng cách xa nhất có thể trên xe ngựa, và lặng im như thóc, mặc dù anh Trần Hồng Dương bảo rằng sẽ "vừa đi vừa nói chuyện". Tôi chỉ hơi dám

liếc mắt, đủ để nhìn thấy chiếc mũi của anh, vành mũ trên đầu anh, và mảng da ngăm đen, mát rượi trên má anh. Trông anh nghiêm trang, già dặn như một thầy giáo, khác hẳn cái đêm nào đã giải cứu cho tôi trong bộ dạng một người công nhân rách rưới... Một lát sau, tôi nhận thấy anh cũng lên nhìn trộm tôi rồi vội vàng quay đi, nhưng một hơi thở nhẹ đã tố giác anh. Tôi vừa thẹn vì mình đã xăm xăm bước vào con hẻm lạ để tìm anh, vừa muốn nghe anh nói câu chuyện nào đó anh vẫn còn giữ kín trong lòng. Mập máy môi một hồi, tôi mới nói được một câu:

- Anh Ba Dương! Sao anh lại có mặt ở Sài Gòn? Anh có việc gì quan trọng lắm phải không?

Lúc đó, tôi có cảm giác mình đã quá gần gũi với anh, bằng chứng là tà áo dài của tôi ngã vào đùi anh. Tôi vội thu nó lại, và ngồi khấp nép trong khi đôi mắt vẫn mở to nhìn anh. Ba Dương quay mặt lại, gương mặt đã tái nay lại càng tái hơn, môi anh thì xám ngoét, mấy ngón tay lúng búng không rời nhau ra được. Lát sau, anh cố nở nụ cười rồi nói với tôi:

- Tự dưng anh thấy mất bình tĩnh quá. Xin lỗi em nghe! Anh chưa bao giờ được ngồi xe ngựa với một cô nữ sinh áo tím cả.

Tôi bật cười, mà không dám cười lớn. Anh Trần Hồng Dương im lặng nhìn tôi một lát, rồi mới từ tốn cất lời:

- Em biết rồi đó, anh là người của Việt Minh. Anh là đối tượng mà người Pháp và người Nhật đều muốn bắt bỏ

tù hết. Vì bọn anh chống lại họ. Em có muốn hỏi lý do vì sao bọn anh phải đem mạng sống của mình ra chống lại họ không?

Tôi im lặng nhìn anh, rất lâu, rồi nhẹ nhẹ lắc đầu. Tôi hoàn toàn không cần anh giải thích điều đó. Ba Dương đáp lại cái nhìn của tôi một cách điềm đạm, rồi nói tiếp:

- Anh được giao nhiệm vụ gặp một nhà tư sản có cảm tình với cách mạng, để xin ông ta ủng hộ về kinh tài. Và chỉ có em mới giúp anh được việc này. Anh rất xin lỗi vì đã đưa em vào thế khó, nhưng ngoài em ra, không có ai giúp anh trọn vẹn được cả. Em nhận lời giúp anh nghe em!

Tôi lại mở to mắt nhìn anh, trong lúc đầu tôi trống rỗng, không nghĩ được là sẽ nhận lời hay từ chối. Giọng nói của anh cho tôi biết nhiệm vụ gì đó rất hệ trọng, khó khăn, nhưng vẻ mặt, đôi mắt của anh lại thiết tha lạ lùng. Tôi bị cuốn hút theo trạng thái cảm xúc ấy, không rời ra được. Hơn một năm trôi qua sau cái đêm gặp gỡ ở đồn trú dưới chân núi Chứa Chan, dường như tôi cũng chưa khôn ra được bao nhiêu. Sự đổ vỡ trong mối tình với Pierre Fournier chỉ để lại cho tôi một bài học là: Đừng tin vào sự hào nhoáng, giàu có của đối phương, như chiếc nhẫn kim cương người ta xỏ vào ngón tay mình, và người ta cũng kéo tuột nó ra một cách dễ dàng, thô bạo. Tự nhiên tôi trở nên mạnh bạo hẳn lên, tôi chỉ ngón tay lên vai anh và hỏi:

- Vậy cái vết thương trên vai anh, lúc anh chấn mũi kiếm của Pierre...

Bị bất ngờ, Trần Hồng Dương vội túm cổ áo lại, như sợ để lộ thân thể trước mắt tôi. Anh lắc đầu trông rất tội nghiệp:

- Không sao đâu, tiểu thư Thuý Mai à... Tôi, à, anh không sao cả. Chỉ có điều thằng Tám, người nhỏ tuổi nhất trong nhóm ấy bị trúng đạn và chết trong đêm hôm đó... Cái vết thương ấy, đâu có đáng gì mà nói tới...

Tôi đã bàng hoàng và ngồi im trong suốt đoạn đường còn lại, khi nghe đến cái chết của Tám. Thực tình tôi không nhớ Tám là ai trong số người đã ám sát (hạt) Pierre đêm hôm đó. Anh Ba Dương cũng im lặng hồi lâu, sau đó anh kể vắn tắt cho tôi nghe về Pierre và về anh. Sau cái đêm bị ám sát hạt, Pierre điên cuồng mở cuộc thanh trừng lớn, nên anh và những người Việt Minh khác phải rút hẳn sang bên kia núi, không còn hoạt động ở quanh đồn trú và các đồn điền gần đó nữa. Để phòng ngừa việc Pierre có thể mượn tay chính quyền để trả thù tôi, Ba Dương đã xin phép cấp trên, sau đó cho viết truyền đơn rải khắp vùng Xuân Lộc, kể tội ác của Pierre với thường dân và công nhân người Việt. Vì vậy, khoảng hai tháng sau thì Pierre bị thuyền chuyển đi nơi khác, và cái đồn trú đó chỉ còn lại người địa phương, không còn chịu sự cai quản của người Pháp nữa. Song anh cũng cho biết là cách đây ít lâu, người Nhật đã chiếm đóng ở đó. Họ cũng bắt bớ những người cộng sản và cả công nhân cao su, mang về đánh đập, tra tấn. Anh Ba Dương nói: "Có thể trong thời gian tới, người Nhật sẽ tìm cách chiếm đóng Nam kỳ. Nếu lực lượng Việt Minh không

lớn mạnh được lên thì đất nước này sẽ có thêm một kẻ cai trị mới". Anh còn cho biết: Nạn đói kéo dài từ năm ngoái (1944) đến nay đã tàn phá xứ Bắc kỳ và lan khắp cả Việt Nam, làm cho người Việt ngày càng khổ hơn...

Tôi vẫn còn nhớ gần như nguyên văn những lời anh Trần Hồng Dương kể về mình: "Anh không thể không nói về bản thân anh, mặc dù anh chẳng có gì đáng tự hào để nói với em cả. Quê anh ở Quảng Trị, nhà có đến 9 người con. Anh sinh năm 1920, trên có 5 người anh chị, dưới có 3 người, nhưng tất cả đều đã mất. Cha mẹ anh cũng mất rồi. Năm 1927, cha mẹ anh nghe nói những đồn điền cao su ở miền Nam mộ phu với nhiều chính sách ưu đãi, lương cao nên đã tìm cách đưa cả gia đình vào đây (lúc đó nhà chỉ còn 5 đứa con, 3 người đã chết, riêng em út vẫn còn nằm trong bụng mẹ). Cha anh dự tính sẽ đi làm công nhân trong vòng 5, 7 năm rồi sẽ có một số vốn để làm ăn sinh sống. Nhưng rồi... (anh thở dài và không thể nói tiếp được nữa). Thực tế hoàn toàn không giống như những lời người đi mộ phu nói..."

Sau đó khoảng một tuần, tôi đã đưa anh Trần Hồng Dương đến nhà chị Năm Quỳnh, gặp cha của chị là ông Tám Thu, chủ tiệm buôn cuộc xẻng lớn nhất miền Nam lúc đó. Bề ngoài, ông chỉ là ông chủ tiệm buôn cuộc xẻng, thứ vật dụng rất tầm thường trong đời sống hàng ngày, nhưng thật không ngờ ông có một nguồn lực tài chính, và cả uy tín ngấm rất lớn. Vì ông ta có nhiều lò rèn rải rác ở Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh... nên không chỉ rất giàu có, ông

lại có khả năng rèn thêm về vũ khí thô sơ, chuyên chở vật liệu một cách bán hợp pháp. Cả người Việt lẫn người Pháp đều cần ông. Trần Hồng Dương đặt vấn đề xin ông hỗ trợ tiền mặt để mua lương thực, trang bị cho đồng đội của anh đồ dùng để làm rẫy và một số mã tấu, lưỡi lê để tự vệ. Nhưng đặc biệt là anh đề nghị ông hợp tác đưa người về Trảng Táo, nơi rất gần chân núi Chứa Chan, để làm trái nổ, đạn nổ. Anh nói: "Chúng tôi đã có một xưởng quân khí ở đó, nhưng không có thợ giỏi để chế tạo vũ khí. Ông là một người yêu nước, xin hãy giúp chúng tôi!" Cuộc nói chuyện diễn ra bằng cả tiếng Việt và tiếng Pháp, có tôi và chị Năm Quỳnh cùng tham dự, ở trên sân thượng nhà ông Tám Thu. Hôm ấy nắng vàng rực rỡ cho đến tận chiều muộn. Từ nơi chúng tôi ngồi, có thể nhìn thấy sông Sài Gòn và đại lộ Charles de Coppe¹. Và từ đó nhìn về nơi có ngôi nhà của gia đình tôi ở khu Chợ Cũ, những cánh diều đang bay lên, uồn lượn giữa một không gian nhuộm vàng như mật.

Ông Tám Thu nhìn tôi, rồi lại nhìn con gái. Ông không đưa ra bất cứ một quyết định nào cho đến khi nghe tôi kể xong câu chuyện của mình ở chân núi Chứa Chan, đã xảy ra trước đó đúng một năm. Ông nói: "Ta đã đọc một số bài báo viết trong đạo đó. Ta cũng đã nghe Năm Quỳnh kể chuyện về con. Ta cũng ngạc nhiên không biết vì sao con có thể tiếp tục đi học, và ngày hôm nay còn ngồi ở đây để cùng với ta nói về một vấn đề rất là đại sự... Ta chỉ có thể

¹ Đường Hoàng Diệu ngày nay.

nói rằng nếu ta là cha của con, ta sẽ không bao giờ để cho con đi gặp Pierre. Nhưng thôi, mọi sự đã an bài rồi. Ta nhận lời giúp cho những người Việt Minh là vì ta tin con, ta tin họ. Nhưng hãy nhớ điều này, những đứa con gái của ta: Sống trong hoàn cảnh này, đàn bà con gái phải như đàn ông mới sống nổi, biết chưa?"

Anh Trần Hồng Dương sừng sốt nhìn ông chủ Tám Thu, anh không nói một lời nào, nhưng mắt anh sáng lên, và tôi nhìn thấy trọn vẹn buổi chiều vàng trong đôi mắt ấy. Cũng từ đôi mắt ấy, tôi tìm thấy những ánh lửa âm thầm nơi rừng thẳm sông dài, thấy những tia lửa từ xưởng rèn binh khí... cho đến ngọn lửa chất ngất trong những trận chiến không cân sức với người Pháp, người Nhật. Để ghi nhớ sự hợp tác, ông Tám Thu đã bắt tay anh rất chặt, anh cúi rạp mình để cảm ơn ông. Rồi anh vui mừng quay lại, nâng hai bàn tay tôi lên và hôn. Mắt anh nhìn tôi lấp lánh như hai vì sao đang được thắp lên trên bầu trời đầy giông tố... Như vậy đó Lerroy, lúc đó tôi mới bước qua tuổi 18.

Một nữ y tá đến gần, xen giữa cuộc trò chuyện của hai người. Phillipe Leroy không biết họ nói gì, nhưng anh đoán chắc là nhân viên y tế đang nhắc nhở bà Thuỳ Mai phải về phòng bệnh để kiểm tra sức khoẻ. Và có thể bà còn bị khiển trách vì đã tự ý bỏ đi. Bà đứng dậy, giơ tay làm cử chỉ tạm biệt anh. Leroy mỉm cười chào bà, nhìn bà lưng thưng đi cùng cô y tá vào toà nhà đồ sộ kia. Đúng là chỉ sau một đêm, bà đã trở lại với tuổi thật của mình. Thời gian thật là vĩ đại. Trong một thoáng, Leroy bỗng cảm thấy trái tim mình

đang rất kỳ lạ, bất thường. Bởi anh đã "định vị" nó dưới bầu trời nhiệt đới đang chuyển mùa, và bên cạnh những hồi ức dồn dập, nóng bỏng của trái tim một người phụ nữ. Leroy nheo mắt nhìn lên chai nước truyền dịch anh đang cầm, tự nhủ với mình: "Leroy à, cô ấy là cô giáo cũ của mình mà. Cô ấy hơn mình gần 20 tuổi, nhưng đã sống hơn mình mấy cuộc đời cộng lại... Đến giờ thì cô ấy cần sự bình yên hơn bao giờ hết, mình dám cá với bạn điều đó. Tin mình đi!"

4.

Trần Hồng Dương nâng hai bàn tay cô gái lên mà hôn. Trong phút chốc, gương mặt anh đỏ bừng lên, toàn thân run rẩy. Cô gái mở hoàn toàn đôi mắt nhìn anh, cái nhìn yêu thương, tận hiến đến không cùng. Anh vội buông tay nàng ra, quay nhìn sang chỗ khác. Đó là sự hoảng hốt chứ không phải chối bỏ, nhưng anh cảm thấy thoáng thẹn với lòng mình, thẹn với người con gái đã vì anh mà dấn thân bất chấp hiểm nguy.

Cô gái cũng ngỡ ngàng không kém, nhưng nàng dần lòng mình lại, chọn một ánh mắt bình tĩnh, bớt vẻ dữ dội để nhìn anh. Cuộc đời anh đã quá nhiều bất an, quá nhiều đau thương rồi, nàng không muốn anh phải cố gắng thêm nữa. Nàng mới bước sang tuổi 18, nhưng từ sâu thẳm trong đáy tim nàng là sự hiểu biết của một người đàn bà thông minh, nhạy bén. Nàng biết rằng nếu nàng mở to đôi mắt thêm một chút nữa thôi, thì nàng có thể mất anh mãi mãi. Nhưng nếu nàng run rẩy cúi đầu trong một khoảnh khắc, thì anh sẽ

mắt nàng mãi mãi. Khoảnh khắc ấy nàng chọn ở lại với anh, mãi mãi...

Vì nàng đã trốn nhà, trốn khỏi nơi trú ẩn để đi tìm anh, bất chấp sự can ngăn của cha mẹ, bất chấp sự đụng độ giữa Việt Minh và quân đội Nhật trên đường phố Sài Gòn.

- Nhưng em đi tìm anh thế này... cũng không phải cách hay. Cha mẹ em có thể chết vì tên bay đạn lạc, bởi vì họ chỉ có một mình em...

- Dạ vâng, nhưng em thì cũng chỉ có một mình anh...

Thuỳ Mai ghen ngào nói nhỏ, nhưng nàng không khóc. Ngay cả những ngày đói khổ nhất trên chiến khu, nàng cũng không khóc khi nghe có tiếng ru hời trong xóm núi: *"Chàng ơi cho thiếp theo cùng. Đói no thiếp chịu, lạnh lòng thiếp cam..."* Trần Hồng Dương lén quệt đi giọt nước mắt đọng trên khoé mắt của anh. Câu nói của nàng, anh hiểu rằng nàng sẵn sàng chết vì anh. Và anh quý xuống.

- Anh Ba Dương! - Nàng thảng thốt kêu lên - Một người đàn ông không thể quý gồi trước một người đàn bà được, anh...

- Anh! - Nàng cũng quý xuống bên cạnh anh. Những ngón tay của họ đan vào nhau không còn ngưng ngừng, run rẩy nữa. Trần Hồng Dương rướn cổ lên, hôn lên trán Thuỳ Mai một nụ hôn lạnh buốt. Rồi anh ôm choàng lấy

nàng, xiết chặt trong vòng tay run rẩy nhưng chắc nịch của mình.

- Anh!

Nàng cũng choàng ôm lấy anh, không phải vòng tay dành cho điệu luân vũ vui tươi, cũng không phải vòng tay níu kéo tử sinh. Ôm lấy anh, nâng niu anh, nàng trở thành một người tình, một người mẹ. Nàng vừa muốn mình giống với những người nữ đồng chí của anh, lại vừa muốn anh quên họ đi. Quên cả cái chết đang chực chờ họ từng phút từng giờ...

- Khi anh ôm em trong tay, em hãy hiểu là anh không chỉ ôm người con gái anh yêu, mà anh ôm cả cuộc đời bằng vòng tay tử nhục này, mong được thấy nó đổi thay. Tha thứ cho anh, lần đầu tiên được ôm em, anh nhớ đến cơ thể đã chết của mẹ. Lúc đó, mẹ mang thai đứa em út của anh...

Trần Hồng Dương nấc lên dữ dội. Nước mắt anh trong thoáng chốc đã loang ướt ngực áo Thuỳ Mai. Nàng ôm ghì lấy đầu anh, mong anh nhẹ lòng, yên lòng trong vòng tay nàng. Nhưng Hồng Dương vùng ra, cầm lấy một trong những cây gỗ lớn được chặt đống trong phòng... Anh vung gậy lên, lấy hết đà để nháy lên cao, dồn sức đập gậy một đầu gậy mà không kêu, không thét lên một tiếng nào. Thuỳ Mai đứng lặng nhìn gương mặt Hồng Dương. Đó là gương mặt căm hờn và đau đớn tột cùng, trong giây lát nó tím thâm lại, chỉ còn hai con mắt sáng quắc từ từ quay nhìn nàng rồi nhắm lại...

- Anh Dương! Đừng làm vậy, em yêu anh mà, đừng làm em sợ...

- Đừng làm em sợ! Đừng làm em sợ!... Bà Thuỳ Mai nhắm nghiền mắt, nhưng tiếng kêu của bà vang lên như hiệu ứng echo của một chiếc máy cassette quá cũ kỹ. Bàn tay bà vùng vẫy hoảng loạn...

- Ôi, bà Dobré! Tôi đây mà, Leroy đây mà...

Bà Thuỳ Mai choàng mở mắt. Thì ra bàn tay Leroy đang đặt trên trán bà, anh ta đang đứng bên giường bệnh của bà, chai dịch truyền vẫn giữ kè kè bên người. Bà vội buông tay Leroy ra, thở hắt ra mà không nhìn anh.

- Xin lỗi bà, tôi làm bà giật mình...

Sau câu phân trần của mình, anh nở một nụ cười thật tươi, như để khoả lấp sự khó xử. Bà Thuỳ Mai vội lặn qua một bên cho giọt nước mắt rơi xuống gối, rồi cũng cười và nói:

- Tôi không sao. Có lẽ là do đêm qua tôi không ngủ, nên mệt quá thôi. Vì sao anh lại ở đây? Bệnh trạng của anh thế nào rồi?

- Tôi về bên phòng bệnh của mình, mà cũng không sao nghỉ ngơi được. Tôi khoẻ nhiều rồi, bà Thuỳ Mai ạ. Nên tôi sợ... tôi sẽ xuất viện trước bà...

- Đó là điều đương nhiên, anh cũng phải trở về Pháp và tiếp tục làm công việc của mình. Tôi cũng thế, Leroy ạ.

- À... Nhưng tôi không muốn để bà ở đây một mình. Tôi thấy mình có một phần trách nhiệm phải giúp đỡ cho bà...

Bà Thuỳ Mai mở to mắt nhìn Leroy, cái nhìn của người cận thị. Và bà dành cho anh một cái nhìn rất lạ lùng, khó hiểu.

- Rồi sẽ có lúc những câu chuyện cổ tích phải chấm dứt, con người cần phải quay về cuộc đời thực để giải quyết những vấn đề hiện hữu của mình. Tôi nghĩ rằng trách nhiệm của anh đã hoàn thành rồi đó, Leroy ạ.

Leroy thôi cười. Anh lắc đầu một cách quả quyết:

- Bà Thuỳ Mai, xin đừng quá nghiêm khắc với bản thân như thế. Tôi muốn nói đến không gian và thời gian rộng lớn hơn chúng ta... tất cả đều có thể hoà giải được, thì lẽ nào bà, và cả tôi không vượt qua được. Tôi không nghĩ sẽ chia tay bà sớm như vậy, cũng không nghĩ rằng cuộc đồng hành này đi ngược lại lợi ích của riêng tôi...

- Anh nói khó hiểu quá. Tôi thì cho rằng tôi và anh thuộc hai thể hệ khác nhau, khó có thể gánh vác giúp nhau bất cứ vấn đề gì, nhất là vấn đề của quá khứ. Vì vậy, tôi rất biết ơn anh về những ngày qua, đồng thời cũng thấy rằng...

- Cuộc gặp gỡ này có ích cho tôi - Leroy vội vã cướp lời bà Thuỳ Mai - Có lẽ vì bà không khoẻ nên nghĩ như vậy. Phần tôi, nếu không được nghe bà kể lại trọn vẹn câu chuyện của bà và ông Trần Hồng Dương, thì tôi cho rằng chuyến đi này không trọn vẹn...

Bà Thuỳ Mai mỉm cười, và Leroy nhận thấy nước mắt của bà lại chảy xuống khoé mắt.

- Anh làm tôi nhớ đến bài thơ anh đã tặng tôi cách đây đúng 30 năm. Anh có biết rằng bài thơ ấy làm tôi nhớ đến mối tình đầu tiên của tôi với Pierre Fournier, đến những lá thư tình đẫm mùi thơ ca lãng mạn anh ta đã viết tặng cho tôi. Tuy nhiên, những lá thư ấy của Pierre đã trôi vào quá khứ, giống như chiếc nhẫn hứa hôn bằng kim cương chính tay anh ấy đã tháo bỏ khỏi tay tôi. Còn bài thơ của anh thì vẫn còn đọng lại trong tâm trí tôi những điều đáng yêu, tốt đẹp, khi tất cả mọi điều thuộc về cuộc đời tôi trở nên bế tắc, tuyệt vọng. Bài thơ của anh cũng là một phần chuyện cổ tích trong đời tôi, nên tôi muốn dừng lại...

Leroy cười thật to, khiến cho bà Thuỳ Mai và cả nữ y tá ngồi trực gần đó phải ngạc nhiên:

- Thưa cô giáo Thuỳ Mai, bà đánh giá tôi quá cao rồi. Bà nhắc lại làm tôi đỏ mặt vì hổ thẹn, bởi bài thơ bốc đồng đầy lỗi chính tả ấy. Tôi chẳng bao giờ quên được cơn bốc đồng ấy của mình, dù bây giờ không còn nhớ được bài thơ ấy. Nhưng tôi xin bà đừng bỏ rơi người bạn đồng hành bằng cách chấm dứt câu chuyện này...

Anh nắm lấy bàn tay khô và nóng của bà Thuỳ Mai. Bà không nói gì, chỉ im lặng nhìn anh.

- Thực lòng tôi muốn biết những ngày tháng "tiền kháng chiến" của bà và ông Trần Hồng Dương như thế nào
- Leroy nói nhanh. Một người là con gái yêu của thầy ký

lục, con cưng của chế độ thực dân; còn người kia thì phải hoạt động bí mật trốn tránh cả người Pháp và quân Đồng Minh. Thưa bà, tôi thắc mắc lắm, là vì sao ông Trần Hồng Dương xuất thân là con của một gia đình mộ phu từ miền Trung vào Xuân Lộc, lại có thể biết đọc sách Pháp và nói tiếng Pháp với một nhà tư sản?...

- Quả là anh thông minh hơn tôi nghĩ. Trần Hồng Dương thực ra cũng không phải tên thực của anh ấy, đó là cái tên cha nuôi anh đặt cho. Những người yêu nước thời đó thường có rất nhiều tên, mục đích là để trốn tránh sự truy nã của chính quyền. Cuộc đời anh ấy rất bi thảm, đến nỗi chính anh ấy không muốn kể cho tôi nghe nữa. Phải đến những ngày sát với sự kiện cướp chính quyền, giữa những hy vọng và lo âu, anh mới kể cho tôi nghe sự thật về gia đình mình.

Leroy, tôi đã kể cho anh nghe rằng gia đình anh Trần Hồng Dương nghe theo lời của những người mộ phu, ra tận miền Bắc, miền Trung tìm người, móc nối họ đưa vào miền Nam để làm việc cho những đồn điền lớn nhất xứ Đông Dương, hầu hết là đồn điền cao su. Trước khi đi, họ hứa hẹn đủ thứ, và với những người biết chữ, họ còn phát cho những "tờ rơi" nói về chế độ đãi ngộ dành cho công nhân cao su, khiến cho cha mẹ anh Trần Hồng Dương nhầm tính rằng chỉ cần làm việc ở đó 5 năm, họ sẽ có một số vốn để lập nghiệp nơi đất khách quê người, thậm chí trở thành một chủ đồn điền nếu làm việc siêng năng. Cha mẹ của anh ấy cũng giống như những người mộ phu cùng thời ấy đã ra đi

trong hăm hở, hy vọng bởi sự hứa hẹn đổi đời... Nhưng rồi khi họ đặt chân đến đồn điền, thì sự thật phơi bày hoàn toàn khác với những lời hứa hẹn. Leroy, anh có thể tìm đọc nhiều tài liệu về những đồn điền cao su này, có cả phim tài liệu và rất nhiều bài báo cũ ở Pháp. Tôi xin không nói dài dòng về những điều này. Chỉ biết rằng, ngay ngày đầu tiên đặt chân lên đồn điền Copral – Xuân Lộc, gia đình của anh Trần Hồng Dương phải ăn cơm vừa hăm vừa sống với mắm cá thối trộn lẫn đất cát tanh tươi. Đêm hôm đó, họ được chủ đồn điền dành cho một căn lán nhỏ không có cửa, không có vách, dùng làm chỗ tá túc lâu dài. Tất cả các gia đình mộ phu đều sống trong những căn lán như vậy. Ván ngủ không có gối chần, muỗi bay như vãi trấu. Trong tiếng khóc của hai đứa em của anh Trần Hồng Dương, một đám lính xu người Việt thắp từng ông chủ đến, để mà... hăm hiếp mẹ anh ấy. Họ đã làm cho bà bị sảy thai ngay trên chiếc ván gỗ, xung quanh có tới 5 đứa con nằm chen chúc. Trong lúc đó, cha anh ấy bị sai bảo đi đâu đó, về đến nơi thì thấy vợ mình đã thất cố tự tử, thân thể còn ấm nóng nhưng không có cách nào cứu sống lại được. Uất ức vì bị lừa đảo, bị ức hiếp, ông đã lao ra ngoài trời đêm, tìm cách phục thù.

Sáng sớm hôm sau, ông bị giết vì chém chết tên chủ đồn điền ngay trong phòng ngủ. Cùng chết với ông có hai người con lớn nhất của gia đình, là anh trai và chị gái của anh Trần Hồng Dương. Còn lại ba chị em, người chị lớn nhất khoảng 10 tuổi. Người chị đã dắt hai em chạy trốn vào trong rừng cao su, được những người công nhân từ tâm che

giấu. Sau mấy ngày đói khát, họ gặp được một ông cha đạo, và kể từ đây, ba chị em ly tán.

Anh Trần Hồng Dương được một kỹ sư lâm nghiệp nhận nuôi, khi đó ông này hay lui tới vùng rừng núi quanh khu vực núi Chứa Chan để nghiên cứu, sưu tập. Cũng cần nói thêm cho anh biết là xung quanh núi Chứa Chan không có đồn điền cao su nào cả, mà chỉ có đồn trú ở gần đó, để bảo vệ đường xe lửa vận chuyển hàng hoá Bắc – Nam. Vì địa hình ở đó rất hiểm trở, rừng núi rậm rạp, có nhiều thú dữ, và đặc biệt là có nhiều Việt Minh – như lời đồn của người dân và cả lính Pháp trong vùng. Anh Trần Hồng Dương đã được cha mẹ nuôi cho ăn học tử tế, và đổi tên với mong muốn thay đổi cuộc đời bi thảm của anh, mong cho tương lai của anh sẽ tươi sáng hơn. Đến năm 1941, khi quân Nhật thôn tính Đông Dương, gia đình cha mẹ nuôi của anh ấy quyết định đi sang Pháp. Họ muốn đưa anh cùng đi, song anh đã kiên quyết xin ở lại. Năm đó anh mới 21 tuổi, vừa học xong 2 năm tại trường Bá nghệ Sài Gòn (còn gọi là Trường dạy nghề Nam kỳ). Anh dành một thời gian đi tìm lại anh chị của mình, nhưng không được. Do đi về vùng Xuân Lộc nhiều lần nên anh quen biết với những người Việt Minh. Anh quyết định xin gia nhập vào tổ chức này, dạy học cho anh em, tập luyện võ nghệ và may mò chế tạo vũ khí... Thời điểm gặp tôi ở đồn trú gần chân núi Chứa Chan, anh tham gia Việt Minh chưa lâu, nhưng đã có uy tín khá lớn vì là người có kiến thức rộng, giỏi võ, có óc tổ chức tốt. Được một thời gian, tổ chức đã phân công anh

quay về Sài Gòn để gây dựng những cơ sở mới, tìm nguồn hỗ trợ lâu dài cho phong trào cách mạng. Và anh thừa nhận rằng, người đầu tiên anh nghĩ đến khi nhận nhiệm vụ ở Sài Gòn chính là tôi. Anh thừa biết rằng việc tìm liên hệ với tôi cũng đồng nghĩa với việc anh lôi kéo tôi vào con đường chông gai, nguy hiểm. Nhưng theo anh, một người con gái bị vướng vào một "scandale ái tình" nặng nề như thế mà có thể quay trở lại trường học được, thì không phải là người con gái tầm thường. Và anh tin tôi sẽ hiểu anh, sẽ không bán đứng anh... Leroy ạ, anh ấy từng nói với tôi là: "Anh không nghĩ em táo bạo đến mức dám lợi bộ vào khu nhà dột nát ấy, và cũng không bao giờ dám tin em vào đó để tìm anh! Anh dự định ra mắt em trong một hoàn cảnh khác, nhưng lúc đó anh không có một bộ đồ cho ra hồn để gặp em..."

- Thế rồi... Ông ấy đã ngỏ lời với bà trong hoàn cảnh nào?

Leroy cảm thấy tinh thần táo bạo của bà Thuỳ Mai từ hơn 40 năm trước đang lây lan sang mình. Anh phải hỏi ngay điều đó, hoặc là sẽ không bao giờ hỏi nữa. Bởi vì họ đã tìm được nhau, đã đồng hành với nhau một chặng đường khá dài - không phải tính bằng thời gian, cũng không tính bằng khoảng cách địa lý hay tâm lý, mà tính bằng bước đi của cả xứ Nam kỳ thời đó. Nhưng điều anh muốn biết là cách họ giao ước cùng nhau thế nào trong bối cảnh ấy.

. - Tôi kể vắn tắt cho anh nghe nhé! - Bà Thuỳ Mai nói như bị hụt hơi, đôi mắt cận thị trông khá mệt mỏi: Còn anh

Trần Hồng Dương thì vẫn luôn hết sức lịch sự đối với tôi. Những điều thuộc về bản thân, hầu như anh đều giấu kín. Tôi chỉ được biết anh là một trong 9 người con của một gia đình mộ phu trên đất cao su, và hiện giờ đang tham gia phong trào Việt Minh. Trong tổ chức, anh cũng có vai vế gì khá lớn, hoặc vì nguyên tắc đảm bảo bí mật nên anh chẳng bao giờ đi chung, ngồi chung với tôi. Vì vậy, quả thực tôi không biết anh ấy có dành tình cảm riêng tư gì cho tôi không. Nhưng đến đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Giữa cha mẹ tôi đã nổ ra một cuộc tranh cãi lớn chưa từng có, khi cha tôi đòi đốt nhà để tìm tàu sang Pháp, vì lúc này rất nhiều người Pháp và cả người Việt đổ xô nhau tìm tàu vượt biên sang Pháp. Nhưng lúc này quân Nhật đã kiểm soát toàn bộ đường giao thông, và phong tỏa đường thủy rất chặt chẽ. Mẹ tôi dứt khoát không bằng lòng, bà muốn gia đình lánh đi để xem tình hình thế nào. Ý bà muốn về nhà cũ, nơi có năm bà chị nuôi người Hoa kiều, để nhờ giúp đỡ. Thể mạnh của mẹ tôi là một cái tráp đựng đầy tiền vàng bà luôn ôm kè kè bên người. Tuy lấy chồng là người công chức của Pháp, bà lại không tin tưởng hệ thống ngân hàng của Pháp nên không bao giờ gửi tiền vào nhà băng. Khi các ngân hàng gần đó bị quân Nhật vào cướp phá, thì bà vẫn bảo toàn được tài sản của mình. Và bà khẳng khẳng giữ rịt lấy cái tráp đựng vàng bên người và tuyên bố nếu cha tôi muốn đi Pháp thì cứ việc đi một mình, còn bà sẽ lo cho tôi. Cuộc cãi vã tưởng như không dứt được, trong lúc tiếng súng nổ vang lên rất gần khu vực nhà tôi. Cuối cùng, mẹ tôi nghĩ ra việc thuê người

đào hầm ngay trong nhà để trú ẩn. Bà chỉ huy và cha con tôi phải tuân theo lời bà. Trong lúc đó tôi không ngừng nghĩ đến anh Trần Hồng Dương, rằng anh có biết hoàn cảnh gia đình tôi lúc này không? Rằng nếu tôi, hoặc anh bị trúng đạn, bị chết... thì người còn lại có biết để đi tìm không?... Tôi nhớ đến buổi ra mắt ở nhà ông Tám Thu và lần gặp gỡ anh hiêm hỏi sau đó, lúc đó tôi thầm trách anh đã không báo cho tôi biết tình hình này. Và khi chui xuống cái hầm tối như bưng, còn oi nồng mùi đất mới đào, tôi tự nhủ: Như thế là hết! Có lẽ Việt Minh cũng bị đàn áp. Và biết đâu, anh cũng đã bị bắt, hoặc bị giết... Tôi nhủ thầm rằng tôi cũng đang đành phải chui vào huyết mộ của chính mình. Giấc mơ của anh, thế là tan tác hết...

Thời gian trôi qua. Có tiếng bước chân phía trên, và có người cạy nắp hầm của chúng tôi. Cha tôi thủ sẵn con dao rựa bên hông, vội vàng vọt lên sẵn sàng đối mạng với bọn Nhật để bảo vệ cho vợ con. Nhưng kỳ lạ thay, đó chính là chị Hai Huệ. Chị cho biết chính quyền Pháp đã đầu hàng vô điều kiện, tình hình đã yên trở lại. Chị đến tìm tôi và thấy dấu vết của căn hầm nên đánh bạo mở ra để tìm tôi. Cha mẹ tôi mừng như bắt được vàng, và lại tiếp tục cuộc cãi vã xem nên ở lại hay tìm chỗ thoát thân ở đâu đó. Mẹ tôi nhắc lại ý muốn tạm lánh về khu người Hoa, nơi gia đình ân nhân của bà đang ở. Còn cha tôi nhất quyết muốn ở lại để nghe ngóng tình hình của người Pháp. Ông nói thẳng thùng là ông muốn sang nước Pháp vì ông đã phục vụ cho chính phủ Pháp bao nhiêu năm rồi, ông có chế độ và sự ưu đãi

của nhà nước Pháp. Cuối cùng, mẹ tôi đành thua ông. Chị Hai Huệ đành lên xe kéo để về, sau khi lễ phép rút lui. Trước khi lên xe, chị nói nhỏ vào tai tôi:

- Em cố gắng chịu vài ngày thôi, sẽ không sao đâu. Có người lo cho em mà, đừng sợ...

Tôi nhìn theo chị và giật mình nhận ra người kéo xe cho chị chính là anh Trần Hồng Dương. Trông anh không khác gì một phu xe rách rưới. Tôi vội vàng lao ra theo chiếc xe kéo đang rời khỏi cổng nhà tôi, nhưng không kịp, vì hai người biến đi rất nhanh, còn mẹ thì vội vàng lôi tôi lại. Bà đã quệt lệ nổi lên mặt tôi, cố tình làm cho tôi thật xấu xí, dị hợm, vì bà nghe nói lính Nhật là những kẻ cuồng dâm và tàn bạo. Cha mẹ tôi lại tranh cãi nhau suốt mấy ngày về chuyện tương lai, và sau cùng, mẹ tôi đồng ý sẽ theo cha tôi sang Pháp ngay vào dịp nào có thể. Vì bản thân bà không có người thân thích, bà cũng không biết sống như thế nào trong cảnh bất an này. Tôi nhớ cha tôi đã nói với mẹ con tôi:

- Ngài toàn quyền đã hứa với tất cả mọi người rồi, rằng ngài sẽ lo cho chúng ta toàn bộ khoảng đời còn lại. Pháp lang sa không thể thua quân Nhật, hay bất cứ nước nào, chỉ vì chúng ta không đủ sự trung thành và miễn cán để bảo vệ cho chính chúng ta thôi...

Lúc đó, tôi đã buột miệng biện luận với cha mình rằng:

- Thưa cha, sao cha không vì lợi ích của người Việt mình, mà lại chạy theo người Pháp lang sa?

Cha tôi đã không nói gì, mà mím chặt môi, nhìn tôi như nhìn một sinh vật dơ bẩn (lúc đó trông tôi nhếch nhác, dơ bẩn thật sự), và giơ tay tát tôi thật mạnh. Mẹ tôi vội đỡ lấy cánh tay của ông, khóc lóc xuýt xoa hết như lúc khăn Phật trên chùa mà nói với tôi: "Con ơi! Con không lấy Pierre thì lấy thằng Tây khác, chứ nhất thiết không được xúc phạm cha con như thế..."

Chính vì sự kiện ngày 9/3 năm ấy mà tôi suy nghĩ rất nhiều về tương lai. Không còn đến trường hàng ngày nữa, tôi ở nhà nghiền ngẫm về cuộc đời, và âm thầm viết một lá thư, chờ có dịp nào gặp được chị Hai Huệ sẽ nhất định nhờ chị chuyển cho anh Trần Hồng Dương. Trong suy nghĩ non nớt của tôi, tôi nghĩ rằng hai người có tình cảm với nhau, còn tôi chỉ là một người có liên quan, giúp cho họ hoàn thành nhiệm vụ do tổ chức của Việt Minh giao phó. Tôi nghĩ không cần phải nói dài dòng về sự tự ti, mặc cảm của tôi lúc đó, chỉ biết là tôi cảm thấy mình nhỏ bé, thừa thãi đến thế nào trong cuộc đời này. Nên tôi viết một bức thư để tạ từ anh, kèm theo cái thẻ bài mà anh đã giao cho tôi trong cái đêm ở đồn trú Xuân Lộc. Lá thư của tôi thông báo về việc tôi có thể đi theo cha mẹ sang Pháp bất cứ lúc nào, nên tôi gửi trả kỷ vật cho anh, và chúc anh bình an, hạnh phúc... Lúc đó tôi thực sự vẫn chưa hiểu anh nhiều, cũng chưa biết Việt Minh là gì, nhưng cảm thấy bế tắc hoàn toàn trong tâm tưởng.

Đúng như tôi nghĩ, chỉ hơn ba ngày sau, chị Lương Thị Huệ trở lại. Lần này, chị mang đến một lá thư vắn tắt của anh Trần Hồng Dương, trong đó viết rằng anh cần gặp tôi càng sớm càng tốt. Vậy là quên mất lòng tự ái con trẻ, cũng quên luôn bức thư tạ từ, tôi quỳnh lên tìm cách trốn ra khỏi nhà, đi theo chị Hai Huệ để gặp anh ấy. Và Leroy ạ, vì muốn gặp anh ấy mà tôi dám ra khỏi nhà trong hoàn cảnh ấy, hoàn toàn không biết sợ là gì. Quả thực, tình hình Sài Gòn khi đó cũng đã lắng dịu lại, tôi nghe chị Hai Huệ báo rằng vua Bảo Đại chuẩn bị lên ngôi một lần nữa, dưới sự che chở của người Nhật. Sau mấy ngày vợ vét các nhà băng, trụ sở làm việc của người Pháp, lính Nhật đã rút đi, để lại cái xác nhà rỗng cho người Việt. Nghe vậy, tôi mới hiểu vì sao cha tôi lại buồn bã, cay đắng đến như vậy. Và tôi nhớ đến câu nói của anh Trần Hồng Dương trước kia: "Nếu lực lượng Việt Minh không lớn mạnh được lên thì đất nước này sẽ có thêm một kẻ cai trị mới". Tôi nắm chặt lấy vạt áo khách để dẫn bước theo chị Hai Huệ đến chỗ hẹn (bộ áo khách do chị Hai Huệ mang đến, bảo tôi cài trang cho giống con trai), trong thâm tâm, tôi biết gia đình mình không thể nào sang Pháp được, vì một sự thật hiển nhiên là người Pháp không có mặt ở Đông Dương nữa. Nhưng tiếp sau đó, gia đình tôi phải sống ra sao thì chưa rõ.

Chị Hai Huệ đưa tôi đến đúng căn phòng trọ của anh Trần Hồng Dương, nơi tôi đã tìm đến một lần. Lúc chị quay ra, tôi nhận thấy ánh mắt chị nhìn anh ấy rất buồn, rất lạ. Cuộc gặp gỡ chỉ kéo dài khoảng 15 phút, nhưng tôi kịp

hiếu rằng anh hết sức lo cho tôi khi tình trạng đảo chính diễn ra. Anh cho tôi một địa chỉ để gia đình có thể đến, nếu không may tai họa bất ngờ xảy ra. Anh dặn dò tôi giữ mình và không nên cho cha mẹ biết mình có quen với người của Việt Minh. Và điều dặn dò cuối cùng là nếu không thể sống được trong nội thành Sài Gòn, thì tôi hãy tìm về núi Chứa Chan, vì theo anh, đó là căn cứ chiến đấu lâu dài. Anh – Nhật, hay Pháp dù mạnh thế nào cũng không phá vỡ được phòng tuyến Xuân Lộc. Anh hỏi: "Em có còn giữ tấm thẻ bài của anh không? Ngay cả khi em không còn giữ nó, thì đến nơi ấy, em chỉ cần nói đến tên anh là sẽ có người giúp đỡ em..." Tôi ghen ngào nhìn anh, và chợt nhớ bức "tâm thư" bỏ quên ở nhà do vội vã theo chân chị Hai Huệ đến gặp anh. Lần đầu tiên tôi giơ tay sờ vào mặt anh, và trả lời rằng: "Em vẫn còn giữ nó..."

Anh Trần Hồng Dương đã đột ngột ôm chầm lấy tôi, xiết chặt trong vòng tay cứng như sắt của anh, và nói rất nhanh: "Cảm ơn em!" Rồi sau đó chúng tôi chia tay vì chị Hai Huệ xuất hiện, đưa tôi về nhà...

- Bà vẫn chưa kể việc ông ấy ngỏ lời với bà như thế nào, bà Thuỳ Mai ạ.

Leroy cảm thấy nóng lòng, anh lên tiếng khi nhận thấy thời gian trôi qua quá nhanh, quá gắt gao, trong lúc anh có nguy cơ được xuất viện và về nước sớm hơn bà. Trong khi đó, người phụ nữ cứ thao thao bất tuyệt về mỗi tình thời thiếu nữ của mình, quên cả thời gian và không gian xung quanh. Bà Thuỳ Mai im lặng, hơi ngược lên để

nhìn Leroy, như bất chợt muốn đo đếm sự chân thành của anh. Rồi khi cảm thấy hoàn toàn yên tâm, bà lại kể tiếp:

- Những ngày chuẩn bị cướp chính quyền, thành lập chính quyền lâm thời vào tháng 9 năm ấy, có nhiều người chết lắm. Họ là đồng đội, là bạn bè cùng chí hướng với anh Trần Hồng Dương. Thậm chí không quen, nhưng anh ấy nghe qua tên họ, rồi ghi khắc trong tim mình như một sự mất mát, đau thương. Trái tim đa cảm của anh ấy gần như bị bóp nghẹt hàng ngày vì những cái chết do bắt bớ, tra tấn và hành quyết vô lý của bọn lính Nhật. Còn tôi, khi đó là một cô gái 18 tuổi, thì càng không thể nào chịu đựng nổi cái tin người chết hàng ngày trên đường phố, nhà băng, quán ăn Sài Gòn... Cái khung cảnh tưởng chừng êm ả đó, thực ra là cả một đoạn đầu dài trá hình, mà những người Việt Minh, và cả người dân vô tội không sao tránh được. Cộng vào đó là tin tức về nạn đói từ xứ Bắc kỳ (miền Bắc Việt Nam) đưa tới, cùng với đủ thứ chuyện rừng rợn, đáng sợ về những cái chết vì đói. Tôi đã theo anh Trần Hồng Dương đi gặp gỡ vài người trong ban chỉ huy, đi tham gia những cuộc biểu tình của sinh viên, hoặc nghe các bậc trí giả nói chuyện chính trị... Mỗi lần đi đều phải lén lút, nói dối cha mẹ, bớt xén thời gian và phải lo về đúng giờ, nên hầu như không có lần nào được tham gia trọn vẹn. Nhưng đó là những lần "hẹn hò" của tôi với anh ấy, tôi nghĩ vậy. Chỉ là ngồi cách nhau một khoảng cách khá xa, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn nhau, rồi đến giờ thì anh ấy nhắc tôi chuẩn bị, nhờ người đưa tôi về. Cảm xúc yêu đương thầm

lén trộn lẫn với những câu chuyện thời cuộc khiến tôi trưởng thành. Tôi hiểu rằng mình phải trở thành một người đồng đội của anh, hoặc sẽ không là gì cả.

Đến ngày 20/8, anh Trần Hồng Dương cố tình gặp riêng tôi trong một cái kho chứa hàng chuẩn bị cho việc cướp chính quyền. Anh cho tôi biết anh đã được lệnh tham gia cướp chính quyền ở Chợ Lớn vào ngày 25/8, sau đó về Biên Hoà rồi ngược lên Đồng Nai thượng. Và anh nói rằng: "Lý ra anh phải tuân thủ nguyên tắc giữ bí mật của tổ chức, nhưng lần đầu tranh này là một mất một còn, không thể nói trước được điều gì. Hôm nay anh ở trước mắt em, nhưng ngày mai có khi anh đã chết. Vì vậy, anh muốn gặp em để kể câu chuyện anh vẫn giấu kín về cuộc đời mình..."

Thế là trong nhà kho chứa rất nhiều thóc gạo, thuốc men của lực lượng Thanh niên Tiền phong lúc ấy, tôi ngoan ngoãn ngồi nghe anh kể chuyện. Anh đã kể hết tất cả những biến cố lớn nhỏ của đời mình, từ việc gia đình anh dất dứu nhau đến căn lán trồng hoác ở đồn điền cao su, cho đến việc mẹ anh bị hãm hiếp đến truy thai, phải thắt cổ tự tử, cha và hai người anh lớn bị hành quyết một cách man rợ... Và chuyện ba đứa con còn lại, trong đó có anh, dất dứu nhau chạy trốn trong đói khát; chuyện anh từ chối sang Pháp và những tháng ngày đi tìm anh chị mình trong vô vọng, cho đến lúc gặp tổ chức Việt Minh... Trong lúc kể, vẻ mặt anh vô cùng nghiêm túc, mặc dù nhiều lần anh suýt rơi nước mắt. Tôi thấy mình đã lớn lên cùng với câu chuyện, để có đủ can đảm chủ động cầm lấy tay anh chia sẻ những nỗi

niềm đang như sóng dữ dội về lòng anh. Tôi quỳ lên khỏi vải lớn, nắm tay anh và nhìn vào mắt anh. Trần Hồng Dương cũng quỳ lên, nhìn tôi và môi anh mấp máy không thành lời... Khoảnh khắc thiêng liêng ấy, tôi không biết chúng tôi đang quỳ bên hàng ngàn lá cờ vàng sao đỏ đang chuẩn bị được tung ra trong ngày cướp chính quyền ở Sài Gòn. Chỉ vài ngày nữa thôi, mảnh đất này đã hoàn toàn biến đổi. Ngay cả nơi nhà tôi ở cũng được cắm lá cờ này, khu bến xe gần đó nườm nượp những chuyến hàng cứu đói cho dân nghèo, phá cái thế bao vây của quân đội Nhật... Tôi nói với anh:

- Anh Trần Hồng Dương, anh không thể chết. Mọi thứ mới bắt đầu thôi mà...

Anh hỏi tôi:

- Vậy em cũng sẽ chia sẻ với anh sự bắt đầu ấy nhé, nếu một ngày nào đó anh có thể trở lại đây?

Tôi gật đầu, mỉm cười với anh nhưng không nói. Lần đầu tiên anh nhìn thật lâu vào đôi mắt tôi. Rồi tay anh khẽ chạm lên má tôi, cũng thật lâu, thật nhẹ và run rẩy. Thật lạ là lòng tôi lâng lâng như bay lên tận mây xanh, vậy mà tôi vẫn cảm thấy bình tĩnh đến lạ thường. Tôi im lặng nhìn môi anh áp lên tay mình, tay anh run rẩy, môi anh cũng run rẩy... Nước mắt của anh nóng bỏng, hệt như dung nham núi lửa đang phun trào từ những ngón tay run rẩy của anh... Leroy! Xin hãy tha thứ khi tôi kể lại tỉ mỉ cảm xúc của chúng tôi, và tha thứ cả sự so sánh của tôi dành cho Pierre

Fournier và anh Trần Hồng Dương. Lúc ấy tôi đã tìm thấy chính mình trong trái tim của người con trai Việt Nam đáng thương ấy, điều mà tôi chưa bao giờ tìm thấy ở chàng sĩ quan người Pháp tôi đã từng hứa hôn. Chúng tôi đến với nhau không chỉ vì tình yêu và số phận, mà còn vì điều gì đó lớn hơn cuộc đời chúng tôi. Xin được gọi đó là vận mệnh, của con người và đất nước chúng tôi...

Leroy cúi gập đầu xuống. Nắm đấm tay anh đập thẳng vào ngực mình. Vì anh nhớ là chính anh đã nghĩ đến những điều bà Thuỳ Mai vừa nói.

5.

Bà Thuỳ Mai kể tiếp:

- Ngay sau khi anh Trần Hồng Dương về Biên Hoà, rồi lên xứ Đồng Nai thượng, tôi đã tìm đến ông Tám Thu, cha của chị Năm Quỳnh bạn học của tôi. Mục đích của tôi là tìm một món quà để tặng chò anh ngày anh về lại Sài Gòn, và chị Năm Quỳnh đã táo bạo đề nghị tôi tặng cho anh một khẩu súng lục. Chị đã nhờ cha mình tìm mua tận ở Thái Lan. khẩu súng ấy cho tôi. Câu chuyện của tôi và anh ấy khiến cho chị ngưỡng mộ, thán phục hết lời, vì từ ngày tôi đưa anh ấy đến gặp ông Tám Thu, gia đình ông đã ngầm coi anh là một người lãnh đạo cuộc cách mạng, tuy không biết rõ anh làm đến chức vụ gì, địa bàn ở đâu. Vì ông Tám Thu đánh giá anh rất cao, nên chị Năm Quỳnh mặc nhiên coi anh là một thần tượng. Chị thêu dệt, tưởng tượng

ra đủ mọi thứ hay ho quanh mỗi tình của chúng tôi, dù rằng vì quá yêu, quá xúc động, tôi chỉ dám kể về anh rất ít...

Đó là những ngày cách mạng của đất nước tôi, khắp từ Nam ra Bắc. Làn sóng mới ấy cuốn hút rất nhiều người đi theo nó, đổi thay vì nó. Tôi nghe những thay đổi diễn ra hàng ngày, hàng giờ trước mắt mình, thậm chí qua lời nói của chính cha mẹ mình. Nhưng rất đáng buồn là cha mẹ tôi không hề chịu thay đổi, vì cha tôi không chấp nhận được sự thật là người Pháp đã phải rời đi khỏi đất nước này, không còn chút ảnh hưởng nào; còn mẹ tôi, dù không có hiểu biết cũng không có chính kiến rõ ràng, nhưng bà tỏ ra khổ sở khi không còn thuận lợi trong việc buôn bán, làm giàu như trước kia nữa. Những ông chủ người Pháp đã ra đi từ lâu, những người đồng nhiệm sở cũng lần lượt tìm đường sang Pháp, mang theo vợ con họ, và cả một lối sống xa hoa kiêu quý tộc mà gia đình tôi đã quen thấy hàng ngày. Nói cách khác là cha tôi đã bị cô lập khi người Nhật chiếm đóng Sài Gòn, nay ông tiếp tục tự cô lập trước những biến chuyển của thời cuộc. Ngoài ra, ông cũng bị ảnh hưởng tâm lý rất nặng nề khi cha mẹ, anh em lần lượt bỏ đi hết. Họ sang Pháp. Vì vậy, cha mẹ tôi nghĩ rằng chỉ có một con đường duy nhất là sang Pháp để tìm lại cuộc sống, hạnh phúc trong vầng hào quang xưa cũ...

Những ngày ấy, tôi hầu như bị nhốt ở trong nhà, vì cha tôi nghe ngóng tình hình và cho rằng chiến sự sẽ nổ ra, sẽ có cảnh bắn giết, tàn sát lẫn nhau. Trong khi đội Thanh niên Tiền phong tổ chức rất nhiều cuộc biểu tình lớn nhỏ,

tin vua Bảo Đại thoái vị cũng bay tới, thì cha tôi cố thủ trong nhà, và lệnh cho hai mẹ con tôi phải sẵn sàng xuống hầm bất cứ lúc nào... Ông không hề hay biết tôi giấu khẩu súng lục ở dưới đó, trong lúc chờ đợi anh Trần Hồng Dương trở về từng giờ, từng phút một. Và qua thái độ của cha tôi trong từng bữa cơm, tôi có thể đoán được tình hình ngoài đường phố như thế nào. Vào đúng ngày 25/8, cha tôi thờ dài nói với mẹ tôi:

- Hoàng đế Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị. Tôi đoán chắc chắn đức ngài sẽ sang Pháp...

Câu nói lấp lửng của cha khiến tôi lo thon thót, vì nhận thấy ý tứ của câu nói đó khẳng định là không còn lý do nào cho cha tôi níu giữ cuộc sống ở đây. Đã nghe anh Trần Hồng Dương, chị Năm Quỳnh, chị Hai Huệ và nhiều khác nói về cuộc cách mạng, tôi hiểu cha tôi thuộc về mẫu người "bảo thủ", không hoà nhập được với cuộc sống mới. Còn tôi, tất nhiên đã là người "cấp tiến" bởi tôi đã dám cởi bỏ những điều xưa cũ để đến với tương lai, không chỉ cho riêng mình mà cho toàn dân tộc. Nhưng rồi tôi run rẩy nhận ra, những điều xưa cũ vẫn còn nằm ngay trong trái tim tôi, đó là cha mẹ tôi, là tình yêu và những hy vọng rất lạ lùng của họ... Cho nên bên ngoài đoàn người đi hò reo vui vẻ đến thế nào, tinh thần kiến thiết dâng cao đến thế nào, mà trong nhà tôi lặng ngắt, cha tôi thậm chí còn không muốn nhìn mẹ con tôi...

Tôi đã không có can đảm nói chuyện với cha về sự "cấp tiến" của mình, cho đến 6 ngày sau nữa, chính anh

Trần Hồng Dương đã đến. Buổi sáng hôm ấy tôi nghe tiếng quát hét ở phòng đọc sách của cha, rồi nghe mẹ tôi réo tên tôi một cách tức giận. Tôi đã không hiểu chuyện gì cho đến khi chạy vào thư phòng và bất ngờ nhận ra người đang ngồi đối diện với cha tôi nơi chiếc bàn lớn chính là anh - người con trai đã cùng tôi ước hẹn một cách bí mật. Mặt cha tôi xám lại như chàm đỏ, mắt ông đang hướng về anh với vẻ bàng hoàng, và sợ hãi. Mẹ tôi đứng sau lưng cha tôi, mặt bà lại đỏ bừng, mắt long lên như bị kích động. Anh ngồi im lặng, hơi cúi đầu như một bức tượng để chịu đựng sự đón tiếp đầy nộ khí đó. Anh vốn đã rất gầy, và nay còn gầy hơn, làn da cũng tái mét, xám xanh, tóc thì cắt ngắn; anh mặc chiếc áo trắng và quần âu như một sinh viên trường thuốc, trông gọn gàng và lịch sự, nhưng già hơn tuổi. Vừa nhìn thấy anh, tôi buột miệng gọi tên anh:

- Anh Trần Hồng Dương!

Cha tôi đứng bật dậy, nhìn tôi như thể muốn cầu cứu tôi điều gì hệ trọng lắm. Ông nói trong cơn xúc động thái quá, tiếng này vấp với tiếng kia.

- Thuỳ Mai! Con nói cho cha biết người này là ai? Xuất thân từ đâu, làm công việc gì?...

- Dạ... dạ... Thưa cha... - Nhận được ánh mắt khích lệ của anh, tôi mới vững tâm trả lời: Dạ, thưa cha! Đây là anh Trần Hồng Dương, là người đã cứu con ở đồn trú gần chân núi Chứa Chan dưới Xuân Lộc... Anh ấy là một người cách mạng, một người Việt Minh...

Cha tôi nổi giận nói to:

- Không, nhà này không có quan hệ gì tới chánh trị hết. Cha muốn con trả lời là không quen biết gì, không liên can gì tới người này cả, biết chưa? Xin lỗi, anh đã vào nhầm nơi, và tìm nhầm người rồi, tôi rất tiếc là phải tiễn anh...

- Dạ không, thưa cha... - Đến lượt tôi lắp bắp - Nếu mà không có anh ấy cứu, thì bây giờ con đã...

Mẹ tôi ôm ghì lấy tôi, kéo về phía sau như thể bà sợ tôi chạy ra với anh ấy. Anh Trần Hồng Dương im lặng, trong khi tôi đã nước mắt vòng quanh, run rẩy vì không biết nói gì trong lúc rất mừng vui khi được gặp lại anh. Bao nhiêu là cảm xúc lẫn lộn trong lòng tôi, nhưng tất cả không vượt qua được nỗi sợ làm phật lòng cha mẹ. Tôi nhìn anh, và anh cũng nhìn tôi, rồi anh nhanh chóng hướng cái nhìn sang cha tôi. Anh đứng lên, lễ độ nhưng cũng rất quyết liệt, anh nói:

- Thưa ông ký lục, hôm nay tôi cố ý đến trình diện ông và bà, cha mẹ của Thuỳ Mai vì tôi rất ngưỡng mộ ông bà đã chăm sóc và cho Thuỳ Mai một nền học vấn đầy đủ, tiến bộ. Song vì vậy, tôi cũng cảm thấy thất vọng vì ông bà đã không hiểu được vấn đề cốt lõi của đời sống, tuy ăn ở theo nếp mới mà tinh thần vẫn theo cái cũ. Bây giờ đã là thời đại mới, Thuỳ Mai đã đủ tuổi trưởng thành để tự quyết định cuộc đời mình. Nếu không ủng hộ, thì lý ra ông bà cũng phải tôn trọng suy nghĩ và hành động của cô ấy... (Hướng cái nhìn về phía tôi, ánh mắt anh buồn bã hẳn đi) - Thuỳ

Mai! Hôm nay anh đến đây vì lời hứa với em, anh rất mừng bởi thấy em vẫn được bình an vô sự. Nhưng xin em đừng vì lý do thời đại đổi mới mà làm tổn thương đến cha mẹ, gia đình. Anh không dám nhân danh bản thân mình để cho em và cha mẹ phải buồn, và hãy nhớ là anh luôn tôn trọng mọi suy nghĩ và hành động của em...

Nói rồi, anh bước ra khỏi chỗ ngồi, cúi đầu thật thấp trước mặt cha tôi. Anh nói như đang làm một nghi lễ trang nghiêm:

- Tôi xin cáo từ ông, bà...

Rồi anh quay gót. Lúc ấy, bằng tất cả sự ngây thơ và hồn nhiên của một cô gái trẻ đang yêu, tôi sợ đến run người, vội vùng ra khỏi vòng tay mẹ và kêu to lên:

- Khoan đã, anh Ba Dương! Chờ em với...

Nói rồi, tôi vội vàng chạy vào nhà trong, nơi tôi đang giấu khẩu súng dưới hầm bí mật. Tôi lao xuống hầm, chẳng cần ai giúp đỡ cả, và ôm cái hộp đựng khẩu súng gắn vào lòng, nhảy vọt lên trên. Cha mẹ tôi chạy theo tôi, thất kinh trước hành động của con gái, ông bà trở mắt nhìn cái hộp tôi đang kẹp trước bụng. Tôi vội lách người ra phòng khách thật nhanh, vì không muốn cái hộp lọt vào tay cha mẹ tôi. Với tất cả niềm tin vào bản thân và tình yêu dành cho anh, tôi đặt nó vào tay anh Trần Hồng Dương, rồi nói với anh thật nhanh bằng giọng dứt quãng vì hồi hộp và quá sức:

- Anh! Đây là món quà của em, mừng anh quay trở về. Anh cứ đi đi, để em thưa chuyện với cha mẹ em sau...

Nhưng anh ấy chưa kịp tỏ thái độ gì thì cha tôi đã bước sấn tới. Ông tước cái hộp trên tay anh, mắt ông trừng trừng nhìn anh trong khi tay ông bứt đứt sợi dây niêm phong cái hộp mà tôi đã kỳ công trang trí, nâng niu và ngắm nghía nó hàng ngày. Cha tôi đã xé toạc nó ra, nhưng khi nhận ra đó là một khẩu súng ngắn thì thái độ của ông từ chỗ hung hăng trở nên hoảng hốt. Ông quay nhìn tôi, nhìn mẹ tôi, rồi vội vàng đặt cái hộp có chứa khẩu súng xuống bàn, lật đặt bỏ đi.

Đó là hoạt cảnh đã diễn ra tại nhà tôi sáng hôm đó, mở đầu cho cuộc sống biến động của gia đình tôi sau những ngày âm thầm đứng bên lề những biến cố của quê hương, đất nước. Anh Trần Hồng Dương đã cầm khẩu súng lên, ngắm nghía nó rồi xúc động nói với mẹ và tôi:

- Xin ông bà tha lỗi cho chúng tôi – là tôi và Thuỳ Mai. Chúng tôi đã gặp gỡ, đã dành rất nhiều tình cảm và sự thông hiểu cho nhau. Khẩu súng này thực ra là một vật vô tri, nó rất an toàn nếu không có đạn và không ai lên nòng để bắn vào ai đó. Tôi không nghĩ Thuỳ Mai tặng nó cho tôi với mục đích đó, mà ngược lại, cô ấy muốn có sự an toàn cho tất cả mọi người. Tôi xin hết lòng bảo vệ gia đình và cô ấy, bằng tất cả trách nhiệm và tình yêu... chỉ xin nói với bà rằng... song thân và gia đình tôi đã bị giết, đã ly tán hết... Nhưng tôi không đơn độc giữa đời, vì tôi còn có tổ chức, có đồng đội, những người cùng chung lý tưởng...

- Anh thôi đi! – Mẹ tôi đột ngột hét lên, nghe chói tai và giật mình – Ai cho anh đến đây để giảng giải những điều

kỳ cục đó với con gái tôi? Anh tưởng rằng chúng tôi sẽ biết ơn anh sao? Nếu không có anh, nếu không có những người như anh, thì cuộc sống gia đình này đâu đến nỗi bị xáo xáo, chuyện làm ăn của tôi đâu đến nỗi ngưng trệ như thế này? Anh cứ đi mà bảo vệ cho lý tưởng, cho chính nghĩa của anh, những thứ cao siêu ở trong đầu anh... Nhưng đừng có dụng vào gia đình tôi, vào con gái tôi. Hiểu chưa?!

- Mẹ ơi! – Tôi run rẩy gọi mẹ trong cảm giác hổ thẹn. Nhưng bà mẹ của tôi, hàng ngày có vẻ yếu mềm, rắc rối và lẩm cẩm, thì hôm nay bà tỏ ra hết sức cương quyết khi nắm lấy tay tôi lôi xềnh xệch ra khỏi phòng, không quên để lại cái nhìn sắc lẹm cho vị khách không mời mà đến ấy...

Vậy đó Leroy! Tôi đã làm cho cha mẹ tôi chết khiếp vì đã “qua lại” với Việt Minh từ lâu mà cả hai người đều không biết. Sự xuất hiện của anh Trần Hồng Dương không những không thay đổi được tình hình, mà trái lại, còn khiến ông bà thêm âu lo, sợ hãi trước thời cuộc. Cho đến bây giờ tôi vẫn không thể nào hiểu được việc cha mẹ tôi nhất định không biến chuyển. Vốn đã u sầu vì không thể cưỡng lại được làn sóng cách mạng đang tràn đến mọi ngõ ngách của Sài Gòn – thành phố gia đình tôi đang sống, ông bà lại thêm cay cú vì đứa con gái duy nhất cũng “thay lòng đổi dạ”. Cha tôi khóc mà nói rằng: “Con chẳng hiểu gì cha hết!” Còn mẹ tôi đã đánh tôi. Bà tát vào mặt tôi và hét lên trong cơn điên giận: “Mày từ hôn với thằng sĩ quan người Pháp chưa đủ làm cha mẹ mày đẹp mặt sao, bây giờ lại hẹn hò với một thằng cộng sản? Sao mày không lấy khẩu súng ấy mà bắn

thẳng vào cha mẹ mà đi?!" Tôi đã phải quỳ xuống, chấp tay lạy mẹ mà khóc rằng: "Con không phải như thế, mẹ ơi! Anh ấy cũng không phải như thế..." Cha tôi không đụng vào tôi, nhưng ông uống rượu rất nhiều rồi đánh mẹ tôi một trận liệt giường, vì cái tội (tôi nghe ông rít lên dù cửa buồng của hai người đóng kín): "Mày đã không biết dạy con gái mày, mày là con đàn bà thôi tha nhất cái đất nước An Nam..."

Mẹ tôi nằm trên giường, toàn thân bầm tím, trong lúc cha tôi u uất uống rượu rồi ngủ trong phòng đọc sách. Tôi chạy qua chạy lại phục dịch cho hai người, nhưng cả hai đều từ chối. Trong hoàn cảnh đó, tôi cảm thấy đau khổ, ân hận thiếu điều muốn buông xuôi tất cả... nếu như không có chuyện vài ngày sau tôi nhận được một bức thư của anh Trần Hồng Dương. Chị Hai Huệ mang thư đến cho tôi, cùng với vẻ mặt u buồn đáng sợ. Tôi đã hỏi chị là theo Đội Thanh niên Tiền phong vui như thế, mọi người đi làm cách mạng vui như thế, sao chị lại buồn? Chị đã trả lời tôi:

- Là vì chị lo cho em, em gái bé bỏng của chị. Chị đã không làm việc anh Ba Dương nhờ cậy, đó là giúp em hiểu nhiều hơn về cuộc đấu tranh của chúng ta, giúp em có bản lĩnh vững vàng hơn trước muôn vàn thử thách của đời sống. Chị đã sai khi nghĩ rằng vì em có đủ sức thoát khỏi Pierre, là em có thể làm được bất cứ điều gì em muốn...

Lúc đó tôi chưa hiểu lắm những điều chị nói, nhưng thấy chị rơm rớm nước mắt, tôi liền khóc oà lên, kể lại tình cảnh gia đình, cha mẹ mình kể từ lúc anh Trần Hồng

Dương xuất hiện. Tôi ước gì tôi có thể làm lại giây phút đó, để tránh cho song thân khỏi đau khổ, giày vò. Tôi cũng ước gì cha mẹ có thể hiểu được tôi, và chấp nhận được sự đổi thay của thời cuộc. Và chấp nhận anh Trần Hồng Dương... Chị Hai Huệ lắng nghe tôi nói, và nhìn tôi bằng đôi mắt đăm đăm như đang cố giấu một điều gì đó. Rồi chị nói một câu vắn tắt trước khi ra về:

- Đời sống là luôn phải lựa chọn, em ạ. Đôi khi để có một thứ thực sự có ý nghĩa đối với mình, thì mình phải từ bỏ nhiều thứ khác. Đó là điều chị cảm nhận được qua mấy năm tham gia phong trào, làm việc chung với anh Trần Hồng Dương, và bây giờ thấy điều đó qua câu chuyện của em...

Tôi kể điều đó để anh hiểu câu chuyện tuổi trẻ của chúng tôi. Trong khi tôi yêu anh Trần Hồng Dương đúng nghĩa một tình yêu bằng bột, lãng mạn, thì chị Hai Huệ luôn thâm lặng đi bên cạnh chúng tôi. Chị dành cho anh ấy một tình yêu sâu sắc, đầy hy sinh, và dành cho tôi một tình cảm bao dung cũng lớn như thế, sâu thẳm như thế, vì tôi là người mang đến hạnh phúc cho anh ấy. Tôi chỉ biết được điều đó vào năm 1973, khi được theo một đoàn công tác đến Hà Nội, và tiếp xúc với một người bạn tù lâu năm của chị, đọc những bài báo viết về chị; còn chị khi đó vẫn còn bị giam cầm ở Côn Đảo. Ở chốn địa ngục trần gian ấy, chị đã chết đi sống lại nhiều lần, nhưng trong lòng vẫn tin, vẫn hy vọng anh Trần Hồng Dương còn sống, và biết đến tình yêu của chị... Còn vào ngày hôm đó, khi chị Hai Huệ đã ra về,

tôi nắm chặt trong tay lá thư của anh Trần Hồng Dương mà không dám mở ra đọc. Bởi cha tôi đang tự dẫn vật mình trong nỗi đau khổ triền miên, mẹ tôi đau đớn khắp châu thân, răng cắn chặt không nói một lời. Thậm chí tôi tự hỏi chính mình, rằng tình cảm của tôi dành cho anh Trần Hồng Dương có phải là tình yêu không; hay cũng giống như thời gian hứa hôn với Pierre, tôi đã lầm lẫn và rồi phải trả giá một cách khủng khiếp?

Không phải, chắc chắn là không phải. Tôi nhớ rằng tôi đã trao hết sự yêu thương, trù mến cho anh khi chủ động nắm tay anh, và nói rằng: “Anh không thể chết. Tất cả mới bắt đầu thôi mà...”

Đứng lên ngồi xuống nhiều phen mà tôi vẫn không biết mình phải làm gì vào lúc đó. Tình yêu trong tôi non tơ như hoa cỏ đầu mùa, thoáng chốc đã trở thành giông tố, thành bão táp... Rồi chính mẹ tôi đã giật lấy lá thư tôi mân mê trên tay, xé tan thành không chút thương tiếc. Bà buông một câu:

- Mà có biết rằng cha mà là giống không thể đội trời chung với Việt Minh không? Một chút công danh của ông ấy vì những con người như thằng Trần Hồng Dương mà tiêu tan hết. Mà còn muốn gì nữa?...

Khi mẹ tôi quay đi, tôi đã nhào khỏi chỗ ngồi để nhặt lấy những mảnh thư. Mang về phòng riêng, tôi quỳ xuống đất, sắp xếp lại từng mảnh nhỏ, để cuối cùng đọc được thông điệp anh dành cho tôi:

“Anh tôn trọng mọi suy nghĩ và hành động của em. Anh luôn nhớ lời em, mọi thứ đều mới khởi đầu... Ba Dương!”

CHƯƠNG IV: LA CROIX ROUSSE - SCANDOLA - CÔN ĐẢO

1.

Thứ ba, ngày 19/1/1988

Để khỏi cuồng chân tay, Phillipe Leroy đi lòng vòng qua mấy tầng lầu, ngắm nhìn khung trời đang dần sáng rõ. Anh cảm thấy mình đã hoàn toàn khoẻ mạnh, không cần sự trợ giúp nào về y tế cả. Song trong lúc lang thang giữa những dãy phòng bệnh còn sáng đèn, anh tự nhủ phải tìm ra lý do gì đó để ở lại, ít nhất là ngày hôm nay nữa. Kinh nghiệm cho thấy chỉ cần qua được giờ khám bệnh buổi sáng, là đảm bảo sẽ được lưu bệnh ngày hôm đó. Anh nóng lòng muốn sang gặp bà Thuỳ Mai, nhưng có lẽ giờ này bà đang ngủ. Từ 8 giờ đến 11h30' sáng là thời gian khám bệnh dài lê thê, bệnh nhân luôn được nhắc nhở phải ở lại giường nằm, nên hầu như anh không đi đâu được cả. Anh chỉ có thể gặp bà trong chốc lát vào giờ ăn sáng, nếu sức khoẻ của bà đã khá hơn.

Leroy đã giấu kỹ cuốn sổ tay vào túi xách cá nhân của mình. Anh biết rằng không cần phải hỏi về cái sự “khởi đầu” của mỗi tình ấy nữa, vì rốt cuộc người thiếu nữ ấy đã quyết định đi theo tiếng gọi của tình yêu, mặc dù thái độ của cha mẹ là quyết liệt ngăn cấm. Điều đáng nói tình yêu ấy được khởi đầu cùng với bao nhiêu biến cố của một đất nước, và dẫn tới một cuộc ra đi kỳ lạ của người thiếu nữ ấy, tính đến nay đã 40 năm? Như bao câu chuyện cuộc đời anh đã gặp, đã nghe, thì tình yêu luôn là sự lựa chọn của số phận con người. Mỗi thân phận, mỗi cuộc đời đều là dấu vết của những môi tình; phải sâu đậm đến thế nào con người mới ghi nhớ và kể lại với một người bạn đường khác vào cuối cuộc đời... Không thể biết được. Đối với câu chuyện này, Leroy đã ghi chép cẩn thận như thói quen nghề nghiệp vốn có của mình, nhưng anh cảm thấy do dự khi đặt bút viết một thứ gì đó đại loại như một đầu đề, một câu ghi chú, bình luận... Anh đã xác định, người phụ nữ trong bài viết của anh chỉ được gọi là M. Chỉ là một câu chuyện không có hình ảnh cụ thể, cho dù đó hình ảnh chụp từ phía sau, khi người phụ nữ ấy quay người ôm lấy một thân cây giữa rừng cao su bạt ngàn, và nức nở. Vì nếu anh không viết được những điều cơ bản nhất trong câu chuyện này, thì đó không chỉ là một sự lãng phí, mà còn như có lỗi với quá khứ. Cho dù anh đã hứa với bà Thuỳ Mai...

Và đây sẽ là bài cuối trong loạt bài viết về chuyến đi này. Anh nghĩ.

Mấy phút sau, anh lại xuống sân, ngồi trên ghế đá nhìn ra cổng bệnh viện, giống như những người bệnh đang ngóng chờ người thân của mình. Chỉ trong vài phút ngồi im lặng ở đó, trước khi bà Thuỳ Mai đến gần anh, anh chợt nhận ra rằng mình không có ai để mong đợi ở nơi này, và kể cả ở Pháp. Ở tất cả mọi nơi, anh như một cánh chim mỗi mệt, cô đơn, không nơi nương tựa. Những giây phút hạnh phúc nhất trên đời, anh đã dành cho công việc làm báo và những bức ảnh đẹp. Những người phụ nữ, những mối tình không thành... thực ra không để lại dấu ấn nào sâu đậm trong cuộc đời anh. Anh ngồi trên chiếc ghế đá, như những người bệnh đang muốn rời bệnh viện, thực ra chỉ là một hành động bất chước. Bởi vì sau khi rời khỏi đây, anh lại phải khởi đầu một chuyến đi dài - một chuyến đi dài và bất buộc. Trở về Pháp, anh lại tiếp tục công việc của mình. Những công việc được sắp xếp theo đúng trình tự, chứ không nói lên được ý nghĩa gì trong cuộc đời anh...

Tiếng sỏi vang lên lạo xạo, và bà Thuỳ Mai trong bộ đồng phục bệnh nhân bước đến gần, ngồi xuống bên cạnh anh, vui vẻ hỏi thăm về giấc ngủ và những trải nghiệm của anh tại bệnh viện. Lòng Leroy âm lên. Anh muốn cất lên câu hỏi: Vì sao người phụ nữ đi qua gần hết cuộc đời với nhiều điều đau buồn, bi thảm đến vậy, lại có thể giữ được niềm vui, sự duyên dáng, đáng yêu... cho đến tận lúc này? Và dành điều đó cho anh, người bạn đường bất đắc dĩ? Trong khi đó, anh là một nhà báo đang trong độ tuổi sung

mãn nhất, lại nhận ra mình mệt mỏi và vô cảm với chính mình trên mỗi nẻo đường.

- Bà Thuỳ Mai, bà không ngủ được sao?

- Anh nghĩ thế nào mà tôi có thể ngủ được khi trở về quê hương? – Bà Thuỳ Mai nói. Rồi tâm trạng của bà như bất ngờ chùng xuống. Bà nói: - Tôi đã vẽ ra một cảnh tượng khác cho chuyến đi này, nhưng không ngờ mọi điều lại diễn ra như thế này. May mà có anh đã giúp đỡ tôi rất nhiều, Leroy ạ. Mong rằng đối với anh mọi thứ cũng không quá tệ. Nhất là sau khi trở về Pháp, anh sẽ không gặp rắc rối với tòa báo của anh.

Leroy mỉm cười. Anh bất chợt hỏi một câu chưa hề có kịch bản phỏng vấn của mình:

- Bà dự định sau khi về Pháp sẽ làm gì, thưa bà?

Có vẻ hơi bị bất ngờ, bà Thuỳ Mai quay sang nhìn anh, rồi đáp:

- Thì tôi hoàn thành cuốn sách về địa lý, cho xong phần việc của tôi. Rồi tiếp tục sống như những giáo viên đã về hưu, thế thôi...

- Ý tôi muốn hỏi bà có muốn quay trở về Việt Nam nữa không? Bà có muốn tìm ai nữa không? Hoặc là... sẽ viết một cuốn sách về cuộc đời của mình chẳng hạn...

Những ý tưởng bất chợt thoáng qua đầu Leroy, bắt anh phải nói ngay. Gương mặt bà Thuỳ Mai đang trắng

bạch và phờ phạc giãn ra, thoáng nét tươi vui. Bà nói với anh bằng vẻ biết ơn.

- Quả là những việc làm có ý nghĩa to tát, xuất phát từ cái đầu của một nhà báo trứ danh. Nhưng quả thật tôi không nghĩ đến những điều đó, vì tôi có những công việc phải làm hàng ngày, những mục tiêu nhỏ hơn, cụ thể hơn. Tôi thật sự xin lỗi anh, vì tôi hiểu, theo suy nghĩ của anh, đối với cuộc đời đầy những sóng gió như tôi, thì về cuối đời, tôi phải làm được điều gì đó lớn lao, khác thường... Quả thực tôi cũng từng nghĩ như thế. Nhưng sau một đêm ở núi Chứa Chan, chiêm nghiệm về cuộc đời, tôi lại nghĩ nếu tiếp tục sóng gió cũng tốt, mà bình yên thì còn tốt hơn. Tôi đã có một cuộc đời gần như trọn vẹn, hơn những người bạn khác đã phải chết trong chiến tranh; hơn cả cha mẹ tôi những năm tháng sống nơi đất khách quê người...

Leroy im lặng hồi lâu. Anh biết mình lại chạm vào một tâm sự sâu kín trong lòng bà Thuỳ Mai. Nhưng không thể tránh được, cần phải có sự thông hiểu lẫn nhau thôi. Anh biết, những người lớn tuổi thường rất độ lượng, bà Thuỳ Mai lại là cô giáo cũ của anh từ thuở thiếu thời. Anh tin tâm sự này của bà là thật, bà sẽ không giấu anh trong mọi chuyện, ngay cả những dự định trong tương lai.

- Cha mẹ của bà...?

- Họ đã mất rồi, cách đây không lâu, Leroy ạ.

Trong một thoáng, Leroy cảm thấy mất bình tĩnh. Số phận của người con gái duy nhất, trong một gia đình người

Á Đông quả thật là không bình thường. Nhưng chẳng lẽ chỉ vì cha mẹ mình? Và bà Thuỳ Mai gọi như vậy là “một cuộc đời gần như trọn vẹn” sao? Anh lặng lẽ quan sát thần thái u buồn nhưng nhẹ nhõm của bà, rồi lựa lời hỏi lại:

- Hẳn là cha mẹ bà đã hiểu ra mọi điều, và chúc phúc cho bà?

Bà Thuỳ Mai quay ngoắt đầu lại để nhìn Leroy bằng đôi mắt cận thị. Cái nhìn có vẻ dữ dội, đầy thất vọng, rồi sau đó dịu lại ngay. Bà lắc đầu:

- Không, cho đến khi chết cha mẹ tôi vẫn không bằng lòng về tôi. Mẹ tôi bảo thà rằng tôi là một đứa con trai, thì bà sẵn sàng chiều theo những ý muốn của tôi. Còn cha tôi thì sống trong một quãng đời dài u uất, từ khi rời đất nước sang Pháp, sống trong trại tị nạn Grand Arènes ở Marseille, cho đến khi mất đi. Thậm chí họ còn không muốn tôi quay trở về Việt Nam bất cứ một lần nào. Tôi có cảm giác như là cha mẹ tôi đã chết ngay khi xuống tàu biển để ra đi, song họ không chấp nhận cách tôi đi tìm cuộc sống mới, dù rằng lúc nào tôi cũng chọn sống bên cạnh họ.

- Gia đình bà đã từng ở trong trại tị nạn sao?

- Đúng vậy, và ở đó đến 17 năm. Tôi đã tìm mọi cách thoát ra khỏi nơi ấy bằng cách học lại cao đẳng và lấy cho được bằng sư phạm để đi dạy học. Khi đã có thu nhập ổn định, được nhập cư chính thức, tôi tìm mọi cách để đưa gia đình ra khỏi trại tị nạn. Nhưng cha mẹ tôi đã không muốn đi, vì họ tin vào lời những gia đình khác, tin vào lời hứa của

chính quyền Pháp sẽ giao việc và khôi phục chế độ lương bổng cho cha tôi. Đó là điều không thể có vì sau khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc, nước Pháp chìm ngập trong những món nợ khổng lồ. Cuộc chiến tranh ở Đông Dương cũng để lại những dư vị đắng cay khiến họ muốn quên đi hơn là muốn nhắc tới những “công dân” bất đắc dĩ như cha mẹ tôi. Cha tôi đã mê muội, ông đặt niềm tin quá lớn vào những điều không có thực, để rồi mất tất cả. Leroy ạ, không bao giờ tôi quên được nỗi đau chất chứa trong lòng cha tôi, khi ông bị đối xử một cách khinh miệt đến tàn nhẫn của cả người Việt lẫn người Pháp ở trại tị nạn. Tôi cũng không bao giờ quên được sự cô đơn lạc lõng của ông nơi đất khách quê người, và nỗi sợ hãi vì không gặp được một người thân nào ở đó, cho tới chết... Anh có nhớ là tôi đã từng kể, sau cuộc đảo chính của người Nhật, ông bà, chú bác bên nội của tôi đã lần lượt sang Pháp không? Không hiểu vì lý do nào đó mà họ biến mất, không để lại một manh mối nào để liên lạc...

Leroy gật đầu. Anh không ngờ câu chuyện đã diễn ra phức tạp hơn anh tưởng rất nhiều. Bà Thuỳ Mai ngừng lại để thở, sau ít giây, bà nói tiếp:

- Nhưng quả thực, chính cha tôi cũng không hề có ý định tìm lại gia đình, người thân của mình trên đất Pháp. Ông như một con thú bị thương, vĩnh viễn không còn khả năng phản kháng nên sống thu mình trong im lặng cho đến cuối đời. Thật đáng sợ. Nhưng tôi kể cho anh nghe lý do vì sao lại như vậy. Sau khi cha mẹ biết tôi có tình cảm với anh

Trần Hồng Dương, họ đã cầm cổ tôi tại nhà, không cho đi đâu hết. Cha tôi thì đòi tự tử, nếu tôi còn qua lại với anh ấy. Hoặc có lúc lên cơn điên, ông lại lôi mẹ tôi ra hành hạ không thương tiếc. Hơn ba tuần lễ gia đình tôi như sống trong địa ngục. Cảnh sống ấy dần dần làm cho tôi muốn quy hàng, tôi muốn nói với cha mẹ rằng tôi sẽ từ bỏ tất cả để cho cha mẹ vui lòng. Nhưng lòng tôi ghen lại. Không thể nào có thể nói ra được điều ấy, khi mà trái tim muốn điều hoàn toàn ngược lại. Tôi mong ước được gặp lại anh Trần Hồng Dương, dù chỉ một phút, một giây thôi. Rồi chết cũng cam lòng...

Nhưng ngay sau đó, người Pháp đã quay trở lại Sài Gòn. Sau này tôi mới biết là họ theo chân quân đội Anh để dọn dẹp những "tàn tích" của quân Nhật để lại. Trước ngày 23/9, những sĩ quan và binh lính Pháp bị giam ở Sài Gòn đều được thả ra, và họ đã nổ súng, tái chiếm Sài Gòn một cách nhanh chóng không tưởng tượng được. Nghe tiếng súng nổ ở một góc nào đó của thành phố, cha tôi chưa kịp hiểu điều gì đang xảy ra thì thật bất ngờ, Pierre Fournier và một nhóm lính Pháp đã đến nhà tôi trên một chiếc xe hơi mui trần. Tôi nghe ông kêu lớn cái tên ấy, run rẩy đến choáng ngợp. Và ngay lập tức tôi chui xuống hầm để trốn.

Bất ngờ không Leroy? Cuộc gặp gỡ ấy diễn ra chớp nhoáng. Pierre mang đến một chai rượu vang, và cả chiếc nhẫn đính hôn anh ta đã từng giật khỏi tay tôi. Cha tôi nói dối rằng tôi không có nhà, nhưng khi anh ta đi rồi, ông đã đến trước cửa hầm gọi tôi. Mẹ tôi ngồi chờ sẵn ở thư

phòng, đôi mắt không buồn không vui nhìn tôi, trong khi cha tôi cho biết rằng Pierre đã được phục chức ở Xuân Lộc. Đất đai, điền trang bị quân Nhật chiếm đóng đã được trả lại toàn bộ. Đây là chuyện anh ta về Sài Gòn nhận lại quân hàm, và sau khi ghé nhà tôi, anh ta trở lại Xuân Lộc để tiêu trừ bọn thảo khấu, truy lùng Việt Minh hòng lập công lớn. Pierre hẹn sau một tháng sẽ quay về làm lễ cưới với tôi, và gần như “lệnh” cho cha tôi phải chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ. Tất nhiên, cha tôi với tư cách là gia trưởng, đã tuân lệnh ngay lập tức mà không dám có điều kiện gì kèm theo. Ông trao lại cho tôi chiếc nhẫn kim cương, và nói một cách vắn tắt:

- Thượng nhân Pierre đã giúp con sửa sai rồi đó. Con hãy ngoan ngoãn mà đoái công chuộc tội. Cha mẹ bỏ qua chuyện tên Việt Minh là Trần Hồng Dương, sẽ vĩnh viễn không bao giờ nhắc đến cái tên ấy... - Ông hướng cái nhìn qua mẹ tôi rồi nói: - Nhất là không bao giờ được nhắc trước mặt của thượng nhân Pierre, bà có hiểu không? Còn cha, trong ngày một ngày hai nữa cũng sẽ quay trở lại Hội đồng thuộc địa để làm việc. Cha sẵn sàng đưa mẹ con đi Lào, đi Campuchia hoặc sang Pháp để tiếp tục làm việc. Nhưng có lẽ là sang Pháp...

Tôi đưa hai tay nhận lấy chiếc nhẫn, cái đầu trống rỗng, không có một chút cảm xúc nào trước viễn cảnh cha tôi vẽ ra. Nhưng cùng lúc ấy, một phần nào đó trong con người tôi trỗi dậy, đó là một thứ bản năng yêu thương, tìm kiếm được phát lộ một cách quyết liệt. Tôi nói với cha tôi.

- Cha cho phép con gặp lại mấy người bạn gái đồng học của con, trước lúc làm hôn lễ với Pierre, được không cha? Con muốn đường đường chính chính thông báo việc hôn nhân ấy với xã hội, chứ không muốn mang tiếng là cưới chạy, cưới gấp...

- Không thể được - Mẹ tôi cướp lời tôi – Nó sẽ tìm cách trốn đi đây, ông không được buông lỏng nó. Tôi muốn làm cách nào đó báo cho cái gã Trần Hồng Dương kia biết rằng, con gái tôi chuẩn bị lấy chồng, chứ tôi không quan tâm gì đến lũ con gái ấy...

Cha tôi đã chạnh lòng khi thấy tôi đứng ở đó, nước mắt vòng quanh và bối rối vẩn vẩn, xoay xoay chiếc nhẫn. Trước cơn giận dữ của mẹ tôi, ông đã có một quyết định để che chở, hoặc an ủi tôi, vì, có lẽ chính ông cũng được an ủi:

- Thôi được, con muốn gặp bạn gái nào cha sẽ cho mời người ấy đến. Con nên nhớ lừa dối cha mẹ là vô ích. Cả cuộc đời này con không có cơ hội hối cải đâu...

Tôi quay về phòng riêng, tự nhốt mình trong đó. Chốc chốc, cha hoặc mẹ tôi mở cửa phòng ra để xem tôi còn ở đó hay không? Biết không thể qua mắt được họ, nên tôi không thêm làm gì cả, cũng không nói năng gì trong lúc mẹ tôi huyền thuyên về chuyện cưới hỏi, về tương lai của tôi và Pierre. Trong lòng tôi chỉ có một mơ ước cháy bỏng không nói thành lời: Gặp lại anh Trần Hồng Dương, dù chỉ để vĩnh biệt anh. Những ngày đó lòng tôi rối bời bời ý nghĩ biết đâu anh đã không còn trên cõi đời này nữa. Súng đã nổ thì máu

lại đồ, làm sao tránh được cái chết khi người làm cách mạng có quá nhiều kẻ thù không đội trời chung như thế? Nhưng dù anh đã chết đi nữa, thì tôi vẫn muốn được nhìn thấy anh. Chỉ có thể là anh thôi, rồi cuộc đời tôi mai sau thế nào cũng được...

Hai ngày sau, cha tôi đã mời các chị đến. Họ đến đủ mặt, vẫn là các chị Hai Huệ, Năm Quỳnh, Ba Gái, Lan Hương. Đích thân mẹ tôi chủ trì cuộc họp mặt ấy, để thông báo cho các chị biết cuối tháng 10 năm ấy tôi sẽ kết hôn với Pierre.

- Trong số các cô, nhất là cô Hai Huệ, có ai định rù quyền con gái tôi theo Việt Minh thì tôi khuyên là hãy từ bỏ ngay lập tức ý định ấy. Ông ký Thái đã quay lại nhiệm sở, và có thể bắt bỏ tù ngay kẻ nào muốn chống đối chính quyền. Và tôi cũng khuyên các cô đừng học đòi làm cách mạng làm gì. Pierre Fournier kể riêng và người Pháp kể chung sẽ chẳng sai lầm một lần nào nữa đâu... Hãy cứ biết như vậy nhé!

Không biết mẹ tôi đã tìm được lời lẽ danh thép ấy ở đâu ra. Nhưng trong lúc ngồi im, cúi gằm mặt xuống, tôi không khỏi rùng mình sợ hãi. Chị Hai Huệ cũng ngồi im lặng, không dám nói gì. Nhưng chị Năm Quỳnh lại don đả nói ngay:

- Dạ thưa bác, tụi con đâu có dám manh động như vậy. Chuyện hôn nhân sắp tới của Thuỳ Mai với ngài *capitane* Pierre Fournier quả là kỳ tích, tụi con có nằm mơ

cũng không thể nào sánh được với sự may mắn của Thuỳ Mai. Hai bác cũng nên nhanh chóng tổ chức hôn lễ cho Thuỳ Mai, vì cuối năm nay cha con cũng đưa con sang Thái Lan để kiểm chồng, các chị này cũng phải đi theo gia đình để phát triển kinh doanh... Chúng con nào dám cãi song thân, mà cha mẹ chúng con cũng chẳng dám cưỡng lại lệnh quan trên. Dạ thưa bác, mẹ con có khúc vải lụa này mua từ Thái Lan, bảo con mang sang tặng bác. Nếu bác thích thì con sẽ đưa bác đi may để mặc trong đám cưới Thuỳ Mai. Còn có bao nhiêu chuyện phải lo, nào là đi chùa, đi coi thầy, định ngày đám cưới... Có gì bác cứ gọi, con xin phụ giúp bác một tay...

Không ngờ khúc vải lụa màu mật ong đã cứu tôi khỏi tình cảnh nghiệt ngã này. Mẹ tôi vốn là thợ may, là chủ tiệm vải lớn nên bà nhận ngay ra giá trị của khúc vải lụa chị Năm Quỳnh mang đến. Trong lúc bà hôn hờ ướm thử tấm vải lên người thì tôi quờ lấy tay chị Hai Huệ. “Chị ơi!...” Tôi nói trong hơi thở, sợ mẹ tôi nghe thấy. Chị giơ một ngón tay lên ra hiệu bảo tôi im lặng, rồi tuần cho tôi một lá thư. Tôi đã chạy ngay vào nhà vệ sinh để đọc nó. Không phải thư của anh Trần Hồng Dương, mà là của chị Hai Huệ. Chị báo cho tôi biết anh Trần Hồng Dương và nhiều người khác đã phải rút về Xuân Lộc để tránh sự trả thù của quân đội và chính quyền Pháp, vốn đang rất hung hãn khi quay lại chiếm giữ Sài Gòn. Chị cũng sẽ về Xuân Lộc, tham gia vào đội quân giải phóng, và hỏi tôi có muốn cùng về nơi đó hay không? Chị viết trong thư: “Anh Trần Hồng Dương đang

rất mong chờ em, nhưng anh ấy không thể xuất hiện được, nên nhờ chị chuyển lời: “Yêu quý Thuỳ Mai!” Chị chờ câu trả lời của em, chiều mai, ở Nhà thờ Đức Bà, lúc 4 giờ chiều. Em cứ nói là muốn xem lễ để chuẩn bị hôn lễ với Pierre. Nhất định cha mẹ em sẽ đồng ý...”

Khi tôi huỷ xong bức thư trong cầu tiêu rồi chạy ra thì đúng lúc chị Hai Huệ đứng dậy, cung kính nói với mẹ tôi: “Dạ thưa bác, con xin lỗi bác!” Nói rồi chị ra về. Tôi bước theo song bị mẹ tôi ngăn lại. Trong đầu tôi ong ong câu hỏi của chị; sao lại hẹn tôi ở Nhà thờ Đức Bà, chứ không phải ở chùa? Làm sao tôi có thể đến đó vào lúc 4 giờ chiều mai? Tôi nhìn các chị bạn gái cầu cứu, nhưng không ai có thể giúp được tôi. Họ lần lượt ra về, để lại cho mẹ tôi sự hài lòng khiến tình hình trở nên thoải mái, dễ chịu hơn. Tôi đánh bạo nói với mẹ.

- Mẹ ơi, chiều mai mẹ đưa con ra Nhà thờ Đức Bà xem lễ nha mẹ. Con nghĩ thế nào Pierre cũng muốn làm hôn lễ trong nhà thờ, nên con muốn xem họ cử hành như thế nào...

Mẹ tôi dò xét nhìn tôi, vẻ mặt bà trở nên không bình thường, song tôi chẳng còn cách nào khác là cố sức tỏ ra thành thật. Không ngờ mẹ tôi đã đồng ý, còn sắm cho tôi chiếc áo dài trắng và đôi găng tay trắng. Và chiều ngày hôm sau, bỏ mẹ lại trong nhà thờ, khoác lên người một chiếc áo choàng màu đen, tôi đã theo chị Hai Huệ lên một chiếc xe kéo, hối hả đi về hướng Thị Nghè.

Chị Hai Huệ đã chuẩn bị hai chiếc thẻ căn cước giả cho cả hai người. Chuyển đi trót lọt mặc dù chúng tôi phải dừng lại rất nhiều lần ở các đồn canh từ cửa ngõ Sài Gòn cho đến Xuân Lộc, vì lính Pháp gia tăng kiểm soát, bắt bỏ người theo Việt Minh, thậm chí ngăn chặn việc tiếp tế thuốc men từ Sài Gòn về Xuân Lộc. Để lính canh không nghi ngờ, tôi và chị Hai Huệ đã cải trang cho thật già, thật xấu, trông như người nhà quê chính gốc, và hoàn toàn không mang theo tài sản gì. Anh cũng hiểu là, khi ra đi trong hoàn cảnh như thế, thì tôi hoàn toàn không thể mang theo thứ gì. Trong túi áo trong của tôi là tấm thẻ số hiệu của anh Trần Hồng Dương, vài cây kim may và cuộn chỉ đen của mẹ. Tôi mang chúng theo như mang tấm bùa hộ mệnh. Bộ áo dài màu trắng và đôi găng tay xinh xắn tôi dành để lại ở Thị Nghè, dành phụ tấm lòng đặt trên từng đường kim mũi chỉ của mẹ tôi.

Tôi đã đóng kịch rất đạt, trong trạng thái bình tĩnh đến không ngờ trong suốt chặng đường. Gần như tôi không còn biết sợ khi đi qua con đường ấy, khi nhìn vào mặt những người lính canh - cả người Pháp lẫn người Việt. Bởi tôi biết cuộc đời của tôi từ nay thay đổi. Mà nếu tôi không ra đi, nếu tôi ở lại Sài Gòn, thì cuộc đời cũng sẽ thay đổi, nhưng hoàn toàn ngược lại. Chị Hai Huệ thỉnh thoảng nắm lấy tay tôi, truyền bằng mắt sự động viên, khích lệ. Tôi tựa vào đó mà lấy thêm dũng khí. Không ngờ tôi đã rời bỏ cha mẹ, gia đình để ra đi trong một hoàn cảnh chóng vánh đến như vậy.

2.

Phillipe Leroy ngồi ở chỗ gần cánh máy bay. Nghe động cơ gầm rú hồi lâu trước khi máy bay nhấc mình lên không trung, anh nhắm mắt lại, chờ đợi cơn rung đó qua đi... Khi máy bay lên cao, anh mở mắt ra và ngắm nhìn cảnh vật bên dưới như thói quen của người đã quen với sự di chuyển, xê dịch. Đây là khoảng thời gian thú vị nhất đối với anh trong mỗi chuyến đi, vì anh được ngắm nhìn một khung cảnh rộng lớn, giữa cả trời và đất. Thành phố Hồ Chí Minh lúc này là một màu xanh đậm nét, với lấp lánh một con sông màu bạc siêu thực. Máy bay vừa bay qua những toà nhà lớn ở khu trung tâm, khi rải qua sông Sài Gòn, nó đã ở giữa những cánh đồng xanh, những hàng cây ven sông, và giờ đây hiện rõ cây cầu Sài Gòn màu trắng vươn dài trong không gian phẳng phất mây bay...

Đây là cây cầu họ đã qua lại trong những cuộc kiếm tìm, trốn chạy cách đây hơn 40 năm – sĩ quan Pierre Fournier, bà Thuỳ Mai, ông Trần Hồng Dương... Anh tự nói một mình khi máy bay bay một vòng trước khi ra biển. Bây giờ thì bà ấy đang ở trên giường bệnh, ở một góc bên kia thành phố. Bên cạnh chỗ ngồi của Leroy không phải là bà Thuỳ Mai như chặng đến, và anh chỉ có thể gặp lại bà trên đất Pháp. Nhưng để gặp lại cũng là một điều khó, vì bà chỉ cho biết là bà đang ở Lyon. Còn rất nhiều điều anh chưa hỏi được bà. Anh cũng không nói được lời tạm biệt với bà khi rời bệnh viện, vì lúc xe của Tổng lãnh sự quán đến đón anh thì bà Thuỳ Mai đang ngủ...

Phillipe Leroy mỉm cười vì kế hoạch bất thành của mình. Trong lúc ăn sáng ở căn tin bệnh viện, anh cố tình đổ thật nhiều nước trà vào ly sữa của mình, rồi cố uống cho hết, khiến bà Thuỳ Mai cũng phải bật cười và nhận xét: “Có vẻ như anh đã ăn uống tốt hơn, và đây rồi được căn bệnh rối loạn tiêu hoá. Tôi nghĩ bệnh viện sẽ cho anh xuất viện trong ngày hôm nay...” Giờ này đã là cuối buổi chiều rồi, anh phải lên máy bay, không có lý do gì để trì hoãn nữa. Câu chuyện của bà Thuỳ Mai vẫn chưa khép lại. Anh chỉ được biết rằng sau khi gặp lại ông Trần Hồng Dương ở mặt khu Hầm Hình, bà Thuỳ Mai đã quyết định ở lại, tham gia đội nữ tiếp vận. Trong khi người tình cùng Ban chỉ huy của chi đội 10 thuộc quyền của Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ cổ thủ tại đây, thì bà và nhiều người phụ nữ khác toả xuống những cánh đồng ở Xuân Trường, Xuân Bắc, hoặc xa hơn nữa, lên lút thâm nhập những đồn điền cao su, để tải lương thực, rải truyền đơn chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Bà Hai Huệ, do dày dặn kinh nghiệm thì làm giao liên, thường qua sông vào Chiến khu Đ, hoặc ngược về Sài Gòn để đưa thư, mật lệnh chiến đấu... Mỗi người một nhiệm vụ, một nơi ở khác nhau, nên họ rất ít khi gặp nhau. Vì lính Pháp hầu như tràn ngập khắp Xuân Lộc, chiếm gần hết quả núi Chứa Chan và đặt trạm thông tin trên đỉnh núi. Trong khi đó lính của Vệ quốc đoàn lại chiếm giữ một vùng chân núi phía Bắc và chuẩn bị đánh ra đường quốc lộ.

Nhưng đó cũng là khoảng thời gian họ cùng sống với một lý tưởng tươi đẹp, bằng tất cả sức sống của tuổi trẻ. Bà

Thuỳ Mai nói: “Đời sống vô cùng thiếu thốn, vô cùng nguy hiểm. Nhưng mà mọi người rất vui, còn tôi và anh Trần Hồng Dương thì rất hạnh phúc...” Đến năm 1947, trong một lần về Sài Gòn, bà Hai Huệ đã bị bắt, và không may là bị Pierre Fournier nhận diện được là một trong những người bạn của bà Thuỳ Mai - vị hôn thê hụt đến hai lần của anh ta. Bà Hai Huệ bị giam ở Khám lớn Sài Gòn, bị đánh đập, tra tấn hết sức dã man. Pierre dùng sức ảnh hưởng của mình để bắt cha mẹ bà Thuỳ Mai, lấy đó làm sức ép bắt bà quay trở lại. Bà chưa kịp làm đám cưới với Trần Hồng Dương thì ông đã mất tích trong một trận đánh vào đoàn tàu chở lương thực đi qua xã Bảo Chánh. Cuối năm 1947, lực lượng của Vệ quốc đoàn Nam bộ ở Xuân Lộc rút về Chiến khu Đ hết. Trên thực tế, nhiều đội dân quân cũng tan tác hết. Đội quân tải lương của bà Thuỳ Mai bị đứt liên lạc với chỉ huy, và chỉ còn ít người trụ lại được trong nhà dân ở khu vực này. Bà Thuỳ Mai kể rằng nhiều người nói nghe loa phóng thanh của quân Pháp réo tên bà ngoài đường lộ, nơi những trạm lính canh. Sau đó chính bà liều mạng đi ra đường lộ, trà trộn đến các trạm canh và nghe không chỉ tên bà, mà còn có tiếng khóc của cha mẹ bà kêu gọi đưa con lầm lạc trở về. Cho đến lúc quân Pháp tấn công, đốt cháy kho lương thực dự trữ ở mật khu Hầm Hình, đập phá chùa Bửu Quang, nơi Phillipe Leroy và bà Thuỳ Mai đã tá túc một đêm, thì bà đành quy hàng số phận, trở về với cha mẹ. Ông ký Thái, cha của bà dường như đã quyết định sang Pháp ngay vào cuối năm 1947 để chạy trốn sức ép, sự kết tội của chính quyền lúc đó. Nhưng đó là một sai lầm kéo

theo vô vàn đau khổ, thất bại nơi đất khách quê người. Vì trên đường sang Pháp, vợ chồng ông gần như mất hết tài sản tích lũy được ở Việt Nam. Đồng thời, ông cũng mất hết quyền lợi, lương bổng và trải qua hơn 17 năm bị chèn ép, khinh rẻ trong trại tị nạn. Trong khi đó, chính quyền Pháp còn trụ lại ở Nam kỳ đến tận năm 1954, những người đồng nhiệm của ông (cả người Việt lẫn người Pháp) còn được sống ung dung tại Sài Gòn đến tận khi đó. Không nói thì Leroy cũng hiểu, tất cả gánh nặng đời sống đã trút lên đôi vai bé nhỏ của Thuỳ Mai, cả nỗi khổ tinh thần lẫn vật chất. Cha mẹ của bà còn giam hãm con mình trong vòng vây mặc cảm, tội lỗi cho đến khi họ qua đời... bà mới được tự do sống theo ý mình.

Việc đầu tiên khi trở về Paris của Phillipe Leroy là tra cứu tài liệu về trại tị nạn của người Việt trên đất Pháp, nhất là về trại Grand Arènes. Thì ra, trại tị nạn này được thành lập năm 1944, trước khi gia đình bà Thuỳ Mai đến đó vài năm. Ngắm nhìn những dãy nhà dài và thấp trong những tấm ảnh tư liệu còn lại, anh chợt nhớ tới những lán trại ở đồn điền cao su theo lời kể của bà Thuỳ Mai. Tất nhiên là những ngôi nhà trong trại tị nạn không đến nỗi trống trước, rách sau, cũng không có cánh bóc lột, cướp bóc ô hợp. Nhưng nỗi u buồn mà những người tị nạn mang đến từ Bắc Việt, từ những khu rừng cao su bạt ngàn miền Đông Nam bộ, và cả ở Sài Gòn ngày ấy... dường như vẫn còn nguyên ở đây, nơi thành phố cảng Marseille. Nó thể hiện từ những nếp áo dài, cái vành khăn, chiếc túi vải của người

phụ nữ Việt; cho đến gương mặt, áo quần của những đứa trẻ (cả trẻ lai và trẻ thuần Việt) cùng chiếc bàn học của chúng. Leroy tự hỏi họ đã sống như thế nào trong những ngôi nhà này, bên trong dãy tường gạch và hàng rào kẽm gai kiên cố? Ở đó cũng có những nơi thừa tự, những góc làm nhà nguyện hay cả cái am nhỏ cho người Việt tới bái lạy những ngày lễ tết. Ở đó cũng có những nhóm chợ tự phát với vài bó rau, vài con gia cầm đã bị mổ bụng, chặt đôi, và giàn cây leo lơ thơ vài thứ quả dài thông xuống đất... Ở đó có cả một thế giới mà anh chưa từng biết, chưa từng nghe, nhưng chắc chắn có gắn bó mật thiết với cuộc đời của bà nội, một người sinh ra từ vùng đồng trũng phía Bắc.

Leroy lại tự hỏi vì sao mình lại không trải qua một ngày nào ở đây, hoặc một nơi tương tự? Vì 25% dòng máu trong người anh là người Việt, bà nội anh đích thực là một người đàn bà An Nam với chiếc khăn vành dây quần quanh đầu và cả một bộ răng đen nháy thỉnh thoảng thơm nồng mùi vôi sống. Nhưng Leroy, cha mẹ và ông bà của anh chọn lối sống hoàn toàn cách biệt, nên anh không có đủ ấn tượng sâu đậm như đối với bà Thuỳ Mai. Cũng có lẽ vì ông bà nội của anh đã định cư tại Pháp trước tất cả những biến cố xảy ra đối với thế hệ của bà Thuỳ Mai, nên tránh được cảnh sống tị nạn. Thời điểm anh học trung học ở thành phố Lyon chính là lúc bà Thuỳ Mai vừa đi khỏi trại tị nạn Grand Arènes, và làm giáo viên chưa lâu. Bà đã phải có một nỗ lực lớn đến thế nào để học lại ngành sư phạm và

thoát khỏi những bức tường và hàng rào kẽm gai ấy... Anh gần như là không hiểu nổi.

Nhưng tìm kiếm rất lâu mà Leroy vẫn không thấy dấu ấn nào liên quan đến bà Thuỳ Mai, cũng như những thiếu nữ Việt, trẻ tuổi, ở trại tị nạn. Anh có thể tìm thấy rất nhiều hình ảnh những thiếu phụ, bà già người Việt, cùng trẻ em Việt ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Nhưng hình ảnh thiếu nữ Việt, và cả đàn ông Việt, thì không thấy... Bằng óc phân tích của nhà báo, anh đặt câu hỏi không biết họ thực sự có ở đó không, hay phải sống ở một nơi nào khác? Hoặc là vì một tập quán nào đó, họ tuyệt giao với cuộc sống cộng đồng? Ngoài số ít hình ảnh đó, anh không tìm được gì khác, nhưng anh có thể yên tâm viết về một cô giáo đã về hưu tên M. trong đoàn công tác tại Việt Nam vừa qua.

Suốt mấy ngày liền, Leroy tư lự bên bàn làm việc, cho đến khi đặt dấu chấm hết cho loạt bài "Khám phá Việt Nam". Anh rất hài lòng với bài kết: "Ngày trở lại của cô giáo M.", và dự định sẽ liên lạc với bà Thuỳ Mai ngay sau khi bài báo được phát hành. Nhưng thật không ngờ, ngày ra báo trở thành một ngày địa ngục đối với anh, khi tên nhân vật chính được ghi rõ là Mai – Thuỳ Dobré, và nội dung do Leroy viết được thêm bớt, cắt xén vô tội vạ. Leroy kinh ngạc khi thấy bài viết mô tả bà Thuỳ Mai như một kẻ nói dối, đã lợi dụng việc được đi theo đoàn công du sang Việt Nam để làm những việc riêng tư; còn Pierre Fournier thì được vẽ nên như một người anh hùng đã xả thân vì nước

Pháp, và phải nhận về những đắng cay khi bị phụ tình, lừa dối và phá sản.

Đoạn kết được viết thêm như sau:

“Trong khi người cựu sĩ quan phải sống trong túng thiếu, nợ nần và đau khổ vì những kỷ niệm xưa cũ ở Đông Dương, thì bà Mai – Thuỳ Dobré lại nhân danh người tình và cả đứa con ngoài giá thú chưa bao giờ được nhắc đến, đã trở lại Việt Nam để tô vẽ cho một quá khứ đáng xấu hổ của mình. Liệu điều đó có thoả đáng đối với một cựu quân nhân đang bị bỏ quên hay không?...”

Leroy chụp lấy tờ báo trên kệ, đi thẳng đến phòng làm việc của nữ tổng biên tập – bà Martin Coline và đắm thẳng xuống bàn. Tờ báo rách toạc ra. Vẻ mặt của người đàn bà thép ấy không biến đổi, khiến cho anh nhớ lại cách bà nhìn anh lúc giao cho anh theo đoàn tham tán về Việt Nam. Anh hỏi:

- Có phải chính bà đã sửa bài viết của tôi, đúng không?

- Đúng! – Bà Coline thừa nhận, môi bà hơi trề xuống, ánh mắt màu xanh ngọc bích nhìn thẳng vào anh sắc như một ánh dao. Leroy không kìm chế được, anh gay gắt cất tiếng.

- Bà biết cả hai người, bà Thuỳ Mai và ông Pierre Fournier, đúng không?

- Đúng vậy.

Leroy thu tờ báo lại, giọng nói của anh dịu xuống, nhưng khuôn mặt đanh lại.

- Vậy thì không có gì để nói nữa, tôi sẽ khởi kiện tờ báo vì tội xuyên tạc sự thật.

Bà Coline chợt cười. Gương mặt đầy tàn nhang hiện lên vẻ vui thích kỳ lạ. Bà nói với Leroy bằng một giọng bông đùa chưa từng có:

- Đó là một ý hay, vì tôi có thể mở một loạt bài điều tra phóng sự trên tờ báo của tôi, nhờ vào sự quan tâm của toà án đối với vụ việc này.

Anh nhắm mắt trong một khoảnh khắc khá lâu để tiếp nhận thông điệp này của bà chủ bút. Khi mở mắt ra, anh thấy nụ cười giấu cợt trên môi bà đã tắt, mà thay vào đó là cái nhìn dò xét lạ lùng. Không thể muợn hơn được nữa, anh nói:

- Thưa bà chủ bút, tôi nghỉ việc từ hôm nay. Vĩnh biệt bà...

Leroy buông tờ báo xuống bàn rồi bước đi. Nhưng bà Coline ngăn lại bằng một cái khoát tay, giọng nói trở nên nhẹ nhàng hơn:

- Khoan đã, Leroy, anh không cần biết vì sao tôi làm như thế sao?

- Có lẽ là không, vì tôi và bà vốn có cái nhìn khác hẳn nhau về một sự việc, một con người. Và tôi không có thói

quen chấp nhận một sự áp đặt sai lệch từ người khác, nhất là từ bà...

- Leroy!

Bà Martin Colline đột ngột hét to lên, quăng tất cả những tờ giấy đang cầm trên tay xuống sàn. Thêm vài tiếng hét rất kích động vang lên giữa không gian mùa đông lạnh lẽo còn chưa chuyển sang mùa xuân, bà ta kêu to lên:

- Anh đã yêu người phụ nữ Việt đó rồi, phải không?

Đang toan bỏ ra khỏi phòng, Leroy hơi sững người đứng lại. Mắt anh lấp lánh nhìn bà ta, đáp trả cái nhìn cuồng nộ của bà, nhưng lại không thể có được cái vẻ giễu cợt, đắc thắng của bà ta cách đây vài phút.

- Xin lỗi bà, tôi không muốn trả lời câu hỏi đó.

- Anh phải trả lời, sau khi đã có một thời gian dài quen biết tôi, và làm việc với tôi ở tòa báo này. Có lẽ không cần phải nhắc những cơ hội tôi dành cho anh, và một điều dễ hiểu là lý ra anh phải chấp nhận một vài điều kiện kèm theo. Nhưng anh đã không *fairplay*¹, mà trái lại, đã sẵn sàng rũ áo ra đi vì một người phụ nữ già hơn anh gần 20 tuổi, có một quá khứ chẳng ra gì... Và nhất là lại chỉ mới quen biết trong một chuyến đi công tác. Tôi có thể bỏ qua việc anh cố tình ở lại Việt Nam cùng bà ta mấy ngày như vậy, nhưng tôi không bỏ qua việc anh bắt chấp các lợi ích chung và riêng của chúng ta, để bảo vệ cho lợi ích một

¹ Chơi đẹp (tiếng Anh)

nhân vật không đáng được tôn vinh. Tôi bất ngờ vì cách anh viết, lý giải vấn đề, song vì thời gian không cho phép trao đổi kéo dài, nên tôi đã xử lý lại. Đồng thời, tôi cũng cho anh hay rằng tôi có đủ chứng cứ để sửa đổi nội dung như thế. Anh nên xem lại bài viết, không chỉ có bút danh của anh đứng ở cuối bài viết này...

Bà Martin Coline nhìn Leroy không chớp mắt, càng nói giọng bà càng danh thép. Leroy im lặng mở lại tờ báo và xem một lượt. Sau đó anh nói:

- Bà Coline thân mến! Bà có quyền mạt sát tôi, nhưng bà không có quyền làm như thế với nhân vật của tôi. Dù sao tôi cũng đã có một bài học lớn trong nghề nghiệp của mình. Xin chào bà...

- Khoan đã, Leroy! Anh không thắc mắc vì sao tôi biết cả hai người, bà Thuỳ Mai và cựu sĩ quan Pierre Fournier sao?

- Tự tôi sẽ tìm hiểu điều này.

3.

Liên hệ lại với đoàn công tác vừa đến Việt Nam, Leroy có ngay địa chỉ và số điện thoại của bà Thuỳ Mai (trong danh bộ có tên là Mai Thuỳ – Dobré Lê). Cuộc gọi diễn ra chóng vánh hơn anh nghĩ, vì bà Thuỳ Mai cho biết vừa về đến thành phố Lyon. Bà đã rút khỏi việc viết sách, đồng thời sức khoẻ, tinh thần "rất ổn". Anh hỏi bà có đọc bài viết vừa đăng ngày hôm qua không, thì bà trả lời: "Tôi không

quan tâm!” rồi gác máy. Leroy hiểu mình đã vô tình gây tổn thương đến bà Thuỳ Mai như thế nào...

Ở tuổi 43, Phillipe Leroy sẵn sàng làm một chuyến di trú mới, song anh không nghĩ điều đó diễn ra tình cờ đến vậy. Sau đó một tuần, khi ngồi trên tàu điện thẳng tiến đến Lyon, anh nhận ra những chuyến di trú thực ra là phần đời không thể thiếu của anh. Vì tuy sinh ra và lớn lên ở nước Pháp, nhưng 25% dòng máu Việt đã tạo ra sự khác biệt lớn giữa anh và mọi người. Cha anh đã không để lại cho anh nhiều ký ức, khi ông quyết định từ giã cuộc đời từ khi còn rất trẻ. Anh sống cách biệt với người thân, tự lập từ rất sớm, không băn khoăn về cội nguồn, cũng không muốn thay đổi bất cứ điều gì, kể cả bản thân mình. Vậy mà cuối cùng anh vẫn phải tìm về quá khứ, dù đó chỉ là một mối liên hệ rất lỏng lẻo, mơ hồ trong đời anh.

Leroy đến khu La Croix – Rousse vào lúc 4 giờ chiều ngày 30 tháng 1 năm 1988. Chiều thứ bảy, không khí mùa xuân dịu mát. Những khu dẹt may đồng loạt đóng máy, rất đông người phóng ra đường với vẻ thanh thoi, thoải mái. Và từ chiếc tàu điện leng keng, anh nhìn thấy rõ mồn một những chiếc cầu thang trắng muốt bắt chéo nhau trên những ngọn đồi xinh đẹp. Anh nghe tiếng nhạc luân vũ vang lên từ trên những tầng nhà cao, và không khỏi vừa đi vừa chụp ảnh cho đến khi tìm đến địa chỉ của bà Thuỳ Mai. Leroy mỉm cười với ý nghĩ mới cách đây vài tuần, anh đã cùng bà lang thang ở một nơi chốn xa lạ mà rất thân thuộc. Người thiếu nữ mười sáu tuổi ở nơi chốn ấy và bà giáo già

về hưu ở đây là một. Thực ra con người mới thực sự làm nên quê hương, bởi nếu không có dấu tích con người để lại, thì những xứ sở dù đẹp đẽ, thanh bình đến đâu cũng trở nên trống rỗng...

Leroy! Anh không có quê hương vì anh không để lại dấu tích gì ở những nơi đời anh đã sống.

Đến gần ngôi nhà nhỏ, biệt lập với những chung cư có cầu thang trắng muốt, anh cẩn thận xếp máy ảnh vào chiếc ba lô của mình, rồi tiến đến gần cánh cửa gỗ được sơn màu xanh lá. Bấm chuông và đứng đợi, giây phút sau có một cô gái nhỏ nhắn chạy ra mở cửa cho anh. Leroy nhận ra ngay đó là một cô gái gốc Việt, thân hình cô trông rất gọn gàng với bộ váy màu đen, chân đi một dép bọc vải hình tai thỏ màu hồng hết sức đáng yêu. Hơi ngại ngùng vì không biết cô gái là ai, anh tự giới thiệu luôn:

- Tôi là Phillipe Leroy. Tôi muốn tìm bà Thuỳ Mai...

Cô gái cười rất tươi, rồi hướng vào trong nhà gọi bà Thuỳ Mai. Sau đó, cô kiễng chân mở chốt cửa để mời anh vào nhà. Đó là một căn nhà nhỏ bày biện nội thất theo kiểu Pháp, với một bộ sofa bọc da màu kem rất đẹp; nhưng những tấm ảnh treo trên tường mang phong cách người Việt. Căn nhà nhỏ phảng phất mùi hương. Leroy thấy ở trên cao, nơi trang trọng nhất trong phòng có đóng một chiếc kệ gỗ làm bàn thờ, được phủ vải y như bàn thờ của bà Hai Huệ ở Việt Nam. Nhưng ở trên đó có tới ba bức chân dung, một nữ và hai nam, trong đó có một người đàn ông

còn khá trẻ. Leroy tò mò quan sát và nhận thấy bà Thuỳ Mai rất giống người phụ nữ ấy, xét về độ xinh đẹp có lẽ còn thua kém một chút. Nhưng anh không nhận ra nét tương đồng nào giữa người phụ nữ này với những người còn lại. Anh đang băn khoăn nhìn quanh thì thấy một đứa bé trai trần truồng vừa chạy vừa cười khanh khách từ nhà dưới chạy lên phòng khách. Bà Thuỳ Mai với một chiếc khăn lông chạy theo và gọi tên đứa bé. "Bình An! Bình An!" Đứa bé vẫn chạy, và ôm choàng lấy một bên chân của anh, cái miệng hớn hở của nó khoe ra hàm răng nhỏ xíu, ánh mắt tươi cười nhìn anh như đã quen biết từ lâu. Cậu bé mới khoảng hơn ba tuổi, là một đứa con lai với mái tóc hung vàng, nhưng khuôn mặt cũng đậm chất Á Đông, chân tay và dáng người nhỏ nhắn, mềm dẻo. Tuy vậy, cái tên của cậu bé thì là của người Việt không lẫn đi đâu được.

Bị bất ngờ, bà Thuỳ Mai hơi khựng lại, đứng nhìn anh mà quên cả cái khăn đang mở ra trên tay. Anh nghiêng đầu chào bà, rồi ẵm đứa nhỏ lên trao cho bà, để bà tiếp tục chăm sóc cho nó.

- Thưa bà...

- Chào anh!

Đứa bé im lặng một lát, rồi chợt tiếp tục cười khanh khách trong lúc bị bà Thuỳ Mai cuốn vào chiếc khăn lông rồi bế bổng lên. Cô gái trẻ chạy lại đón lấy đứa nhỏ, đưa vào bên trong.

- Thưa bà...

Leroy lúng túng không biết bắt đầu như thế nào. Nét mặt bà Thuỳ Mai cũng có vẻ căng thẳng. Sau đó, chính bà lên tiếng trước, nhưng với cách nói hơi lạnh lùng, xa cách:

- Anh không cần phải xin lỗi tôi, vì tôi ổn. Rất ổn. Ở đây mọi người hiểu tôi, và tôi có nhiều học trò thăm hỏi, giúp đỡ. Chúng tôi vẫn sống trong sự vui vẻ nhất có thể.

Nhưng cách nói ấy có gì thực sự không ổn. Leroy nghĩ vậy, nhưng không tiện trả lời. Bà Thuỳ Mai mời anh ngồi xuống sofa, rồi tự tay pha nước trà mời anh uống. Điều này gợi nhớ đến buổi sáng chủ nhật đẹp trời ở trong một khách sạn nhỏ gần núi Chứa Chan. Ước gì điều đáng tiếc về bài báo chưa hề xảy ra, mọi thứ vẫn êm đềm như buổi sáng chủ nhật đầy kỷ niệm ấy...

Hai người ngồi khá lâu trong im lặng, không nói gì cả. Cho đến lúc đứa bé trai lại chạy ào ra, nhào vào lòng bà Thuỳ Mai và nũng nịu nói điều gì đó - bằng tiếng Việt. Bà ôm và vỗ về cậu bé bằng sự dịu dàng, ngọt ngào đến không thể tưởng tượng nổi, gần như quên đi sự hiện diện của anh. Đứa bé nhịp nhịp chân, hưởng thụ sự yêu chiều của bà Thuỳ Mai dành cho nó. Rồi bỗng nhiên nó ngẩng lên, nhìn sang anh và hỏi anh bằng tiếng Pháp:

*-Monsieur, comment vous appelez - vous?*¹

Leroy hơi bất ngờ, anh mỉm cười đáp lại câu hỏi của đứa bé. Nó nháy xuống đất, chạy sang anh rồi đặt tay lên

¹ Thưa ông, ông tên là gì vậy?

đùi anh, lặp lại câu hỏi một lần nữa. Nhìn đôi mắt sáng ngời của nó, anh thấy mình bị phân tâm kinh khủng. Anh gượng gạo ôm cậu bé vào lòng, nói với nó cái tên của mình.

- Ông đến thăm bà nội hay là đến thăm cháu? - Cậu bé hỏi tiếp.

Leroy nhìn cậu bé rồi mỉm cười nói đùa:

- Rất hân hạnh được làm quen với cháu.

Cậu bé cười rất vui, rồi trườn ra khỏi lòng Leroy, ngồi sang bên cạnh anh với vẻ rất giống người lớn và bắt đầu hỏi chuyện anh. Hai người đàn ông, một lớn một nhỏ, ngồi trò chuyện trước sự quan sát rất độ lượng của bà Thuỳ Mai. Bà im lặng nghe đứa cháu nhỏ vắn hỏi Leroy về mọi chuyện, và đã mỉm cười. Anh cảm thấy mừng vì thấy nụ cười đó của bà, và cũng nhận thấy cậu cháu trai này có vẻ cô đơn, già trước tuổi. Anh lựa lời đề nghị bà Thuỳ Mai:

- Thưa bà, tôi có thể đưa cậu bé xuống đồi, đi ăn kem và dạo chơi tàu điện vào tối nay không? Bây giờ đã là chiều thứ bảy rồi...

Cậu bé hấp háy đôi mắt tinh anh, sáng ngời nhìn Leroy với vẻ tin tưởng lạ kỳ. Nghe đến chuyện ăn kem và dạo chơi tàu điện, cậu bé giơ hai tay lên trời, tung người nháy trên sofa.

- Ô, yeah! Bà nội đi cùng với con và ông Leroy nhé!

Sự vui mừng rạng rỡ của cậu bé khiến bà Thuỳ Mai bất ngờ, nhưng bà có vẻ rất vui, thái độ lạnh nhạt dành cho anh lúc ban đầu dần dần giảm đi. Bà nói với đứa bé:

- Nhưng con và ông khách phải ăn tối trước đã...

- Không, không... Con muốn ăn tối ở công viên - Cậu bé khẳng khẳng trả lời – Con muốn bà nội và ông Leroy ăn tối ở công viên giống như con...

- Xin bà cho phép... cũng là cho tôi một cơ hội trò chuyện với bà...

Leroy nói nhanh vì biết bà Thuỳ Mai sẽ xiêu lòng. Anh biết tâm trạng của bà đang nặng nề u uất, có thể bà sẽ không tha thứ cho anh, dù anh có giải thích đến thế nào đi nữa... Trước khi đến đây, anh nghĩ bà sống rất bi đát bởi sự thiếu vắng tình thân. Nhưng bước chân vào ngôi nhà này, anh cảm thấy ấm lòng hơn, vì ngôi nhà nhỏ xinh đẹp và cậu cháu trai lém lỉnh của bà. Anh bắt đầu tin lời bà chủ bút Coline việc bà có một đứa con trai ngoài giá thú, nhưng vẫn hoàn toàn không tin lời kết tội bà là một người giả dối và hám danh, hám lợi...

Bà Thuỳ Mai cũng không do dự lâu, nghe Leroy đề nghị, bà nhẹ nhàng gật đầu với sự độ lượng và dịu dàng, rồi bảo anh chờ để bà gọi Marin Nhung – cô học trò cũ đang ngồi ở dưới bếp – cùng đi cho vui. Bà vẫy tay gọi nhỏ: “Bình An, Bình An!” và cậu bé nhanh nhẩu chạy đến ôm lấy bà, giục bà thay quần áo cho đẹp để đi chơi tàu điện cùng với nó. Leroy đứng đợi mọi người ở cửa sổ, nơi có thể

nhìn xuống một khu chế xuất đông vui và con đường nhỏ xinh bao bọc quanh một ngọn đồi khác. Anh chợt nghĩ nơi đây giống như một thành phố trong truyện cổ tích hơn là đời thực, nó phù hợp với cậu cháu trai Bình An hơn là với bà Thuỳ Mai. Bà là người thuộc về một thế giới khác, sống ở một nơi đẹp đẽ như thế này chưa chắc đã là niềm vui. Anh lặng lẽ mỉm cười với ý nghĩ: Anh không thể cùng với bà đi suốt đêm trong những con phố, kênh rạch ở Sài Gòn; nhưng lại có thể đi suốt đêm cùng với cậu nhỏ này trên tàu điện ở khu La Croix – Rousse và khắp cả thành phố Lyon, đưa cậu nhỏ đến quảng trường và viện bảo tàng, hoặc lang thang ở những khu phế tích của đấu trường ngày xưa. Hẳn là cậu nhỏ sẽ thích thú lắm, và bà Thuỳ Mai sẽ hài lòng. Nhưng có thể làm lại được, anh sẽ đi theo bà Thuỳ Mai lang thang khắp Sài Gòn và những nơi bà đã sống trước khi sang Pháp. Đó là quãng thời gian ngắn ngủi, nhưng vô cùng có ý nghĩa trong cuộc đời bà. Anh đã không đủ hiểu biết để chia sẻ, và cũng không đủ bình tĩnh khi tìm cách đưa câu chuyện của bà lên mặt báo.

Cả bốn người cùng bước xuống đồi, nhưng rồi Marin Nhung chia tay để đi với bạn - một anh chàng đi mô tô đang đợi sẵn. Cậu bé Bình An mừng ra mặt vì được nắm tay cả hai người, và nó bắt đầu hỏi Leroy về những thứ xuất hiện trên đường đi. “Ông Leroy, vì sao người ta lại để cái thùng rác ở đây? Tại sao cái nhà kia màu xanh? Xe điện đứng chờ ở đâu...?” Bà Thuỳ Mai phải nhắc:

- Con à, ông Leroy mệt rồi, con đừng hỏi nữa...

- Không sao đâu bà, cậu bé rất thông minh. Có lẽ bà đã chăm sóc và giáo dục Bình An rất tốt...

Bình An đường hoàng bước lên xe điện, kể từ phút ấy, đôi mắt cậu bé chiêm lĩnh lấy thành phố, khuôn mặt tươi sáng ngất ngây trước những khúc quanh của đường phố bên ngoài. Cậu bé không chịu cho bà Thuỳ Mai ôm lấy eo mình, tuy có vẻ như bà rất sợ cháu mình thất lạc. Bà nói với Leroy:

- Tôi muốn bù đắp cho Bình An, vì những thiếu thốn, mất mát của cha nó ngày xưa. Tôi đã không nói với anh về đứa con ấy của mình, nhưng không phải là tôi đã nói dối anh... Anh muốn đến đây để xác minh sự thật theo mệnh lệnh của chủ bút tờ báo phải không? Anh có thấy sự thật sinh động của đời sống này không? Cách đây vài hôm tôi định sẽ ra đi, không để lại vết tích gì để cho đứa bé này được sống một cuộc sống bình thường nhất. Nhưng sự xuất hiện của anh khiến cho tôi nghĩ lại, tôi sẽ đương đầu tới cùng để bảo vệ mình. Đó là cách duy nhất tôi bảo vệ đứa cháu bé bỏng của tôi.

Leroy ân hận ngồi im, nhìn ra ngoài qua chòm tóc của Bình An. Anh nhìn cánh tay bà giơ ra nửa chừng mà không dám chạm vào người cậu bé, vì sợ cậu bé gạt ra. Anh là người đã phá nát cái hạnh phúc còn lại của người phụ nữ quả cảm này, khiến cho bà phải chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới trong tâm thế cô đơn, hệt hăng. Bây giờ hoặc không bao giờ... Anh nghĩ thầm rồi vươn tay ra, nắm lấy cánh tay bà Thuỳ Mai đang canh chừng đứa cháu để xiết

chặt. Anh vòng tay ôm chặt thân hình bé nhỏ của bà vào lòng, và cổ trắn tĩnh để thì thầm nói với bà:

- Tôi xin lỗi bà, tôi chỉ đến đây để xin lỗi bà, ngoài ra không có lý do nào khác. Tôi đã nghĩ việc ở tù báo, và có thể sẽ giải nghệ vì những lỗi lầm mình đã gây ra. Bà có thể tha thứ vì tôi là một người bạn của bà không?

Trong lúc tim đập rất mạnh trong lồng ngực, hơi thở bấn loạn, anh nhận ra mái tóc của bà thoang thoang mùi chanh tươi nghe tươi mát, dịu dàng khôn tả. Sau một thoáng ngỡ ngàng, bà nhẹ nhàng gỡ tay anh ra, và lại giơ cánh tay ra để bảo vệ cho đứa cháu, rồi nói:

- Không sao đâu Leroy ạ. Tôi hiểu lòng thành của anh rồi. Mà tôi đã nói với anh, tôi sẽ ở lại Lyon chứ không trốn chạy đi đâu cả.

- Nếu bà đã tha thứ, thì xin bà hãy mỉm cười một chút với tôi... Phải không Bình An, tôi đã có lỗi với bà của cháu, tôi rất mong được tha thứ, bằng một nụ cười...

Cậu bé Bình An quay lại, nghiêng đầu nghe câu nói của anh rồi mỉm cười, gật đầu. Cậu bé hướng cái nhìn trong veo về phía bà nội, tỏ vẻ đang chờ đợi nụ cười ấy. Bà Thuỳ Mai gật đầu rồi mỉm cười. Leroy cảm động nắm lấy tay bà mà hôn:

- Cảm ơn bà.

Xe điện dừng ở khu mua sắm. Cậu bé Bình An lại lôi tay hai người, kéo xuống cửa hàng để chọn kem và bánh

ngọt. Nhìn cậu bé thấp nhỏ đứng kiểng chân bên tủ kem tự chọn, bà Thuỳ Mai lặng lẽ mỉm cười, và lên lau nước mắt. Nhưng Leroy rất tinh ý, anh chọn cho cậu bé hộp kem chocolat, rồi lấy cho bà một hộp kem có mùi vị lavande với những hạt chocolat màu tím.

- Có vẻ như Bình An ít được xuống phố, phải không bà?

Bà Thuỳ Mai lại quay đi để quệt nước mắt thật nhanh, rồi gật đầu đáp:

- Đúng vậy, Leroy ạ. Thịnh thoảng Marin Nhung đến và chúng tôi đưa Bình An đi chơi, nhưng cũng có khi cô ấy đến thì tôi lại không thể đi được. Thời gian gần đây tôi bị bệnh đau khớp...

Đến lượt Phillipe Leroy quay đi để tránh biểu lộ cảm xúc của riêng mình. Bởi cũng tại thành phố này, anh đã lớn lên giống như Bình An, rồi đã rời đi, trôi dạt đến nhiều thành phố ở châu Âu, trước khi về Paris vào 8 năm trước. Nhưng anh chưa bao giờ có được nụ cười tươi rạng rỡ như của Bình An, anh chưa bao giờ kịp có niềm vui đó cho riêng mình. Còn họ - bà Thuỳ Mai và cậu bé Bình An - họ ở bên nhau dù chẳng biết đến bao giờ thì từ biệt. Anh biết bà Thuỳ Mai suy nghĩ hàng ngày về điều đó. Và chính tay anh gián tiếp làm cho tình cảnh này thêm bi đát, tuyệt vọng.

- Ông Leroy! Đi thôi, đi đến công viên nhanh đi!...

Cậu bé Bình An giục giã. Anh vội vàng xin lỗi rồi cùng hai bà cháu lên lại tàu điện. Tâm trạng bà Thuỳ Mai có vẻ

tốt hơn, bà chậm rãi thưởng thức ly kem lavande màu tím nhạt, khi đôi mắt bà cười vui có nét rất giống Bình An. Cậu bé mời anh ăn chung hộp kem, rồi đề nghị:

- Lát nữa ông Leroy chơi trò chơi cọn gà với cháu nhé. Mỗi người một ghế đây...

Anh gật đầu tán thành mặc dù chưa hiểu đó là trò chơi gì. Nhưng bà Thuỳ Mai vội gạt đi ngay:

- Không nên chơi trò đó, Bình An. Bà nội không đồng ý đâu...

Nhưng dù bà đã nghiêm nét mặt, Bình An vẫn vui thích nhún nhảy, đu đưa thân hình bé nhỏ của mình bên cạnh khung cửa tàu điện. Đến công viên, cậu bé dẫn anh tới ngay khu vui chơi và Leroy hiểu ra trò chơi "con gà" chính là chơi đu bay tập thể, hàng chục người ngồi trong lòng một con gà khổng lồ để cho nó lắc mạnh trên không trung. Thật lạ lùng là cậu bé Bình An lại muốn được ngồi lên đó một cách cuồng nhiệt; cậu xin xỏ, van vỉ rồi dùng cả nước mắt để được chơi trò chơi ấy, và lôi kéo Leroy chơi cùng. Anh lưỡng lự một lúc, cho đến khi thấy có vài cậu bé trạc tuổi Bình An được đưa lên đó, anh bèn xin phép bà Thuỳ Mai rồi mua vé cho hai người. Cậu bé Bình An đắc thắng đưa tay lên môi hôn gió để tạm biệt bà nội, rồi kéo Leroy leo lên con gà trống khổng lồ bằng niềm vui của một người đi chinh phục.

Trò chơi chỉ kéo dài 3 phút. Sau đó, trong khi Bình An hoàn toàn tỉnh táo, vui cười rời chiếc ghế của mình thì

Leroy cảm thấy nôn nao, khó chịu. Xuống tới mặt đất, dường như chân anh đứng không vững, mắt anh lơ mơ nhìn những cái đầu nhấp nhô giữa một khoảng không đầy những sắc màu. Anh chỉ nhìn thấy rõ cậu bé Bình An đang nhảy nhót phía trước như một con thỏ nhỏ, rồi đến lượt bà Thuỳ Mai xuất hiện như bóng ma hư ảo giữa một khu rừng mênh mông. Anh cúi đầu xuống để không bị chạm mạnh vào lớp không khí hoá thạch bên trên, toàn thân cứ muốn bay đi như con chim bị mắc lưới. Anh chỉ bừng tỉnh khi nghe tiếng bà Thuỳ Mai kêu nho nhỏ:

- Bình An! Ông Leroy không được khoẻ. Con dừng lại, ông ấy bị chúng sợ độ cao rồi...

4.

Mở mắt ra, anh nhận thấy mình đang nằm trên một chiếc giường nhỏ, thơm tho. Ánh trăng tuôn vào phòng qua cửa sổ mở rộng. Ngoài nguồn ánh sáng tràn trề và hư ảo ấy, toàn bộ ngôi nhà chìm trong im lìm, lặng lẽ. Trời khá lạnh, nhưng sao cửa sổ lại mở? Phải định hình trong vài phút, Leroy mới nhớ ra là mình đang ở nhà của bà Thuỳ Mai, nhờ bức ảnh bé Bình An treo đối diện giường ngủ. Nghe tiếng kim đồng hồ chậm rãi vang lên trên đầu, anh cố giơ đồng hồ tay ra để xem, và nhận thấy thời gian đã hơn 1 giờ sáng.

Tuy đầu óc lơ mơ, anh vẫn cố hồi tưởng lại mọi chuyện kể từ lúc nghe tiếng bà Thuỳ Mai nói rằng anh đang “sợ độ cao”. Không thể nhớ lại chính xác điều gì, chỉ là cảm

giác vừa trôi đi bỗng bênh, vừa bị ghì trối đến tức thở. Hình như bà Thuỳ Mai đã đưa tay ra, dìu anh đi, còn cậu bé Bình An lúp xúp chạy phía trước, thỉnh thoảng lại quay đầu lại để nhìn anh. Ngồi trên tàu điện, cảm giác của anh vẫn không khác hơn, vì vẫn có rất nhiều đầu người lộ nhỏ dưới ánh đèn sáng trắng. Cả những lớp cầu thang màu trắng đan chéo nhau trên ngọn đồi nhỏ cũng khiến anh cảm thấy mình bị mắc bẫy. Anh trở nên “sợ độ cao” thực sự ư? Sao bao nhiêu năm di chuyển bằng máy bay và đã từng chinh phục rất nhiều ngọn núi dọc theo nước Pháp và châu Âu. Và ngọn núi gần đây nhất chính là ngọn núi Chứa Chan...

- Không khí ở núi thường rất lạnh, không như ở nhà tôi lúc nào cũng nóng bức, ngột ngạt bởi những lớp rèm vải, bình phong... - Bà Thuỳ Mai đã kể với anh như vậy – Vào mùa mưa, sau một ngày tải lương mệt mỏi, khi về tới căn cứ, tôi thường lăn ra ngủ, để rồi thường hay giật mình tỉnh giấc giữa đêm. Mỗi lần anh Trần Hồng Dương đến thăm tôi, hoặc tôi đến thăm anh qua hệ thống đường hầm xuyên qua mật khu Hầm Hình, tôi chỉ ao ước được anh ôm chặt trong lòng cho ấm. Anh để dành bộ quần phục mới cho tôi mặc, còn bản thân anh suốt mấy năm liền chỉ mặc một bộ quần phục cũ rách. Thế là ngoài bộ bà ba thường ngày, tôi hơn nhiều chị em khác ở chỗ có thêm một bộ quần phục rất oách, tuy hơi giống đàn ông một chút.

Nhưng ở Việt Nam, ngoài những tháng mưa còn có những tháng nắng cháy người. Anh đã nếm trải cái nắng nóng ở núi Chứa Chan rồi đó. Đếm trên đầu ngón tay, tôi

được ở bên cạnh Trần Hồng Dương hai mùa nắng và một mùa mưa, để rồi cuối năm 1947, tôi sang Pháp và trải qua một mùa đông khủng khiếp nhất trong đời. Chúng tôi đói khổ, thiếu thốn về vật chất, nhưng tình yêu thì đầy ắp, ngọt ngào và thiêng liêng vô cùng. Vì chúng tôi chia sẻ với nhau mọi thứ, từ cảm nhận nhỏ nhất đến những điều lớn lao nhất trong đời. Anh Trần Hồng Dương là một người biết mang tình yêu đến cho tôi, biến nó thành thức ăn, khí trời cho tôi. Vì vậy mà khi đã phải xa anh, xa quê hương, đất nước, tôi vẫn còn nguồn dưỡng chất tinh thần ấy để mà sống, mà làm việc...

Cũng có lần chúng tôi đi lên ngôi chùa Bửu Quang ở lưng chừng núi để làm nhiệm vụ. Đó là những kỷ niệm vô cùng đẹp đẽ bởi tôi được ở bên cạnh anh, chia sẻ công việc với anh, cùng uống, cùng tắm trong nguồn nước mát lạnh chảy ngầm trong núi, cùng đi hái trái cây, rau rừng... Và nhất là cùng ngồi ở lưng chừng núi nhìn khắp vùng đồng bằng Xuân Lộc, để nói về tương lai của cả hai. Phillipe Leroy, anh phải biết là trong lúc chúng tôi ngồi bên nhau như thế, thì ở trên đỉnh núi, đồn trú của Pháp vẫn nằm đó sừng sững. Dưới chân núi cũng có trạm kiểm soát, và đồn canh của họ rải rác khắp nơi lẫn trong cái màu xanh bất tận ấy. Trong khi đó, bộ chỉ huy của Chi đội 10 đang trú ẩn ở khu núi đá Hầm Hình. Bên dưới sự im lặng lạnh lẽo của đá là cả một cuộc sống sôi động lạ kỳ. Anh Trần Hồng Dương đã đưa tôi tới một khu qua đường hầm ấy, để giới thiệu tôi với chỉ huy trưởng của anh ấy, ông Huỳnh Văn Nghệ.

Thậm chí chúng tôi đã định ngày cưới vào tháng 7/1947, nhưng lễ cưới không thành vì chính sự mất tích của anh ấy. Anh Dương đã hẹn tôi sau trận đánh vào đường sắt ở Bảo Chánh, toàn quân sẽ rút về Chiến khu Đ, anh sẽ đưa tôi về đó sinh sống lâu dài...

Chiến khu Đ lúc đó đối với tôi còn xa lạ, vì tôi chưa từng được đến. Nhưng anh Ba Dương và chị Hai Huệ thì đã qua lại nhiều lần để làm nhiệm vụ. Đội thợ sắt rèn binh khí do ông Tám Thu, cha chị Năm Quỳnh đưa về Xuân Lộc giúp cho Việt Minh, sau đó cũng đi sâu vào Chiến khu Đ, trở thành một công binh xưởng rất tài ba, có thể chế tạo nhiều loại vũ khí, đạn nổ. Nhiệm vụ của tôi khá nhẹ nhàng, vì tôi vốn yếu ớt, chậm chạp, lại có vẻ ngoài của một cô tiểu thư khuê các. Đó là khâu vá, dạy học, và vận chuyển các loại thuốc men. Vì thực hiện nhiệm vụ này mà không ít lần tôi phải đi qua đồn canh của Pháp, nói chuyện với lính Pháp. Vậy mà tôi đã không hề chạm mặt Pierre Fournier, không bị phát giác và bị bắt; nhưng chị Hai Huệ lại rơi vào bẫy của hắn trong một chuyến đi từ Chiến khu Đ ra. Và rốt cuộc là anh Trần Hồng Dương đã không thể thực hiện lời hứa với tôi, vì sau trận Bảo Chánh anh mất tích. Đồng đội kể lại có thể anh đã chết vì trái bom tự chế nặng trên 60kg chât nổ ngay trên đường ray, để lại cho tôi một căn hầm trang hoàng đầy lau trắng chuẩn bị làm phòng cưới. Anh đã thức suốt mấy đêm liền để bện hoa lau thành tên tôi và tên anh dính lại với nhau, và điểm vào đó những bông hoa lan rừng xinh đẹp. Những người bạn của anh ấy đã dẫn tôi tới

đó, trao cho tôi những thứ còn lại của anh ấy: bộ quân phục sờn rách, cây đèn pin, cuốn sổ ghi chép... và một tờ giấy do cha mẹ nuôi ghi lại nguồn gốc, quê quán của anh trước khi họ đi Pháp...

Thế nhưng cũng có người kết tội Trần Hồng Dương phản bội. Tôi nghe có người nói anh đã đầu hàng người Pháp, thậm chí còn dẫn quân Pháp về càn quét, tiêu diệt lực lượng Vệ quốc đoàn trú ở Hầm Hình vào cuối tháng 7/1947. Đó là một trận càn có quy mô rất lớn, nhằm xóa sạch lực lượng Việt Minh đóng ở chân núi Chứa Chan và các xã lân cận, vốn đang tạo một vành đai vững chắc uy hiếp con đường Bắc - Nam. Và từ đây, họ phải rút hẳn về Chiến khu Đ. Tôi còn nghe tên chỉ huy người Pháp trưng ra bằng chứng là khẩu súng ngắn của anh, chính là khẩu súng ngắn tôi đã mua tặng anh từ năm 1945. Cách đây hai năm (tức là năm 1986), tôi có viết thư gửi về cho huyện đội Xuân Lộc, nhờ tìm tung tích của anh Trần Hồng Dương, nhưng đã bị từ chối. Lý do là trường hợp của anh không rõ là hy sinh hay mất tích... Điều đó kéo dài thêm cả niềm hy vọng và tuyệt vọng trong lòng tôi, tuy rằng tôi luôn hiểu chỉ có gỗ đá vô tri mới im lặng lâu như thế, chỉ có cát bụi mới tiêu tan trong vũ trụ này, không thể nào tái hợp được...

Trong lúc nằm trong căn phòng ngủ nhỏ, trí nhớ của Leroy tái hiện một cách lộn xộn lời kể của bà Thuỳ Mai. Bà cùng với người tình Trần Hồng Dương, và ngọn núi Chứa Chan, và những đêm trăng sáng ở mật khu Hầm Hình hơn 40 năm trước... Anh đã không tìm thấy những tư liệu bằng

tiếng Pháp về những trận đánh này, và cả địa danh núi Chúa Chan anh đã từng đến. Nhưng qua khung cửa nhỏ đang mở, anh cảm thấy mình đang ở giữa không gian đó, thấy rõ được cả hình bóng những con người đó... Anh nhớ hai đêm ngủ tại Xuân Lộc, một ở trên chùa Bửu Quang và một ở khách sạn gần chân núi, vì bà Thuỳ Mai bị ốm. Câu chuyện cứ hiện lên như là ký ức của chính anh, và anh cũng không muốn kìm hãm trí tưởng của mình, đơn giản vì anh thích như vậy. Anh thấy nhẹ nhõm như một đứa trẻ với ý nghĩ bà chủ bút Martin Coline đã thất bại khi muốn anh tin rằng người phụ nữ này nói dối, hoặc muốn anh phải thấy bà sợ hãi, đau khổ...

Có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Leroy vội thu mình lại trên giường, nhắm mắt vào chờ đợi. Khoảng một phút trôi qua, lại có tiếng gõ cửa nhẹ, rồi có dáng người đi vào phòng. Khi đèn bật sáng, Leroy nhận thấy bà Thuỳ Mai đang đặt một cái khay xuống chiếc bàn nhỏ ở đầu giường, qua đôi mắt vẫn cố tình nhắm lại của mình. Bà đến gần, khẽ gọi tên anh rồi đặt tay lên trán anh khiến Leroy càng cảm thấy bối rối, không biết phải làm thế nào nên đành mở mắt ra, nhìn bà như có lỗi.

- Ô, tôi xin lỗi, Leroy! Tôi chỉ định xem chừng anh có ổn không thôi, không ngờ lại làm anh thức giấc...

- Bình An ngủ rồi hả bà? Còn bà, bà không ngủ sao?

Leroy ngồi dậy, vuốt lại tóc cho khỏi rối. Bà Thuỳ Mai ra ngồi bên bàn, và ra hiệu mời anh. Thật là bối rối khi nhìn

thấy ly sữa nóng trên bàn, song điều đó khiến anh nhớ ra mình đã không thể ăn gì từ tối hôm qua đến giờ. Đường như rời xe điện vào đến nhà là anh ngủ ngay, mang theo cảm giác sợ hãi, nôn nao vào thật sâu trong giấc ngủ. Chẳng lẽ anh trở thành một người sợ độ cao thật sao? Vì một trò chơi dành cho trẻ con sao? Tình trạng này sẽ kéo dài bao lâu?... Leroy ngồi xuống bên cái bàn nhỏ, và hỏi bà Thuỳ Mai:

- Thưa bà, vì sao bà biết tôi bị sợ độ cao? Thực ra tôi chưa bao giờ cảm thấy như thế...

- À, tôi cũng không biết nữa – Bà Thuỳ Mai mỉm cười – Lúc đó tôi buột miệng nói như thế để Bình An không kèo nài chơi thêm những trò cảm giác mạnh nữa. Tôi rất sợ nó lao lên những trò chơi mạo hiểm ở trên cao... nói chính xác hơn là tôi rất sợ nó vượt khỏi tay tôi và làm những trò tôi sợ...

- Tôi thấy Bình An chỉ là một đứa bé thôi mà, sao bà lại nghĩ nó như một người lớn vậy.

- Tôi biết, nhưng tôi không nghĩ khác được. Anh uống sữa đi cho khoẻ.

- Cảm ơn bà!

Leroy ngoan ngoãn cầm ly sữa, anh uống chậm rãi, cố gắng không để cho tay chân, và cả cái lưỡi của mình có cảm giác thừa thãi, vô dụng. Bà Thuỳ Mai nhìn anh uống sữa với vẻ hiền từ như một người mẹ. Bà mặc bộ váy ngủ màu trắng và chiếc áo khoác đã mặc ở Việt Nam hôm bà

đổ bệnh, nhưng hôm nay trông bà khoẻ khoắn, có sức sống hơn nhiều. Cuối cùng, không cưỡng lại được sự tò mò vốn đã trở thành bệnh nghề nghiệp, anh lên tiếng hỏi bà:

- Thưa bà, nếu Bình An còn nhỏ như vậy, thì cha của nó, tức là con trai bà, chắc là mất chưa lâu. Anh ấy vì sao mà chết? Và...

- Và sao? Anh muốn hỏi điều gì liên quan đến con trai tôi?

- Xin bà thứ lỗi. Trong ngôi nhà này dường như không có dấu vết gì của mẹ Bình An...

Bà Thuỳ Mai im lặng nhìn anh, tuy cái nhìn rất ôn hoà song anh nghĩ có lẽ bà đang xem xét mức độ tử tế của anh trong câu hỏi đó. Rồi bà thở hắt ra:

- Vậy là anh lo lắng cho Bình An. Con trai tôi mất cách đây hơn hai năm vì dùng ma tuý quá liều, lúc đó Bình An mới có một tuổi. Tôi đã mất hơn một năm để nhờ luật sư thương lượng với mẹ của Bình An, để được nuôi nó một cách hợp pháp. Con trai tôi và mẹ của Bình An vốn không kết hôn. Chúng không có tình yêu và cũng không có bất cứ điều gì ràng buộc lẫn nhau. Nếu con trai tôi còn sống, thì năm nay nó tròn 40 tuổi.

- Con trai bà chỉ thua tôi vài tuổi – Leroy nói. Tôi xin chia buồn với bà...

- Không sao. Còn anh, Leroy, anh dự định tương lai sẽ làm gì, sống ở đâu? Vì sao anh có ý định giải nghệ?

- Tôi chưa biết. Tôi không giỏi hoạch định cuộc sống của mình và cũng không quan tâm nhiều đến tương lai, vì nói thật, cuộc sống đối với tôi là vô định. Nhiều năm qua tôi quyết định sẽ sống một mình, mà sự thật thì tôi cũng chỉ có một mình thôi. Bà đừng lo cho tôi, tôi thấy mình không xứng đáng...

-Ồ, thôi, đừng nói nữa... - Bà Thuỳ Mai vội xua tay, không cho anh nói tiếp – Tôi hy vọng đây sẽ là kỳ nghỉ đông tuyệt vời của anh, anh sẽ không phải hối tiếc bất cứ điều gì. Bây giờ anh hãy ngủ tiếp đi, và anh có thể lưu lại ở đây trong một vài ngày hay một vài tuần. Tuy mới gặp anh lần đầu nhưng Bình An rất vui, nên tôi muốn xoá bỏ tất cả những câu chuyện cũ, chúng ta sẽ cùng sống thật vui những ngày anh ở đây...

Leroy gần như há hốc miệng vì bất ngờ trước câu nói đó. “Bà muốn như vậy thật sao?” – anh muốn hỏi với theo bà Thuỳ Mai, nhưng đến khi bà ra ngoài, khép cửa lại, anh vẫn ngồi sững trên ghế, không kịp phản ứng gì.

Ngồi lặng đi một lúc, Leroy quyết định tắt đèn đi để ánh trăng tiếp tục chiếu sáng đến từng góc ngách trong căn phòng nhỏ, và rọi vào góc ngách trong tâm hồn anh. Từ lúc đó cho đến sáng.

5.

Bà Thuỳ Mai dường như không giữ được bình tĩnh khi nghe Leroy nói rằng bước tiếp theo của cuộc hành trình,

anh sẽ đến Marseille. Đến nơi trước đây là trại tị nạn Grand Arènes. Bà hỏi lại anh với thái độ bất bình, rất khó chịu:

- Anh đến đó để làm gì? Mọi chuyện anh khơi ra chưa đủ sao?

Leroy mỉm cười. Khá lâu rồi anh mới tích lũy đủ sự tự tin để mỉm cười với bà.

- Xin bà thứ lỗi. Tôi không có ý định làm tổn thương ai cả. Chuyện đã xảy ra xin bà coi đó là một tai nạn nghề nghiệp của tôi. Tôi đã phải trả giá đắt cho việc này, nên tôi không muốn mắc sai lầm nữa. Chỉ là trên bước đường phiêu bạt của mình, tôi muốn đi và thấy cần phải đi. Bà yên tâm, vì tôi sẽ trở về kể cho bà nghe câu chuyện phiêu lưu ấy. Và kể cho cả Bình An nghe...

- Không – bà Thuỳ Mai cương quyết lắc đầu – Tôi không muốn Bình An phải biết những câu chuyện quá khứ. Anh hiểu không?

Nhưng khi Phillipe Leroy rời thành phố Lyon, thì điều Bình An hét to theo chân anh là: “Nhớ kể chuyện cho cháu nghe đấy nhé!” Trong hoàn cảnh này, anh không thể biện luận với bà Thuỳ Mai về chuyện quá khứ, nhưng anh hoàn toàn muốn chiều theo ý cậu bé, muốn kể tất tần tật mọi thứ liên quan đến cậu bé, đến chính anh và bà Thuỳ Mai. Cậu bé có quyền được biết về bản thân và cuộc sống xung quanh; bà Thuỳ Mai có muốn “quên” thay cho cậu bé cũng không thể được.

Nhưng đến Marseille vài ngày, Leroy quyết định đi đảo Corse. Đơn giản là vì ở Marseille không có những gì anh tìm kiếm. Anh cũng không có ý định xâm nhập vào cộng đồng người Việt ở Marseille, vì anh biết họ sống rải rác khắp nước Pháp, đã đến Pháp trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, trước hoặc sau Thế chiến thứ hai, nhưng rất nhiều người là nạn nhân của chế độ thực dân ở Việt Nam trước đây. Bản thân bà nội của anh cũng là một thiếu nữ được “gả bán” sang Pháp từ đầu thế kỷ XX, bà không có khả năng hoà nhập vào đời sống xã hội, cũng không hoà hợp được với gia đình của chính mình. Nhưng nếu muốn tìm hiểu về bà, thì anh phải tìm về quá khứ xa hơn nữa, phải phá vỡ sự im lặng gần như tuyệt đối bao bọc quanh cuộc đời bà.

Bởi vậy, trong lúc lên máy bay đi đảo Corse, anh chợt nghĩ việc phá vỡ sự im lặng, hay những bí mật của đời người tất yếu gây ra ít nhiều sự tổn thương, nhưng điều đó tốt hơn là câm nín. Không biết người con trai đã mất của bà Thuỳ Mai đã chọn đập phá hay câm nín? Anh ta có biết rõ về chính mình không, hay cũng giống như anh – Phillipe Leroy – đã được người thân chọn cho mình một cuộc sống không rõ về quá khứ?

Nhiệm vụ Leroy tự đặt ra cho mình là phải tìm một người đàn ông lớn tuổi đang nghỉ đông ở một căn nhà gỗ trong rừng quốc gia trên đảo Corse, khu Scandola nằm giữa hai làng Galéria và Porto. Sở dĩ anh nắm rõ đến từng chi tiết như thế là vì người anh cần tìm nằm trong danh sách

quản lý đặc biệt của tổ chức cựu quân nhân của nước Pháp. Thực tế là ông ta ít khi rời khỏi Marseille, mà thỉnh thoảng chỉ quay về Scandola vì đó gần như là quê nhà của ông.

Muốn vào sâu trong rừng Scandola, nơi nổi tiếng với rừng núi và những loài chim nổi tiếng trên đảo Corse, Leroy phải ngồi thuyền nhỏ, len lỏi trong khu rừng ngập mặn ven biển giữa một cảnh quan hoang sơ, gần như chưa được con người khai phá. Đang về cuối mùa xuân, cảnh vật trên đảo đang ở giai đoạn rục rở nhất. Thảo mộc, cỏ hoa sinh sôi, nảy nở và toả một mùi hương thoang thoang, rất đặc trưng của một vùng biển đảo. Thỉnh thoảng lại có một chiếc máy bay phóng qua trên đầu họ. Leroy nhìn thấy rõ cánh quạt đang xoay và cả dáng người phi công nhỏ xíu trong buồng lái. Anh ta chào người lái tàu bên dưới bằng một cử chỉ thoảng qua, song cũng đủ cho Leroy cảm nhận được những người ở Scandola luôn có cách liên hệ riêng với nhau.

Người lái thuyền biết rõ về căn nhà gỗ và cả người cựu quân nhân nổi tiếng của đảo Corse, song anh ta từ chối ở lại để đợi Leroy. "Ông ta sẽ giữ anh lại để nói đủ thứ chuyện, và chỉ cho phép anh chia tay nếu ông ta cảm thấy thoả mãn. Có khi muốn tự giải thoát mình, anh phải chi tiền cho ông ta đó! Ha ha ha..." Tuy nhiên, người lái thuyền cũng dặn Leroy là anh có thể gọi dịch vụ bất cứ lúc nào, trong trường hợp đặc biệt có thể gọi đội cứu hộ cứu nạn trên đảo.

Căn nhà gỗ mở rộng cửa, nhưng không có ai. Lò sưởi lạnh ngắt. Leroy thấy có mấy xác chim lớn, được nhồi bông

trông như thật đang tròng mắt nhìn anh. Có cả đầu hươu đỏ trông rất dữ tợn treo trên vách, nhưng khi nhìn kỹ thì rất may, đó chỉ là mô hình đeo bằng gỗ. Đặc biệt là giữa căn nhà còn có một chiếc bàn sắt được khoá bằng một sợi xích to và dài, gợi nhớ một phòng làm việc kiểu mẫu của những ông chủ Pháp ở Đông Dương hồi đầu thế kỷ. Gần đó có một cái giường lò xo. Và chấm hết. Khu vệ sinh tạm bợ ở bên ngoài, là một cái nhà gỗ bé xiu dựa vào một gốc cây rất to. Nhìn một vòng xung quanh nhà, Leroy xách máy ảnh bước ra ngoài.

Buổi sáng trong rừng không lạnh lắm, nhưng không khí ẩm ướt và lạnh lốt tiếng chim. Hoa bồ công anh đầu mùa bắt đầu nở, nhưng những cây cúc trắng và hoa đại màu tím thì rung rinh khoe sắc theo từng bước chân anh, cùng với nắng gió đùa reo không dứt. Leroy cảm thấy ở đây có chút gì giống với Xuân Lộc, khi ngắm những cành hoa mảnh dẻ anh lại nhớ đến rừng bông lau màu trắng nơi lưng chừng núi Chứa Chan. Scandola như là phần đất ẩn dật phía sau bãi tắm đông vui với sân bay lớn băng ngang qua đảo và hệ thống khách sạn, nhà hàng hào nhoáng anh vừa đi qua. Anh cảm thấy vui vui với ý nghĩ mình đang đi tìm “chúa đảo”, dù đó chỉ là danh hiệu tự phong của ông ta...

Phillipe Leroy đi về phía một đám khói đang leo lét bay lên và thấy một người đàn ông đang vun lá ướt để nhóm lửa. Ông ta mặc bộ quần áo to, dày sù sụ, đang nướng một con chim bị vật trụi lông. Dưới chân ông ta là một khẩu súng săn tự chế, cũng to và thô không kém gì

ngôi nhà và bộ quần áo của ông. Leroy tới gần, ráp máy ảnh vào chân máy rồi mới lên tiếng:

- Chào ông Pierre Fournier! Chúc một ngày tốt lành!

Người đàn ông chớp lấy khẩu súng săn, trong tư thế sẵn sàng nghênh chiến khoảng mười lăm giây rồi mới cụp mắt xuống, lăm băm trả lời:

- Một ngày tồi tệ. Anh là ai, và từ đâu tới? Này, đừng có chụp ảnh tôi đây nhé!

Leroy buông chân máy ra, lững thững bước đến gần ông ta. Nhìn thấy điều thuốc lá quần bằng tay trên miệng người đàn ông, anh bất chợt cảm thấy sợ con chim nhỏ trên xiên que, da thịt vẫn còn tươi nguyên và rỉ máu. Đáp lại cái nhìn khó chịu của Pierre Fournier, anh nói:

- Tôi là Phillipe Leroy. Vài tuần trước đây tôi là phóng viên của tuần báo M. ở Paris. Rất hân hạnh được gặp ông.

Nghe nói vậy, Pierre nhìn anh rất kỹ. Nhờ vậy, anh cũng có dịp nhìn vào khuôn mặt của ông ta. Đó là một khuôn mặt to bạnh, bị chia ra thành những múi thịt lớn giữa những nếp nhăn sâu. Đôi môi dày, dữ tợn, nhưng đôi mắt xanh, tròn trông như trẻ con, lấp lánh như đang khóc. Hơn 40 năm trước, khuôn mặt này đã rất đẹp, rất hào hoa như thể nào, một người giàu kinh nghiệm xâu chuỗi các sự kiện như Leroy đã không thể tưởng tượng ra được. Khổ người ông ta vốn to lớn, vậy mà bộ quần áo cũ nát còn làm ông ta thêm kệnh càng, chặm chạp. Khoảng một phút sau, Pierre

quăng điều thuốc xuống chân, thoát một cái biến thành con người ngạo nghễ bằng cả cái nhìn và dáng đứng.

- Tôi đã nghe tên anh, và đoán rằng anh sẽ đến tìm tôi. Bà chủ bút Martin Coline cũng nói như thế...

- Xin lỗi ông, tôi nghĩ ông và bà Martin Coline có họ với nhau, nên bà ấy đã bảo vệ ông hết lời...

- Không – ông già Pierre lắc đầu - thậm chí tôi còn chưa từng gặp mặt bà ấy nữa. Tôi nghĩ bà ta vô tình gặp câu chuyện của tôi, cũng như nhiều sự vô tình khác. Còn việc theo đuổi một lý lẽ nào đó thì lại đến trước, hoặc sau câu chuyện, và không phải là điều tình cờ... Tôi nói như vậy để anh hiểu rằng không phải vì bài báo của tờ M. ở Paris mà tôi sẽ biết ơn bà chủ bút và anh. Tôi mặc kệ các người, và cũng nhắc nhở các người hãy liệu hồn. Vì tôi đã gặp không ít phiền toái từ các người rồi. Chuyện hành xử mỗi nơi một khác, ở tòa báo các người muốn viết sao cũng được, nhưng ở đây thì chỉ có Pierre Fournier, súng sẵn và đâm lầy...

Ông ta chợt nổi xung lên, nhìn Leroy chăm chăm như muốn trút nổi giận dữ nào đó vào anh. Anh đáp trả cái nhìn không nao núng, rồi hỏi tiếp:

- Theo tôi biết thì bà Martin Coline biết rõ về ông và cả bà Mai – Thuỳ Dobré, người phụ nữ Việt Nam từng hứa hôn với ông. Nếu chưa từng gặp mặt ông...

- Tôi đã nói là tôi không nhớ, đừng có làm phiền tôi bằng những tiểu tiết vớ vẩn của các người – Pierre lầm bầm

như đang nói một mình. Nếu như bà ta có biết rõ tôi hay đã gặp tôi ở đâu đó thì tôi cũng không quan tâm... Qua điện thoại, bà ta có nhắc đến trại tị nạn Grand Arènes. Cũng có thể bà ta đã từng ở đó, hoặc đã từng ở cảng cá Marseille. Nay anh Phillipe Leroy, anh và bà chủ bút của anh đừng mong sẽ dự vào cuộc đời riêng của ta và bà Thuỳ Mai bằng bất cứ kiểu gì đây nhé.

Trước thái độ thô lỗ của Pierre, Leroy không biết nói gì thêm nữa. Ông ta nhìn anh chăm chăm bằng đôi mắt xanh ướt đẫm, rồi chợt buông ra câu hỏi:

- Thực tế là bà ấy được mời viết sách à? Bà ấy thành đạt đến mức ấy sao? Bà ấy có biết ta lúc này chỉ còn là một anh thợ săn vật ở Scandola không? Bà ấy có nhớ gì đến ta không, bà Thuỳ Mai ấy?

- Thưa ông, chắc bà ấy không biết gì về thông tin của ông cả, ngoài những dòng viết về ông trên báo. Bà ấy buộc phải rút khỏi dự án viết sách cho chính phủ, dù chỉ là tham gia vài chương nhỏ trong một cuốn sách lịch sử, địa lý liên quan đến Việt Nam. Có điều, bà ấy không lấy làm buồn hay thất vọng, trái lại vẫn sống tốt hàng ngày...

- Sống tốt à? – Pierre cướp lời anh - Sống tốt là như thế nào?

- Thực tình tôi chỉ có thể nói như vậy thôi, thưa ông Pierre Fournier.

- Ta biết mà... - Pierre lăm băm quay đi - Thực ra, ta cũng tự nhủ sẽ không quan tâm đến người phụ nữ ấy nữa.

Với bà ta, ta đã mất mát quá nhiều, đến nỗi không còn gì cho riêng ta nữa... Anh nên quay về Paris, trở về cái chỗ dành cho anh, đừng bận tâm đến ta hay bất cứ ai, cuộc sống còn quá nhiều thứ để hưởng thụ, anh có biết không?

Leroy mỉm cười:

- Trước khi đến đây tôi đã trở thành một người thất nghiệp, thậm chí là vô gia cư. Tôi đang muốn tìm hiểu và học cách sống của ông, vì tôi cũng không có nhiều mối ràng buộc đời thường. Tôi cho đây là nơi lý tưởng để sống một mình, tôi thích thể này hơn cuộc sống ở Paris.

- Anh có nói thật không đây? Muốn nói chuyện với tôi, anh phải đáp ứng cho tôi hai điều: Một là cho tôi biết về gốc gác, con người anh. Hai là phải trả cho tôi một ít tiền. Không nhiều đâu, chỉ cần đủ để mua một đôi giày leo núi. Ta thích leo lên đỉnh Monte Cinto¹, như thời trai trẻ của ta ở Việt Nam đã từng leo núi Chứa Chan...

Đến trưa hôm đó thì ông già Pierre đã coi Leroy là một anh bạn tâm giao. Ông mời anh ăn trưa bằng bánh mì khô và thịt chim rừng ẩm khói. Bữa ăn trưa ngoài trời, trong không khí ẩm ướt và nắng yếu. Pierre không thôi nói về việc leo lên những ngọn núi quanh Scandola và thám hiểm những vùng lân cận trên đảo Corse. Nhưng khi Leroy hỏi về ngôi nhà của ông trên đảo thì ông lắc đầu nguầy nguậy.

¹ Ngọn núi cao nhất ở đảo Corse.

- Nhà của tôi bị bọn Đức quốc xã phá nát rồi. Chính vì chán ghét việc bọn chúng tàn phá hòn đảo Corsica¹ xinh đẹp này mà tôi quyết định ra đi, đến thuộc địa Đông Dương để lập nghiệp. Đây chưa bao giờ là một xứ sở bình yên đối với tôi cả. Một nơi tồi tệ.

- Nhưng đó là quê hương của ông. Hiện giờ ông cũng đã trở về đây rồi, tuy không định cư lâu dài...

- Nó chưa bao giờ thuộc về những người dân như tôi cả - Pierre ngắt lời theo thói quen rất quyền uy của ông - Khi ra đi, tôi và những người trong gia đình tôi tự nhủ sẽ không bao giờ quay về đây nữa. Vì vậy, tôi mang một giấc mộng làm giàu ở vùng đất hứa ấy. Tôi mơ ước nó sẽ yên ổn, dễ sống hơn quê hương của tôi. Thế đấy, đó là sự thật từ đáy lòng tôi, tôi không có muốn gây hấn ở Việt Nam, không muốn giết người... Vậy mà tôi vẫn phải quay trở về đây, trong tâm thế của một kẻ thất bại. Thất bại ở Đông Dương không nói, tôi còn là kẻ thất bại ở chính nước Pháp, ở đảo Corse. Anh không thấy những đường băng xuyên qua đảo à? Người Mỹ đã biến hòn đảo này thành bàn đạp để tấn công nước Ý trong thế chiến thứ hai, và tặng cho nó biệt danh là USS Corsica sao? Họ thiết kế 17 đường băng dành cho máy bay quân sự bay qua. Nếu anh đã từng biết đường băng ở sân bay Côn Đảo, ở ngoài biển phía Nam Việt Nam thì sẽ thấy 17 đường băng ấy gây khó chịu cho tôi và những người đảo Corse như thế nào, mặc dù bây giờ nhờ có nó

¹ Tên gọi của người địa phương dành cho đảo Corse.

mà hòn đảo này có thêm nhiều khách du lịch... Tôi thì tôi không cần đón tiếp khách du lịch. Tôi muốn quê hương của tôi là một lãnh địa của riêng tôi, trong một phạm vi hẹp, đừng có ai xâm phạm hoặc tìm cách thay đổi nó...

Vậy là Pierre Fournier đã từng ra đến Côn Đảo, nơi giam cầm bà Hai Huệ, bạn của bà Thuỳ Mai... Leroy nghĩ, nhưng định sẽ hỏi vào lúc khác. Còn lúc này, anh cần nghe ông ấy kể về Đông Dương, về Xuân Lộc – núi Chứa Chan và Hầm Hình là những nơi anh đã đặt chân tới.

- Vậy là, thưa ông, ông gia nhập quân đội Pháp và đến Đông Dương là để thực hiện một giấc mơ sao?

- Đúng vậy, từ thế kỷ 19, người đảo Corse đã nghe đến những mảnh đất màu mỡ ở xứ Nam kỳ, đã đưa nhau sang đó bằng đủ mọi cách để làm giàu, làm nên một phong trào đủ mạnh để thúc đẩy khát vọng của mọi người. Từ lúc bảy, tám tuổi, tôi đã được cha mẹ, anh em dạy rằng cần phải rời hòn đảo dữ tợn, đầy những hận thù và luật giang hồ này để tìm một miền đất hứa. Tôi đã mặc định tin rằng xứ Nam kỳ chính là miền đất hứa đó, nên khi vừa tròn 18 tuổi, tôi xung vào lính và tìm mọi cách tình nguyện sang Việt Nam. Với số vốn trong tay, tuy không nhiều, nhưng tôi vừa làm nhiệm vụ, vừa liên kết với những người Pháp khác để mua đất trồng cao su, chiêu mộ công nhân, rồi còn gom cao su sơ chế để xuất khẩu về Pháp.

Thế chiến thứ hai nổ ra, bọn Đức quốc xã đã san bằng ngôi làng của tôi trên đảo Corsica, cha và anh chị của tôi bị

chết, chỉ còn mẹ tôi thôi. Tôi mơ ước sẽ kết hôn với một cô gái xinh đẹp, xây lên một biệt thự kiểu Pháp giữa khu rừng xanh mát, rồi đưa mẹ tôi sang chung sống cùng chúng tôi. Muốn như thế, tôi phải giàu hơn nữa, quyền uy hơn nữa, phải tiêu diệt hết tất cả những mầm mống phản loạn của người dân và công nhân cao su người Việt ở đó. Một thời gian sau tôi hiểu được rằng đối thủ của chúng tôi - những người Pháp - là Việt Minh. Họ có mặt ở khắp nơi trên đất nước này. Xuân Lộc, Bình Ba luôn bị coi là một vùng đất dữ, vì địa thế hiểm trở, nhưng tôi xung phong đến đó, để bằng mọi giá phải trở thành ông chủ một cách nhanh nhất. Và anh biết đó, tôi đã thành công. Tôi được thăng chức rất nhanh, tậu đất rất nhiều, vì trong đầu tôi có sự táo bạo ít ai sánh được. Tôi đã nổi lên như một sĩ quan đầy triển vọng, được ngài Thống đốc Nam kỳ, rồi ngài Toàn quyền Pháp tại Đông Dương để mắt tới. Chín mươi năm lăn lộn ở vùng núi rừng Xuân Lộc, tôi hầu như đã có tất cả những điều cha mẹ tôi mong muốn, kỳ vọng.

Có nhiều tiền, tôi mới bắt đầu gột bỏ những mặc cảm của bản thân để lui tới những nơi đông đúc, giàu sang. Rồi tôi phải lòng cô nữ sinh Thuỳ Mai, lúc đó mới 16 tuổi, đang học ở trường dành cho nữ sinh là trường cao đẳng sư phạm Gia Long. Tôi yêu cô ấy ngay từ điệu luân vũ đầu tiên, từ cái nhìn đầu tiên. Nhờ tình yêu ấy trong đầu tôi tuôn ra những vần thơ của Reambeau, Verlaine... những thứ mà tôi không hề thích từ thời đi học. Dù tôi có đủ vẻ đẹp bên ngoài và cả những mảnh khoé chinh phục phụ nữ, song khi

yêu Thuỳ Mai, tôi đã hoàn toàn làm theo chỉ dẫn của bản năng. Tôi đã hoàn toàn thay đổi. Chỉ hơi phiền toái một chút trước những đòi hỏi được bày tỏ rất khéo léo từ cha mẹ của Thuỳ Mai. Bởi vì ban đầu họ không biết tôi giàu có, đến khi biết rồi họ đã không kiềm chế được sự vui mừng và hy vọng. Chỉ có Thuỳ Mai là ngây thơ, trong trắng đến không thể tìm thấy một tí vết nào ở cô ấy. Cô ấy đã đáp lại tình yêu của tôi, và chúng tôi đã hứa hôn. Nếu không có biến cố xảy ra tại đồn trú Xuân Lộc vào đầu năm 1943, thì có lẽ bây giờ cô ấy vẫn còn là vợ hợp pháp của tôi. Phillipe Leroy, anh có biết là tôi đã không hề chung sống với một người phụ nữ nào trong suốt cuộc đời mình không?

- Vì sao vậy? Ông căm ghét phụ nữ hay là không gặp may với họ? Ông đã sống một cuộc đời không con cái, không cả phụ nữ, không có tình cảm gì đặc biệt sao?

- Anh hỏi chả có điều gì đúng cả. Nhưng cũng không hẳn là tôi không có con cái, mà vì tôi không quan tâm đến chúng, tôi đã không biết chúng ở đâu, làm gì trong suốt mấy chục năm nay. Tôi không yêu những người đàn bà là mẹ của chúng, nên không thừa nhận chúng, mặc dù về mặt huyết thống, tôi có con với ít nhất hai người phụ nữ Pháp. Anh thấy đấy, sự mất cân bằng giữa tình yêu và sự nghiệp đã tàn phá một người đàn ông xuất sắc như tôi, cho đến lúc này chỉ còn lại một kẻ hoàn toàn thất bại...

- Vậy thì thưa ông, nếu phải làm lại một việc gì đó trong quá khứ, ông quyết định chọn việc gì?

- Nghĩa là thế nào?

Pierre Fournier hơi ngớ người ra, mắt tròn tròn, phần cổ và lưng ông ta đổ về phía trước như một dấu hỏi khổng lồ. Nhưng ít giây sau ông hiểu ra, liền lắc đầu thật mạnh:

- Không, không, không... Không bao giờ có việc đó. Tôi đã luôn trung thành với nước Pháp, và trung thành với chính bản thân mình... Tôi đã hiện diện trên nhiều tờ báo thịnh hành thời đó, được tôn vinh như là một sĩ quan quân đội Pháp tài ba, mẫu mực. Sự thất bại của tôi không phải do tôi quá kém cỏi, hay ngu dốt, mà là do tôi quá si tình. Tôi đã nói với anh rồi, đó là do sự mất cân bằng giữa tình yêu và sự nghiệp. Đối với một người đàn ông, đôi khi sự lựa chọn cuộc sống cho riêng mình lại trở nên khó khăn hơn bất cứ nhiệm vụ nào. Nhưng tôi không làm lại bất cứ một điều gì hết. Nếu thay đổi quá khứ, dù chỉ là một chi tiết thôi, thì mọi thứ đều không có ý nghĩa gì hết...

Leroy lắc đầu, mỉm cười:

- Tôi vẫn chưa hiểu gì cả.

Ông già Pierre ngừng ăn, ngừng nói, ngừng cả ánh nhìn xa xăm để tập trung quan sát vẻ mặt của Leroy. Rồi ông quẳng xuống đất nửa con chim nướng, bằng cử chỉ cao ngạo vốn có của mình, và nói:

- Do chuyển đi mệt và do anh mất ngủ đây. Hãy về nhà của tôi mà ngủ đi, tôi nhường cho anh cái giường của tôi. Phần tôi sẽ nghỉ trên cái bàn sắt của quân lực Mỹ để lại trên hòn đảo này từ thời chiến tranh thế giới thứ hai...

6.

Buổi chiều là một chuyến dã ngoại lòng vòng trong rừng. Leroy được Pierre giới thiệu cho một số người sống ở trong làng, cũng làm nghề săn bắn trộm như ông ta. Anh nhận thấy những người hàng xóm có vẻ sợ ông, còn ông ta thì rất thích nghe người ta khen mình là thiện xạ, tài giỏi v.v... Nghe ông thao thao bất tuyệt về khẩu súng săn, Leroy cổ lẳng nghe, rồi hỏi lại cái điều mà anh đã biết khi làm việc với toà thị chính Marseille.

- Thưa ông, với cái khẩu súng tuyệt vời này, với tài thiện xạ của ông, vì sao ông không đi săn những con thú lớn? Tôi cảm thấy việc đi bắn mấy con chim bé xiu này chẳng là nghĩa lý gì so với ông và khẩu súng của ông...

- Hừ... Săn bắn đối với ta là chuyện nhỏ. Ta đang đi tuần tra trên lãnh địa của ta, ta không cần ai hiểu nhiệm vụ cao cả này đâu. Nhưng anh phải biết, chính quyền có lệnh cấm ta sử dụng vũ khí. Họ theo dõi ta ngày đêm và thậm chí liệt ta vào danh sách cần phải đề phòng, giám sát chặt chẽ... Bọn họ làm sao hiểu được nhiệm vụ cao cả của một quân nhân. Đó là nhiệm vụ được giao phó suốt đời, nên ta phải làm thôi...

- Có nghĩa là chính quyền họ luôn biết ông sở hữu và sử dụng một khẩu súng bất hợp pháp, nhưng họ cố tình làm ngơ cho ông. Đúng không? Và ông chọn Scandola không chỉ vì nó là quê hương của ông, mà còn vì nó biệt lập với thế giới bên ngoài, nên ông có thể làm điều ông muốn...?

- Phải đó, Phillipe Leroy! – Pierre bật lên câu nói thật lớn. Cơ mặt của ông giãn ra có vẻ vui, thoả mãn – Anh thông minh lắm, tôi nể anh! Nhưng để tôi kể mọi chuyện một cách logic, để anh thấy ông già Pierre Fournier này chưa đến nổi lú lẫn, mất trí, dù đã hơn 70 tuổi. Nhiệm vụ một người quân nhân, và cả những năm tháng ở Việt Nam đã cho ta một tinh thần thép, không có điều gì làm ông già này quên được...

Vẫn trong không khí ẩm ướt gây mệt mỏi và buồn ngủ, Leroy lắng nghe tiếp câu chuyện giữa ba người: ông Pierre, bà Thuỳ Mai và người đã mất: Trần Hồng Dương. Đêm ấy, không chịu được cái lạnh của núi, của rừng và của đầm lầy, Leroy phải đốt lò sưởi lên, mặc dù ông Pierre không muốn. Nhưng phải chờ đến nửa đêm, khi Leroy đang ngủ say sưa trên chiếc giường gỗ duy nhất trong nhà, thì anh bị ông ta lôi dậy bằng cái giọng khàn khàn vì một cơn xúc động bất ngờ kéo qua tâm trí ông, thì câu chuyện mới thực sự sáng tỏ.

- Dậy đi! Dậy đi Leroy! Anh không thể đi hàng ngàn ki-lô-mét đến tìm tôi chỉ để ngủ trên giường của tôi đâu... Anh đúng là một chàng trai thiếu kiên nhẫn, một con người kém cỏi, ấu trĩ, giống y như cái thể hệ tồi tệ của anh...

- Vâng, thưa ông! Tôi luôn muốn lắng nghe, mọi chuyện, từ cuộc đời rất xuất sắc của ông...

Câu chuyện của Pierre không được kể lại một cách logic như chính ông nói. Nó làm Leroy đi từ ngạc nhiên này

sang sự sùng sốt khác. Câu chuyện khiến anh muốn rời bỏ ngay đảo Corse và tìm về nơi bà Thuỳ Mai đang sống, thậm chí muốn quay về Việt Nam, tìm đến Xuân Lộc và mặt khu Hầm Hình...

Pierre Fournier trừng mắt nhìn cái đầu con hươu đỏ treo trên tường, bắt đầu câu chuyện:

- Chung quy lại cũng vì cô ấy đã phản bội tôi, đã nói dối tôi và nói dối tất cả mọi người. Cái ngày cô ấy quay trở lại với cha mẹ cô ấy, tôi đã mở dạ tiệc ăn mừng, rồi tặng cho cô ấy rất nhiều nữ trang. Nhưng cô gái ấy - vốn nhỏ nhắn nhưng lúc nào cũng lì lợm và tỏ ra phản kháng, thậm chí coi thường tôi – không hề cho tôi chạm vào người cô ấy. Dù chỉ là một cái nắm tay, một cái hôn nhẹ. Cô ấy tuyên bố sẽ theo cha mẹ sang Pháp và làm lại cuộc đời, nhưng không phải với tôi. Cô ấy không tin Trần Hồng Dương đã chết, mặc dù chính tôi đã cho cô ấy xem lại khẩu súng ngắn của anh ta...

- Vâng, thưa ông – Leroy nhanh chóng lấy lại sự tỉnh táo và hỏi lại: - Ông Trần Hồng Dương thật sự đã chết, hay mất tích? Tôi luôn mơ hồ trước điều này...

- Anh ta đã chết. Chính tôi bắn vào đầu anh ấy. Phillipe Leroy à, anh đừng có kinh sợ như vậy. Chiến tranh là như thế. Tôi có nhiệm vụ bảo vệ đoàn tàu chở lương thực của Pháp đi qua xã Bảo Chánh. Tôi biết Trần Hồng Dương tham gia đánh trận ấy để cướp lương thực, nên tôi quyết bắt anh ta cho bằng được. Anh phải biết tôi là một sĩ quan quân

đội, được đào luyện rất kỹ càng và có trên 10 năm kinh nghiệm ở khu vực đó. Tôi hơn đứt Trần Hồng Dương tất cả mọi thứ: thời gian, sự trải nghiệm, phương tiện, vũ khí, con người... Tôi đã bắt sống được anh ta, trói chặt lại và cho lính đưa lên tận đỉnh núi Chứa Chan để phục vụ cho cuộc gặp riêng của tôi. Anh phải biết, khi người ta quyết tâm theo đuổi một điều gì, người ta có đủ sức mạnh để làm tất cả mọi thứ. Đưa anh ta lên đó, tôi sẽ có cơ hội đối mặt và nói chuyện một cách sòng phẳng với anh ta, mà hầu như không ai biết, trừ một số tên lính thân cận nhất của tôi. Tôi hy vọng đạt được điều tôi mong muốn, sau đó sẽ thả anh ta ra mà không gây ảnh hưởng đến thanh danh của chính tôi và cả của anh ta.

Bọn lính của tôi trói anh ta vào chân cột cờ. Đêm ấy, sau khi dọn dẹp xong đường ray bị Việt Minh đánh hỏng ở Bảo Chánh, tôi đã leo lên núi. Tôi nói với Trần Hồng Dương hai điều: Anh ta hãy từ bỏ Thuỳ Mai để cô ấy quay trở lại với tôi. Và đổi lại, tôi sẽ trả lại súng, thả anh ta ra, và chỉ cho anh ta biết hai người thân còn lại của anh đang ở đâu.

Nghe nhắc tới người chị và người anh bị thất lạc của mình, Trần Hồng Dương hỏi lại ngay: "Ông biết chắc là họ còn sống sao? Bằng chứng đâu, hãy cho tôi thấy..." Tôi trả lời: "Điều đó phụ thuộc vào niềm tin của anh, tôi không có nghĩa vụ cung cấp bằng chứng cho anh vào lúc này!" Nghe vậy, Trần Hồng Dương đã quát lớn với tôi:

- Trả khẩu súng lại cho tôi. Đó là của Thuý Mai tặng cho tôi, anh không có quyền đùa nghịch nó...

Nghe thấy vậy, tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn, vì biết mình vĩnh viễn chỉ là người thừa trong trái tim cô ấy. Tình yêu của họ đã tiến triển sâu sắc đến thế sao? Vì việc một người con gái tặng súng cho người yêu ngoài chiến trận có ý nghĩa lớn lao hơn cả việc người con trai tặng cho cô ấy nữ trang, tình yêu và cuộc đời của anh ta... Tôi cảm thấy thế, nhưng chỉ để tiếng gào thét giận dữ vang lên trong lòng, còn ngoài mặt vẫn cố giữ vẻ lạnh lùng để buộc anh ta tham gia vào cuộc đối chác. Trần Hồng Dương đã không hề nao núng, cho đến phút cuối cùng. Anh ta nói:

- Mỗi thù giữa tôi và anh có thể đổi thành tình bằng hữu, vì cuộc chiến giữa người Việt và người Pháp chắc chắn sẽ có lúc phải chấm dứt. Nhưng anh đừng có vô liêm sỉ đến mức mang người thân của tôi ra lừa dối tôi, cũng đừng có bắt tôi dâng tình yêu cho anh để đổi lấy mạng sống của mình. Anh đến từ đảo Corse, xứ sở của luật hận thù, của bọn giang hồ, của sự tàn nhẫn, nên chắc hẳn tâm hồn anh có nhiều khiếm khuyết lắm. Anh đừng nghĩ người Việt chúng tôi cũng hận thù và khao khát trả thù tàn nhẫn như anh...

Nghe nhắc tới quê hương Corsica vốn là một phần yếm thế trong cuộc đời mình, tôi cảm thấy bị xúc phạm, và nỗi hổ thẹn trong lòng tôi biến thành sự giận dữ điên cuồng. Tôi đã rút súng ra dọa bắn Trần Hồng Dương, nhưng anh ta không hề sợ hãi, còn thách thức lại tôi:

- Anh bắn tôi, nghĩa là anh thừa nhận tôi nói đúng. Giờ thì sinh mạng tôi nằm trong tay anh, nhưng tôi không sợ cái chết. Còn không sợ anh vì bất cứ điều gì...

Thế mà cuối cùng tôi đã phải bắn anh ta, vào lúc rạng sáng vì không có cách nào khác. Nếu thả Trần Hồng Dương ra thì sự việc sẽ bại lộ hết, tôi sẽ bị mang tiếng là lợi dụng uy tín cá nhân để hành động tư lợi, gian dối; điều đó vô cùng nguy hiểm cho sự nghiệp đang thăng tiến của tôi. Hơn nữa, Trần Hồng Dương đã nắm được địa hình và cách bố trí đồn trú, trạm thông tin liên lạc trên đỉnh núi Chứa Chan. Nếu thả anh ta ra, thì không ai dám khẳng định anh ta sẽ không thiết lập một trận đánh giáng vào hệ thống thông tin liên lạc của chúng tôi. Đó là trạm thông tin liên lạc lớn nhất các vùng phụ cận Sài Gòn lúc đó, mà người Pháp luôn bị đe dọa trong tình thế rất nguy hiểm vì Việt Minh có mặt ở mọi nơi, đánh ở mọi địa hình... Những tên lính đã nhắc nhở tôi phải hành động, và tôi đã bắn Trần Hồng Dương, sau đó ra lệnh cho chúng vùi xác anh ta ở một nơi gần đó. Leroy thân mến! Tôi sẽ sẵn sàng chỉ chỗ cho bà Thuỳ Mai biết nơi đã chôn giấu Trần Hồng Dương, và cả những thông tin tôi biết được về chị ruột và anh ruột của anh ta... nếu như bà ấy chấp nhận gặp lại tôi...

- Nhưng liệu bà ấy có tin lời không? Bà ấy có biết việc ông bắn ông Trần Hồng Dương không?

- Không. Cho đến bây giờ thì cô ấy chưa hề biết sự thật ấy, dù đã tận mắt nhìn thấy khẩu súng của Trần Hồng Dương trong tay tôi... Sự thể là sau ba tháng mất liên lạc

với Trần Hồng Dương, dưới sức ép của cha mẹ cô ấy, và dưới tiếng loa ra rả hàng ngày gọi tên cô ấy ở dọc đường quốc lộ, Thuỳ Mai đã phải trở về với gia đình. Tôi biết những người Việt Minh đã nói với cô ấy rằng Trần Hồng Dương đã chết, hoặc mất tích, vì sau trận đánh ở Bảo Chánh, không ai tìm thấy dấu vết của anh ta nữa. Điều đó còn để ngỏ một khả năng là anh ta phản bội đồng đội, vì thế Thuỳ Mai cũng không tránh khỏi sự nghi kỵ, cảnh giác... Tôi đã mất mấy ngày suy nghĩ, để dẹp bỏ nỗi hổ thẹn và cả sự sợ hãi để tìm lên Sài Gòn gặp mặt cô ấy. Tôi cho cô ấy xem khẩu súng ngắn của Trần Hồng Dương, nói rằng anh ta đã giao nộp súng và từ bỏ hàng ngũ Việt Minh, chấp nhận ra đi mãi mãi... Tôi muốn nói điều đó với Thuỳ Mai để cô ấy quên anh ta đi, và đó cũng là cách khôn ngoan nhất, nhẹ nhàng nhất tôi nghĩ ra được nhằm thuyết phục cô ấy. Nhưng cô ấy đoạn tuyệt tôi, tỏ ra không hề tin bất cứ điều gì, kể cả đó là việc cha mẹ cô ấy nhắc với cô ấy hàng ngày, rằng Trần Hồng Dương đã bỏ đi, và tôi mới chính là cứu cánh của cuộc đời cô ấy...

Để tỏ thái độ bất hợp tác với tôi, cô ấy đã chui xuống hầm để tránh mặt tôi. Một căn hầm trong một ngôi nhà ở đại lộ, ngay giữa thành phố Sài Gòn. Anh có tin được không? Cô ấy không biết sợ gì hết, đã thách thức tôi từng ngày, từng giờ một. Khi người Pháp quay trở lại Đông Dương vào cuối năm 1945, tôi đã đến tìm để nối lại tình cảm với cô ấy, nhưng đáp lại cô ấy đã đào hầm để trốn. Khi không có thể trốn được nữa thì cô ấy bỏ đi. Tôi đã lấy cớ

rằng trong nhà có một căn hầm bí mật để bắt cha mẹ cô ấy giao cho chính quyền. Họ đã bị đánh đập, tra khảo khá nặng nề và buộc phải khai rằng họ đào hầm để nuôi giấu Việt Minh. Nhưng một điều buồn cười là họ cứ nói đi nói lại rằng họ đào hầm để trốn quân Nhật và nuôi giấu con gái mình. Người Nhật không thấy đâu. Cô con gái cũng không thấy đâu, vì cô ta thật sự là Việt Minh mất rồi. Nhưng được cái họ rất biết nghe lời, nên đã hết lời kêu gọi cô ấy trở về. Đến khi Thuỳ Mai trở về, họ lại khuyên can cô ấy hàng ngày, thậm chí dọa sẽ tự tử nếu cô ấy không chịu nghe lời họ... Cuối cùng thì cô ấy cũng phải chịu thua cha mẹ, nhưng với điều kiện là chỉ theo họ sang Pháp, và nếu có lấy chồng thì sẽ lấy một người khác, chứ không phải là tôi.

Leroy à, anh có hiểu được nỗi nhục nhã của một viên sĩ quan rất có tiền, rất có quyền, nhưng cứ phải chạy theo một cô gái như một con chó đói mà không hề được một chút quan tâm, dù gọi là may mắn không? Nhưng trong lúc ấy, dù nhục nhã đến thế nào đi nữa, tôi cũng quyết tâm theo đuổi cô ấy bằng được, vì tôi nghĩ đó là cơ hội cuối cùng để tôi có được cô ấy. Vì vậy, dẹp bỏ tất cả sự sĩ diện của một viên sĩ quan, và của một gã đàn ông hết sức điển trai của mình, tôi đã đứng ra lo cho gia đình cô ấy sang Pháp. Và chính tôi cũng xin nghỉ phép để theo lên chuyến tàu ấy. Tôi nghĩ rằng sẽ thuyết phục được Thuỳ Mai, và ngay sau khi đến Pháp, tôi sẽ đưa cô ấy về đảo Corse để gặp mẹ tôi. Rồi tôi sẽ đưa họ qua Paris, hoặc quay lại Việt Nam, tùy vào ý muốn của cô ấy.

Đó là cơ hội cuối cùng để tôi gần gũi, thuyết phục Thuý Mai... Nhưng mà như tôi đã kể với anh, cô ấy không thèm đáp lời tôi, dù chỉ một câu, không cho phép một cái nắm tay, một cái hôn gió. Cô ấy cứ lạnh như băng, xa cách đến thăm thẳm khiến cho tôi nôn nóng, tuyệt vọng. Ngày lại qua ngày, ở giữa biển, tôi cứ đứng nhìn những cánh buồm đến nổi chúng muốn rách bung ra, vậy mà cô ấy vẫn câm lặng như một nắm mồi. Cuối cùng, không thể nhẫn nại hơn nữa, tôi tuyên bố với cha mẹ cô ấy: "Tôi sẽ gần gũi cô ấy, bất kể cô ấy có đồng ý hay không. Xin ông bà đêm nay hãy lánh mặt đi..." À, ồ, Leroy... Đừng có nhìn tôi như thế. Chuyện đã xảy ra cả nửa thế kỷ rồi, và chúng tôi bắt buộc phải hành xử như thế, để bảo vệ quyền lợi và tình yêu của mình. Tôi đã phải lăn lộn khắp xứ Xuân Lộc, Sài Gòn để tìm kiếm cô ấy, xếp đặt mọi chuyện và còn phải ra tay trừ khử gã người yêu khá nổi tiếng của cô ấy... thì chẳng lẽ tôi không thể vượt qua một chút danh dự cá nhân để giành lấy hạnh phúc cho mình sao? Nhưng đó là sự cố gắng vô nghĩa nhất trong đời tôi, vì hơn cả sự bội phản, cô ấy và cả Trần Hồng Dương, đã cướp đi tất cả lẽ sống của tôi.

Kể ra thì quá xấu hổ nhưng tôi chẳng thể nào câm nín cả đời. Anh bạn trẻ thân mến! Lúc tưởng như cô ấy đã hoàn toàn khuất phục trong tay tôi, thì cô ấy bắt đầu trợn mắt lên, ói mửa, ngã bò lăn lên sàn tàu rồi ôm lấy bụng. Tôi cũng trợn tròn mắt lên, tưởng cô ấy làm trò gì đó cho tôi sợ, nhưng rồi cô ấy làm bắn lên người tôi, vừa cười vừa khóc và nói rằng biết đâu cô ấy đã có thai. Tôi không tin

vào mắt, vào tai mình, nên cứ để mình trần như nhộng với một cái quần đùi như thế, tôi trối tay cô ấy lại rồi lôi cô ấy đến phòng của bác sĩ trực trên tàu. Mặc kệ ông ấy nhắc nhở, rồi đuổi tôi ra khỏi phòng, tôi vẫn đứng ở đó, lăm lăm cây súng, giám sát cuộc khám nghiệm tại chỗ. Và kết quả đúng là cô ấy đã có thai. Tất nhiên, cái thai ấy thuộc về Trần Hồng Dương, và ít nhất cô ấy đã mang thai đến tháng thứ tư rồi. Vì Thuỳ Mai quá gầy gò, sống ở chiến khu Xuân Lộc quá thiếu thốn cái ăn, cái mặc nên cái thai bị suy dinh dưỡng, cô ấy cũng bị suy dinh dưỡng. Chẳng có ai, kể cả Thuỳ Mai, biết cô ấy đã mang thai.

Sự kiện đêm ấy lan nhanh trên tàu còn hơn thuốc súng. Cha mẹ cô ấy đang nấn ná trên boong tàu, nghe tin ấy liền chạy đến gào khóc, gọi tên con gái và xin tôi tha thứ. Họ chỉ là hai trong số cả trăm người hiếu kỳ chen lấn, xô đẩy nhau trước cửa phòng của bác sĩ trực, và cái không khí đêm ngọt ngào, khó chịu đã làm tôi nổi xung lên. Chỉ cần một phát súng, cả trăm người biến mất hết. Chỉ còn trơ lại trong phòng ba người là tôi, Thuỳ Mai và ông bác sĩ; còn bên ngoài là cha mẹ cô ấy. Tôi yêu cầu ông bác sĩ hãy tiêm hay cho cô ấy một thứ thuốc gì đó để trục cái thai ra, càng nhanh càng tốt. Bác sĩ đã hỏi: "Vì sao?" thì tôi trả lời ngắn gọn: "Vì cô ấy là vợ tôi, nhưng cái thai trong bụng cô ấy là của người khác!"

Thuỳ Mai đã hoảng hốt tột độ khi nghe chính miệng ông bác sĩ xác nhận cô ấy có thai. Nhưng ngay lập tức, cô ấy trở nên cứng rắn đến lạ lùng. Cô ấy tuyên bố: "Dù có

phải chết tôi cũng không lấy anh, đồ thực dân hèn hạ!" Tôi cảm thấy không còn gì để mất nữa rồi, thanh danh và sự nghiệp của tôi sụp đổ trong đêm ấy rồi, tất cả đều bay ra từ cái miệng bé nhỏ xám ngoét và run rẩy kia, cùng với đôi mắt cứ long lanh sáng rực trong đêm tối ấy... Tôi đã lôi cô ấy, lúc ấy vẫn bị trói chặt hai tay, ra lan can tàu để ném cô ấy xuống biển. Có lẽ rồi tôi cũng sẽ chết cùng với cô ấy. Tôi nghĩ thế. Trong đêm cánh buồm cứ bay phấp phật trong gió biển, và tôi có cảm tưởng là Trần Hồng Dương ở trên cao đang cười to ngạo nghễ, chế nhạo tôi. Thuỳ Mai cứ mặc kệ cho tôi lôi đi, trong tay tôi cô ấy chẳng khác gì một cái xác.

Mọi chuyện có lẽ đã kết thúc, với hai cái thầy ma nằm dưới đáy đại dương, và cả đứa hài nhi đang tượng hình trong bụng của Thuỳ Mai. Nhưng cha mẹ của Thuỳ Mai đã chạy theo chúng tôi, quỳ mọp xuống van xin, khóc lóc, và trao cho tôi một cái tráp đựng đầy tiền vàng để chuộc mạng con gái họ. Đó là cái hộp gỗ rất đẹp và tinh xảo mà mẹ của Thuỳ Mai thường cất ở dưới nách, giống hệt cung cách của những người đàn bà gốc Hoa quyền quý ở Chợ Lớn thời đó. Lúc ấy thì tôi cần gì nữa, vì cái mạng sống của mình tôi còn không thiết nữa. Nhưng khi họ mở tráp ra, dâng lên cho tôi, thì trong đầu tôi lại loé lên một tia hy vọng mới. Vì khi đã sở hữu của cải của họ, tôi sẽ là ông chủ của họ, sẽ sai khiến họ, sẽ xếp đặt cuộc đời họ theo ý tôi. Thuỳ Mai vì vậy mà cũng không thể tách thoát ra được, vì cô ấy là đứa con duy nhất của ông bà ký Thái, lại là con gái. Tôi cầm lấy cái

tráp, kẹp vào nách rồi lôi cô ấy trở về phòng. Tôi đã nhốt gia đình họ vào đó, trong suốt hải trình còn lại.

- *Oh Monsieur, vous êtes un vrai vil colonialiste¹ !*

Từ trên chiếc nệm nhồi rơm, Phillipe Leroy thu năm tay lại và dấm thẳng vào chân mình để kiềm chế cơn xúc động. Giờ thì anh hiểu được vì sao bà Thuỳ Mai không kể cho anh nghe về chuyến đi và cả những câu chuyện phía sau. Thiên điểm tình lung linh của bà cùng với ông Trần Hồng Dương, và cả mối tình si của Pierre Fournier bấy lâu nay ngự trị trong trái tim anh, vào giây phút ấy vỡ ra như một vụ nổ lò than đá. Nhưng nó cũng giải đáp cho anh biết những điều khuất khúc, nhất là việc bà Thuỳ Mai có một người con trạc tuổi anh...

- Ủ... à... Đừng có uỷ mị như thế chứ Leroy! Chuyện đã xảy ra gần nửa thế kỷ rồi, tôi cũng trở thành một kẻ thua cuộc, và trắng tay rồi... Tôi cũng xấu hổ lắm, nhất là nghĩ đến lúc gặp lại Thuỳ Mai, thú nhận với cô ấy việc tôi đã giết người tình của cô ấy... Nhưng tôi nghĩ trước sau gì cũng phải cho cô ấy biết sự thật ấy, cùng với địa điểm chôn giấu xác của Trần Hồng Dương. Rất có thể anh ta vẫn nằm ở đó, vì chẳng có ai làm chứng cho cái chết của anh ta, trừ tôi ra... Và cả những điều tôi đã làm mà không được cô ấy chấp nhận...

¹ - *Ồi, ông đúng là một gã thực dân hèn hạ! (tiếng Pháp)*

Pierre lẩm bẩm nói trong miệng, nhưng mắt không nhìn Leroy mà quay nhìn lò sưởi. “Bà ấy sẽ không chấp nhận đâu, tôi tin chắc điều đó...” Một mặt, anh muốn nói thẳng với Pierre như thế, dù anh không muốn cái con người to dềnh dàng nhưng rệu rã, mệt mỏi này phải thất vọng hơn nữa. Nhưng mặt khác, anh cũng muốn biết ông ta đã làm gì cho bà Thuỳ Mai, kể từ khi bà lìa bỏ chiến khu, lìa bỏ quê hương. Có vẻ như câu chuyện đã không dừng lại và không thể dừng lại dễ dàng đối với hai người – ông Pierre, bà Thuỳ Mai. Và cả chính anh.

7.

Suốt đêm ấy, và nhiều ngày sau, bên tai Leroy dường như luôn vang vọng tiếng gió trên biển và trên những cánh buồm, trong lúc anh ở giữa khu rừng Scandola - một nơi lặng gió. Trên gương mặt ông già Pierre vốn cao ngạo và đầy ác cảm, thỉnh thoảng lại hiện lên sự thảng thốt kỳ lạ. Chính Leroy không ngờ được là mình đã ở lại đảo Corse lâu như vậy, chỉ để quanh quẩn bên cạnh một con người như Pierre. Ông ta hiện diện ở đây cũng không vì mục đích gì đáng kể, mà chỉ để đi loanh quanh Scandola, đi săn những con chim, thú nhỏ rồi chèo kéo vài người quen trong làng đến ăn uống, ca hát cùng ông, sau đó phải chịu đựng việc ông kể lại chiến tích xa xưa của ông ở Đông Dương... Nhưng chẳng có ai dám bước chân vào ngôi nhà nhỏ bằng gỗ của ông, cũng chẳng có ai dám ngồi bên cạnh ông để uống rượu, tán gẫu - trừ Leroy trong mấy ngày hôm đó.

Ông thành thật lý giải với anh, mặc dù anh đã biết trước khi bước chân đến đây.

- Tôi bị cầm sử dụng vũ khí, vì đã có án giết người sau khi giải ngũ. Tôi cũng không được đi khỏi Marseille quá một tháng trong năm, vì tôi chịu sự quản lý đặc biệt của toà thị chính đối với cựu quân nhân có vấn đề về sức khoẻ, nói trắng ra là bị tâm thần... Nhưng mà Leroy thân mến! Tôi đã là ông già 70 tuổi rồi, tôi chẳng muốn gây sự với bất cứ ai đâu. Chỉ còn một mong ước cuối đời, là được gặp lại bà Thuỳ Mai một lần cuối, nói cho bà ấy biết...

Ông ta nhắc đi nhắc lại điều mong muốn ấy, khiến cho Leroy cảm thấy tội nghiệp. Thậm chí trước lúc Leroy trở lại đất liền, ông già Pierre đột nhiên trả lại tiền cho anh – số tiền ông vùi vĩnh anh để mua một đôi giày leo núi. Đổi lại, ông nài nỉ anh cho xem ảnh của bà Thuỳ Mai, và giúp ông thuyết phục cho gặp lại bà một lần. Nhưng anh không thể thay mặt bà Thuỳ Mai hứa hẹn bất cứ điều gì, vì chính anh cũng là người có lỗi với bà. Anh khéo léo yêu cầu ông ta kể lại quãng đời của bà Thuỳ Mai, cùng với cha mẹ và đứa con nhỏ của bà, ở trại tị nạn. Vì anh hiểu sẽ khó lòng thuyết phục chính bà kể lại...

- Con tàu sang Pháp cuối năm 1947 đã cập cảng Marseille – Pierre Fournier kể: - Nhiều người Việt trên con tàu đó đã gia nhập trại tị nạn Grand Arènes; một số người khác gia nhập đội quân làm muối ở cảng cá... Chỉ có một số ít là có gia đình, người thân bảo lãnh. Gia đình Thuỳ Mai vì thế mà vào trại tị nạn với hai bàn tay trắng, vì tôi đã tước

đi tất cả của cải họ tích góp được trong bao nhiêu năm. Tội nghiệp Thuỳ Mai, cô ấy bị cha mẹ hắt hủi, xa lánh, còn hơn là kẻ thù nữa. Gia nhập trại tị nạn vào mùa đông năm ấy, thậm chí cô ấy còn không được ngủ trên giường, không có quần áo ấm. Mẹ cô ấy tìm mọi cách để đưa bé trong bụng cô ấy không thể chào đời được. Còn cha cô ấy, ông ký Thái, thì như người đã chết rồi. Suốt mấy năm trời tôi không nghe ông ấy nói một lời nào, với bất cứ ai. Ông ấy để mặc cho vợ than thân trách phận, để mặc cho thằng cháu trai gào khóc... chỉ lúc không chịu được ông hét lên, rồi đuổi tất cả ra ngoài. Hồng Long Dobré, tên thằng con trai của Thuỳ Mai, ra đời như một phép lạ. Vì nó không được ai chào đón trong cuộc đời, trừ người mẹ tội nghiệp của nó. Nó nhỏ xíu, to bằng một bên bắp tay của tôi, chỉ biết nằm khóc và vặn vẹo thân hình bé nhỏ trong một cái ổ đan bằng tre. Suýt nữa thì nó bị đưa vào trại cô nhi vì bà ngoại từ chối nuôi nó, cho rằng nó không thể sống được đến một tuổi. Và cảnh tượng bi đát ở trên tàu liên tục lặp đi lặp lại trong gia đình ấy. Thuỳ Mai giành lấy đứa con, cô ấy và nó thậm chí không còn đủ hơi sức để khóc. Tôi từng chứng kiến nhiều lần cô ấy ngồi ở một góc nhà, ôm đứa bé trên tay và còng lưng chịu đòn của mẹ. Bà ấy trút xuống người cô những trận đòn vì đủ thứ tội: tội không có chồng mà có con, tội vượt quyền cha mẹ đi yêu một gã mỗ côi và sinh ra đứa con vô thừa nhận, tội... không chịu vứt đứa bé mà suốt ngày ôm ấp, bú mớm cho nó, mặc dù nó chả có sức để ăn... Đã có lần ôm đứa bé, tôi cảm thấy thật dễ dàng nếu muốn ra tay bóp chết nó. Nhưng Thuỳ Mai - tất nhiên

là vậy – luôn dè chừng và sẵn sàng lao vào chống cự, để giành đứa bé khỏi tay tôi như một con mèo cái dữ tợn. Tôi lấy điều đó làm vui vì cô ấy phải khóc lóc, van xin tôi đừng làm hại đứa bé, và vì thế cô ấy không thể tránh mặt tôi.

Một điều làm cho tôi vui, đúng hơn là làm cho tôi được an ủi trong chốc lát, đó là việc nhìn thấy bà ngoại hắt hủi nó, khi nó bắt đầu lớn. Khi Hồng Long qua được một tuổi, phép lạ nào đó giúp nó khoẻ lên, biết thềm ăn, thềm bế bồng và thềm được đi chơi. Nhưng bà ngoại nó sẵn sàng mua bánh cho những đứa trẻ khác trong khu tị nạn, chứ không bao giờ cho nó. Bà ôm ấp, hôn hít những đứa bé ăn mặc sạch sẽ, tay chân đeo kiềng vàng... còn cháu ngoại của mình thì vứt cho lăn lóc ở dưới đất, người ngòm đen đúa, gầy gò. Thằng bé khóc khản cả giọng cũng không được ai để mắt tới, trừ mẹ nó. Có những lúc thềm khát quá, nó lết người bò theo bà ngoại và đứa trẻ hàng xóm... Khi lớn hơn một chút, thì nó chạy lon ton theo sau, chìa bàn tay bé nhỏ ra xin chứ không dám đòi hỏi như những đứa bé khác...

Có lúc thấy Hồng Long tội nghiệp quá, chính tôi cũng phải cúi xuống, ôm nó và cho nó quà bánh. Vì tôi biết mẹ của Thuý Mai làm như thế cốt để cho tôi vui lòng, đồng thời tạo áp lực cho con gái mình. Nhưng cô ấy không để tôi chạm vào người thằng bé, nếu cô ấy có mặt ở đó... Cái cách phản kháng của cô ấy cũng rất khác thường, không lớn tiếng, không dữ dội, mà chỉ là im lặng. Cô ấy làm cho tôi sợ, cho dù lúc đó tôi đang cai quản trại tị nạn, quyền sinh quyền sát rất lớn. Biết được câu chuyện không hồi kết

của tôi và Thuỳ Mai, nhiều gia đình người Việt muốn gả con gái cho tôi, thậm chí nhiều cô gái khác công nhiên ngỏ lời, muốn hẹn hò với tôi. Ngày ngày tôi đến căn nhà của cha mẹ cô ấy, chỉ để cho cô ấy biết rằng: tôi vẫn chờ đợi cô ấy, chứ không muốn lấy ai khác. Nhưng Thuỳ Mai luôn luôn im lặng, cự tuyệt tôi. Tôi không thể nào nói một lời với cô ấy được, dù ngày ngày chứng kiến cuộc sống của cô ấy, quan sát cô ấy đến tận chân tơ kẽ tóc.

Sở dĩ xảy ra hoàn cảnh đó, cũng vì tôi đã nắm trong tay toàn bộ tài sản của cha mẹ Thuỳ Mai, đúng hơn là phần của nả mà mẹ cô ấy tích góp được – như lời tâm sự của bà ấy. Sau cuộc hành trình khủng khiếp ấy, tôi đã thẳng tay tổng hợp vào trại tị nạn chứ không giúp ông ký Thái đi tìm người thân ở Pháp. Suy đi nghĩ lại, tôi đã xin tạm hoãn nhiệm vụ ở Việt Nam để ở lại Grand Arènes, làm một chân giám thị, sau đó trở thành giám đốc của trại trong hơn ba năm. Lý do tôi nấn ná ở đó là do có số tiền của cha mẹ Thuỳ Mai, tôi muốn dùng nó để chăm lo cho cô ấy một cách tử tế. Đối với Thuỳ Mai, tôi không thể tước đi bất cứ quyền lợi nào của cô ấy, mà trái lại, còn muốn tặng cô ấy tất cả những thứ tôi có... chỉ cần cô ấy đừng ghét tôi, và đừng quá yêu thằng bé Hồng Long thay cho anh chàng người tình Trần Hồng Dương đã mất. Tôi mua một căn nhà ở gần cảng cá, đầu tư vào việc mua và sửa chữa một con tàu, và hứa hẹn với cha mẹ cô ấy rằng tôi sẽ trả lại họ tất cả, nếu Thuỳ Mai gửi đứa con lại cho ông bà rồi đi theo tôi, về đảo Corse, đi Paris hoặc Việt Nam... tùy ý cô ấy.

Tôi đã làm những gì tốt nhất có thể. Nhưng đáp lại, cô ấy đã âm thầm đăng ký học lại lớp sư phạm, ngay trong trại tị nạn. Ý định của cô ấy được vài thầy giáo trẻ, có quan điểm cấp tiến ủng hộ, đến nỗi họ đã đổi đầu với tôi, giám đốc của trại, để bảo vệ quyền học hành của cô ấy. Ngày ngày cô ấy đi con đường đi học, bất chấp sự phản đối dữ dội của cha mẹ, và bất chấp sự giận dữ của chính tôi. Trong khi nhiều cô gái trẻ khác lo kiếm một tấm chồng, hoặc buôn bán tích góp kiếm tiền, thì Thuỳ Mai chỉ lo hai việc, đó là học và bảo vệ thằng con trai yếu ớt của mình. Những tay thầy giáo trẻ kia tiếp tay cho cô ấy bằng cách mua sữa, mua quần áo, đồ chơi cho đứa nhỏ; tặng sách vở, tài liệu cho cô ấy, thậm chí còn xin được giấy phép cho cô ấy ra khỏi trại tị nạn vài ngày để đi tiếp xúc với các trường học gần đó. Thuỳ Mai quyết tâm học sư phạm, điều đó cũng dễ hiểu vì lúc còn ở Sài Gòn, những nữ sinh trường Gia Long như cô ấy được học để chuẩn bị làm cô giáo... Cô ấy đã làm cho tôi nản lòng, và quyết định quay về Việt Nam. Nhưng cha mẹ của cô ấy hứa sẽ làm cho cô ấy nghe lời, chịu cưới tôi và tránh xa đứa con không được thừa nhận ấy. Họ đã van xin tôi phải giữ lời hứa, đừng vì những cô gái đã gặp, và sẽ gặp mà quên con gái họ. Tôi đã quát họ thật to để tự át đi nỗi buồn của chính mình: "Ông bà không bảo được cô ấy mà dám dặn dò tôi sao? Thật là nực cười!" Bằng câu nói ấy, tôi đã để lại cho họ một gánh nặng vô hình, buộc họ phải thực hiện cho bằng được kế hoạch của tôi...

Nhưng khi đó đã là năm 1950, nhiều thứ đã thay đổi, nhất là cục diện giữa người Pháp và người Việt ở Đông Dương. Qua những lời kể không còn mạch lạc của Pierre – khi ông nói về chính mình – thì cao su bắt đầu mất giá nghiêm trọng. Việt Minh đã tổ chức được nhiều trận đánh, giúp công nhân cao su tổ chức nghiệp đoàn để đấu tranh với những ông chủ đồn điền. Đất đai thuộc sở hữu của Pierre không còn bán được nữa, mặc dù ông ta muốn bán để lấy lại tiền vốn của mình. Vì đất đó nằm trong vùng tranh chấp kéo dài, ban ngày thuộc quyền quản lý của người Pháp, nhưng ban đêm không ai dám lai vãng vì nghe nói người Việt chiếm đóng như căn cứ địa của họ. Chính Pierre có lần tưởng đã phải bỏ mạng ở đó, khi ông ta cho nổ súng bắt người, giết người. Trong một đêm, công nhân nổi dậy, bắt trói ông ta và cả chục tên lính, cùng cai xu người Việt, bắt tất cả quỳ dưới gốc cao su để luận tội. Pierre đã rùng mình, vì tưởng rằng Trần Hồng Dương chưa chết – anh ta sống lại để làm nốt cái việc mà một đêm tháng giêng năm 1943 đã bị thất bại, đó là ám sát ông... Chính vì sợ hãi mà ông đã tìm mọi cách bán tổng bán tháo tài sản của mình để xin về Pháp. Dù sao ở đó vẫn còn nơi nương náu, còn bao nhiêu hứa hẹn, hy vọng... Nhưng đời làm quân nhân không phải dễ thay đổi, vì trong mắt thượng cấp, Pierre là một sĩ quan dạn dày kinh nghiệm ở miền Nam Việt Nam, đã có không ít chiến công nên ông không có cơ gì thoái thác nhiệm vụ. Pierre bị điều ra Côn Đảo, xuống miền Tây Nam bộ, sang Campuchia, rồi lại quay trở về Việt Nam, ra Điện Biên Phủ. Đó là nơi chấm dứt sự nghiệp của hàng

chục ngàn quân nhân người Pháp, trong đó có Pierre Fournier.

Năm 1954, khi Pierre quay về Pháp thì mẹ ông đã mất. Điều đó làm ông vô cùng hụt hẫng, vì ông vẫn hy vọng sẽ kết hôn với Thuỳ Mai và về sống chung với mẹ. Chiến sự ở Việt Nam cũng chẳng khác gì ở đảo Corse, và điều Pierre thâm thía là ông có thể đi chém giết ở một nơi nào đó, còn quê hương ông thì bị kẻ khác mang bom đạn tới tàn phá. Và khi ông giơ súng lên bắn một người Việt, thì quê hương Corsica của ông cũng có hàng trăm, hàng ngàn người phải bỏ mạng vì súng đạn. Trong đời Pierre, cuộc hành quyết khiến ông bị ám ảnh lớn, đến mức mất ăn mất ngủ kéo dài, chính là lần ông bắn Trần Hồng Dương trên núi Chúa Chan. Tưởng rằng như vậy là trừ khử được một tên Việt Minh nguy hiểm, và loại bỏ được một đối thủ trong tình yêu... Nhưng không, tất cả đều cho kết quả ngược lại. Trở về Pháp vào năm 38 tuổi, những vầng hào quang ở Đông Dương trở nên xa xôi, mất hút, Pierre chỉ còn là một con người chán nản, rệu rã, không thích nghi được với cuộc sống mới. “Không có ai tung hô một tên lính thất trận, càng không có một chính phủ nào biết ơn một đội quân thất trận...” Pierre cay đắng nói với Leroy. Tìm về trại tị nạn Grand Arénas, bà Thuỳ Mai đã trở thành một cô giáo rất xinh đẹp, giỏi giang và tự tin, nhưng vẫn không thêm nói với ông một lời. Suốt những năm tháng dài, Pierre chỉ còn biết qua lại căn nhà nhỏ hẹp của cha mẹ Thuỳ Mai trong trại tị nạn, uống rượu, tự dày vò mình. Nhưng khi

Pierre đã xuất ngũ, và phá sản, thì tầm ảnh hưởng của ông đã giảm đi rất nhiều. Nhất là họ không còn hy vọng ông ta sẽ trả lại phần tài sản đã đầu tư vào ngôi nhà và tàu đánh cá. Và trong tâm trạng chán nản, vô dụng đến cực độ ấy, ông đã giết người bằng một khẩu súng ông giấu kỹ sau khi bị giải giáp khỏi Điện Biên Phủ.

Đó cũng là lúc bà Thuỳ Mai xin được quyền công dân và đi khỏi trại tị nạn. Bà đã âm thầm chuẩn bị tất cả mọi thứ: nơi ở, công việc, thậm chí cả nơi gửi trẻ cho Hồng Long Dobré... Nhưng khi bà đi, mọi chuyện bại lộ và đứa bé bị bắt lại, như một con tin buộc bà ở lại. Nhưng lần này không phải vì Pierre. Hồng Long đã 9 tuổi, tuy vẫn đau ốm và gầy gò, nhưng theo lời kể của Pierre Fournier, thì cậu bé thông minh, lém lỉnh không khác gì Bình An sau này. Điều làm cho tất cả mọi người kinh ngạc là bà Thuỳ Mai dám dứt áo đi khỏi trại tị nạn mà không có con trai đi cùng. Bà chấp nhận để nó lại với ông bà ngoại, là những người trước đây không hề yêu nó. Pierre Fournier bị bắt, bị tạm giam một thời gian, rồi sau đó phải điều trị tâm thần kéo dài. Ở trong tù, ông đã viết đơn thỉnh nguyện, xin tặng lại tài sản của mình cho cha mẹ Thuỳ Mai, song chính vì tình trạng tâm thần của ông mà chính quyền không giải quyết đơn đó, cho đến lúc có xác nhận của bác sĩ rằng chấn thương tâm thần ấy không ảnh hưởng đến nhận thức của ông. Cuối cùng, đến năm 1965, họ mới nhận lại được tài sản của mình, trước khi trại tị nạn Grand Arènes đóng cửa một năm.

Trong suốt gần 10 năm ấy, Pierre biết rõ Thuỳ Mai vừa dạy học, vừa tiếp tục học đại học, và nhất là không kết hôn với ai. Bà quyết tâm mua được một căn nhà riêng để đón cha mẹ và con trai ra chung sống với mình. Nhưng làm giáo viên trung học rất nghèo, bà lại sống âm thầm, khép kín nên mười mấy năm sau quyết tâm ấy vẫn chưa đạt được. Bà phải sống nhờ trong những căn nhà dột nát thảm hại, những căn nhà trọ tồi tàn... thế nhưng ở đâu bà cũng giữ được nếp sống gọn gàng, ngăn nắp, song tách biệt với tất cả mọi người. Trong khi đó, tài sản mà Pierre tặng lại quá lớn, so với một người Việt sống lâu năm ở Pháp; còn đối với những người trải qua mười mấy năm ở trại tị nạn thì điều đó gần như là phép lạ. Không biết có phải nhờ khối tài sản ấy, hay do điều gì khác mà ông bà ký Thái lại quay sang yêu quý đứa cháu ngoại độc nhất của mình. Họ cưng phụng dưỡng bé – lúc này đang dần bước vào tuổi thanh niên - một cách thái quá, cưng chiều nó như một ông hoàng con. Vẫn là thái độ thái quá của bà ngoại, bên cạnh sự im lặng đến mức bàng quan, vô cảm của ông ngoại dành cho đứa cháu trai. Biết được Pierre vẫn yêu Thuỳ Mai đến si tình, tuyệt vọng, họ đã chỉ vào Hồng Long mà nói rằng: “Anh xem đứa con trai của Thuỳ Mai khi lớn lên có giống cha nó không? Nếu như con gái tôi mà lấy một người thân tàn ma dại như anh, thì không biết hai người sẽ sinh ra những đứa con như thế nào...” Câu nói ấy chấm dứt tất cả những mối quan hệ của Pierre với gia đình họ, khiến ông tự cấm cửa mình, không bao giờ bước chân đến căn nhà bên cảng cá ấy nữa. Quay trở về đảo Corse, ông đã gục lên cây thánh

giã bên mộ mẹ mà khóc, rồi uống rượu, đập phá... càng ngày càng lún sâu vào cuộc sống đơn độc, đầy những thất bại.

Nhưng đứa bé, tức là Hồng Long Dobré, lại không hề yêu thương ông bà ngoại, những người chung sống với nó. Thậm chí nó cũng không yêu mẹ mình, có lẽ vì bà Thuỳ Mai đã để nó đơn độc quá sớm. Mới khoảng hai mươi tuổi, Hồng Long sống như một người bị trầm cảm, sẵn sàng chết bất cứ lúc nào, chỉ muốn làm theo ý mình, bất chấp mọi lời khuyên răn của người khác. Mọi người có thể lo lắng cho anh ta mọi thứ, nhưng anh ta không hề đáp lại, dù chỉ là mảy may. Cách sống mà anh ta chọn là không học, không làm gì cả, không chia sẻ tình cảm với bất cứ ai, không chịu trách nhiệm bất kỳ điều gì. "Giống hệt như ông ngoại của nó, ông ký Thái ấy. Tôi dám cá với anh là nó đã kịp phá hết tài sản của ông bà ấy, và cả của mẹ nó, trước khi chết..." – Pierre nói. Và Leroy chột hiểu vì sao anh ta lại từ giã cõi đời vì dùng ma túy quá liều. Hẳn là lúc Hồng Long còn sống, bà Thuỳ Mai đã tuyệt vọng nhiều lắm, vì đứa con trai duy nhất của mình luôn chán sống, trầm uất. Và suốt cả cuộc đời không quá ngắn, cũng không quá dài của mình, anh ta cũng chẳng có được một ngày nào hạnh phúc. Bởi chính tuổi thơ bất hạnh đã là một nỗi ám ảnh lớn, đeo đuổi và đánh gục anh cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời.

Đến khoảng năm 1975 thì Pierre Fournier hoàn toàn không biết tin tức gì về gia đình bà Thuỳ Mai, cho đến gần đây, một cú điện thoại từ Paris đã gọi lại toàn bộ quá khứ

ấy. Đó chính là điện thoại của bà Martin Coline, chủ bút tờ báo M, bà tự xưng là người bảo vệ quyền lợi và danh dự cho ông. Nó làm ông ta mất ăn mất ngủ, thậm chí không còn muốn quay về Marseille nữa. Bởi ông sợ bà Thuỳ Mai sẽ dần khám phá ra bí mật của ông, mặc dù vẫn tha thiết mong được gặp lại bà, dù chỉ trong chốc lát...

- Thưa ông, thế còn bà Lương Thị Huệ, còn gọi là Hai Huệ. Vì sao ông cũng phải phục bắt người phụ nữ này cho bằng được? Và vì sao lại có nhà tù Côn Đảo trong câu chuyện này?

Leroy không khỏi đưa ra câu hỏi ấy, mặc dù Pierre Fournier – tên “lãnh chúa” của Scandola – và chính anh đang phải trải qua những giờ phút rất nặng nề vì quá khứ. Pierre đã chống thẳng nòng súng sẵn xuống đất, để tựa vào nó, tiếp tục câu chuyện của mình. Ông nói:

- Trước hết là vì nhiệm vụ. Chính quyền Sài Gòn đã gửi ảnh của cô ta và nhiều người khác cho chúng tôi, yêu cầu chúng tôi phải tìm bắt cho bằng được. Trong tổ chức Vệ quốc đoàn, thì Trần Hồng Dương là cấp chỉ huy cỡ trung, là đội trưởng của đội quân khí, chuyên chế tạo ra những vũ khí để đánh úp người Pháp. Xưởng quân khí của anh ta nằm sâu trong Chiến khu Đ, nhưng vì nhiệm vụ nên anh ta cứ phải đi đi về về giữa Chiến khu Đ và mật khu Hầm Hình ở Xuân Lộc. Còn Hai Huệ là thuộc cấp trực tiếp của anh ta ở cánh Hầm Hình, có rất nhiều triển vọng trở

thành một người lãnh đạo. Cô ta có nhiệm vụ chuyển thư từ, hiện vật đường dài, đồng thời bảo vệ cho Trần Hồng Dương. Còn nói thực, theo như tôi biết thì Thuỳ Mai chỉ là một người có cảm tình với Việt Minh, chưa chính thức được tham gia tổ chức. Các hoạt động của Thuỳ Mai là gần gũi dân chúng, giúp họ hiểu về Việt Minh, về cuộc cách mạng; giúp họ học hành, giữ vệ sinh, nâng cao dân trí; quyền góp thóc lúa, tiền bạc... Tôi đã phì cười khi ngồi phân tích nhiệm vụ và mối quan hệ giữa họ, không chỉ để phục vụ cho công việc, mà còn tìm cách để giành lấy Thuỳ Mai. Và nhận định của tôi khá chính xác.

Khi bắt được Hai Huệ, tôi đã gặp riêng và hứa sẽ trả tự do cho cô ta ngay lập tức, nếu cô ta đồng ý giúp tôi ly gián được Thuỳ Mai và Trần Hồng Dương. Thế nhưng cô ta không chỉ không đồng ý, mà còn lớn tiếng chửi bới tôi thậm tệ. Cô ta rất gan lì, rất trung thành, và phải nói là rất... cố chấp. Dù tôi đã cố gắng thân thiện với cô ấy, khơi gợi tình bạn của cô ấy và Thuỳ Mai từ hồi còn học trường nữ Gia Long, nhưng trước sau gì cô ấy vẫn chỉ mặt tôi, gọi tôi là một tên thực dân tham lam, dối trá. Tôi đã giao cô ấy cho những tên lính sùng sỏ kinh nghiệm, đánh đập tra tấn, thậm chí dùng nhục hình... đối với cô ấy. Nhưng đáp lại vẫn là những lời mạt sát ngày đêm vang vọng trong nhà giam. Cô ấy chửi đến nỗi người nghe là tôi cảm thấy phát sợ, vậy mà cô ấy không hề thấy chán. Trái lại, mỗi khi đề cập đến Trần Hồng Dương, cô ấy đều hết lời ca ngợi, nâng niu. Điều đó khiến tôi nghĩ rằng chỉ cần tôi bắt được anh ta,

rồi đem tặng cho Hai Huệ là xong chuyện. Thế nhưng qua hơn hai tháng, tôi đành phải quyết định chuyển cô ấy về nhà lao Thủ Đức, vì không có cách nào khuất phục cô ấy được. Cô ấy tự hào vì mình là người cộng sản, là đồng đội, đồng chí của Trần Hồng Dương, và là người dẫn dắt cho Thuỳ Mai, người yêu của Trần Hồng Dương, đi theo con đường chính nghĩa... Tất cả những điều đó khiến tôi điên lên hàng ngày, hàng giờ một. Tôi phải tổng khứ cô ấy đi để tập trung đối phó với những trận đánh của Vệ quốc đoàn, trong đó có trận Bảo Chánh mà tôi được mật báo sẽ có Trần Hồng Dương tham gia...

Bẵng đi gần năm năm sau, khi tôi đã rời chiến trường Xuân Lộc, đi xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long một thời gian, tôi được chuyển ra Côn Đảo, làm cố vấn quân sự cho quản đốc Henri Lafosse, là vị quản đốc thứ 38 ở đây. Lúc đó, chính phủ Pháp nhận định Việt Minh đã quá lớn mạnh, khó lòng kiểm soát được, ngay cả trong nhà tù. Với kinh nghiệm lâu năm và danh tiếng của tôi ở Xuân Lộc, tôi sẽ giúp quản đốc nhà tù Côn Đảo dập tắt những cuộc đấu tranh từ trong các phòng biệt giam... Đó là điều chính quản đốc Henri Lafosse đã nói với tôi. Ở Côn Đảo vài ngày tôi phát hiện ra Hai Huệ có mặt trong đám nữ tù ở đây. Sau khi bị đưa về Thủ Đức, cô ta đã ra tù, và vẫn tiếp tục tham gia chống Pháp. Hình như là trong năm năm đó, cô ta đã kịp kết hôn với một cán bộ, và đã có con. Qua đối chứng nhiều nguồn tài liệu và nhân chứng, tôi tạm kết luận là chồng của Hai Huệ đã chết. Cô ấy vừa sinh con xong đã

gửi con lại cho gia đình ở Sài Gòn, rồi đi làm nhiệm vụ và bị bắt vào đầu năm 1952, ở Tây Ninh. Cô ấy đã liên tục chống đối trong tù, nên mới bị đưa ra đến đây. Có vẻ như cô ta đang là một thủ lĩnh giấu mặt trong đám tù nhân nữ, được họ bảo vệ như trong một tổ chức rất kỷ luật của những người cộng sản. Nhận định như vậy, tôi đã hoá trang rất kỹ, và quan sát cô ta trong vài tuần. Khi có cơ hội, tôi đã cho giải cô ấy lên phòng làm việc để gặp riêng tôi.

Không ngoài dự kiến của tôi, Hai Huệ chẳng cần tôi cất đồ hoá trang đã nhận ra “cổ nhân” – theo cách gọi của cô ấy. Tôi cũng chẳng nói dài dòng, đề nghị luôn rằng cô ấy hãy đồng ý đầu hàng đi. Chỉ cần đầu hàng chính quyền Pháp là cô ấy được tự do, muốn làm gì thì làm. Đổi lại, cô ấy phải giúp chúng tôi lấy thông tin từ những nữ tù còn lại, vì hầu hết những người cộng sản khi bị bắt đều khai tên giả, lai lịch giả. Nói tóm lại, Hai Huệ sẽ trở thành “tù nhân áo trắng”, được ăn ngon, mặc ấm, không còn bị ngược đãi trong khu biệt giam nữa. Đã có vài người tù nhận lời làm theo mật lệnh của quản đốc nhà tù, nhưng tất cả đều là nam giới. Hai Huệ là phụ nữ, cô ta còn có thêm cơ hội cưới một người chồng là lính Pháp hoặc lính Việt trên đảo, hoàn toàn có thể trở thành một bà hoàng giữa bối cảnh hòn đảo nhỏ chỉ có toàn đàn ông với đàn ông...

Không chờ tôi nói hết điều đó, Hai Huệ đã đập bàn, mắng tôi là một gã thực dân vô biên, chẳng biết gì là tình yêu, tình người, là lý tưởng, là lẽ sống của người Việt Nam... Vì sao tôi lại không biết, không hiểu cách sống của

họ, cách yêu của họ?! Tôi ra đôn luôn, rút ví lấy ra tấm ảnh của Trần Hồng Dương chìa cho cô ấy. Đó chính là tấm ảnh tôi đã thu được trên người Hai Huệ trong lần bị bắt vào năm 1947, mặt sau có mấy ký tự được viết lồng vào nhau rất đẹp, chính là những chữ Ba Dương và Hai Huệ. Tôi nói rằng tôi không tin vào tình yêu mà cô ấy vừa nói, vì tôi biết cô ấy yêu Trần Hồng Dương, sẵn sàng sống chết vì anh ta. Chỉ vì không thể có được tình yêu với người chỉ huy của mình, cô ấy mới phải lấy người khác để lấp lỗ trống trong trái tim. Tôi kết luận đó là một tình yêu vô nghĩa, thậm chí rất đáng thương. Những tình yêu mà cô tôn thờ đều vô nghĩa, đáng thương. Vì Trần Hồng Dương đã chết lâu rồi, còn Thuỳ Mai đã sang Pháp, đang là vợ chưa cưới của tôi... Chỉ cần có vậy, Hai Huệ đã lao vào tôi, thiếu điều muốn giết tôi. Cô ta thét lên: *"C'est vous qui l'avez tué ! Je le vengerai. Non me parlez pas des traîtres¹"*. Kể từ khi đó, cô ta lại mắng chửi tôi, không tha cho cả chúa đảo Jarty lẫn quản đốc Henri Lafosse. Cái cách cô ta làm là hô vang lên những lời tố cáo trong xà lim, để cả trại tù xung quanh hưởng ứng. Họ không nhìn thấy mặt nhau, nhưng đồng lòng lên tiếng lên án tôi, lên án chúa đảo, lên án chế độ thực dân... trong lúc bị cùm sắt khoá chân. Năm đó, việc nữ tử tù Võ Thị Sáu bị xử bắn đang bị phản đối dữ dội từ nhiều phía. Để tránh gây tiếp ra điều tương tự, và không muốn thấy các nữ tù lôi kéo nhau phản đối, chửi rửa kéo dài... họ

¹ "Chính mày đã giết anh ấy! Tao sẽ trả thù cho anh ấy! Đừng có nói chuyện với tao về những kẻ phản bội..."

đành phải chuyển tôi về đất liền, thay đổi hình thức quản lý trại giam. Tôi đành nuốt nỗi điên giận vì thất bại vào lòng, vì đây cũng là sự thất bại trước một người phụ nữ, trước tình yêu của cô ta. Và tôi dự cảm đối với Thuỳ Mai cũng thế, dù tôi có tài giỏi đến thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ phải thua... Nói tóm lại, không chỉ trong tình yêu, mà còn trong nhiều thứ khác, tôi đều thua trước Trần Hồng Dương, một đối thủ đã chết...

Sau này, thông qua những người quen biết đã từng ở Côn Đảo, Pierre biết được rằng Lương Thị Huệ - tức Hai Huệ, được thả về sau năm 1954. Nhưng bà ta tiếp tục đi theo cách mạng, trở thành một "nữ Vi xi" rất có uy tín, nên đến năm 1969 lại bị bắt qua nhiều nhà tù, rồi lại ra Côn Đảo lần hai, và ở đó cho gần đến ngày giải phóng miền Nam (tháng 4/1975). Hai Huệ nổi tiếng là một người cứng rắn, không hề có tình cảm nam nữ với bất cứ ai, không hề bộc lộ cảm xúc về một chuyện gì... Thế nhưng, trong một lần tuyệt thực, rồi bị bệnh rất nặng tưởng không qua khỏi, bà suýt nữa bị đưa đi chôn ở nghĩa trang Hàng Dương. Di vật để lại trong cái túi cá nhân là một cuốn sổ mỏng ghi lại những điều quan trọng trong cuộc đời bà. Trong đó, bà kể lại mỗi tình đơn phương đào sâu chôn chặt trong lòng biết bao nhiêu năm dành cho người chỉ huy tên Trần Hồng Dương, bí danh là Ba Dương. Bà nhờ những người bạn tù nhắn gửi lại rằng: Nếu thật sự Thuỳ Mai đã sang Pháp và cưới Pierre, và nếu ông Trần Hồng Dương còn sống (điều bà luôn hy vọng), thì hãy chờ bà...

Cuốn sổ ấy đã không trở về tay Lương Thị Huệ, mà đi một vòng gần khắp Việt Nam. Do lúc bà bị đưa đi chôn, cha tuyên úy trên Côn Đảo phát hiện bà còn sống nên can thiệp đưa bà về Sài Gòn phẫu thuật, những người bạn nữ tù đã xem và quyết định phải giữ gìn cuốn sổ này bằng mọi giá, để đưa về đất liền như một bằng chứng cho cuộc đấu tranh của họ. Bà Hai Huệ tin là cuốn sổ đã mất, cho đến sau năm 1975, khi đã ổn định cuộc sống, bà mới nghe nói câu chuyện của bà đã được kể lại trên báo. Dần dần bà được coi như một nhân chứng của chiến khu Hàm Ninh, Xuân Lộc. Sau nhiều lần gọi câu chuyện đau buồn với bà Thuỳ Mai, Leroy hiểu được rằng cuốn sổ bí mật ấy được một người bạn tù mang theo trong lần trao trả tù binh sau hiệp định Paris năm 1973, ra tới miền Bắc và được báo chí miền Bắc kể lại với mục đích đấu tranh phản đối chiến tranh, đồng thời tìm lại tung tích của ông Trần Hồng Dương, người chưa rõ là bị giết từ thời Pháp hay phản bội Việt Minh? Sau năm 1975, bà Hai Huệ trở về Xuân Lộc để sống, và dành nhiều năm kiếm tìm ông Trần Hồng Dương, thậm chí đã lập mộ gió để thờ ông.

CHƯƠNG V: KẾT

(Trích nhật ký của Phillipe Leroy)

1.

...Tháng 6 năm 1998. Khi tôi tới thăm bà Thuỳ Mai và Bình An, thì bà không thể đi cùng chúng tôi xuống đồi để đón chuyển xe điện đi vòng quanh thành phố nữa. Bình An đóng vai một chủ nhà mến khách, đã dẫn tôi đi đến những nơi giải trí mới mà cậu thích, có cả một cô bạn gái tóc vàng cùng đi. Chúng tôi đã đi ăn, đi trượt patin, rồi xem phim đến khuya. Bộ phim *Taxi* vui vẻ, hài hước. Sau đó, Bình An đề nghị tôi mua một túi bắp và một bông hoa ở rạp chiếu phim để về tặng cho bà nội của cậu. Nhìn hai cô cậu vừa nắm chặt tay nhau vừa bước đi, tôi không hiểu Bình An nghĩ gì, song từ đó toát ra một thứ uy lực nào đó của tuổi trẻ, rất vô hình. Tôi chiều ý cậu bé với một nụ cười, nhưng trong lòng thì rối bời những suy nghĩ, những dự định.

Bà Thuỳ Mai chỉ có thể ở nhà chờ chúng tôi trở về, cùng với món bánh nướng và sữa nóng. Đó là tất cả cố gắng của bà, vì bà di chuyển rất khó khăn, phải nhờ cây nạng bốn góc có gắn bánh xe. Nhưng nhận túi bắp rang và

bông hoa của tôi, bà cười rất vui, nét mặt rạng rỡ như đang trẻ lại. Tôi nói đùa là trông bà giống như nàng công chúa đi lạc trong rừng cao su, một nàng công chúa Á Đông; đó là hình ảnh đẹp nhất của bà. Bà cười vui, nói rằng bà thuộc về nơi ấy, những tấm ảnh tôi đã chụp cho bà ở Xuân Lộc là những tấm ảnh đẹp nhất cuộc đời bà. Bà đã yên tâm về việc chuẩn bị tấm di ảnh cuối cùng, để đến lúc “ngồi trên bàn thờ không sợ xấu, cũng không sợ không có ai nhận ra mình”. Bình An ôm vai bà nội, xiết chặt đến mức không thể xiết chặt hơn nữa trước khi từ biệt bà đi ngủ... Cậu không nói gì, nhưng đôi mắt cậu rất buồn, rất cô đơn.

Đêm ấy trăng cũng sáng lồng lộng, tuôn đổ vào căn phòng vẫn dành cho Hồng Long Dobré lúc còn sống. Tôi đã nằm suy nghĩ rất lâu, trước khi quyết định sang gõ cửa phòng bà Thuỳ Mai, đề nghị được nói chuyện. Bà mời tôi vào phòng, nhưng không ngồi dậy được. Phủ tấm chăn mỏng lên đầu gối, bà ngoan ngoãn ngồi nghe tôi nói chuyện về Pierre Fuornier, cùng với lời thỉnh cầu của ông ta. Ông ta muốn gặp bà, dù chỉ trong chốc lát, để tự mình nói vài điều thuộc về quá khứ của cả hai người...

Hình như tôi đã quá cố gắng trong việc nhập vai cho giống Pierre. Chính bà Thuỳ Mai phát hiện ra điều đó. Bà bảo rằng tôi đang cố giấu sự thô lỗ, ngượng ngịu của ông ta mỗi lần đối mặt với bà. Rằng trông tôi rất giống Pierre những ngày ông ta trở lại trại tị nạn sau chiến tranh. Vì sao tôi lại làm điều đó một cách vô thức, trong khi tôi đã từng

cùng bà trở về Việt Nam, cùng chia sẻ với bà những kỷ ức tình yêu đẹp đẽ với Trần Hồng Dương...?

Bà đã hỏi tôi như thế. Cảm nhận của bà khiến tôi lạnh gáy. Tôi kể cho bà nghe về Scandola, về cuộc sống hiện tại của Pierre Fournier. “Ông ấy gần như loà hai mắt. Điều duy nhất ông ấy cầu xin bà, là cho ông ấy gặp mặt, để nhìn thấy bà một lần trước khi hoàn toàn không còn nhận ra được ánh sáng. Bà biết đấy, tôi có thể giúp ông ấy toại nguyện, bằng cách tự ý đưa ông ấy đến đây... Nhưng mà tôi đã không thể làm như vậy...”

Lần thứ hai trong ngày bà Thuý Mai nở nụ cười xinh xắn đến thế. Bà nói:

- Được rồi Leroy! Tôi không có gì phiền anh cả. Anh là người có mỗi từ tâm, và anh sẽ sống một cuộc đời vui vẻ, ấm áp. Song Pierre thì không bao giờ, tôi không muốn thấy, hoặc muốn nghe gì về ông ta cả. Trong thế giới mà tôi đang sống, không có một chỗ nào dành cho ông ta hết.

Câu nói đó gần như là kết luận sau cùng của bà. Nhưng tôi đã xin bà một đặc ân nữa, đó là đặt một câu hỏi có thể làm cho bà nổi giận.

- Thưa bà. Vậy tại sao bà lại có thể ngay lập tức nhận ra hình bóng của ông ấy, qua lời nói và cử chỉ của tôi?

- Ô, Leroy! Đến hơn 50 tuổi rồi mà vẫn như một cậu bé. Người ta đâu có nói người vô hình là người không có thật? Người ta cũng đâu có nói hiểu biết về một con người sẽ giải quyết được những điều liên quan đến con người ấy.

Đó chính là điều người ta vẫn phải chịu đựng nhau, và tha thứ cho nhau...

Tôi chẳng hiểu hết được lời nói ấy. Đến bây giờ, khi ngồi một mình trong một vạt rừng cao su im lặng, tôi vẫn chưa luận ra được điều ấy. Đêm trăng ấy, tôi đã hỏi bà: "Vậy nếu cần thiết có sự tha thứ, thì bà có sẵn lòng tha thứ không?" Và bà Thuý Mai trả lời: "Tôi thấy cần thiết tha thứ cho chính mình. Cho vơi bớt đau khổ. Cho đến lúc từ già cõi đời này không còn dằn vặt vì những khổ đau của chính mình..." Câu chuyện đêm ấy càng lúc càng bế tắc, khiến tôi quyết định dẹp nó qua một bên. Song có một sự thật cần phải đối mặt, đó là sức khoẻ của bà Thuý Mai đang xuống dốc không phanh. Bà đã hơn 70 tuổi, trong khi đó Bình An mới bước vào tuổi 14. Ngôi nhà xinh đẹp ở La Croix – Rousse đang dần tắt đi những tiếng nói cười, và Leroy chứng kiến những người học trò của bà Thuý Mai lặng lẽ đến rồi đi. Tuy không ai nói ra, song mọi người đều có chung một nỗi buồn, nỗi lo cho tương lai.

- Bà Thuý Mai, tôi xin đề nghị bà một việc – tôi đánh bạo nói với bà: Bà cho phép tôi nhận Bình An làm con nuôi nhé. Đó mới là mục đích chính của tôi hôm nay. Tôi đã suy nghĩ rất kỹ, và tôi muốn chia sẻ với bà việc chăm sóc cho Bình An...

Trong một khoảnh khắc rất lâu, bà Thuý Mai im lặng. Khi bà ngược mắt lên nhìn tôi, tôi nhận thấy đôi mắt bà đầm lệ. Bà nói:

- Tôi vẫn mong sẽ sống cho đến lúc Bình An đủ 21 tuổi. Nhưng e rằng không thể... Có lần nó nói rằng: "Nếu bà nội chết, con cũng sẽ chết theo bà nội!" Tôi đã sống như thế nào mà để nó suy nghĩ về cuộc đời một cách bi thảm như thế? Nghĩ về Bình An, tôi không đành lòng...

Tôi gạt đầu tỏ vẻ đồng tình với bà. Ở tuổi 70, bà không có ý định trở về thăm quê hương, không viết di chúc, không kết nối với tổ chức nào để lo cho tương lai của mình và Bình An. Quen biết bà nhiều năm, tôi nghiệm ra rằng tâm lý người Á Đông thường do dự trong những năm tháng cuối đời. Vì đó là những vấn đề lớn, không thể thay đổi được. Vĩnh viễn không thay đổi được. Hơn nữa, bà Thuỳ Mai lại chỉ có một mình, không ai thân thích bên cạnh.

- Xin bà suy nghĩ rồi quyết định. Tôi đã thăm dò suy nghĩ của Bình An, có vẻ như cậu ấy cũng đồng ý với giải pháp sẽ sống cùng với tôi, ở Lyon hoặc ở Paris đều được. Riêng tôi, tôi mong bà đồng ý, và chúng ta sẽ là một gia đình gồm có ba người, chứ không phải chỉ có Bình An và tôi...

Nhìn vào mắt tôi, rất lâu, bà hỏi:

- Anh không có ý định lập gia đình sao? Anh phải có một người được gọi là vợ chứ. Còn gia đình anh, họ hàng của anh. Anh không thể quên họ được.

Tôi dứt khoát lắc đầu nói với bà:

- Không cần có một người vợ, tôi cũng có một gia đình. Tuy khái niệm gia đình đối với tôi không giống như đa

số mọi người, nhưng tôi thấy ổn. Còn gia đình lớn, những người họ hàng của tôi, kể cả gốc gác xa xôi trong đời tôi, tôi đều không hề quên. Xin bà cứ yên tâm, tôi học được ở bà và ở cuộc đời một bài học là: Không chối bỏ. Nhưng tôi không có một tình yêu đủ lớn như bà đã có, mà chỉ có bà ngày hôm nay, có Bình An. Như vậy là đủ đối với tôi rồi...

2.

... Tháng 9 năm 2000

Thuỳ Mai yêu quý! Xin hãy yên nghỉ nhé! Tôi ước có thể chia sẻ cho bà thời gian của tôi, sức sống của tôi. Nhưng đó là điều bất lực duy nhất trong đời, tôi phải chứng kiến giây phút tâm hồn bà bay đi, không có cách gì lôi kéo lại được. *"Tôi bay về Việt Nam, về núi Chúa Chan, về căn hầm nhỏ được tết bằng lau trắng và hoa rừng ở mật khu Hầm Hình, cùng với anh Trần Hồng Dương. Vĩnh biệt anh, Phillipe Leroy!"* Bà đã thì thầm vào tai tôi những lời cuối cùng, rồi bà bay đi, với một nụ cười mơ hồ trên môi. Động lại trên tay tôi là hơi ấm của bàn tay bà, cùng với một mùi hương tinh khiết, bí ẩn làm tôi liên tưởng đến cái đêm được tá túc trên chùa Bửu Quang - ở núi Chúa Chan.

Xin hãy yên nghỉ nhé! Tôi đã phóng lớn những tấm ảnh đẹp nhất của bà, để treo xung quanh nơi bà nằm, trước khi tiễn bà đi khỏi đồi La Croix – Rousse và ngôi nhà xinh đẹp của bà. Học trò cũ đến viếng bà rất đông, cùng với một số đồng nghiệp và những người Việt sống trong vùng. Nhưng họ không khóc thương nhiều, mà dành thời gian để

ngắm nhìn ảnh của bà, ngôi nhà của bà, trò chuyện về bà. Tôi nói với Bình An là tuy bà ra đi, nhưng bà để lại rất nhiều, rất nhiều tình yêu cho ngôi nhà này, cho cậu ấy. Tôi nói với Bình An rằng cậu hãy sống hạnh phúc nhất có thể, đó là điều bà Thuỳ Mai mong muốn nhất. Và cậu phải sống cho đến lúc đủ sức mạnh, đủ trí khôn để tìm về nguồn cội tình yêu của mình, đó là Sài Gòn – nơi bà nội cậu sống gần 20 năm; đó là Xuân Lộc – nơi diễn ra mối tình lớn giữa ông nội và bà nội cậu, và cũng là nơi ông nội cậu hy sinh, đến giờ vẫn chưa tìm được di thể... Còn rất nhiều điều cần phải làm, nhưng bà nội đều không nói, vì không muốn để lại những áp lực lớn cho cậu.

Bình An đã làm một điều mà tôi không dám làm, đó là ôm chặt lấy thân thể cứng lạnh của bà Thuỳ Mai mà hôn, mà khóc. Tôi không vượt qua được những định kiến của xã hội, nên chỉ có thể chia tay bà vào giây phút cuối, để rồi chỉ có thể ngắm bà, ôm hôn bà qua những bức di ảnh lấp lánh màu nắng và những tàn cây cao su xanh thẫm. Ngày ấy, ở Việt Nam đầy nắng. Bà và những cây cao su non tơ đang hồi sinh, đang lớn dậy, bắt chắp những mát mát, đau khổ thẫm đẫm mảnh đất dưới chân mình.

Thuỳ Mai yêu quý! Xin hãy yên nghỉ và quên hết những muộn phiền. Tôi biết bà hài lòng về cuộc sống này. Vì khi tôi nói với bà những điều Pierre Fournier, người cũng yêu bà đến giây phút cuối, rằng ông ta muốn chuộc tội vì đã giết chết Trần Hồng Dương, bà đã gật đầu. Bà nói một câu: *"Tôi biết những điều đó. Nhưng với tôi, anh Trần Hồng*

Dương đã yên nghỉ. Sau khi chết đi, tôi sẽ bay về nơi anh ấy nằm, dù bất kể ở đâu. Tình yêu có thể chỉ ra những con đường bí mật nhất, khó tìm nhất, tôi tin như thế...” Bằng cách ấy, bà đã khép lại vĩnh viễn một con đường. Tôi không thể tiếp tục đồng hành với bà, dù chỉ bằng một dấu giày. Chỉ có thể chúc phúc cho bà, để bà đi tiếp cuộc hành trình của riêng mình...

3.

...Tháng 4 năm 2005

Những người trồng rừng đã giúp chúng tôi khai quật những điểm nghi là có di thể của ông Trần Hồng Dương. Nhờ có họ mà chỉ trong một ngày, chúng tôi đã tìm ra ông. Mặc dù thực địa ở đỉnh núi Chứa Chan đã thay đổi nhiều so với mô tả của ông Pierre Fournier, nhưng nhờ đã tìm hiểu kỹ về ngọn núi này, tôi đã tìm được đúng nơi cần tìm. Chuyển đi với bà Thuỳ Mai cách đây hơn 17 năm thật là có ích, vì qua những lời kể của bà, qua những tấm ảnh tôi chụp được, tôi đã hỏi Pierre những điều cần thiết để xác định được vị trí ông Trần Hồng Dương nằm. Khi xem những tấm ảnh của tôi, Pierre đã kinh ngạc và ghen tị với tôi, vì tôi đến được núi Chứa Chan cùng với bà Thuỳ Mai, còn ông thì không. Ông đã nhiều lần ngỏ lời với tôi, muốn cùng tôi và bà Thuỳ Mai trở về núi Chứa Chan để tìm mộ ông Trần Hồng Dương. Thế nhưng bà Thuỳ Mai không hề quan tâm đến nguyện vọng đó. Và cuối cùng, chỉ có một mình tôi quay trở lại đây...

Bình An quỳ gối xuống bên cạnh lá cờ mở rộng. Cậu muốn tự tay mình gói di thể của ông nội lại, mặc dù di thể ấy chỉ còn lại chút xương và chiếc thắt lưng da. Những người ở huyện đội Xuân Lộc giúp cậu hoàn thành việc này một cách nhanh gọn. Nhờ có sự hợp tác của Pierre, tôi đã tìm cách liên lạc với họ, đặt vấn đề về việc tìm di cốt của ông Trần Hồng Dương, đồng thời sơ bộ xác định vị trí của ông. Thì ra họ cũng đang tiến hành tìm kiếm, quy tập những liệt sĩ đã hy sinh trong khu vực, và ông Trần Hồng Dương là một trong số những người còn bị nghi vấn vì mất tích không rõ nguyên nhân. Lời kể của Pierre, và những dấu hiệu trên thực địa cho thấy ông đã không hề đầu hàng cho đến chết.

Tôi quan sát và thấy Bình An không hề để rơi một giọt nước mắt, nhưng gương mặt cậu quá sức căng thẳng. Có vẻ như cậu không hiểu hết được niềm vinh quang dành cho ông nội cậu, mà cậu quá xúc động vì lần đầu tiên đi xa đến thế, lần đầu tiên đối mặt với tử huyệt, với người thân chẳng còn rõ hình hài... Nhưng khi mọi việc đã hoàn tất, cậu cúi hôn lên mép lá cờ, khiến tôi không phản ứng kịp, dù máy ảnh lúc nào cũng đeo bên người. Chỉ như một nụ hôn tạm biệt thôi, nhưng cậu ấy làm tôi nhớ đến bà Thuỳ Mai, lúc bà đứng ở đây chỉ cho tôi toàn cảnh cánh đồng Xuân Trường bên dưới. Tôi nhớ cả hai người, bà Thuỳ Mai và ông Trần Hồng Dương, như thể họ cùng hiện diện ở đây. Tôi giơ tay ra, nắm chặt lấy tay Bình An. Giây phút ấy thật là tuyệt, không thể nào diễn tả bằng lời được.

Pierre Fournier đã nói đúng, bên cạnh ông Trần Hồng Dương có tấm thẻ kim loại có dập tên và số hiệu đơn vị của ông ta. Việc hành quyết ông Trần Hồng Dương được thực hiện theo quy ước chiến tranh, như lời Pierre kể: “Giết đối thủ đang bị trói, không có khả năng phản kháng là điều hèn hạ. Vứt lại thẻ quân nhân trên xác đối thủ còn là hành vi của kẻ vô lại. Giết anh ta xong tôi không dám thông báo lại với ai, không dám nhận trách nhiệm của mình, chỉ vì tôi hy vọng sẽ gặp lại Thuý Mai... Nhưng tôi không làm lại được điều này nữa. Tôi chỉ mong cô ấy tha thứ. Biết để mà tha thứ...” Nhưng chắc là cả bà Thuý Mai và ông Trần Hồng Dương đều đã bỏ qua tội ác ấy, họ đã cùng nhau đi xa khỏi đám đông này. Họ muốn dành cho nhau những tình cảm riêng tư, những điều linh thiêng thánh thiện, cả những ước mơ không ai với chạm tới được... Pierre không thể biết được sự vượt thoát phi thường ấy, mặc dù cả cuộc đời ông theo đuổi họ, muốn thay đổi họ.

Khi chúng tôi xuống đến chân núi thì trời đã sập tối. Khung cảnh giống hệt như lần tôi đến đây cùng với bà Thuý Mai vào năm 1988, nhưng tất nhiên là không thể có bà ấy, và không có cả chiếc xe bò lộc cộc đi xuyên qua trời giông gió. Đợi chúng tôi là một đoàn người khá đông, có vẻ như họ vừa từ xa tới. Chúng tôi được giới thiệu đó là những người bà con của ông Trần Hồng Dương. Thực ra, chúng tôi cũng đang chờ đợi họ, vì hai bên đã liên lạc trước, và hẹn hò nhau khá lâu. Hiện chỉ còn một người chị của ông còn sống, giờ đã gần 90 tuổi. Những người còn lại là con

cháu của bà, và con cháu của người anh kế của ông Trần Hồng Dương. Sau mấy chục năm ly tán, họ đã tìm ra nhau, và khi biết được thông tin về người em trai của mình, họ đã tích cực đi tìm kiếm, thông báo cho nhau. Ngày hôm nay họ tập trung tất cả lại, để đưa di thể của ông về nghĩa trang dành cho những liệt sĩ của cả hai thời kỳ chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Ngoài ra, còn có con gái của bà Lương Thị Huệ, tức Hai Huệ, giờ đã gần 50 tuổi. Người phụ nữ ấy mắc bệnh thấp khớp nên không leo núi được, cô ta đã chờ ở chân núi gần cả ngày để đón họ hàng của ông Trần Hồng Dương.

Đón lấy phần thân thể của em trai được bọc trong lá cờ Tổ quốc, người chị ruột của ông Trần Hồng Dương bật khóc. Trông bà nhỏ bé, gầy guộc như cành cây khô lắt lay giữa trời chiều. Bà ngửa mặt lên trời mà nói to lên: “Em ơi, vậy là chị đã yên tâm mà nhắm mắt rồi! Em hãy yên nghỉ nghe em!” Rồi cả đoàn người bật khóc. Họ giang rộng vòng tay ôm lấy Bình An, kể từ đó cậu thanh niên người lai và những người anh em không còn phân biệt gì nữa. Từ đáy lòng, tôi mong chờ giây phút này, và muốn được xem cách họ chia sẻ tình thân như thế nào. Bởi tôi biết cuộc đời tôi không bao giờ có được giây phút ấy. Bình An đang làm thay tôi tất cả những gì có thể.

Ngày hôm sau, tôi đưa Bình An đến một khu Hầm Hinh, nằm ở phía bắc núi Chứa Chan. Nơi này vẫn còn hoang vắng, hầu như không có một bóng người. Tôi đã kể cho cậu nghe câu chuyện tình yêu giữa ông Trần Hồng

Dương và bà Thuỳ Mai diễn ra tại đây. Chúng tôi cùng ăn uống, cùng tắm bên dòng suối chảy ra từ mạch nước ngầm trong vất, rồi cùng ngủ một giấc thật say trên cặp võng treo giữa những tàn cây cổ thụ. Chợt Bình An nói với tôi: "Cậu Leroy ạ, Bình An đã hiểu vì sao bà nội thường để mở cửa sổ những đêm trăng sáng. Ước gì chúng ta có thể ở lại đây một đêm có trăng..."

Tiếng còi tàu vang lên xa xa. Tự nhiên tôi bật khóc. Khóc thật sự giữa buổi chiều vắng vẻ trắng xoá hoa lau và mây trời bàng lảng. Bình An ôm chặt lấy tôi và nói rằng: "Cậu Leroy! Cậu đã yêu bà nội của Bình An bằng một tình yêu rất đẹp, hơn tất cả tình yêu của Bình An và mọi người cộng lại. Xin cảm ơn cậu. Bình An cũng rất yêu cậu mà..."

Hết.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: HẦM HÌNH	5
CHƯƠNG II: NÚI CHỨA CHAN.....	35
CHƯƠNG III: SÀI GÒN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	95
CHƯƠNG IV: LA CROIX ROUSSE – SCANDOLA – CÔN ĐẢO.....	172
CHƯƠNG V: KẾT	259

CHUYỆN CHUA KỂ Ở NÚI CHỨA CHAN

Trần Thu Hằng

Mã ISBN: 978-604-52-1849-5

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PHÓ GIÁM ĐỐC - BÙI THỊ LÂM NGỌC

Biên tập: Đào Thị Thu Thanh
Biên tập kỹ thuật: Nguyễn Thị Hồng Tươi
Trình bày: Minh Huyền
Sửa bản in: Thu Thanh
Bìa: Minh Huyền

(Sách đặt hàng)

In: 1.000 bản. Khổ: 14 x 20 cm. In tại: Công ty Thiên Ngôn – 134/8 Hoàng Hoa Thám, P.12, Q. Tân Bình, TP. HCM.

Số ĐKKHXB: 2387 - 2014/ CXB/ 21 – 58/ DoN, Cục xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày: 12/11/2014. Quyết định xuất bản số: 22A/QĐ- DoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày: 16/12/2014.

In xong và nộp lưu chiểu: quý 1/2015.

Nhà xuất bản Đồng Nai,
1953J (Số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai
Ban Biên tập: (0613) 825292 – P Kinh doanh: 946521 – P Kế toán: 946520
Fax: (0613) 946530 – Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

Chuyện chưa kể ở núi Chúa Chan



0000414713



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

- * Địa chỉ: 1953J (210 cũ) Đường Nguyễn Ái Quốc
P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- * Điện thoại: (0613) 946519; 946521; 825292; 946520
- * Fax: (0613) 946530
- * Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

